

Mục Lục

```
Phần 1 Mở đầu câu chuyện Trước cửa ngõ lịch sử
    Tháng năm và đất nước
    Đẻ đất đẻ nước
    Quả bầu tiên(1)
    Pú Lương quân
    Từ truyền thuyết đến lịch sử
    Những người nguyên thuỷ ở núi Đọ
    ... Trong hang động Hoà Bình
    ... Ở rừng núi Bắc Sơn
Phần 2 Văn Lang - Âu Lạc thời dựng nước
    Mẹ Âu và bố Lạc
    Vua Hùng dựng nước
    Xã hội Văn Lang
    Chín Chúa tranh Vua
    Đắp thành Cổ Loa
    Đánh rã năm mươi van quân Tần
    Lý Ông Trọng
    Ông Nồi
    Ông Nỏ hay tướng quân Cao Lỗ
    Người con gái nhẹ dạ
Phần 3 Một ngàn năm tranh đấu giành quyền độc lập
    Phất cờ nương tử
    Lê Chân Một gương liệt nữ
    Thánh Thiên Nữ tướng tiên phong
    Nữ tướng Thiều Hoa
    Đối đáp giỏi
    Câu chuyện trống đồng và cột đồng
    Triệu Thị Trinh
```

Lý Nam để khai sáng nước Vạn Xuân

Lão tướng Phạm Tu

Triệu Việt Vương

Vua Đen

Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng

Câu chuyện thần dân tộc và tên phù thuỷ địch

Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng

Nữ thanh niên thế ki 10

Phần 4 Buổi đầu độc lập

Loạn mười hai sứ quân

Cờ lau dẹp loạn

Lê Hoàn cầm quân đánh thắng giặc Tống xâm lược

Tiếp sứ Tống

Người lái đò hay chữ

TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGUYỄN TRẦN ĐẢN NGUYỄN TỪ CHI - NGUYỄN CAO LUỸ

NGHÌN XƯA VĂN HIÊN Tập1

(In lần thứ 5)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Bìa và minh họa: Vũ Xuân Đông

Trình bày bìa: Phạm Quố c Cường



Phần 1 Mở đầu câu chuyện Trước cửa ngõ lịch sử

Tháng năm và đất nước



Ra đời trong trời đấ t, số ng giữa muôn vật, con người phải tìm hiểu đấ t trời, muôn vật. Không tìm hiểu thì không số ng nổi. Hiểu được loài vật và cây cỏ, con người mới biế t chố ng lại thú dữ, săn mô ì lấ y thịt, tránh hái quả độc, tìm trẩy trái lành. Hiểu núi sông, đấ t đá, con người mới biế t trèo núi, lội sông, đi tìm miế ng ăn, biế t ghè đẽo đá làm đô dùng và vũ khí thô sơ, để đào được củ nhiệ u hơn, săn được thú nhiệ u hơn. Như vậy, từ buổi đã u, con người đã học tập. Học cho biế t để làm. Giải thích để cải tạo. Vừa làm vừa học.

Làm để n đâu, học để n đấ y. Học tập bă ng mắ t nhìn: *quan sát*. Học tập bă ng tay làm: *lao động*.

Khi trời đấ t được chiế u sáng thì con người mới nhìn thấ y muôn vật, mới có thể đi lại kiế m miế ng ăn. Khi ánh sáng tắ t, không kiế m ăn được, con người nghỉ ngơi, ngủ một giấ c lấ y lại sức, chờ lúc trời đấ t lại sáng. Như vậy, ngay từ đấ u, con người đã phân biệt ngày sáng và đêm tố i. Ngày đêm cứ thay phiên nhau; ngày là lúc con người làm việc, đêm là lúc người nghỉ ngơi. Ban ngày nhìn lên trời, con người loá mắ t vì ánh sáng mặt trời. Ban đêm, mặt trời không còn nữa, nhưng nhiê u đêm trên bâ u trời lại hiện ra mặt trăng và các vì sao. Trong trí óc của họ, con người thuở ấ y đã gắ n mặt trời với ngày, trăng sao với đêm.

Mặt trời không đứng một chỗ. Nó hiện ra, từ từ vượt qua bâ `u trời, rô `i biế ´n mấ ´t. Trời vừa hửng, con người đã tỉnh giấ ´c. Đấ ´t đã rạng, nhưng còn mát mẻ. Mặt trời càng vượt qua bâ `u trời, trời đấ ´t càng sáng tỏ, nhưng càng nóng lên. Kịp đế ´n khi mặt trời ở đỉnh đâ `u thì nóng nhấ ´t. Mặt trời vẫn tiế ´p tục chuyển chỗ, càng chuyển trời đấ ´t càng bớt nóng, cho đế ´n khi mặt trời vượt hế ´t bâ `u trời để rô `i mấ ´t tích sau rặng non xanh. Căn cứ vào vị trí từng lúc của mặt trời, con người phân biệt các buổi: buổi sáng, buổi trưa, buổi chiế `u. Từng hoạt động của con người... có lúc thật ngắ ´n ngủi: nói một câu bắ ´n một mũi tên, lấ ´y một tổ ong, chặt một cành cây... Để ghi nhớ những hoạt động ngắ ´n ngủi â ´y, con người quy mỗi việc đã làm vào một buổi, một lúc nào đó: Cô gái ra suố ´i lấ ´y nước khi mặt trời vừa mọc, ông lão ăn vào buổi trưa, chàng trai bắ ´n chế ´t con sóc này đúng vào lúc mặt trời chỉ còn cách mặt đấ ´t khoảng hai con sào...

Mặt trời không ngừng chuyển động. Nhưng, dù vào buổi nào, nheo mắ t nhìn lên trời, con người vẫn thấ y mặt trời giữ nguyên hình tròn. Mặt trăng không thế . Có đêm trăng chỉ nửa vành, đã vậy lại rấ t mỏng, như viê `n móng tay con người. Thế ´ rô `i, cứ qua từng đêm,

từng đêm một, trăng lớn lên, dày ra, to dâ n, cho đế n khi trở thành một mặt tròn vành vạnh, toả ánh dịu mát, sáng tỏ gâ n như ngày. Rô i, mỗi đêm mặt trăng mỗi khuyế t đi, lẹm dâ n, lẹm dâ n cho để n khi chỉ còn là một vành mỏng như viê n móng tay. Tiế p theo là đêm không trăng: mặt trăng biế n đâu mấ t, trời đấ t tố i như bưng. Cứ thể "ông trăng khuyế t", "ông trăng lại tròn". Mỗi kì từ lâ n khuyế t này để n lâ n khuyế t kia, là *một tuâ n trăng* là 29 đêm ngày, là một tháng. Hoạt động của con người có lúc dài hơi, diễn ra qua nhiê u đêm ngày.

Trong trường hợp đó, phải căn cứ vào tuâ n trăng: bâ u đoàn chúng tôi từ chân núi ra đi vào buổi trăng non, cứ ngày đi đêm nghỉ, hôm nay để n bờ biển thì trăng vừa tròn...

Nhưng, ngay từ buổi đâ`u, hoạt động của con người không chỉ trôi theo ngày đêm và tuâ`n trăng. Có việc diễn ra qua râ´t nhiê`u tuâ`n trăng, ví như cuộc đời của một con người, từ thuở mới sinh ra, lớn lên, già đi, rô`i chê´t. Chưa có khoa học để tính lịch như ngày nay, con người thuở â´y chỉ biê´t dõi theo những biê´n đổi đê`u kì của muôn vật quanh mình. Có lúc đâ´t trời â´m áp, cây cỏ tô´t tươi, hoa nở đâ`y rừng.



Nhưng rô ì trời đấ t nóng dâ n, hoa không còn, nhưng cây đậu quả, thỉnh thoảng có mưa dông, sông nước tràn bờ. Nă ng dịu đi, cho để n khi trời đấ t mát hẳn, bâ ù trời một màu xam xám. Cứ thể , trời đấ t mát dâ n, mát dâ n, rô ì chuyển sang lạnh ngặ t, mưa phùn rả rích. Chỉ bă ng quan sát cảnh vật, con người dâ n dâ n hiểu được các mùa, cứ qua bố n mùa trôi qua thì hơn 12 tuâ n trăng cũng trôi qua theo. Như thế , con người đã phát hiện ra năm, mỗi năm gô m bố n mùa, hay 12 tuâ n trăng, hơn 12 tháng. (Sau này, để tính cho tròn, có năm 12 tháng, có năm nhuận, thêm một tháng nữa là 13). Từ lúc sinh ra cho để n lúc chế t, con người trải qua nhiề u năm, nhiề u lâ n 12, 13 tuâ n trăng, cứ mỗi năm tính là một tuổi.

Buổi, ngày đêm, tuâ `n trăng, hay tháng, mùa, năm. Buổi ngắ nhơn ngày, ngày ngắ nhơn tuâ `n trăng, tuâ `n trăng ngắ nhơn mùa, mùa ngắ nhơn năm. Cứ thể , ngày lại ngày, năm lại năm, nhiê `u năm nổ i tiế p nhau, con người càng đông lên, tinh khôn hơn, hiểu biế t

thêm muôn vật quanh mình, làm ra nhiệ u đô dùng và công cu mới để càng no â m hơn. Trong trí óc, con người gặ n mỗi hoạt động của mình vào một buổi, một ngày, một tháng, một mùa, một năm nào đấ y. Ngày - đêm - năm - tháng trôi qua, như nước dòng sông chảy xuôi không trở lại. Ngày nay, ta gọi những ngày - đêm - năm - tháng liên tiế p như thế â y là dòng thời gian. Con người gặ n những hoạt động của mình vào dòng thời gian, khác nào người đi đò ghi vào trí nhớ những bế n bờ, làng mạc, chợ búa nổ i tiế p nhau bên dòng sông. Ngày nổ i ngày, năm tiế p năm... dòng thời gian có bao giờ chấ m dứt! Nhưng, chưa có lịch thì làm sao phân biệt năm này với năm kia? Ngay gâ n đây, người Mơ Nông ở Tây Nguyên còn ghi nhớ từng năm theo vị trí phát nương. Mỗi năm, dân làng lại để n một khu rừng hoang để phát nương mới: họ bảo ră ng đế n "ăn" khu rừng â y. Các sự việc xảy ra trong năm, họ đề u gặ n với khu rừng mới khai phá: chú bé này sinh vào thời chúng tôi "ăn" khu rừng này, hai anh chị kia lấ y nhau hô`i chúng tôi "ăn" khu rừng nọ.

Như vậy, người Mơ Nông không chỉ gắ n từng hoạt động của họ vào dòng thời gian, mà còn gắ n với một nơi, một chỗ nhấ t định trên mặt đấ t. Không riêng người Mơ Nông, mà tổ tiên của chúng ta thuở xa lắ c xa lơ cũng không thể làm khác được. Vì mỗi hoạt động của họ đề ù diễn ra trong một khu rừng, hay bên một con sông, dưới chân một dãy núi, trên một vùng đấ t nào đó...Vì mỗi cộng đô ng người đề ù sinh hoạt trong một khoảng trời đấ t nhấ t định, với những quả núi, dòng sông, cánh rừng cụ thể, với một phong cảnh quen thuộc: đó là *không gian* của cộng đô ng người. Con người gắ n bó với không gian của họ, không phải chỉ vì quen mắ t, mà vì khoảng trời đấ t ấ y, những cánh rừng và núi sông ấ y nuôi số ng họ: ở đây, họ thuộc lòng từng đường đi lố i lại, thuộc tính nế t của thú mô ì, thuộc từng chòm cây sẵn chim, thuộc từng khúc sông lắ m cá... Cuộc số ng đi săn, đánh cá, đào củ nhiề ù khi buộc cộng đô ng người rời chỗ ở cũ ra đi, tìm nơi ở mới. Nhưng lòng gắ n bó với mảnh đấ t đã từng nuôi số ng họ qua

nhiê `u đời không vì vậy mà phai nhạt. Dù nhiê `u khi không mong gì quay lại, lòng họ vẫn hướng vê `mảnh đấ t quê hương: hướng vê `bă `ng những câu chuyện thường là huyê `n hoặc mà họ đặt ra để ca tụng nơi chôn rau că t rô ´n của cộng đô `ng người.

Con người, không ngừng tiế n lên, mỗi ngày mỗi hiểu thêm muôn vật, mỗi biế t rõ thêm cỏ cây và câ m thú. Sau một thời gian dài, hàng chục vạn năm, từ đào củ, hái rau, và săn thú, cộng đô ng người dâ n dâ n chuyển sang trô ng trọt và chăn nuôi. Cách kiế m ăn mới càng đòi hỏi hiểu biế t kĩ muôn vật, để să p xế p thời gian làm việc: vãi hạt thóc ra để mong giờ đây có gao ăn, không phải cứ rỗi lúc nào vãi lúc â y, mà phải theo thời tiế t từng lúc. Nghê nông buộc con người phải trông trời, trông đấ t, trông mây, trông mưa trông gió, trông ngày trông đêm, quan sát trời đấ t thực tỉ mỉ, để định ra lịch làm ăn từ đâ u đế n cuố i năm. Hiện nay, những người làm khoa học đang có hi vọng phát hiện ra cách tính lịch thời xưa của các tập thể đã từng sinh số ng trên đấ t nước ta. Nghệ nông còn đòi hỏi phải chố ng lụt hã ng năm, phải dẫn nước kịp thời vào các mảnh đấ t trô ng trọt. Từng nhóm nhỏ không đủ người đủ sức để đặ p đê, đào mương. Các tập thể, vố n số ng lẻ tẻ, phải họp thành những tập thể lớn hơn, đông hơn. Nghê nông không chỉ nuôi con người no đủ hơn trước, mà còn tạo ra lương thực thừa, của cải thừa. Và điệ u đó không thể không gợi lòng tham của các thủ lĩnh những người được tập thể giao cho nhiệm vụ trông nom công việc chung. Trong tập thể, họ dựa vào uy tín sẵn có mà tự cho mình được hưởng nhiệ u quyệ n, nhiệ u lợi, thậm chí còn bă t kẻ khác làm cho mình hưởng. Ho lôi kéo moi người đi đánh nhau với các tập thể khác để cướp lương thực và của cải. Cứ mỗi lâ n đánh thă ng tập thể khác, bă t tập thể thua trận phải phục tùng mình, là mỗi là n khu vực của tập thể thă ng trận được mở rộng: không gian của ho to rông mãi lên, theo đà của những cuộc đánh nhau giữa các tập thể. Và theo đà của các cuộc trao đổi kinh tế và văn hoá.

Xung đột không phải hiệ m, nhưng các tập thể â v vô n ở canh nhau trong một khu vực lớn, nói những thứ tiế ng không xa nhau mâ y, chung nhau một lô i số ng, thường xuyên đi lại với nhau, cùng nhau trao đổi lương thực thừa, nhiệ u là n chung nhau đặ p một con đề dài, đào một mạng lưới mương máng phức tạp... Vì vậy, mỗi khi có những người lạ mặt từ xa kéo để n, định chiế m vùng đấ t mỡ mâ u của họ, là họ quên ngay các hiệ m khích nhỏ, liên kế t nhau lại thành một lực lượng lớn để đương đâ`u với kẻ thù chung. Chẳng thế´ mà từ thời rấ t xưa tổ tiên chúng ta đã truyề n miệng câu chuyện Thánh Gióng đánh giặc Ân. Cứ vậy, qua bao đời không còn ai nhớ nữa, nhiệ u tập thể láng giê ng đã được đúc lại thành một tập thể thố ng nhấ t, lớn hơn trước nhiệ `u, mạnh hơn trước nhiệ `u, dưới quyệ `n của một thủ lĩnh tố i cao. Nước đã ra đời, trên có vua Hùng, dưới có dân Lac. Đế n đây, không gian của họ mở ra rấ t rộng, bao gô m tấ t cả những không gian nhỏ của các tập thể nhỏ trước kia. Không một người dân nào đi hế t được vùng đấ t của nước họ, nhưng họ hiểu ră ng họ phải bảo vệ vùng đấ t ấ y, không để cho người ngoài phạm vào khoảng trời đấ tâ y, nế u họ muố n được cùng vợ con, làng xóm yên lành làm ăn. Bên cạnh tình họ hàng, tình láng giê ng, còn có tình đấ t nước nữa: tình cảm của con người lớn rộng theo không gian của con người.

Đấ t nước rộng dâ n, dân nước đông dâ n, vua không thể đế n từng xóm, gặp từng nhà. Muố n thu thóc, muố n lấ y người đấ p đề và đào mương, muố n tuyển quân đi đánh giặc, vừa phải dựa vào các thủ lĩnh của từng vùng, từng nơi. Vua và các thủ lĩnh họp thành *nhà nước* đâ u tiên. Nă m nhà nước trong tay, vua lấ y một phâ n của cải của dân, bắ t dân phục dịch mình. Nhưng, nă m nhà nước vua mới tổ chức được những công việc có ích chung, mới lấ y được người được của để bảo vệ đấ t nước. Vua và các thủ lĩnh, cùng những người giúp việc họ, không tự mình cày cấ y, không ra tay chăn nuôi. Họ làm một thứ công việc mới lạ và phức tạp: quản dân, tổ chức dân. Nhà nước phải ghi nhớ nhiề u việc, ghi nhớ để rút kinh nghiệm, để truyề n cho dân biế t

mà làm, ghi số thóc thu được và chi ra, ghi số làng mạc phải quản... Chẳng những thê, còn phải ghi những thành tích to lớn của dân nước, dù là đấ p đê hay khai phá đô ng lâ y, và nhấ t là ghi lại những lâ n đánh đuổi kẻ thù, ghi để làm nức lòng dân, để con cháu đời đời không quên giữ gìn đấ t nước. Thoat tiên, ghi bă ng trí nhớ và truyê n đâ u cửa miệng. Qua nhiê u miệng, nhiê u đời, sự việc vố n có thực lại đèo thêm nhiê `u chi tiê ´t huyê `n hoặc; đó vẫn là truyê `n thuyê ´t. Khi đã có chữ thì ghi thành sách. Với chữ việ t, sự việc được ghi lại, tuy lặ m khi cũng bị vua và các thủ lĩnh bóp méo, nhưng vẫn gâ n với sự thực ban đâ`u hơn: lịch sử viê´t ra đời. Khoa học ngày nay chưa tìm ra được chữ viế t của tổ tiên ta thời xa xôi â y. Chỉ biế t ră ng, khi đã tiế p xúc với văn minh Trung Quố c, ông cha chúng ta đã học và dùng chữ viế t của nước láng giê ng â y. Rô i vê sau, dân ta mới dựa vào chữ Hán mà làm ra chữ Nôm. Nhưng, dù ghi bă ng trí nhớ hay bă ng chữ viê t, mỗi việc ghi lại đề u được quy vào một thời, một buổi, trên dòng thời gian. Nghê nông ngày càng phức tạp, công việc của nhà nước cũng vậy, phải có lịch đúng hơn trước, tỉ mỉ hơn trước. Cùng với chữ viế t, cha ông ta cũng đã học và dùng lịch của Trung Quố c, mà chúng ta quen gọi là Âm lịch. (Đế n nay, dân ta vẫn ăn Tế t vào ngày mở đâ u năm Âm lịch). Trừ ngày Tế t ra, trong mọi công việc khác, làm ăn, học hành, hội họp, đánh giặc... nước ta đã quen dùng Dương lịch. Dương lịch là lô i tính năm tháng của người châu Âu, truyê n qua nước ta chưa lâu lă m. Dương lịch đúng hơn, tiện dùng hơn so với Âm lịch. Dương lịch chia một năm ra 12 tháng: từ nay, tháng không khóp với tuầ n trăng nữa. Mỗi tháng là 31, 30, hoặc 28 ngày đêm, tổng cộng cả năm là 365 ngày đêm (năm nhuận thì có 366 ngày đêm). Thực ra, Âm lịch của Trung Quố c cũng đã chia năm thành 12 tháng, nhưng tháng âm lịch chỉ có 30 hoặc 29 ngày - đêm, tổng cộng cả năm chỉ 360 ngày - đêm, không khớp với vòng quay của quả đấ t quanh mặt trời (vì vậy, cứ vài năm phải thêm một tháng nhuận). Nhưng, tuổi tác của một nước thường là hàng nghìn năm. Để tiện tính, phải cấ t dòng thời gian

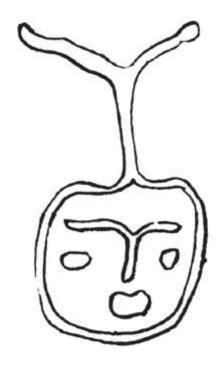
thành những khoảng khá dài; vẫn theo dương lịch, cứ 100 năm là một *thế kỉ*, cứ 1.000 năm là một *thiên niên kỉ*.

Để phân biệt năm này với năm kia, người ta lại gán cho mỗi năm một con số thứ tự, nói một cách khác là phải để m từng năm một, từ năm thứ nhấ t cho để n vô cùng. Nhưng, ai mà biế t được năm nào là năm thứ nhấ t! Thời gian là một dòng không dứt, không biế t bắ t nguô n từ đâu và trôi để n đâu. Đành phải chọn bấ t cứ một năm nào đó, thố ng nhấ t với nhau lấ y năm ấ y làm chuẩn, xem đấ y là năm đâ u tiên. Căn cứ vào truyê n thuyế t của dân tộc Do Thái, dương lịch đã chon một năm cách đây 1.974 năm làm chuẩn, làm năm thứ nhất, năm 1, năm mở đâ u cho Công lịch kỉ nguyên, gọi tấ t là công nguyên. Hiện nay, chúng ta đang số ng trong năm 2002 của công nguyên, tức là ở đâ u thiên niên kỉ thứ 3 của công nguyên. Điê u đó hoàn toàn không có nghĩa ră ng, trước năm 1, trước công nguyên, chưa có loài người, chưa có lịch sử. Khoa học cho biế t ră ng con người đã có mặt trên quả đấ t này từ hàng triệu năm trước công nguyên rô i. Trên đấ t nước ta cũng đã có người ở từ hàng chục vạn năm trước công nguyên. Trong trường hợp đó, muố n tính thời gian theo dương lịch, ta phải để m ngược trở về trước: năm 1 trước công nguyên, năm 2, năm 3, năm 50 trước công nguyên... thế kỉ 1 trước công nguyên, thế kỉ 2, thế kỉ 3, thế kỉ 50 trước công nguyên..., thiên niên kỉ 1, 2, 3 trước công nguyên...

Từ khi dựng nước cho để n nay, dân ta đã trải qua mấ y nghìn năm lịch sử. Biế t bao lao động câ n cù, biế t bao vui buô n, biế t bao lâ n đấ t nước bị người ngoài chiế m đóng, nhưng cũng biế t bao lâ n người Việt Nam đã nổi dậy đánh quân xâm lược... Không một cuố n sách nào có thể ghi chép từng việc to nhỏ của từng con người, từng làng xóm, từng năm tháng nổ i tiế p nhau. Mà cũng không câ n phải làm như thế . Vì lịch sử của một nước, một dân tộc không chỉ là những sự việc sắ p xế p lại theo thứ tự xảy ra trong thời gian. Tìm biế t lịch sử là tìm biế t con đường tiế n lên của nước mình, của dân

mình. Biế t để cảm ơn ông cha đã để lai đấ t nước cho chúng ta, biế t để càng ra sức giữ lấ y nước, để làm việc cho đấ t nước ngày càng giàu đẹp. Lịch sử trải ra trên dòng thời gian. Thời gian được cặ t đệ u thành từng tháng, từng năm, từng thế kỉ. Nhưng, trên dòng thời gian â y, lịch sử không diễn ra đê u đặn, bình thường, triê n miên như vậy. Dựng nước một thời gian, dân ta bị bọn vua quan phong kiế n phương Bă c đế n thố ng trị hơn một nghìn năm. Về sau, cách đây chưa phải lâu lă m, thực dân Pháp lại chiế m nước ta trong tám mươi năm liê n. Một nghìn năm và tám mươi năm â y là những khoảng thời gian kéo rấ t dài, nế u tính theo năm tháng. Nhưng đó cũng là những khoảng thời gian mà đấ t nước ta và nhân dân ta bị kìm hãm lại, một năm không bă ng một ngày, một thế kỉ không bă ng một năm của thời nay. Tháng 8 năm 1945, dân ta vùng dậy làm cách mạng, dưới ngọn cò của Đảng và Bác Hô, chỉ trong mươi ngày rũ sạch bóng tố i của những năm tháng dài dă ng dặc trước kia. Từ đó, đấ t nước ta tiế n một ngày bă ng một năm, một năm bă ng hàng chục năm thời trước. Tìm biế t lịch sử, chính là tìm biế t những bước tiế n lên, khi nhanh khi châm trong thời gian, của đấ t nước ta, của dân tộc ta, nhân dân ta: thời dựng nước, thời bị nước ngoài đô hộ, thời độc lập, thời Pháp thuộc, thời Cách mạng...Tìm biế t lịch sử, cũng là tìm biế t ông cha ta đã gian khổ suy nghĩ, hi sinh như thế nào để gạt hế t mọi kìm hãm trên bước đường tiế n lên của đấ t nước. Tìm biế t để kế tục xứng đáng ông cha ta, năng động, sáng tạo, dũng cảm, vượt mọi khó khăn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quố c Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đưa đấ t nước tiế n nhanh hơn trên dòng năm tháng.

Đẻ đất đẻ nước



huở ấ y, vũ trụ chưa thành hình, trời đấ t còn liê n một khố i. Chưa có núi sông, sắ t đá, cây cỏ, thú vật, chim muông. Chưa có con người. Thế rô i, sấ m động, mưa trút xuố ng ào ào, gió giật từng hô i. Mưa chín ngày đêm liê n, hạt bă ng quả vả, hạt bă ng quả sung. Nước tuôn xuôi thành xoáy, thành xoáy... làm trời tách khỏi đấ t, đấ t tách khỏi nước. Mưa xói vào đấ t, tạc nên núi nên sông, nên hang nên bãi, tạo ra quặng đô ng quặng sắ t trong lòng đấ t. Mặt trời chiế u xuố ng, sinh ra cây leo, sinh ra các loài vật nhỏ. Một người già, bà Nhâ n, sắ p xế p thời gian lại: từ đó mới có năm có tháng, có ngày sáng và đêm tố i.

Vũ trụ đã nhóm lên. Nhưng đấ t trời chưa vững chãi, vì còn phải có dây bâ u để buộc đấ t buộc nước. Một con chim từ trên cao thả xuố ng một quả si. Sấ m nổ, gió cuố n, làm nổi lên một khoảng đấ t cứng chỉ bă ng miệng bát. Từ đấ t cứng, cây si mọc lên. Si lớn rấ t

nhanh, ngày một ngày hai đã trở thành cây cao, thân xoè ra bố n mươi cành. Cành cây quay tròn, càng quay càng mở rộng thêm vùng đấ t cứng, phân đấ t thành xóm, thành mường.

Cành càng quay, cây càng cao, chẳng bao lâu tán đã che kín cả một phương trời, bóng râm toả xuố ng một phâ n đấ t. Ngô i dưới gố c si, thiế u ánh nă ng, mụ Lă p Nhă p Lẻ Nhẻ bực mình. Vố n xấ u tính, mụ kêu đấ t gọi trời, ước sao cho cây đổ. Trời bèn mưa, nước thố i và sâu xuố ng. Nước thố i ngấ m vào thân cây, sâu khoét ruỗng lõi cây. Một trận gió nổi lên. Lá cây rụng tơi tả, thành chim. Gố c si trố c rễ, thành cá. Cây si đổ. Từ lòng cây bay ra đôi chim to: Chim Ân Cái Ứa.

Chưa có nơi ăn chố n ở, đôi chim khóc lóc thảm thiế t. Bà Râm Bà Rủ, một người già tố t bụng, mách chúng lên cành đa mà ở. Lâu ngày, chim mái có mang. Bà day cho cách làm tổ. Chim mái đẻ ra nhiệ u trứng. Trứng rơi xuố ng đấ t, bị rùa ăn sạch. Nghe lời bà, đôi chim mỗ vào sườn núi đá, khoét nên hang Hao làm nơi ở mới. Chim mái lại đẻ ra nhiê u trứng, trứng đủ hình đủ dạng, có quả dài, có quả tròn, quả có vă n, quả màu đỏ... Cuố i cùng, chim mái lai sinh ra trứng vuông góc, Bà Rậm Bà Rủ còn dạy cho Chim Ân Cái Úa â p trứng. Trứng nở, quả bâ u dục thành con giải, quả dài thành con ră n, quả vă n thành con rê t, quả đen thành con quạ, quả đỏ thành con hươu, con nai..., chỉ còn trứng vuông mãi không chịu nở. Đúng chín tháng mười ngày, quả trứng nứt ra sau một tiế ng nổ. Từ đô ng vỏ là n lượt đứng lên ba con người, thoạt tiên là ông Cài, tiế p để n là ông Câ n, sau nữa là nàng Kịt. Sau ba anh em còn có bao nhiêu người khác. Đám đông nhố n nháo kéo ra khỏi hang, người nói tiế ng Mường, kẻ nói tiế ng Kinh, tiế ng Thái...

Loài người đã ra đời. Nhưng họ số ng còn hỗn tạp, lúc nhúc dưới gố c cây to trên cỏ rậm, suố t ngày chỉ những tranh nhau miế ng ăn. Câ n phải có người đứng lên câ m quyê n, thu xế p cho ổn cuộc số ng, cho yên mường xóm. Họ bèn đế n hang Hao, mời ông Cài ra trị

vì thiên hạ. Thấ y ông ngâ `n ngại, họ hứa sẽ lấ y dây rừng tế t thành khố , thành áo cho ông mặc, đào củ rừng để ông ăn. Ông nhận lời. Nhưng, vừa bước ra khỏi hang, ông đã bị Ma Khi Ma Cớt đánh chế t. Mọi người quay lại hang Hao mời ông Câ `n, hứa sẽ có lúa, có kê làm thức ăn, có chài đánh cá, có áo lụa cho ông mặc, có cỏ Bách cỏ Tràn để đánh Ma Khi Ma Cớt. Nhờ hai loại cỏ thiêng, ông ra khỏi hang mà không bị ma làm hại.

Ông Câ`n đã ra quản dân. Nhưng, buổi đâ`u, cuộc số ng còn khó khăn, con người vẫn nấ p dưới bóng cây to trên gò rậm, vẫn phải ăn con cá tanh, con ố c hôi. Ông Câ`n bèn nhờ bác Ruô`i Trâu lên trời xin lửa của ông Cậm Cọt. Biế t ý Cậm Cọt không muố n trao lại bí mật làm ra lửa, Ruô`i Trâu phải dùng mưu: bác vui lòng chịu giam mình dưới chín tâ`ng sọt, trong khi Cậm Cọt chặt hai thanh dang cọ vào nhau, bật thành lửa. Trao lửa cho Ruô`i Trâu, Cậm Cọt còn cố ý xế p một gói nước lên trên gói lửa. Trên đường vê`, gặp lố i đi mấ p mô, Ruô`i Trâu vấ p ngã. Nước đổ ra, lửa tắ t ngấ m. Nhưng qua chín tâ`ng sọt, Ruô`i Trâu đã nhìn thấ y cách làm lửa của Cậm Cọt. Từ đó, con người có lửa, không còn phải ăn cá tanh, ăn ố c hôi. Ông Câ`n cùng mọi người thử phát nương trên đô`i, ngoài bãi để trô`ng trọt, học nuôi tǎ`m, ươm tơ, tập đặt bấy trên nương để bắ t con nhím, con câ`y.

Một hôm, nhân đi thăm bẫy, ông bắ t được bác Rùa Rậm Rùa Rộc. Bị trói chặt, Rùa van lạy xin tha, hứa sẽ dạy cách làm đụn xây nhà. Được cởi trói, Rùa Rậm Rùa Rộc lập cập đứng dậy: bố n chân rùa là bố n cột chính, mai rùa là mái nhà, xương số ng là đòn nóc, xương sườn là rui, mô m và đít là hai cửa ra vào ở đâ u chái. Nhưng bác Rùa trí trá vẫn cố giữ bí mật:



theo lời bác, phải chặt lau làm cột, lấ y lách làm đòn tay, hái cỏ may làm lạt buộc. Nhà được dựng lên, nhưng ông Câ n vừa cùng nàng Kịt đặt chân lên sàn, nhà đã sụp đổ. Tức giận, ông mở cuộc săn, bấ t được bác Rùa lâ n nữa. Lâ n này thì con vật phải nhả hế t bí mật: phải chặt cây to làm cột, làm xà, chẻ dang, chẻ nứa làm lạt buộc.

Ông Câ`n đã có nhà ở, có lửa nấ´u ăn, có áo lụa mặc, đã biế´t phát nương trô`ng lúa, biế´t đặt bẫy bắ´t mô`i. Nàng Kịt - vợ ông Câ`n sinh cả thảy chín trai, chín gái. Các con chia nhau đi chiế´m đấ´t nhiê`u nơi. Riêng con trai út, Dịt Dàng, thì vê` chiế´m đấ´t miê`n xuôi, làm vua ở Kẻ Chợ.

Gọi là vua, nhưng Dịt Dàng chưa đi ủng đi hài, chưa ở trong cung điện thênh thang, chưa có nhiê `u kho của. Vua lo lă ´ng, đêm nhìn lên trời, thấ ´y bóng cây to chiế ´u từ rấ ´t xa vê ` Kẻ Chợ. Trong giấ ´c ngủ,

vua lại được người nhà trời mách ră `ng có cây Chu Đô `ng Chu Sắ t mọc ở Mường Ai Mường Ô ´ng, trên đô `i Lai Ly Lai Láng. Người nhà trời còn khuyên vua cho hạ cây vê `xây cung điện, kho tàng. Sáng hôm sau, ra bê ´n sông gội đâ `u, vua lại gặp chim bói cá că ´p lá Chu bă `ng đô `ng, hoa Chu bă `ng thiê ´c.

Vê nhà, vua ra lệnh thui trâu làm thịt, đánh trố ng mời dân khắ p lũng làng trên làng dưới. Tiệc xong, vua đem giấ c mộng đêm qua kể lại, hỏi ai là người có thể đi tìm Chu Đô ng, đi viế ng Chu Sắ t. Có người tâu vua rã ng ông Đèn ông Đẹc là tay bắ n giỏi, thông thuộc núi rừng, có thể vì vua gánh vác việc tìm Chu. Được vua hỏi đế n, người thiện xạ sẵn sàng ra đi, chỉ e một nỗi vợ con ở nhà không ai nuôi nấ ng. Dịt Dàng an ủi ông Đèn ông Đẹc, hứa sẽ cấ p ruộng cấ p nương, sẽ nuôi vợ dưỡng con cho người đi xa. Sửa soạn ra đi, ông đóng nỏ thực đẹp, vớt tên thực cứng, thử đi thử lại kì cho bắ n vỡ quả giâu gia, bắ n trúng cánh chuô n chuô n. Rô i vai vác nỏ, tay đánh chiêng con, ông Đèn ông Đẹc lên đường.

Từ Kẻ Chợ, ông hướng về miề n cao mà đi, qua nhiề u xóm nhiề u mường, đế n đâu hỏi thăm đường đấ y. Ông đi đã lâu ngày, mãi đế n một đêm tố i trời, bấ t thấ n gặp bác Đười Ươi, con người rừng có sức khoẻ phi thường. Cuộc gặp gỡ mở đâ u bă ng một trận vật lộn khủng khiế p. Nhưng cả hai vố n là những con người số ng với núi rừng, nên họ giảng hoà với nhau dễ dàng, góp com cùng ăn, cùng nhau trò chuyện. Được bác Đười Ươi chỉ đường, ông Đèn ông Đẹc theo vế t muông thú để n tận đô i Lai Ly Lai Láng, ở trên đấ t Mường Ai Mường Ô ng. Lâ n đâ u tiên đố i mặt với Chu Đô ng Chu Sắ t, người đi săn khủng khiế p. Cây gì mà cao vòi vọi, một màu đỏ choé, lại loé chớp xanh chớp vàng, gố c to hơn ngôi nhà vua ở, thân cuộn bao nhiều là mây, là song. Cây gì mà một con gió thoảng cũng làm cành lá động lên như sấ m, cây gì mà biế t cười, biế t nói. Chu lên tiế ng vừa hứa hẹn vừa doạ dẫm: nế u người thiện xạ dẫn đường cho vua Địt Dàng đế n đây thì sẽ bị cây thầ n giế t chế t, nhược bă ng giữ được bí

mật thì cây thâ`n sẽ cho hoa thau quả thiế c về làm của nuôi vợ nuôi con.

Nhận lời với Chu Đô ng Chu Să t, ông Đèn ông Đẹc mang hoa thau quả thiế c ra về . Đế n Kẻ Chọ, ông giấ u bặt chuyện tìm ra cây thâ n, chò để n nửa đêm, không còn người lạ trong nhà, mới dám đem hoa đem quả của cây thâ n ra khoe với vợ con. Mu Lặ p Nhặ p Lẻ Nhẻ ở canh nhà người đi săn. Nửa đêm, con mụ khóc, mụ dây xi con đái, bấ t đô `nghe tiế 'ng ông Đèn ông Đẹc đang thì thào to nhỏ. Hôm sau, mụ vội đi báo với nhà vua. Dịt Dàng giận dữ, định bắ t ông Đèn ông Đec trị tội. Nhưng rô i, nghe lời tay chân vua ra lệnh thui trâu làm cỗ, mời khấ p xóm trên mường dưới để năn. Trong bữa tiệc, nhà vua hê t sức chiê u chuộng kẻ đi xa vê để lâ y lòng, rô i khôn khéo dùng người nói khích, khiế n, cuố i cùng, người thiện xạ đem hoa thau quả thiế c ra khoe. Được thấ y tận mặ t hoa quả của cây thấ n, Dit Dàng mùng rõ, ha lênh rèn rìu, rèn dao, să m sửa lương thực, rô i nổi trố ng cho dân khả p xóm khả p mường kéo để n. Đoàn người ngưa trẩy đông như kiế n, hướng về Mường Ai Mường Ô ng, có ông Đèn ông Đec dẫn đường.

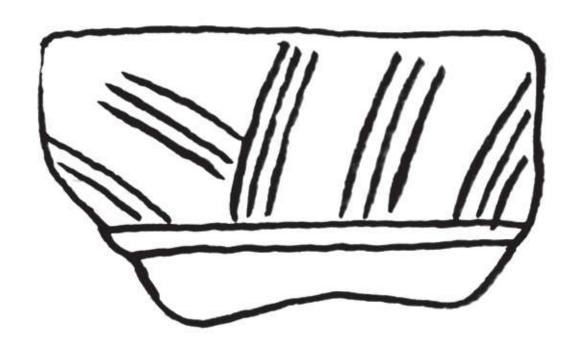
Quân của vua Dịt Dàng hạ trại ngay bên đô ì Lai Ly Lai Láng, nơi có cây Chu Đô ìng Chu Sắ t. Nghỉ một đêm, tờ mờ hôm sau, vua chọn những tay rìu khoẻ nhấ t, bắ t đã `u hạ Chu. Chặt suố t một ngày, tố i để ´n, thân Chu đã thắ 't nhỏ lại. Nhưng qua sáng hôm sau, chỗ chặt đã liê `n như cũ. Biế t cây có phép lạ, vua sai ông mo sắ m lễ cúng thâ `n đấ 't, thâ `n nước, thâ `n núi. Nhưng vô ích. Bỗng Chu Đô `ng Chu Sắ 't cấ 't tiế ´ng bảo Dịt Dàng: muố ´n hạ được Chu, người chặt phải là kẻ đã dẫn đường chỉ lố i cho vua. Dịt Dàng gọi ông Đèn ông Đẹc đế ´n chặt Chu, lại giao cho ông một con ngựa hay để kịp thoát thân khi cây đổ. Ông chém một nhát, Chu rung rinh. Ông chém nhát thứ hai, Chu nghiêng ngả. Vừa chém nhát thứ ba, ông vội nhảy lên ngựa phi nhanh, phi nhanh... Nhưng một lá Chu vươn theo chân ngựa, lôi người thiện

xạ lại, để cho thân cây kịp đè lên ông khi Chu vừa đổ xuố ng. Ông chế t.

Chôn ông xong, mọi người tuân lệnh nhà vua vác rìu phạt bớt cành lá rườm rà, để kéo Chu ra khỏi rừng. Nhưng rìu chặt không đứt. Ông mo bói cũng vô hiệu. Có người già giàu kinh nghiệm tâu vua: phải tán xương ông Đèn ông Đẹc ra thành bột, rắ c lên lưỡi rìu, thì rìu chặt mới đứt. Dịt Dàng ra lệnh đào mả, lấ y xương người thiện xạ làm đúng như lời tâu, và rìu sắ c đã phạt nổi cành Chu. Đế n khi bắ t tay vào kéo Chu, Chu không rời một tấ c. Một lâ n nữa, lại phải lấ y xương ông Đèn ông Đẹc làm đòn kê, rắ c bột xương của ông ra lố i đi, Chu mới chịu dời chỗ. Dọc đường về Kẻ Chợ, qua một bế n sông, Chu lại chìm xuố ng tận đáy, sắ p hoá thành con cá con rô ng. Vua Dịt Dàng phải cầ u xin bác Rái Cá lặn hộ xuố ng buộc dây vào mũi Chu, mới lôi được Chu lên. Và cuố i cùng, quân của nhà vua đã được cây Chu Đô ng Chu Sắ t về để n Kẻ Chợ, để cho Dịt Dàng xây dựng lâu đài cung điện.

Xây dựng xong, nhà vua cho mổ trâu mổ bò, trước làm lễ cúng, sau để khao dân.

Quả bầu tiên (I)



on Ong, tức ông Trời, làm ra trời đấ t. Bấ y giờ trời đấ t gấ n nhau, lên xuố ng dễ dàng. Đấ t bặ ng phẳng, chưa có núi, chưa có sông, chưa có suố i. Ông Trời sai hai con trai - anh là Ai Húi, em là Ai Hễnh - xuố ng mặt đấ t tạo nên cây cỏ và loài vật. Họ làm ra cây chuố i chỉ có một lá, họ làm ra cây tre rỗng không có đố t. Bấ y giờ cá ở trên cành lá, con chuột con sóc thì ở dưới nước. Con dơi có lửa, nhưng không có cánh. Trời đấ t gấ n nhau, nên cây cố i thấ p lè tè.

Xong việc, hai anh em về trời, bảo bố làm ra con người. Ông Trời tạo nên con người có cánh, biế t bay. Ông thả người xuố ng đấ t. Bấ y giờ con người chưa có lửa, phải sưởi nă ng. Thấ y dơi có lửa mà không

có cánh, người đổi cánh cho dơi, lấ y lửa. Từ đó, dơi có cánh, người có lửa. Bấ y giờ, cũng chưa có nước, ai khát phải chặt cây Pơ Lang Gio, một loại dây leo to, thân đứt rỉ ra nước, uố ng được. Nhưng không đủ nước để tấ m rửa. Bấ y giờ, rắ n già thì chế t hẳn, người già cũng chế t, nhưng lại trở về . Số ng mãi, mà không tắ m rửa, con người hôi hám. Đã thế , giã gạo cũng khó: trời đấ t gâ n nhau, người giã phải ngô ì. Khổ quá, con người van xin ông Trời.

Một hôm, bà cụ Choong Giô Chươi Lụa vừa ngô i giã gạo, vừa trách ông Trời. Sẵn chày giã trong tay, bà chọc thẳng lên trời, Trời rút lên cao. Bà cụ vội chố ng chày lên, không cho Trời tụt xuố ng. Hiện nay, chày chố ng trời có về t tích ở vùng Gium Bai (xã Nậm Ban, huyện Sìn Hô ì, tỉnh Lai Châu): đó là tảng Gi Rang Pơ Ling, tức đá chố ng trời, cao trên năm mét. Nhưng con người vẫn hôi hám, vì vẫn thiế u nước. Một bà chế t. Người chố ìng đưa bà câ ìm một đoạn gỗ. Bà ra đi, nhưng, khi gỗ đã mục, bà lại trở về ì. Không chịu được mùi hôi, chố ìng bà hỏi Ai Hễnh: "Sao người chế t không đi thẳng, trở về ì nhà làm gì, hôi lắ m". Ai Hễnh bảo: "Người chế t ra đi, nhớ đưa họ câ ìm tay một hòn đá. Hòn đá không mục, người chế t không trở lại. Người chế t ra đi, nhớ dặn họ câu này: "Hòn đá không mục, người chế t người đi, rấ n chế t rấ n về ì". Từ đó, người chế t không trở lại, còn rấ n cứ lột da số ng mãi. Vì thế , ngày nay, khi chôn người chế t, người Mãng cấ m hai hòn đá, một ở chân mộ, một ở đâ ù mộ.

Trời vẫn không mưa. Không đủ nước, con người kêu xin ông Trời. Ai Húi, Ai Hễnh bèn bảo bố làm mưa. Ban đâ `u, ông Trời câ `m que vẩy nước xuố 'ng trâ `n gian được mưa. Vê `sau, ông dùng quả bâ `u múc nước giội xuố 'ng ba lâ `n. Trâ `n gian lụt to: nước ba lâ `n đổ xuố 'ng, trận lụt kéo dài ba năm. Con người làm mảng làm bè. Nhưng, bị chuột sóc că 'n, bè mảng chìm nghỉm. Người và loài vật chạy lên đỉnh núi Bôn Thu Lõn (nay vẫn còn trên đấ 't Gium Bai). Không có gì ăn, người ăn người, thú ăn thú, cuố 'i cùng người và thú ăn lẫn nhau. Chúng ăn cả đấ 't, khiế 'n cho đỉnh Bôn Thu Lõn ngày nay lõm xuố 'ng

như yên ngựa. Nước vẫn dâng. Người, loài vật, cây cỏ đề ù chế t tiệt. Chỉ còn tro lại hai anh em, một trai một gái: họ thoát chế t vì bè của họ ghép bă ng cây Pơ Lang Tang, một thứ gỗ cứng. Đế n đây, Ai Hễnh dùng sức đánh vào một nơi gọi là Gium Ó Lùng, biế n nơi đó thành một hang sâu vô tận. Nước tuôn vào hang, chiế c bè của hai anh em hạ dâ n theo mực nước. Trước kia, mặt đấ t bă ng phẳng, không núi, không sông, không suố i. Nước rút, xố i vào đấ t, làm ra núi, ra sông, ra suố i. Sau ba năm lụt, mặt đấ t vẫn còn lâ y lội trong ba tháng liệ n.

Cả loài người, nay chỉ còn hai anh em. Họ không thể lấ y nhau. Mà không lấ y vợ lấ y chô `ng thì loài người sẽ không còn. Người anh bàn bạc với em gái. Họ quyế t định ra đi, mỗi người một ngả, để tìm vợ tìm chô `ng. Trước khi lên đường, sẵn ô ´ng có nặ ´p, người anh trao nặ ´p cho em, bản thân anh giữ lấ ´y ô ´ng. Họ đi mãi, đi mãi... Một hôm, họ gặp người. Người con trai đưa ô ´ng ra thử, thì vừa khóp với nặ ´p của người con gái: bấ ´y giờ, anh em mới nhận ra nhau. Họ lại ra đi, ra đi nhiệ `u lâ `n, nhưng lâ `n nào rô `i cuô ´i cùng anh cũng gặp lại em. Thấ ´t vọng, họ ngô `i buô `n. Bỗng có con quạ bay ngang. Quạ hỏi vì sao mà buô `n. Người anh kể lại đâ `u đuôi câu chuyện. Quạ cho biế ´t rặ `ng trên mặt đấ ´t chỉ còn hai anh em nữa thôi, và khuyên họ lấ ´y nhau để cứu vãn lấ ´y loài người. Nghe lời quạ, có hôm người anh ướm lòng em gái. Nhưng em gái khăng khẳng không chịu. Nhân đang đô ´t cỏ sưởi, người anh tuyệt vọng lao vào ngọn lửa bố ´c cao. Thấ ´y anh lao vào lửa, em cũng lao theo. Trên mặt đấ ´t, không còn bóng con người.



Nhìn xuố ng đấ t không thấ y người. Ông Trời bèn thả người mới xuô ng. Ông Trời bỏ người mới vào quả bâ u, dùng xiên să t nóng dùi một lỗ. Quả bâ u xuố ng để n mặt đấ t bị con tê tê ăn sạch: ông Trời bỏ bao nhiều người xuố ng, tê tê ăn bấ y nhiều. Nhìn xuố ng mặt đấ t, ông Trời vẫn không thấ y người, chỉ thấ y tê tê. Biế t ră ng tê tê đã ăn hế t người, ông Trời bèn đô một quả bí đỏ lên, rô i thả quả bí đang nóng bỏng xuố ng. Quen thói, tê tê ngoạm vào, rụng hế t răng. Từ đó, tê tê không có răng, không ăn được người nữa. Ông Trời lại thả người xuố ng mặt đấ t. Cũng như là n trước, người mới được bỏ vào một quả bà u có dùi lỗ. Cẩn thân hơn là n trước, ông Trời thả quả bâ`u xuô´ng theo lòng cây tre Loong Meng, cây tre rỗng không có đô t. Loài người là n lượt chui qua lỗ dùi mà ra khỏi quả bâ u. Người Hà Nhì chui ra trước tiên, dính đâ v nhọ bám ở lỗ dùi nên đen da. Sau đó là người Kho Mú và người Mãng ít đen hơn. Đế n lượt người Mèo, người Dao, người Thái. Cuố i cùng là người Kinh, da trắ ng nhấ t. Trâ n gian có người rô ì, ông Trời mới xế p cho mỗi dân tộc cư trú

một nơi. Người Kinh ra sau, thiế u chỗ, bị ông Trời vứt ngoài bờ sông: từ đó, người Kinh ở ngoài bờ sông, ở đô ng bă ng.

Ông Trời lại sai hai con đào sông. Ai Húi đào nên sông Đà. Ai Hễnh đào nên sông Nậm Na. Trên địa hình đã biế n đổi, người Mãng được chia vùng đấ t Gium Bai, kẹp giữa hai con sông trên.

Pú Lương quân



Tgày xửa ngày xưa, thuở trời đấ t mới khai sinh, cây cỏ mọc lên, muông thú sinh ra, rô `i loài người cũng xuấ t hiện. Dáng người vừa lớn vừa cao; thân như cây lai (2), tay như cành tràm, mỗi bước chân dài nửa dặm. Vùng Cao Bặ `ng nước ta bấ y giờ mới có hai người: một gái là Sao Cải (chị Lớn), một trai là Bảo Luông (anh To). Sao Cải và Bảo Luông đề `u chưa có quâ `n áo mặc, chưa có nhà cửa ở. Ban ngày họ đi lang thang khặ p nơi, xuố 'ng suố 'i, lên đô `i... bắ 't con cá, con cua, mò con tôm, con ố c, đào rễ củ, hái quả chín... săn con chim, con hoằng... mà ăn. Họ ăn số 'ng nuố 't tươi cả lông tơ lẫn máu. Tổ i đâu thì ngủ đấ 'y, khi thì ngủ gố 'c cây, khi thì ngủ kẽ đá. Rét thì lấ 'y lá cây, da thú che thân.

Một hôm, Sao Cải và Báo Luông gặp nhau. Hai người kế t nghĩa vợ chô `ng. Chẳng mấ 'y chố 'c mười hai mùa xuân đã qua. Sao Cải đã sinh được hai mươi con, vừa trai vừa gái. Bâ `y trẻ cũng lang thang

theo bố mẹ đi kiế m thức ăn, gặp đâu ngủ đấ y. Một hôm, Báo Luông chỉ bắ t được hai con sơn dương, thịt không đủ ăn, đêm, trời lại mưa to, đàn con rét cóng. Thương con, vợ chố ng Báo Luông, Sao Cải bàn nhau kiế m chỗ cao ráo kín đáo trên núi Khau Luông (3) đưa con về ở, rồ ì vợ chố ng, ngày ngày đi kiế m thức ăn, mang về nuôi con. Lại mười năm nữa trôi qua, Sao Cải đẻ thêm được ba chục con nữa, là năm chục chẵn, vừa trai vừa gái. Một hôm trời đang nă ng gắ t bỗng tố i sâ mở một góc rồ ì đổ mưa rào như trút nước. Một tiế ng nổ inh tai. Cây móc bị chẻ làm hai, lửa sáng rực trong mưa. Tạnh mưa, Báo Luông đế n xem chỗ cây móc vừa bị sét đánh. Thấ y lửa vẫn cháy, giữa đám than đỏ rực, có đôi tấ c kè bị thui vàng. Anh xé thịt, ăn thử một miế ng, thấ y thơm ngon lạ lùng, đem về cho vợ con ăn, ai cũng thích. Sao Cải bẫy con gà rừng nướng thử, ăn lại càng thơm ngon. Từ đó, Sao Cải ở nhà giữ cho lửa khỏi tấ t, để nướng chín thức ăn, để sưởi ấ m, để xua thú dữ...



Rô ìi hai mươi năm nữa lại trôi qua, gia đình Báo Luông, Sao Cải ngày càng đông đúc, có tới 100 con vừa trai, vừa gái. Con lớn theo cha vào rừng xa, săn muông bă t thú. Con nhỏ theo mẹ, lượm quả cây, đào rễ củ quanh nhà. Cuộc số ng vẫn bấ p bênh, ăn bữa sớm lo bữa tố i. Muông thú ngày một hiế m, quả cây rễ củ quanh nhà ngày cũng ít đi. Một hôm, mẹ con Sao Cải đi bă t cá bă t ố c thấ y ở đám lầ y ven sông có thứ cây có bông trĩu hạt đã ngả màu vàng. Mẹ con tuố t hạt nhấ m thấ y bùi bùi bèn că t đem về . Bông hơ vào lửa, chín mùi thơm phức, bóc vỏ ăn càng bùi, càng ngon. Sao Cải lại bàn với chô ng đi nhỗ cây cỏ xanh bên bờ sông đem về cấ y xuố ng đám bùn ở gầ n chỗ ở. Cấ y được bảy ngày thì cỏ xanh tươi, được ba tháng thì có đòng, mấ y tháng sau thì bông chín, hạt vàng chặ c nịch. Vợ chô ng Báo Luông, Sao Cải rấ t đỗi vui mừng, đặt tên nó là "co khẩu" tức là cây lúa. Từ đó, cả nhà ra công đi kiế m lúa giố ng về cấ y thêm. Vụ ấ y

thu hoạch đủ ăn trong hai tháng. Song, nế u cấ y lúa thì không có thì giờ săn bắ t để kiế m thịt ăn. Báo Luông bàn với vợ chia công việc trong nhà: một nhóm do con cả đứng đâ u chuyên đi săn bắ t, một nhóm do Báo Luông cai quản chuyên làm ruộng. Sao Cải trông coi việc nhà, chăm con nhỏ, nướng thịt nướng thóc làm bữa ăn, nạo da muông thú làm quâ náo che thân...

Nhóm Báo Luông ra sức chặt cây, phá rừng thành ruộng. Ruộng nương khai phá ngày càng nhiệ u, xanh ròn một đải từ hai ven sông Bă ng chạy vào chân núi. Sau, Báo Luông còn nghĩ cách chế công cụ để làm đấ t cấ y lúa tố t hơn: đẽo nhọn đã u gỗ để đào đấ t được sâu hơn, gọi là "thâ y" (tức là cái câ y), chọn khúc gỗ có nhiệ u mặ t để làm cho đấ t tơi mịn hơn gọi là "phưa" (tức là cái bừa). Lại nghĩ ra cách ngâm thóc, gieo mạ cấ y lúa cho bông mẩy hạt. Lại nghĩ cách bă t con voi rừng, bă t con trâu rừng kéo cày, kéo bừa cho người đỡ vấ t vả. Nuôi dạy ba tháng, voi, trâu đã vực được cày. Từ khi có súc vật giúp sức làm ruông, ruông đấ t ngày càng tố t, thóc lúa thu hoach ngày càng nhiê `u. Có nhiê `u thóc lúa, Sao Cải không nướng thóc nữa. Sao Cải nghĩ ra cách nấ u com, ăn mê m hơn, ngon hơn, nhanh hơn. Chi chọn hố c đá bỏ thóc vào, lấ y cây giã cho vỏ trật ra rô i đem đãi rửa cho gạo sạch trấ u. Xong, chị đào hố xuố ng đấ t, lấ y lá lót rố i đổ gạo vào tưới nước xâm xấ p, lại lấ y lá đậy kín rô i đô t lửa ở trên. Đun một lúc, gạo chín thơm ngon.

Thóc lúa dư thừa, ăn không hế t. Chim muông thì ngày một hiế m, săn bắ t vấ t vả vẫn không đủ thịt ăn. Vợ chô ng Báo Luông, Sao Cải lại nảy ra một ý nghĩ mới: bắ t con gà rừng, bắ t con ngỗng trời, bắ t con lợn cỏ... về nuôi bă ng thóc lúa thừa để lấ y thịt ăn.

Một đêm mưa dâ m gió bấ c, trời tố i như bưng, hổ mò về bắ t heo. Báo Luông vác giáo đuổi theo, đâm chế t tươi hổ đói. Từ đó, Báo Luông lại nghĩ ra cách bắ t chó rừng về nuôi, để chó giữ nhà và giúp người đi săn. Lại bắ t ngựa rừng về nuôi, để cưỡi; bắ t mèo rừng về

nuôi, để mèo bă t chuột; bă t cá sông vê nuôi ở ao để khi muố n ăn thì bă t cho tiện. Rau cỏ, cây ăn quả ở trong rừng cũng được bứng vê trô ng quanh chỗ ở: khoai, cà, bâ u, bí, đỗ, trám, mít, bưởi, cam...

Vê sau, Báo Luông thấ y cứ ở mãi tít cao trên núi Khau Luông thì không tiện trông nom ruộng nương nên dời xuố ng ở Bản Vạn (4) là nơi đấ t thấ p nhưng rộng rãi bă ng phẳng, gâ n ruộng, gâ n nương hơn. Ra giữa đô ng bă ng, không có lùm cây, khe đá trú mưa, che nă ng. Báo Luông cùng con vào rừng đẳn cây vê dựng nhà, cấ t cỏ gianh vê lợp mái. Nơi ăn chố n ở được ổn định, thành làng thành bản từ đó.

Lúc này. Báo Luông và Sao Cải tuổi đã cao, đã thành ông thành bà, gọi là Pú Luông, Già Cải, (tức là ông To, bà Lớn). Con cháu Pú Luông, Già Cải ngày càng đông đúc. Già Cải bàn với Pú Luông chia con cháu đi ở nhiê `u nơi, để làm ăn cho dễ dàng hơn. Từ đó, nhiê `u bản làng mới mọc lên, nhiê `u họ mới xuấ 't hiện, con cháu sinh sôi nảy nở ngày càng đông, như ta thấ 'y ngày nay.

Bên bờ ngòi Bản Vạn gâ `n Nước Hai, Cao Bặ `ng nay còn đề `n thờ Pú Luông, Già Cải mà dân làng thường gọi là đề `n thờ Thâ `n Nông. Pú Lương Quân - vị tổ tiên thâ `n thoại của người Tày - đã trở thành Thâ `n Nông, phù hộ cho dân làm ăn được mùa, no â ´m.

Từ truyền thuyết đến lịch sử



hông nói thì chúng ta cũng đã hiểu ră `ng những tích kể trên đề `u là chuyện không có thực, chỉ là truyề `n thuyế ´t. Truyề `n thuyế ´t là chuyện kể miệng, chuyện được truyề `n miệng từ đời này qua đời kia, có khi qua hàng trăm hàng nghìn năm để đế ´n tai chúng ta hôm nay. Để đấ ´t để nước là truyề `n thuyế ´t của người Mường, dân tộc số ´ng trên một dải đấ ´t rộng lớn kéo dài từ tỉnh Yên Bái vào tận Hà Tĩnh, trên ba trăm cây số ´. Quả bâ `u tiên là truyề `n thuyế ´t của người Mãng, dân tộc rấ ´t ít người, số ´ng trên núi cao trong tỉnh Lai Châu, tại miề `n núi Tây Bắ ´c nước ta. Pú Lương Quân là một tập hợp truyề `n thuyế ´t của người Tày ở vùng Việt Bắ ´c.

Ngày nay, chúng ta có khoa học để xét xem trời đấ t, muôn vật và con người từ đâu mà ra, loài người đã sinh số ng như thế nào từ buổi mới sinh thành. Ngày nay, chúng ta lại có chữ viế t để ghi chép sự việc xảy ra trong từng năm, từng đời, xế p lại thành những bộ lịch sử. Thuở xưa, khi chưa có khoa học, chưa có chữ viế t, người ta kể miệng cho nhau nghe những truyề n thuyế t về gố c tích trời đấ t, gố c tích con người, gố c tích dân tộc. Đó là những truyề n thuyế t nguồ n gố c. Mỗi một dân tộc hiện đang ở trên đấ t nước ta đề u có truyề n thuyế t nguồ n gố c của mình.

Khi chưa có khoa học, chưa làm chủ được trời đấ t muôn vật, hặ ng năm lo sợ mưa bão, hặ ng ngày bị thú dữ đe doạ, thì con người khó tin vào sức mạnh của bản thân mình, dễ tin những điệ u huyệ n hoặc, tưởng đâu cũng có quỷ thà n ma quái. Truyệ n thuyế t nguồ ngố c của dân tộc nào cũng đâ y rẫy những chuyện không thực: Để đấ t để nước, Quả bà u tiên, Pú Lương Quân ... cũng thế . Làm gì có đôi chim đẻ trứng vuông, để từ đó loài người xuấ t hiện; làm gì có cây thâ n cười trong rừng thẳm để doạ người đi săn, bà cụ già chố ng trời bă ng chày giã gạo: các dân tộc là n lượt từ quả bâ u chui ra, qua một lỗ dùi bám đâ y nhọ đen, người thời xưa thân như cây lai, tay như cành tràm: toàn những sự việc quái dị, mà chấ c hẳn chúng ta không chấ p nhận. Đọc lại những tích kể trên, chúng ta có thể tự mình tìm ra khố i điệ u vô lí khác.

Chưa có khoa học, nhưng một khi đã ra đời là loài người phải số ng trong trời đâ t, số ng với muôn vật, tìm miế ng ăn nơi ngủ giữa đâ t, nước, núi, rừng. Muố n số ng, ngay từ đâ u con người phải xem xét trời đâ t, quan sát muôn vật, để rô i dùng đôi tay mà lấ y ra từ đấ t, nước, núi, rừng, những gì câ n thiế t cho mình. Đó chưa phải là khoa học, nhưng là bước đâ u của khoa học. Trong những tích mà con người kể với nhau từ thuở ấ y, bên cạnh vô số chuyện huyê n hoặc, cùng với bao điề u vô lí mà chúng ta không thể tin, vẫn có những nhận xét đúng, rút ra từ cuộc số ng làm ăn vấ t vả hă ng ngày. Số ng ở vùng

nhiệt đới nhiê `u mưa, hặ `ng năm phải bó tay trước những tai hoạ do lũ gây nên, chặ ´c hẳn tổ tiên của người Mường và người Mãng đã mang sẵn trong đâ `u một hình ảnh rùng rọn vê `nước, nước xoáy, nước lụt... Có lẽ chính vì thể ´ mà cả Đẻ đấ ´t đẻ nước, lẫn Quả bâ `u tiên cũng như truyện Sơn Tinh - Thuỷ Tinh đề `u nói đế ´n một trận lũ lớn đã xảy ra vào lúc trời đấ ´t mới thành hình. Và khi câ `n phải că ´t nghĩa nguô `n gố ´c của núi, của sông, của suố ´i, truyề `n thuyế ´t không tìm được lí do nào khác hơn là "nước xoáy" hay "nước xói". Că ´t nghĩa như vậy chưa thực sát với khoa học ngày nay. Dù sao, đó cũng là bước đâ `u con người vứt bỏ óc huyê `n hoặc, là cố ´ gặ ´ng đâ `u tiên của loài người để lấ ´y việc thực că ´t nghĩa chuyện thực.

Chưa có chữ viế t, con người thời xa xôi ấ y chỉ ghi bă ng trí nhớ và truyề n bă ng lời nói. Trí nhớ không thể đúng và đủ như bản viế t. Lời truyề n miệng qua nhiề u người, nhiề u đời, không khỏi biế n đổi sự việc thực ban đầ u. Nế u chúng ta cộng thêm vào đấ y óc huyề n hoặc của tổ tiên ta thưở đó, thì chúng ta sẽ hiểu tại sao, chỉ qua một đời ngắ n ngủi của ông Câ n hay Báo Luông, Sao Cải thôi, mà loài người đã tiế n từ chỗ ăn lông ở lỗ, để n mức biế t trô ng trọt, dệt tơ, làm nhà, lấ y vợ lấ y chô ng theo lễ nghĩa. Chỉ hơn một đời người thôi, mà từ chỗ "lúc nhúc dưới gố c cây to", loài người đã xây dựng được một cuộc số ng có trật tự, để rô ì lập nên một nước khá lớn, gồ m cả miề n ngược và miề n xuôi, dưới quyề n của Dịt Dàng số ng trong lâu đài cung điện. Truyề n thuyế t đã rút quá ngắ n thời gian lại. Theo khoa học ngày nay, muố n đi hế t đoạn đường ấ y, loài người đã tố n hàng vạn, hàng chục vạn năm.

Dù sao, chỉ bă ng vào trí nhớ và lời nói, mà người xưa cũng đã ghi lại được kinh nghiệm làm ăn hàng ngày, hàng đời, truyề n lại cho các lớp người sinh sau, để cho cuộc số ng ngày càng cao, càng dễ chịu. Không có chữ viế t, không thể ghi chép tỉ mỉ sự việc từng năm, từng đời, nhưng truyề n thuyế t của người xưa cũng sắ p xế p được có trước có sau những bước tiế n của loài người, từ buổi còn ở hang (ông

Cài), đế n kì biế t số ng có trật tự (ông Câ n), cuố i cùng là lập nước (Dịt Dàng). Ông Cài, ông Câ n, Dịt Dàng cũng như Báo Luông, Sao Cải không phải là những con người có thực, những con người có mặt trong lịch sử. Họ chỉ là những con người của truyề n thuyế t, mỗi người thay mặt cho một thời kì, một bước tiế n lên của loài người. Người còn có cánh nhưng chưa có lửa là con người mới sinh ra trên mặt đấ t, còn giố ng con dơi, còn gâ n loài vật. Người đã mấ t cánh nhưng đã có lửa là con người đã tiế n lên một bước, đã thoát khỏi cuộc số ng của loài vật, đã có văn hoá.

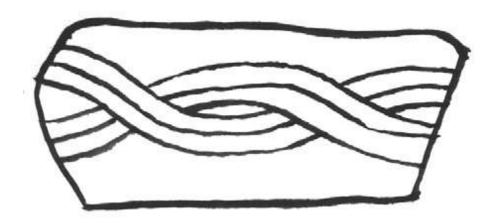
Trong truyê n thuyê t, tổ tiên chúng ta không kể chuyện người thực việc thực, mà chỉ nói lên bă ng những lời chung nhất, những bước đi của con người để xây dựng cuộc số ng. Họ làm ăn kham khổ giữa trời đấ t muôn vật, dưới sức tấ n công của lũ lụt và ác thú. Họ số ng lam lũ, nhẫn nai rút từng kinh nghiệm nhỏ. Nhưng họ vẫn ước mơ cho mai sau một cuộc số ng tố t đẹp hơn. Những ước mơ â y, họ gửi gặ m vào truyệ n thuyệ t. Ước mơ là tưởng tương, mà trí tưởng tượng của con người bao giờ cũng vượt xa sự việc thực hã ng ngày. Trong cuộc số ng thực, làm gì có chuyện ông Câ n trói bác Rùa Râm Rùa Rôc lai để tra khảo cách dưng nhà, làm gì có chuyên bác Ruô i Trâu bay lên tròi đánh că p bí mật làm ra lửa. Nhưng, bă ng những câu chuyện tưởng tượng đó, tổ tiên người Mường đã kể cho đời sau rõ họ đã khổ công như thể nào để chinh phục trời đấ t, khi dùng sức, khi dùng mưu. Chuyện người chế t ra đi, tay câ m một đoạn gỗ, để rô i lại trở vê , chỉ là chuyện tưởng tượng. Nhưng bặ ng câu chuyện đó, tổ tiên của người Mãng đã ghi lai một suy nghĩ của họ về lẽ số ng chế t của con người. Và nhờ những tích chuyện như vậy, chúng ta ngày nay mới hiểu được ít nhiệ u cách suy nghĩ của người xưa.



Truyê `n thuyê ´t không ghi chép sự việc thực. Truyê `n thuyê ´t không phải là lịch sử. Nhưng, khi chưa có khoa học và chữ viê ´t, thì lịch sử của dân tộc nào cũng mở đâ `u bă `ng truyê `n thuyê ´t. Một khi đã có chữ viê ´t, đã có khoa học, người ta không phải viện đề ´n trí tưởng tượng nữa, khi câ `n kể lại những bước đi của con người, sự việc thực được ghi lại bă `ng chữ viê ´t. Lịch sử tiế ´p tục truyê `n thuyê ´t, không phải bă `ng tưởng tượng, mà bă `ng khoa học.

Từ trang sau trở đi, chúng ta sẽ dâ n dâ n làm quen với một số sự việc có thực trong lịch sử. Mong ră ng các bạn sẽ không quên ông Cài, ông Câ n, ông Đèn ông Đẹc, không quên bác Đười Ươi, không quên con người có cánh mà không có lửa, không quên Báo Luông - Sao Cải... Đó là hình ảnh của tổ tiên ta xưa, những con người không tên tuổi, đã vì chúng ta mà ước mơ và lao động. Chắ c chắ n chúng ta sẽ mim cười khi nhớ để n bác Rùa Rậm Rùa Rộc, bác Ruô i Trâu, khi nhớ để n cây Chu biế t nói biế t cười...Đó là hình ảnh của thiên nhiên, của đấ t nước mà chúng ta đang chiế n đấ u để bảo vệ và xây dựng.

Những người nguyên thuỷ ở núi Đọ



hoảng ba chục vạn năm trước đây, nước ta với Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a còn liê `n một dải. Sâ `m Sơn (Thanh Hoá) chưa thành bãi biển. Biển ở xa tít mãi vê `phía đông. Ở đây còn là một vùng rừng núi, với nhiê `u thú dữ: voi răng kiế ´m, gấ ´u mèo, tê ngưu, hổ báo, lợn lòi, trâu bò rừng, đười ươi... đi lại từng đàn. Xen vào đó, có những bóng dáng cao lớn, từa tựa như con đười ươi, con vượn: mặt nhô hẳn ra phía trước, đôi mắ ´t sâu hoặ ´m, tay dài đâ `y lông lá, lưng khom khom, dáng đi vụng vê `. Nhưng nhìn kĩ lại thì không phải: mặt rấ ´t giố ´ng mặt người, dáng đi như người, chân tay rõ rệt. Đó chính là những người nguyên thuỷ, những người vượn.

Ta hãy theo chân họ. Bâ y người vượn â y đang đi dọc sông Chu. Trên lùm cây xanh um chi chít những quả chín vàng, thơm lựng. Họ vít cành xuô ng, hái ăn. Cành cây gãy, họ bẻ nhánh lá đi, thành cái gậy trong tay. Có người ngô i xổm dưới đấ t, lúi húi tìm bới và nhổ lên một nă m rễ củ, đập cho hế t đấ t, đưa lên mô m ăn. Rô i họ lại đi.

Đế n một ngọn núi đá không cao lắ m, sườn núi thoai thoải: Núi Đọ (huyện Thiệu Hoá, Thanh Hoá), họ thấ y những tảng đá rải rác trên sườn núi. Họ ghè tảng này vào tảng khác. Tảng đá huyê n vũ xanh đen, ră n như thế mà đã vỡ tan thành nhiê u hòn, nhiê u miế ng, rấ t sắ c cạnh. Có hòn to, tròn như quả xoài tượng, nặng đế n một, hai ki-lô-gam. Có miế ng nhỏ, dẹt, dài. Họ nhặt lấ y, câ m lên tay, ngắ m nghía. Họ ngô ì xệp xuố ng, lấ y hòn đá to ghè vào miế ng đá nhỏ: miế ng đá tách ra thành những mảnh nhỏ, mảnh tước, những con dao đá, những cái nạo thô sơ của họ đấ y! Còn những hòn đá ghè kia, được sửa sang thành những công cụ chặt thô sơ. Có người làm nhẫn hơn, lấ y đá ghè đẽo, sửa sang hai mặt hạch đá nên rìu tay của họ có hình hạt nhân, có lưỡi ngoà n ngoèo và mũi nhọn lợi hại hơn.

Họ đứng dậy, câ m những công cụ mới chế ra đó, đi lên lưng chừng núi. Trên đó là khu nhà ở của họ! Tại đấ y, có mấ y người vượn có tuổi, râu ria lởm chởm, đang câ m rìu đá mổ xẻ một con sơn dương. Xung quanh là đám đàn bà trẻ con đang nướng thịt trên đố ng lửa. Lại có người đang dùng cái nạo đá nạo vét nố t chỗ thịt còn dính ở da một con nai. Cũng có người đang hì hụi câ m rìu tay gọt đẽo cành cây thành ngọn lao.

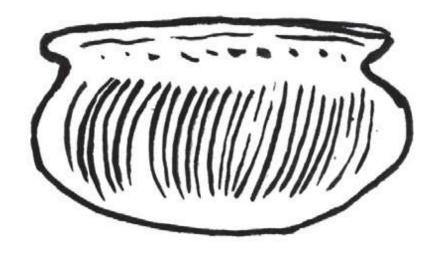
Bâ y người quây quâ n quanh ngọn lửa đang cháy bập bùng. Đó là đố ng lửa, họ đã nhóm và giữ lại từ khi họ nhặt những cành cây đang cháy trong đám cháy rừng. Đêm đêm, không những lửa đã sưởi ấ m cho bâ y người nguyên thuỷ mà ánh lửa đã khiế n các chú voi răng kiế m, hổ báo... khiế p sợ, không dám vào tới vô người.

Sáng ra, bâ y người nguyên thuỷ lại nhộn nhịp: đám đàn ông khoẻ mạnh thì câ m rìu đá gậy gộc, lao gỗ, kéo nhau đi săn bắ t con thú; đàn bà con trẻ thì lâ n vào rừng hái lượm quả chín, tìm tổ ong mật hay xuố ng ven sông, bờ suố i bắ t cá, nhặt con trai, con ố c.



Thế là một tổ chức xã hội đang hình thành trong hình ảnh bâ y người nguyên thuỷ. Những người vượn đó đang chuyển hoá dâ n thành con người thật sự. Hình ảnh của sự kiện vĩ đại vừa kể đã lặng lẽ náu mình trên mảnh đấ t thân yêu của Tổ quố c ta suố t ba mươi vạn năm nay. Mãi đế n năm 1960, những nhà khảo cổ miề n Bắ c nước ta tìm ra được một số công cụ bă ng đá của những người vượn đó ở núi Đọ, sự kiện â y đã lên tiế ng mách cho thế giới biế t: *Việt Nam cũng là một quê hương của loài người* (5). Miê n rừng rậm quanh núi Đọ xứ Thanh, miê n hang đá Bình Gia xứ Lạng cũng như miê n đô i thoải Hang Gòn tận miê n Đông Nam Bộ ngày nay... đề u là những nơi chôn rau cắ t rố n của con người tố i cổ trên đấ t Việt Nam.

... Trong hang động Hoà Bình



hững bâ y người vượn mà ta đã bắ t gặp ở núi Đọ Thanh Hoá sau đó đi đâu, sinh số ng thế nào? Đó là điề u bí mật. Mãi để n khi ta chợt đặt chân để n những ngôi nhà bỏ hoang xưa cổ nhấ t ở nước ta: những hang động ở rải rác khắ p vùng Hoà Bình, Ninh Bình, Thanh Hoá, Quảng Bình ngược lên để n Nghĩa Lộ, Yên Bái... ta mới thấ y họ lại hiện ra, tự giới thiệu với chúng ta nề n văn hoá của họ mà nay chúng ta và thể giới gọi là *văn hoá Boà Bình*.

Bấ y giờ thì họ đông rô ì. Họ ở thành từng nhóm người có quan hệ máu mủ họ hàng với nhau. Đó là những thị tộc nguyên thuỷ. Họ số ng ở ngoài trời: trên sườn đô ìi trung du hoặc miê `n ven biển... Nhưng chủ yế ´u, họ vẫn chọn những hang động trong núi đá vôi để ở. Họ số ´ng tại những ngôi nhà tự nhiên đó khoảng hơn một vạn năm trước đây.

Nhà chọn cũng đã khéo: hang cao ráo, thoáng đãng; cửa mở về hướng nam để đón ánh nă ng và gió lành; ngoài hang có suố i nước hay con sông nhỏ kề bên với nhiệ u tôm, cá, trai, cua, ố c, nhấ t là ố c văn.



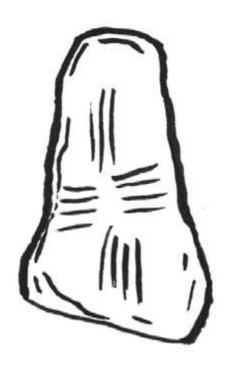
Thuở ấ y, họ đã "tiế n bộ" rấ t nhiề `u so với tổ tiên họ ở núi Đọ vài chục vạn năm về `trước. Họ chọn nhiề `u hòn đá cuội, đem ghè đẽo một mặt hay một đã `u, để làm rìu tay, làm dao, làm nạo... Họ đã biế t ghè đẽo cả những xương voi, trâu bò rừng, tê ngưu... săn được, chế biế n thành những con dao, cái nạo, chiế c đục... khá sắ c để nạo, để că t xén vỏ cây, da thú, làm quâ `n áo che thân. Với rìu đá, dao đá họ chặt tre, gỗ vớt thành những ngọn giáo, ngọn lao. Trong cuộc săn vây con thú rừng mà chỉ có rìu thì họ phải tiế n sát con thú, mới bổ, mới đâm được, nên gặp nhiề `u nguy hiểm. Có cây giáo trong tay họ có thể đứng xa hơn mà đâm, mà quật trước khi nó vô `được vào người. Và với

những ngọn lao nhẹ, sắ c nhọn bay tới tấ p, cắ m vào con thú cách hàng chục bước, họ đã hạ được cả những con thú đang định nhanh chân trố n chạy từ xa. Lúc này đây cũng đã xuấ t hiện và ngày càng phổ biể n một vũ khí lợi hại là cung tên. Dùng cung tên để săn những con thú nhỏ chạy nhanh như hươu, hoằng thì rấ t tố t. Ven suố i, ven sông có vô số con trai, con ố c... ngon lành, mà lại dễ bắ t. Đó là nguồ n thức ăn to lớn của họ những khi săn bắ t được ít con thú, con chim. Chả thể mà trong nhà - hang nào cũng có đâ y những đố ng rác bế p đâ y ú ụ: toàn là những vỏ ố c, vỏ trai, vỏ hế n. Họ đổ các loại rác bế p đó trên nê n hang, sát vách hang.

Những vỏ ố c vân vi nhiề ù màu, những mảnh đá vân hoa vui mắ t, những xương răng thú có đường nét khoẻ khoắ n hàng ngày cứ đập vào mắ t họ, nhấ t là các cô gái. Họ chọt thấ y cái đẹp ở đó, họ đã biể n chúng thành những đô trang sức. Miế ng trâ u cau nhai với vôi vừa â m, vừa làm thắ m môi, duyên dáng. Những người phụ nữ trong các bộ lạc nguyên thuỷ có vóc người nhẹ nhõm hơn nam giới, đã khéo tay lại thạo nghề hái lượm. Quả chín ở cây rừng, họ đem về hang ăn. Hột và hạt quả rơi vãi xuố ng đấ t ẩm, nảy mâ m, mọc lên cây, sinh hoa, kế t quả... đã gọi lên cho họ việc gieo trô ng những cây ăn quả, những cây có củ, rau dưa bâ u bí, đỡ phải đi kiế m xa vì mỗi ngày hoa quả rau củ gâ n nhà mỗi ít đi. Họ dùng chày và bàn nghiê n đá để nghiê n hạt. Và, với những công cụ bă ng đá thô sơ, họ đã cùng nhau phá rừng, để biế n thành vườn nương. Chưa có cày bừa, họ dùng gây nhọn đâ u, chọc thành lỗ mà tra hạt: vườn tược trô ng cây ăn quả; đô i nương trô ng rau dưa, bâ u bí.

Thế là nghề nông xuấ t hiện, đánh dấ u một bước tiế n bộ vĩ đại trong đời số ng của cư dân nguyên thuỷ, để lại cho chúng ta một niề m tự hào lớn: Bên cạnh Tiểu Á và Trung Mĩ, Việt Nam và vùng Đông Nam Á là một trong những trung tâm phát sinh ra nghề nông rấ t sớm trên thế giới, cách đây hàng vạn năm rồ i!

... Ở rừng núi Bắc Sơn



Túi rừng Bắ c Sơn, quê hương của Cách mạng, từ bảy, tám ngàn năm trước cũng là quê hương của những bộ lạc nguyên thuỷ. Bấ y giờ, những chủ nhân của nê n văn hoá Bắ c Sơn này không những ở khắ p các hang động trong miê n núi đá vôi từ Quảng Trị qua Thanh, Nghệ, Tĩnh lên đế n vùng Tây Bắ c, Việt Bắ c mà còn vươn ra cả vùng đảo Hạ Long, Bái Tử Long ven biển Đông.

Hàng ngàn năm lao động sáng tạo đã đem lại cho những người Bắ c Sơn nhiê `u thành quả tuyệt vời.

Một thành quả lớn của người Bắ c Sơn là kĩ thuật mài đá và sự ra đời của đô dá mài. Ngày nay cả thể giới đề u biế t để n những chiế c rìu mài lưỡi, *rìu Bắ c Sơn* nổi tiế ng.

Những công cụ đá cuội bây giờ không những nhỏ gọn hơn, mà do biế t mài vào những bàn mài bă ng phiế n thạch nên rìu, đục... đã să c nhọn hơn, dễ că t, chặt, đục, dùi hơn. Rìu được tra vào cán gỗ, cán tre giúp họ tăng nhanh năng suấ t chặt cây, đố n gỗ, phá rừng làm nương rẫy để trô ng trọt.

Đời số ng ngày một khấ m khá, con cháu ngày một đông đảo. Phải tìm cách làm nhà mới thôi! Họ tận dụng những cây tre, cây gỗ mà những rìu mài lưỡi đã đố n xuố ng, đang còn ngồn ngang bên nương rẫy. Họ dựng chúng dậy, xế p vào, buộc lại làm mái; chôn cây đóng cọc làm tường, làm vách. Dâ n dâ n chấ m dứt thời kì con người lệ thuộc nhờ vả thiên nhiên. Họ chọn đấ t, dựng nhà ở bờ suố i, mom sông, ven biển... những nơi thuận tiện cho việc làm ăn sinh số ng của họ.

Cây gỗ nổi bập bê nh trên nước, người ngô i lên vẫn nổi, vẫn trôi đi. Lâ y cây giáo khua khoă ng dưới nước, thâ y cây gỗ trôi nhanh theo nhịp đẩy, nhịp chèo của họ, đưa họ qua bờ bên kia con suố i, con sông. Từ đó, ý định làm thuyê n được đặt ra. Từng tố p người kiên nhẫn hàng tháng trời bên cây gỗ để chặt, đẽo, khoét.. thâm chí phải đố t ở lòng thuyê `n. Và cuố i cùng, con thuyê `n độc mộc xuấ t hiện, đưa con người cưỡi sóng ra xa. Cùng với tấ m lưới buộc chì đá, ngọn lao, mũi xiên và cả những lưỡi câu bă ng xương, con thuyê n đã mở rộng thêm nguồ n thuỷ sản. Ngoài những con sò ố c, con trai hế n mà họ vẫn quen bắ t, quen ăn, họ còn đánh được cả những con cá to, con ba ba, hải nghê... Nghê mộc ra đời và ngày một tinh xảo, một nhiệ u thì ngôi nhà của ho cũng ngày một kín, chặ c, to, bệ n hơn, lai đứng được trên những cọc gỗ cao hơn đâ u họ, để hùm báo gấ u sói... không mò vào được. Nhà sàn ra đời. Những con thuyê `n độc mộc kia cũng theo thời gian mà chuyển hoá thành mảng, thành thuyê n buô m lướt sóng trên biển Đông, sông hô , mở rộng việc giao lưu kinh tê giữa miê n núi và miê n biển.

Lưỡi rìu, lưỡi dao đã mài được nhẵn mặt, sắ c cạnh, thì ngọn giáo, mũi dao cũng được mài nhọn hơn, sắ c hơn, lại nhỏ nhắ n nhẹ nhàng, lao phóng xa hơn, cắ m sâu hơn vào con thú, làm nghệ săn bắ n càng có hiệu quả. Những người đàn ông với cây cung và bó tên ngang lưng, với những nắ m lao, ngọn giáo lợi hại trong tay, tố i để n trở về , có khi ngoài những con thú đã chế t, khiêng vác trên vai, còn lùa về những con sói non ngờ nghệch, những chú lợn rừng non ngơ ngác làm các em bé thích thú. Những thú nhỏ được chăm bằm nuôi nấ ng. Bâ ỳ chó, đàn lợn â ý lớn lên, cũng dâ n dâ n quen thuộc, quâ n quýt với người, không muố n về rừng nữa và trở thành con vật trong nhà. Thế là con người đã thuâ n dưỡng được thú rừng, nghê chăn nuôi xuấ t hiện, không những đem lại cho con người nguồ n dự trữ về thực phẩm mà còn cho họ thêm nhẹ nhàng khi tải đô , thoải mái hơn khi cưỡi lên những chú voi nhà.

Một điệ u kì la nữa mà người nguyên thuỷ thời đó chợt phát hiện ra sau con kinh hoảng vì nan cháy rừng, cháy nhà là những miế ng đấ t sét mê m mai mà các em bé nặn chơi thành nhiệ u hình dáng bị lửa nung bỗng trở thành cứng ră n; nước mưa đọng lại mà không nhão, không tan. Họ tò mò, cũng lấ y đấ t sét thử nặn và vui tay lại vạch vach những hình trang trí ở mặt ngoài rô i bỏ vào lửa nung lên. Ho sung sướng reo vui vì một sáng tao vĩ đại thứ hai: họ đã làm ra đô gố m. Đô gố m làm nô i, nấ u chín thức ăn, nấ u nước, làm vò đựng lương thực, hạt giố ng không bị ẩm ướt, mọc mâ m nữa... do đó càng khiế n họ yên tâm định cư, không phải luôn luôn lo tính chuyện dọn nhà. Có nhà cửa đàng hoàng, có chó lơn nuôi trong nhà, đời số ng sung túc hơn nên họ càng ưa làm đỏm: thổ hoàng hoà với mỡ bôi lên người vừa đỡ rét lại vừa làm nước da nâu đỏ bóng. Vỏ ô´c biển lă´m màu đẹp mặ t được xỏ lỗ xâu chuỗi để đeo ở cổ, ở tai, mái tóc và ở cả đâ u gố i, bă p chân... Người chế t chôn gâ n nhà, trong hang hay ở bãi rác bê p đâ y vỏ ô c hê n. Họ để người đã mâ t nă m theo tư thế

ngủ, lấ y đá xế p xung quanh làm mộ và thường chôn theo cả những đô trang sức và những công cụ thường dùng.



Hàng chục thế kỉ qua, mang theo những cuội sởi phù sa từ thác ngàn đổ về lấ p đâ y dâ n vùng biển nước cạn, biế n dâ n thành những đâ m lâ y rừng rậm, tụ tập nhiê u cá sấ u, hổ voi và thú dữ. Và vào khoảng năm, sáu ngàn năm trước đây, miê n châu thổ cũng dâ n

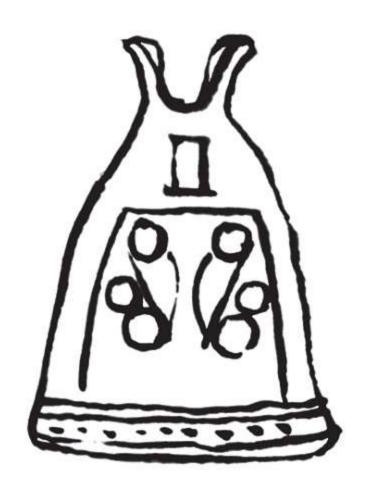
dâ`n hình thành. Các bộ lạc từ rừng sâu, núi cao, tổ tiên của những người Xá, người Thượng, người Tày cổ mà truyê `n thuyế ´t, thâ `n thoại gọi là con cháu của Âu Cơ, của Thâ `n Núi... toả dâ `n vê ` xuôi. Đô `ng thời, những bộ lạc từ ven biển, tổ tiên của những người Thán Sín, người Lô Lô, người Chàm, người Mã Lai cổ, con cháu của Lạc Long quân, của Thâ `n Nước trong các truyện thâ `n thoại, cũng ngược dòng đi lên. Họ cùng nhau phá rừng, lấ p đấ t lâ `y, chă ´n nước lũ, ngăn thuỷ triê `u... dựng làng trên những doi đấ t cao ven sông. Thâ `n thoại khi kể vê `những công trình lao động kì vĩ của họ, đã ca ngợi họ như những "người khổng lô ` xă ´n nát núi, húi sạch rừng, bưng ngang lũ". Đó là vào cuố ´i thời kì Đô ` đá.

Giờ đây, từ miê `n núi, miê `n trung du đế ´n vùng đô `ng bă `ng, vùng ven biển và cả trên các hải đảo xa xa đê `u đã có các bộ lạc sinh số `ng. Dân miê `n núi xuố `ng đã hoà trộn với dân ven biển mà thành dân châu thổ, tổ tiên những người Việt cổ. *Một nê `n văn minh mới đang đâm chô `i nảy lộc...*



Phần 2 Văn Lang - Âu Lạc thời dựng nước

Mẹ Âu và bố Lạc



Pha e Âu - Âu Cơ - thuộc giố ng tiên - là người ở núi.
Bố Lạc - Lạc Long Quân - thuộc giố ng rô ng - là người ở vùng sông nước. Trên bãi cát ven sông Đà vùng động Lăng Xương

(nay là xã Trung Nghĩa, huyện Thanh Thuỷ, Phú Thọ) Lạc Long Quân gặp gỡ Âu Cơ. Và hai người kế t nên vợ nên chô ng.

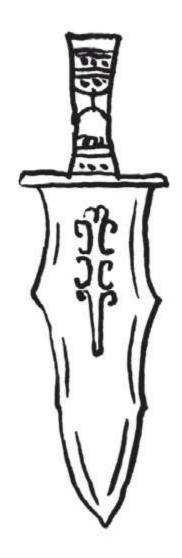
Mẹ và Bố sinh ra trăm trứng trong cùng một bọc, nở thành trăm chàng trai xinh đẹp.

Mẹ và Bố lại chia đề u các con: một nửa theo Bố đi sinh số ng ở vùng sông biển, một nửa theo Mẹ lên sinh số ng ở chố n núi rừng...



Âu Cơ đem con ngược sông Hô `ng vê ` miê `n núi. Đi tới vùng Hiê `n Lương⁽¹⁾ thì nghỉ chân. Mẹ dạy con lấ ´y lửa đô ´t rừng trô `ng lúa trên nương, trô `ng dâu dưới bãi. Mẹ dạy con đào giế ´ng, dệt vải. Mẹ dạy con giã gạo nế ´p thành bột làm bánh. Mẹ dạy con quản trị miê `n núi xanh ngă ´t...

Vua Hùng dựng nước



on trai trưởng của Mẹ Âu được cử làm vua. ´y là vua Hùng thứ nhâ´t. Rô`i mười tám đời Hùng cha truyề`n con nô´i, kế´ tiế´p nhau cai quản nước Văn Lang. Vua Hùng đi thăm thú nhiề`u nơi để tìm đâ´t đóng đô.

Vua tới một miề n, phong cảnh đẹp đẽ, đấ t đai rộng phẳng, có nhiề u khe suố i. Vua sai chim đại bàng đấ p 100 quả gò, hẹn trước khi trời sáng phải xong. Đại bàng khuân đấ t đá, đã đấ p được 99 quả

gò. Chọt có con gà cấ t tiế ng gáy, đại bàng ngỡ trời rạng sáng, vỗ cánh bay đi. Vua Hùng lại đi tìm đấ t khác (2).

Tới một nơi, vua Hùng thấ y một ngọn núi cao sừng sững vươn lên giữa hàng trăm quả đô i vây quanh (3). Vua phi ngựa lên núi, dừng chân ngắ m bố n phương tám hướng, vừa ý đẹp lòng, dong ngựa từ từ xuố ng núi. Chọt ngựa quay đâ u, đạp mạnh vó. Núi sạt lở mấ t một góc. Vua cho thế đấ t không vững, lại bỏ đi. Lại tới một quả núi dài, thế tựa con rô ng bơi lượn giữa một trăm quả đô i nhỏ, trên lớp lớp sóng dô n. Trên núi có "đường lên trời", có "hang xuố ng đấ t" (4). Vua bước vào hang, chọt gặp một con rấ n trắ ng chấ n đường. Vua cho là điệ m không lợi bèn bỏ đi.

Đi theo sông Thao, tới một vùng, trước mặt là sông lớn, sau lưng là núi cao, đâ m nước mênh mông vây bọc những hòn đảo nhỏ⁽⁵⁾. Vua đang xem ngắ m, chợt có rùa vàng nổi lên mặt nước, cúi đâ u chào vua, tự xưng là chúa đâ m này. Vua cưỡi lên lưng rùa. Rùa đưa vua đi thăm 99 ngách, cây cố i loà xoà, nước đen như mực.

Vua khen cảnh đẹp. Nhưng cho ră ng không có thể mở rộng, nên lại bỏ đi.

Tới sông Đà cuô `n cuộn sóng xô, núi Tản vươn mình: một dải ven sông, cây xanh bát ngát⁽⁶⁾. Vua sai chim phượng hoàng⁽⁷⁾ đào 100 cái hô ´. Đào được 99 cái thì chợt có tiế ´ng chim phượng kêu ở nơi xa. Chim mẹ vỗ cánh bay theo tiế ´ng kêu. Cả đàn con bay theo. Công trình bỏ dở, vua cũng bỏ đi.

Vua cứ đi, đi mãi tìm đấ t đóng đô.

Cuố i cùng vua tới một vùng, mạch đấ t đẹp giàu: Cố i cùng vua tới một vùng, hai bên Tản Viên, Tam Đảo châu về , đô i núi gâ n xa, khe ngòi quanh quấ t. Giữa vùng đô i, nổi lên một quả núi như voi

mẹ nă m giữa đàn con⁽⁸⁾. Vua lên núi, nhìn xa bố n phía, đấ t đai rộng phẳng mâ u mỡ phù sa, cây xanh toả bóng, hoa tươi quả ngọt. Vua cả mùng khen ră ng đây thực là đấ t họp muôn dân, đủ hiểm để giữ, có thể để mở, bèn quyế t định đóng đô ở đó.

Vua phân các *Lạc hâ `u* đóng ở vùng Kim Đới (Phù Ninh), các *Lạc tướng* đóng ở vùng Cẩm Đội (Lâm Thao, gâ `n Việt Trì).

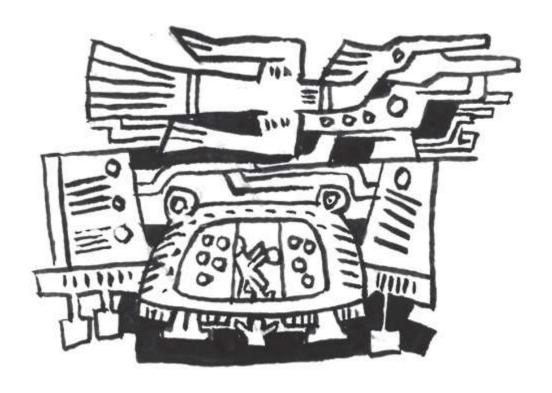
Xã Thậm Thình là nơi dân giã gạo cho vua.

Xã Tiên Cát, nơi các vợ vua ở và là nơi vua dựng lâ u kén rể.

Xã Lâu Thượng, nơi vua làm việc.

Xã Dữu Lâu, là vườn trâ u lớn của nhà vua.

Cung vua ở núi Nghĩa. Có một trăm con voi từ khắ p các nơi trong nước về chào mừng. Cả đàn voi đề u phủ phục quanh núi Nghĩa tỏ ý thâ n phục nhà vua. Nhưng trong đàn voi có một con quay đuôi lại vua, đâ u ngoảnh về hướng khác...



Vua đùng đùng nổi giận, gọi con gái là nàng Bâ`u, trao cho kiế m báu và hạ lệnh chém com voi bâ t nghĩa. Nàng Bâ`u nhận kiế m, kể tội con voi rô`i câ`m kiế m bổ một nhát vỡ sọ voi, chém một nhát đứt cổ voi. Từ đó tới nay con voi bâ t nghĩa vẫn phải đứng chịu tội với dòng máu đỏ rỉ ra từ cổ và cái sọ vỡ toang một góc (9).

Kẻ Lú - nay là xã Minh Nông (Việt Trì) xưa có lệ đế n đâ u mùa cấ y, cử một cụ già lội xuố ng ruộng cấ y vài đon mạ. Xong, lên làm lễ tế vua Hùng ở cây đa Đô n.

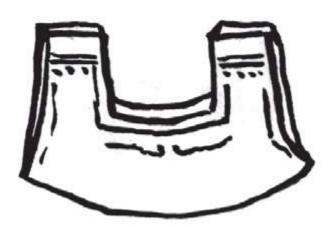
Tục truyề `n ră `ng: Dân khi xưa chưa biế ´t cấ ´y cày, chỉ số ´ng bă `ng thịt thú rừng và hoa quả dại. Vua Hùng hay đi các nơi săn bă ´n. Vua thấ ´y đấ ´t ven sông màu mỡ, gọi dân bảo tìm cách đấ ´p bờ giữ nước. Vua Hùng thấ ´y lúa mọc hoang, bày cách cho dân giữ hạt, gieo mạ. Mạ lên xanh, vua Hùng nhổ mạ, đem tới ruộng nước, lội xuố ´ng cấ ´y cho dân xem, dân học. Mọi người làm theo. Cấ ´y tới khi mặt trời đứng bóng, vua nghỉ tay, cùng dân ăn uố ´ng ở dưới gố ´c cây đa.

Vùng huyện Lâm Thao trước kia vẫn có tục chọc lỗ tra lúa và gieo kê trên bãi ướt. Xã Hợp Hải chẳng hạn, trước kia có tục tới vụ cấ y xuân, ông chủ tế làm lễ tế ở đình xong, dân rước ra đô ng cấ y. Chủ tế cấ y xong thì dân làng vào cấ y. Cấ y xong, mọi người té nhau cho ướt nước và tin ră ng có làm thế mới được mùa.

Tục truyề `n: Thời vua Hùng dựng nước, sang Xuân, vua đem các hột kê ra bảo các mị nương (con gái vua) gọi dân đi quải (gieo) kê. Nhân dân vui mừng rước vua ra đô `ng. Trô ´ng mõ đi đâ `u rô `i tới những ngước rước lúa, rước kê. Vua, các mị nương và nhân dân theo sau. Tới bê ´n sông, vua xuô ´ng bãi lâ ´y que nhọn chọc lỗ để tra hạt lúa và gieo kê trên bãi. Làm xong, vua că ´m một cành tre để chim khỏi ăn hại. Mị nương và dân làm theo vua, tra lúa, gieo kê, că ´m cành tre khă ´p đô `ng khă ´p bãi...

Vua Hùng còn dạy dân nhiệ `u thứ nữa. Dạy dân đặ p đê, đào giế ng, trô `ng khoai lang, rau kiệu... Bày cuộc nấ 'u cơm thi, làm cỗ, làm bánh thi, bày các cuộc hát hội mùa v.v... Một thời đại văn minh, một nê `n văn hoá, cố 't cách làm ăn, lô 'i số 'ng riêng, phong tục tập quán riêng của dân Việt phương Nam được mở ra từ đấ 'y.

Xã hội Văn Lang



hiên nhiên ưu đãi đấ t nước ta: đấ t đai phì nhiêu, nước dư thừa, nhiệt đấ y đủ. "Rừng vàng": nhiê `u gỗ quý, thú lạ, bên dưới mặt đấ t ẩn tàng nhiê `u quặng mỏ như đô `ng, thiế `c, sắ t, chì, kẽm... "Biển bạc": muố i và cá, ngọc trai, đô `i mô `i...

Nhưng cái thiên nhiên nhiệt đới gió mùa ẩm ướt với núi đô i trùng điệp và biển cả bao quanh này cũng rấ t khắ c nghiệt với con người. Thiên nhiên đó có nhiê u phâ n hoang dại. Rừng rậm. Thú dữ. Đâ m là y. Thuô ng luô ng, cá sấ u. Bão tố và lụt lội. Nă ng cháy và hạn hán. Con người thời dựng nước trước hế t phải đùm bọc nhau, đô ng cam cộng khổ, sáng tạo kĩ thuật, mài đô đá, khai quặng mỏ, đúc đô đô ng, tấ n công liên tục vào thiên nhiên. Họ chố ng thú dữ. Họ tìm hiểu cỏ cây có ích. Họ phá rừng lập ấ p, gác gỗ dựng nhà sàn. Họ đẵn gỗ, đóng thuyê n, kế t mảng...

Công việc chính là làm ruộng. Người Việt trô `ng lúa, trô `ng khoai, đỗ, trô `ng cây ăn quả, trô `ng rau dưa... Với lương thực â ´y, thực phẩm â ´y, người Việt đã chế ´ biế ´n những món ăn đậm đà hương vị

dân tộc: đô` xôi, gói bánh chưng, giã bánh dày, làm bỏng rang, nâ´u rượu, làm mǎ´m...Tiê´ng chày tay giã gạo đã trở thành điệu nhạc quen thuộc trong nông thôn đâ´t Việt.

Trô ng lúa thì phải trị thuỷ và làm thuỷ lợi: đấ p đê khơi ngòi. Muố n khai khẩn châu thổ sông Hô ng mà không có tài trị thuỷ thì không xây dựng nổi cơ đô cho một đời số ng nông nghiệp định cư.

Sơn Tinh thắ ng Thuỷ Tinh là thiên anh hùng ca đượm màu thâ n thoại ngợi ca người Lạc Việt đánh thắ ng trận đâ u lũ lụt để giành lấ y những mảnh đấ t màu mỡ ven sông.

Cuộc số ng ngày càng được bảo đảm thì những gia súc lớn (trâu bò) và nhỏ (lợn, gà, chó...) quấ n quýt quanh con người ngày càng đông.

Người Việt trô `ng đay, gai, trô `ng dâu, chăn tă `m. Ươm tơ dệt lụa, dệt vải. Những chàng trai có khăn khố ´ đẹp. Những cô gái có váy áo thêu: Nghê ` dệt đã có những cơ sở ban đã `u. Cạnh đó nhiê `u nghê ` thủ công khác phát triển. Luyện kim đô `ng thau. Đúc rìu làm công cụ. Đúc giáo mác, mũi tên, áo giáp... làm vũ khí. Đúc vòng tay, hoa tai, nhẫn... làm đô ` trang sức. Đúc trố ´ng đô `ng, chiêng đô `ng, chuông, lục lạc làm nhạc cụ trình diễn trong hội hè và lễ nghi tôn giáo... Nặn nô `i niêu làm đô ` nấ ´u, thạp vò làm đô ` đựng. Đan rổ rá, thố ´, gùi, nong nia làm đô ` dùng trong nhà. Đan thuyê `n nan, đóng thuyê `n gỗ, kế ´t mảng bương làm phương tiện giao thông vận tải và đánh cá. Thủ công nghiệp phát triển đế ´n như vậy là bă `ng chứng của một phân công lao động xã hội đã tỉ mỉ. Đấ ´y cũng là bă `ng chứng của một nê `n kĩ thuật cao, của bàn tay điêu luyện vố ´n đã có một quá trình chuyên trách lâu năm.

Có phân công mới có trao đổi. Từ Văn Lang, trố ng đô ng Lạc Việt được truyề n bá lên đấ t Điề n (Vân Nam), đấ t Thục (Tứ Xuyên) và

xuô ng các hải đảo phía Nam (Mã Lai, JaVa...).

Từ Việt Nam, văn hoá Đông Sơn toả chiế uảnh hưởng ra toàn Đông Nam Á. Sinh hoạt văn nghệ, tôn giáo bao quanh hội mùa dân gian. Hội làng với "Gái tháng hai, trai tháng tám". Cảnh múa hát vũ trang và hoá trang theo nhịp trố ng đô `ng trâ `m hùng, hoà với tiế ng khèn tình tứ. Cảnh đua thuyê `n sôi nổi trên sông nước được chạm khắ c trên trố ng đô `ng Ngọc Lũ, Hoàng Hạ. Đã tìm thấ y những cặp tượng người cõng nhau nhảy múa, thổi khèn. Thời Hùng Vương phong tục thuâ `n hậu, chấ t phác. Ai cũng xăm mình, búi tóc, că ´t tóc ngắ ´n. Cũng có người tế ´t tóc đuôi sam. Ai cũng thích đeo hoa tai và nhiê `u vòng tay bà `ng đá mài tiện gọt tinh vi, bà `ng đô `ng đúc khéo và bóng.



Người Việt cổ nhuộm răng ăn trâ u. *Miê ng trâ u đâ u câu chuyện*. Hội mùa là dịp trai gái gặp gỡ, múa hát giao duyên. Ưng ý

nhau thì lâ y nhau, mẹ cha không ngăn câ m. Dân nông nghiệp thờ thâ n Đâ t, thâ n Mặt Trời (hình ngôi sao giữa mặt trố ng đô ng).

Tính cách con người đã dâ n dâ n hun đúc: làm ruộng giữa một thiên nhiên vừa phong phú vừa khắ c nghiệt đã dâ n dâ n rèn luyện người Việt cổ có đức tính kiên gan, bê n chí, thông minh và sáng tạo, song vẫn không kém vẻ hô n nhiên, giản dị.

Một số lượng cực kì phong phú vũ khí đô ng thau phát hiện được, đủ nói lên ră ng bấ y giờ chiế n tranh có tính chấ t thường xuyên và quy mô ngày càng lớn. Nước Văn Lang ở vào vị trí tiế p xúc giữa đấ t liê n và hải đảo, là ngã tư đường của các luô ng dân cư và văn hoá giao lưu. Thuận tiện đấ y mà cũng khó khăn đấ y. Nhu câ u chố ng ngoại xâm để bảo vệ quê cha đấ t tổ, bảo vệ cuộc số ng riêng đã trở thành một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự lớn mạnh nhanh chóng của xã hội Văn Lang. Con người Việt cổ vừa mới cố sức vươn mình lên khỏi cuộc số ng tự nhiên đâ y khó khăn gian khổ giữa rừng rậm, đô ng là y thì liê n đó phải đương đâ u với lũ ngoại xâm. Cậu bé làng Gióng ba năm nă m trên chống đá "chẳng nói chẳng cười" nhưng vừa nghe tin có giặc thì đã "vụt lớn lên như thổi". Gióng ăn liê `n một lúc hế t:

Bảy nong cơm, ba nong cà,

Uố ng một hớp nước cạn đà khúc sông.

Và Gióng lên đường ra trận. Theo Gióng đi đánh giặc có người dân cày đang câ`m vô` đập đâ´t, có người câu cá, người đi săn, có cả đoàn trẻ chăn trâu... Gióng cùng toàn dân đánh giặc, vút roi să´t, quâ´t tre ngà xuô´ng đâ`u giặc:

Đứa thì đứt mũi sứt tai

Đứa thì chế t nhóc vì gai tre già.

Giặc thua thảm hại. Cả đấ t nước mừng vui với chiế n thắ ng thâ n kì. Câu chuyện Thánh Gióng là bản anh hùng ca bấ t tuyệt, ngợi ca tinh thâ n chiế n đấ u bấ t khuấ t vì độc lập, tự do của dân tộc ta trong thuở khai sinh. Người anh hùng làng Gióng là hình ảnh tuyệt đẹp của nhân dân ta trưởng thành nhanh chóng trong gian lao vì nạn nước. Cũng như cậu bé làng Gióng, đấ t nước này, dân tộc này vừa mới có ý thức thì hai vai đã gánh nặng hai nhiệm vụ: làm ăn và đánh giặc. Chính vì vậy mà dân tộc ta sớm đã được tôi luyện trong ý thức dựng nước và giữ nước. Hai mặt cơ bản đó của đời số ng xã hội Việt Nam gắ n bó với nhau, thể hiện trong tư thế vừa sản xuấ t vừa chiế n đấ u của người Việt Nam trong lịch sử.

Làng Việt Nam xưa gọi là *chạ* "chung chạ", ăn chung ở chạ. Có việc vui, buô `n thì "trình làng trình chạ". Khi chưa có nước, thì ăn ở với nhau "trong họ ngoài làng". Các công xã, các bộ lạc họp thành liên minh bộ lạc. Liên minh bộ lạc trải qua một thời gian quá độ, dâ `n dâ `n mang bóng dáng của một Nhà nước sơ khai. Đô `kim loại làm cho kinh tê ´ tiểu nông ra đời. Giàu nghèo bắ ´t đâ `u phân biệt: Có mộ người giàu chôn theo hàng trăm đô `đô `ng, cả gươm đô `ng và trố ´ng đô `ng là những vật tiêu biểu cho quyê `n uy. Có mộ người nghèo, chôn theo chỉ vài ba niêu đấ ´t. Chế ´ độ của riêng nảy nở. Sang hèn đã cách biệt. Có đâ `y tớ nhà giàu (nô tì). Có bình dân (Lạc dân). Có quý tộc (Lạc hâ `u, Lạc tướng). Và trên hê ´t có thủ lĩnh tô ´i cao: Hùng Vương.

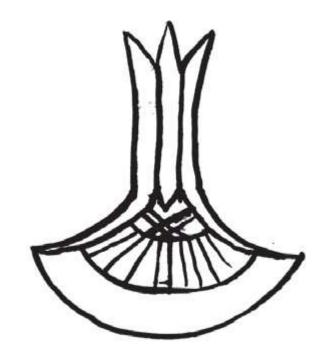
Nhưng nước không phủ định làng. Mà họ hàng làng nước xoắ n xuýt với nhau: Việc làng việc nước. Việc làng là việc nước. Việc nước cũng là việc làng. Và thường thì "phép vua còn thua lệ làng". Vua Hùng đã cha truyề `n con nổ i. Con trai vua đã gọi là lang, là đạo, con gái vua đã gọi là mệ là nàng (mị nương) để phân biệt với dân.

Nhưng vai trò người đàn bà, người mẹ vẫn quan trọng: *Con dại cái mang, Cha sinh chẳng tày mẹ dưỡng...* Con gái vua - mị nương Tiên

Dung vẫn tự nguyện gá nghĩa cùng chàng trai nghèo họ Chử (Chử Đô `ng Tử) tình cờ gặp nhau trên bãi Màn Trò (Khoái Châu, Hưng Yên).

Xã hội Văn Lang đã bước đâ u có sự phân hoá giai cấ p. Nhà nước đã nảy sinh, nhưng nói chung nhân dân còn thuâ n hậu, chấ t phác, vẫn bảo lưu nhiệ u truyệ n thố ng tố t đẹp của thời kì công xã tự do.

Chín Chúa tranh Vua



bì Hùng Vương thứ 18 (nửa sau thế kỉ 3 TCN⁽¹⁰⁾), ở phía nam nước Trung Hoa láng giê `ng và giáp miê `n đông nước Văn Lang anh em có nước Nam Cương (gô `m đấ t Cao Bă `ng và một vài vùng lân cận ngày nay). Kinh đô của Nam Cương là Nam Bình (hay Cao Bă `ng, nay là Hoà An, Cao Bă `ng). Vua nước Nam Cương là Thục Chê ´, cai trị chín xứ. Mỗi xứ lại có một chúa mường cai quản⁽¹¹⁾. Dân Nam Cương vô ´n có nhiê `u mô ´i quan hệ giao lưu kinh tê ´, văn hoá với dân Văn Lang và đã nhiê `u lâ `n đánh tan quân xâm lược của phong kiế ´n Sở, Tâ `n.

Thục Chế làm vua được 60 năm, thọ 95 tuổi. Con trai là Thục Phán mới mười tuổi đâ u. Việc nước được trao cho Thục Mô, cháu vua Thục Chế.

Chín chúa Mường nghe tin Thục Chế chế t, kéo quân về vây kín kinh đô. Ngựa lừa đóng đâ y thung lũng. Thuyê n bè đậu kín mặt sông. Các chúa đòi Thục Mô trả ngôi vua cho Thục Phán. Thục Mô nghe theo, ra bản ở với dân.

Nhưng các chúa lại vặn vẹo ră ng Thục Phán còn bé dại, đòi Thục Phán cấ t đấ t chín nơi trong huyện ở kinh đô để trao cho chín chúa. Như thế thì còn đâu là đấ t nhà vua nữa?

Thực Phán tuy nhỏ tuổi song rấ t thông minh, lại có nhiề u người tài giỏi, lấ m mưu nhiề u mẹo giúp việc. Biế t các chúa muố n giành ngôi báu, Thực Phán bảo các chúa rã ng: "Ta sẵn sàng nhường ngôi báu ngay cho các chúa. Song, ngôi vua chỉ có một mà chúa những chín người, ta biế t nhường ai? Các chúa hãy cùng nhau giao đấ u tranh tài, ai hơn thì ta sẽ trao ngôi vua ngay lập tức".

Nghe Thục Phán nói vậy, chúa nào cũng chặ c mẩm mình sẽ được làm vua. Các chúa hăm hở rủ nhau ra bãi cỏ trước sân triệ u, cởi trâ n, đóng khô bao, cùng nhau thi tài võ nghệ.

Nhưng các chúa đề `u ngang sức ngang tài, không ai hơn ai kém. Đấ `u đề ´n tố `i vẫn chưa ai thă ´ng cuộc. Vua truyề `n bảo: "Chín chúa đã đua tài tranh sức cả ngày, chúa nào cũng tài giỏi, một chín một mười. Nước Nam Cương ta vì thể `càng thêm hùng cường, không giặc dữ nào dám xâm lấ `n cả. Nhưng vì không ai trội hơn ai, nên ta chẳng biể `t nhường ngôi cho chúa nào cả. Thôi, các chúa hãy về `tạm nghỉ. Ngày mai sẽ lại đua tài. Trong ba ngày đêm, ai có nghề `gì khéo hãy đem ra thi thố `, người nào xong đúng hạn là giỏi giang nhấ `t sẽ được nhường ngôi".

Các chúa đề `u cười thâ `m đặ c chí, tưởng chuyệ ´n này ngôi vua lấ y dễ như trở bàn tay. Còn Thục Phán thì suố t đêm trặ `n trọc suy

nghĩ: làm sao cho cuộc thi tài của các chúa lỡ dở, khiế n bọn họ không còn dám nhòm ngó ngôi báu nữa.

Sớm hôm sau, các chúa lục tục kéo tới sân triệ `u, mỗi người nhận làm một việc, hẹn đúng nửa đêm ngày kia mọi việc sẽ xong xuôi. Thục Phán liê `n chọn chín cô con gái tuyệt đẹp, giỏi võ, giỏi thơ lén đi theo các chúa, tuỳ thời cơ mà phá cuộc thi tài.

Chúa Nông Quang Thạc xin sang nước Ngô (tức Trung Quố c) mua một cái trố ng to, bịt da rô ng đem về , vì trố ng của vua Thục lâu ngày đã thủng. Chúa vừa đi, vừa chạy như bay. Hôm sau, để n kinh đô nước Ngô mua được một chiế c trố ng rấ t to. Xế chiế u, chúa đã vác được trố ng về để n dố c Khau Luông. Bụng đói, người đã thấ m mệt, nhưng còn một khắ c mới hế t hạn cuộc thi. Bỗng chúa thấ y một quán hàng mới dựng, chủ quán là một cô gái xinh đẹp tuyệt trầ n. Cô đon đả mời khách vào hàng nghỉ chân, lại dọn thịt rượu ra tiế p đãi. Nông Quang Thạc treo trố ng lên xà nhà rô i say sưa chè chén. Chủ quán chuyện trò vui vẻ, lại cùng nhau so tài vố nghệ. Nhân lúc Quang Thạc mải đi bài quyề n, cô gái liề n giơ kiế m cấ t đứt dây treo trố ng. Trố ng lăn từ sườn non xuố ng vực thẳm, tiế ng vang âm vọng khấ p các mường bản gầ n xa... Tầ n ngầ n tan mộng để vương, Quang Thạc đành quay về mường bản (12).

Chúa Lý Kim Đán rấ t giỏi thuật bắ n cung. Chúa xin thi bắ n rụng hế t lá trên cây đa um tùm trước cung vua. Kim Đán giương cung bắ n ào ào từng trận. Tên bắ n lên lá rụng rào rào, chim chóc bay xôn xao trước gió. Đế n chiế u tố i ngày thứ ba thì chỉ còn lơ thơ vài chiế c lá non trên ngọn cây đa. Kim Đán nghĩ bụng: vội gì, hãy nghỉ tay chút đã. Vừa lúc đó, một cô gái đẹp, người nhà Thục Phán tới lân la hỏi chuyện, nài xin Kim Đán cho mượn cung tập bắ n. Kim Đán mải nhìn người đẹp, mê mắn tâm thâ n. Cô gái giả bộ xem cung, lén đưa dao nhỏ giấ t sẵn trong lưng cắ t dây cung gâ n đứt đưa trả lại Kim Đán rô i đi về . Kim Đán ngắn ngơ trông theo dáng hình

người đẹp cho để n khi trời chạng vạng tố i mới hăm hở giương cung bắ n tiế p. Nhưng than ôi! Dây cung đã chùng, tên nào tới được ngọn đa? Kim Đán uấ t ức, bỏ dở cuộc thi, buô n bực ra vê .

Chúa Hoàng Tiế ´n Đạt vố ´n thạo nghê `làm ruộng. Tài cấ ´y nhanh của chúa nổi tiế ´ng khắ ´p xa gâ `n. Chúa quyế ´t phen này ra tay "nhỏ mạ Phiêng Pha cấ ´y nà Tổng Chúp"(13). Tiế ´n Đạt đã suy tính kĩ. Ngày thứ nhấ ´t bừa ruộng, ngày thứ hai nhỏ mạ, ngày thứ ba cấ ´y lúa. Cứ thế ´ mà làm là ăn chắ ´c. Suố ´t ba ngày, Tiế ´n Đạt làm liê `n tay không nghỉ. Ngước mắ ´t nhìn lên: cánh đô `ng mới cấ ´y xanh ròn, chỉ còn một khoảng con con. Tiế ´n Đạt bụng bảo dạ: khoảnh ruộng con kia, cấ ´y giật lùi nháy mắ ´t cũng xong, đi đâu mà vội. Bỗng đâu một cô gái đẹp tựa tiên nga, đi ngang thửa ruộng, buông lời thán phục: "Chà, ruộng một nơi, nương mạ một nơi mà đã cấ ´y xong rô `i. Cấ ´y nhanh hơn chim lượn trên trời, nhanh hơn tên bay vun vút". Tiế ´n Đạt phổng mũi tự hào, vui vẻ bắ ´t chuyện.

Cô gái mời Tiế n Đạt về nhà, ăn uố ng, nghỉ ngơi lấ y sức, rồ i hãy cấ y nổ t: "Lát nữa, em ra tay cấ y giúp, chỉ một loáng là xong, chó ngại". Về nhà, cô mổ gà làm cơm, bày rượu thịt thế t đãi. Tiế n Đạt vừa mệt vừa đói, càng ăn càng ngon miệng, càng uố ng càng say mề m, lăn ra làm một giấ c để n sáng, chẳng còn nghe thấ y cả tiế ng trố ng hiệu nữa. Đám ruộng chưa cấ y xong biế n thành một mô đấ t bă ng cái nón, đời xưa có tên là Tổng Chúp (14).



Các chúa khác, chúa thì thi làm thơ, chúa thì thi xây thành, chúa thì thi mài lưỡi cày thành kim... nhưng đề `u vì đã ´m say tửu sã ´c mà dở dang công việc. Thể ´ là chín chúa Mường thi tài tranh nước, chả chúa nào thắ ´ng cuộc, thành công. Thục Phán mưu cao chước lược hơn người vẫn giữ nguyên ngôi báu. Nhân dân trăm họ càng mế ´n yêu người thủ lĩnh trẻ tuổi, mưu tài, mẹo giỏi. Nước Nam Cương ngày một hùng cường.

Đắp thành Cổ Loa



gày nay, qua huyện Đông Anh thuộc ngoại thành Hà Nội, ta còn thấ y sừng sững ba vòng thành đấ tôm vào lòng cả một vùng quê rộng, gô m nhiê ù thôn xóm. Tên thành: Cổ Loa. Đây là một thắ ng cảnh thu hút nhiê ù khách tham quan. Ai không sửng số t trước quy mô của ngôi thành, mà vòng ngoài lượn trên 8.000 mét chu vi. Ai không ngạc nhiên trước kiế n trúc khác thường của nó, với ba vòng thành đấ t như lô ng cuộn vào nhau. Chẳng những thế, Cổ Loa còn là một di tích lịch sử quan trọng. Đây chính là trung tâm của nước Âu Lạc thuở xa xưa.

Tương truyề `n ră `ng: "Hô `i nước Âu Lạc mới ra đời, người anh hùng Thục Phán, tức An Dương Vương, đã tính ngay để ´n việc đặ ´p một ngôi thành lớn để chố ´ng lại mọi cuộc xâm lược từ phương Bặ ´c. Quân địch ngày càng tiế ´n gâ `n, nhà vua ngày đêm càng lo nghĩ. Một đêm, trời đã về `khuya. Vua vừa chợp mặ ´t, chợt trông thấ ´y một ông lão râu tóc bạc phơ, mặc áo đỏ tươi, tay chố ´ng gây trúc. Thục Phán chưa kịp ngô `i dây hỏi han, thì cụ già đã lên tiế ´ng hứa sẽ cho tiên

để n giúp vua đấ p thành. Từ đó, đêm đêm, khi mọi người đã yên giấ c, khi bố n bề lặng ngặ t, trên trời Cổ Loa lại xuấ t hiện hàng vạn cô tiên. Đã là tiên thì mặt phải đẹp như hoa, mặ t phải sáng như gương, phải mặc áo xanh, phải che yế m trắ ng, phải thắ t lưng quan lục bỏ múi sau lưng. Bàn chân các cô trắ ng như ngà, gót chân các cô đỏ như son. Đạp trên mây trắ ng, các cô lượn đi lượn lại, cuố i cùng đỗ xuố ng cánh đô ng ruộng cạnh kinh kì. Ở đây, các cô chia nhau, kẻ cuố c, kẻ gánh đấ t, kẻ đặ p thành...".

"Tiên hiện vê `đêm, chỉ làm việc vê `đêm. Hơn thế nữa, các cô phải đấ p xong thành trong một đêm. Sáng ra, các cô phải vê `trời, thành chưa đấ p xong tấ t bị bỏ dở. Trong vùng, có con ma Gà tră ng thường lẫn quấ t ở hang núi Thấ t Diệu (Yên Phụ, Bắ c Ninh). Vố n có thù cũ với Thục Phán, ma gà không thể để yên cho bâ `y tiên đặ p thành giúp vua. Chờ đế n nửa đêm, khi công trình xây dựng mới xong có một phâ `n, Gà tră ´ng cấ t tiế ´ng gáy. Tưởng trời să ´p sáng, các nàng tiên vội vã ra vê `, bỏ lại những đoạn thành dang dở. Vê `sau, có thâ `n Rùa vàng giúp rập, An Dương Vương giế ´t được Gà tră ´ng. Ma đã bị trừ, thành Cổ Loa được đǎ ´p xong trong một đêm".

Truyê `n thuyê ´t chỉ là truyê `n thuyê ´t. Chuyện tiên, chuyện ma là chuyện khó tin. Muô ´n đă ´p thành, con người phải ra tay đặ ´p lâ ´y. Nhưng truyê `n thuyê ´t không chỉ rặt những tiên và ma. Truyê `n thuyê ´t Cổ Loa còn nhiê `u tích gâ `n ta hơn, những tích kể chuyện con người. Các mẩu chuyện â ´y lại đưa ta quay vê `buổi bình minh của nước Âu Lac.

Số là, "khi nước Âu Lạc mới được thành lập, An Dương Vương còn tạm đóng ở kinh đô cũ của các vua Hùng, trong vùng Bạch Hạc thuộc tỉnh Phú Thọ ngày nay". Miề `n trung du, với núi đô `i thoai thoải, với những thung lũng ép giữa các điểm cao, đã từng tạo điề `u kiện cho con người thoát ra khỏi núi rừng và hang động mà phát triển trô `ng trọt, chăn nuôi. Nhưng, để ´n lúc bấ ´y giờ, khi con người đã bước

đâ`u vê` xuôi, đã biế´t lợi dụng gò cao mà dựng nhà lập xóm để trô `ng lúa nước trên những cánh đô `ng ruộng, thì đấ´t trung du không còn là trung tâm thuận lợi nhấ´t để dựng nước nữa. Phải xuôi vê `đô `ng bă `ng! Có lẽ chính vì thế´ mà truyê `n thuyế´t kể ră `ng: "An vị chưa bao lâu, An Dương Vương đã tính đế´n chuyện dời đô". Vẫn theo lời kể, "tướng Cao Lỗ, người có công giúp Thục Phán dấ´y nghiệp, cũng khuyên vua chọn đấ´t lành mà định đô, xây thành vững để giữ nước".

"Thế rô i An Dương Vương cùng quâ n thâ n và quân sĩ xuôi thuyê n theo dòng sông Cà Lô vê miê n đô ng bă ng trù phú. Một hôm, thuyê n vua dừng lại ở Phù Lỗ (thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội ngày nay). An Dương Vương lên bộ thăm thú phong cảnh trong vùng...".



"Chạ Chủ⁽¹⁵⁾ chiế m cả một vùng cao ráo, thoáng đãng, nhà nhà san sát trên những gò thoai thoải ở hai bên triề n sông". Ai đế n thăm Cổ Loa ngày nay còn có thể ngă m dòng Hoàng Giang uố n lượn từ Đông Nam sang Tây Nam, như ôm â p, như che chở cho làng xóm. Các cụ bảo rã ng, ngày â y "trên bế n người đông như hội, dưới sông thuyề n bè ngược xuôi tấ p nập". Từ Hoàng Giang, thuyề n có thể ra sông Cái⁽¹⁶⁾ ngược lên phía Bắ c, hoặc theo dòng sông Câ u

xuôi vê bế n Lục Đâ u mà ra biển. Quan sát, suy nghĩ, cân nhặ c..., "cuố i cùng, An Dương Vương quyế t định chọn Chạ Chủ làm nơi đóng đô".

"Vua cùng tướng Cao Lỗ bắ t tay vào xây dựng. Dân Chạ Chủ phải dời làng xuố ng vùng bãi ven sông, nhường đấ t cho vua đấ p thành". Truyề n thuyế t chỉ kể chuyện tiên hiện về giúp vua. Nhưng nhìn quy mô thành Cổ Loa ngày nay, ta có thể đoán rã ng hàng trăm thợ đã được điể u về đấ p lò, nung gạch, nung ngói... và hàng vạn dân trong vùng đã phải thay phiên nhau đi đào hào, dựng luỹ, đấ p thành.

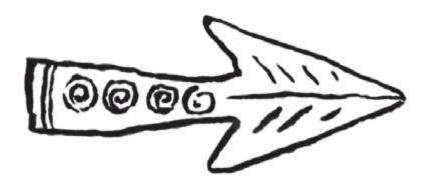
"Đâ`u Rô`ng là gò đâ´t cao rộng nhâ´t ở Cổ Loa. Tại đây, vua cho xây cung thấ t, nơi vua ở. Cạnh Cung thấ t, là điện Ngự triệ u, nơi vua ra mă t quâ n thâ n. Bên phải cung điện, có vườn hoa, có hô sen". Bao quanh khu cung cấ m này, là vòng thành trong, mà các cụ ở Cổ Loa còn gọi là "thành cấ m". Vòng thành giữa bọc lấ y vòng thành trong. Vòng thành ngoài boc lấ v vòng thành giữa. "Từ vòng thành ngoài để n vòng thành giữa là khu vực dành cho quan lai và quân lính". Thành trong hình chữ nhật, chu vi hơn 1.600 mét. Thành cao lă m, phải ba người công kênh nhau mới với đế n. Mặt thành rộng, quân có thể dàn hàng mười mà diễu quanh. Cổng chính ở phía nam, trông thẳng vào điện ngự triê `u. Hai vòng thành giữa và thành ngoài nương theo các gò cao, đố ng nổi, men theo bờ đâ m, bờ ao và các nhánh của Hoàng Giang. Trên mặt cả ba vòng thành từng quãng, từng quãng, lại nổi lên một ụ đấ t cao, gọi là "Hoả hô i": đứng trên mỗi ụ, có thể quan sát cả một vùng rộng. Mỗi vòng thành đề u có hào sâu bao quanh, các vòng hào lai thông với nhau và thông ra Hoàng Giang, hào rộng để n vài chục mét, thuyê n có thể xế p hàng đôi, hàng ba, mà đi lại vẫn dễ dàng.

Các gò đố ng vùng Cổ Loa, cộng với ba vòng thành khiế n đường đi lố i lại quanh co khuấ t khúc, địch có lọt vào chặ c cũng khó tiế n

sâu. Trên các hào rộng thông với Hoàng Giang và các sông lớn, thuyê `n chiế ´n ă ´t dễ dàng phố ´i hợp với quân bộ đánh địch. Công trình xây dựng to lớn và thông minh này của ông cha ta từ buổi đâ `u lập nước chặ ´c hẳn đã đòi hỏi nhiệ `u suy nghĩ. Có lẽ chính vì thế ´ mà từ bao đời rô `i, nhân dân Cổ Loa còn truyê `n tụng câu chuyện tiên đặ ´p thành và ma Gà trặ ´ng phá phách. Hàng vạn cô tiên đêm đêm đế ´n giúp vua chỉ có thể là những người lao động ở quanh vùng, và biế ´t đâu ở xa hơn nữa. Còn ma Gà trặ ´ng? Kẻ địch chặng? Hay là những cơn lũ lụt hàng nặm làm sụt lở các đoạn thành đặ ´p dở? Người ngày nay để ´n thăm cảnh cũ đặt ra câu hỏi, mà không sao trả lời được.

Nhưng ta chó vội thấ t vọng. Nế u một ngày gâ n đây, người bạn đọc nhỏ của chúng tôi có dịp để n chơi Cổ Loa, dưới những giọt mưa phùn nhẹ cuố i năm, hay giữa một ngày xuân â m áp, bạn sẽ thấ y những nhóm người mặc áo quâ n lao động đang lúi húi quanh những hố mới đào giữa cánh đô ng hay trên mặt thành. Họ là những nhà khảo cổ học. Hàng năm, để n mùa khô, các nhà khoa học mặc áo xanh â y lại về đây thăm lòng đấ t Cổ Loa, cố dò cho ra những bí ẩn quanh ngôi thành cổ.

Đánh rã năm mươi vạn quân Tần



a n chố ng giặc giữ quê â y xảy ra cách chúng ta gâ n tròn 2.200 năm, vào khoảng cuố i thế kỉ thứ 3 TCN.

Bấ y giờ, phâ `n lớn đấ ´t đai của Trung Quố ´c ngày nay vừa lọt vào tay của Tâ `n Thuỷ Hoàng. Ông vua nổi tiế ´ng là "khắ ´c bạc và tự đặ ´c" đó lại giương đôi mặ ´t thèm thuô `ng nhìn vê `phương Nam, nhòm ngó miê `n Bách Việt. Sừng tê, ngà voi, ngọc trai, đô `i mô `i, lông chim trả..., ở đây không thiế ´u gì của báu! Vào khoảng năm 218 TCN, thừa lệnh Tâ `n Thuỷ Hoàng, tướng Đô `Thư thố ´ng lĩnh 50 vạn quân, chia làm năm mũi tiế ´n xuố ´ng miê `n Bách Việt. Nửa triệu quân Tâ `n ra sức xẻ núi, đào ngòi, nố ´i sông..., mở đường đế ´n đâu tiế ´n quân đế ´n đâ ´y, tiế ´n quân đế ´n đâu chiế ´m đóng đế ´n đâ ´y. Chỉ sau vài năm, đạo quân xâm lược đã chiế ´m được gâ `n hế ´t vùng Lĩnh Nam (17.), chia đấ ´t thành quận, thành huyện, đặt quan cai trị theo lố ´i phương Bắ ´c.



Từ dải đấ t vừa bình xong, Đô Thư lại kéo quân đánh sâu nữa xuố ng phương Nam, tiế n vào vùng người Âu và người Lạc. Ngay từ buổi đâ u, quân xâm lược đã giế t chế t Dịch Hu Tố ng, một thủ lĩnh xuấ t sắ c của người Âu. Nhưng, cũng từ đấ y, chúng bắ t đâ u nế m mùi những đòn đánh trả thấ m thía của dân Âu Lạc.

Quân Tâ`n đông. Quân Tâ`n mạnh. Quân Tâ`n tiế nô at. Không thể mặt đố i mặt dàn quân đánh địch, người Âu Lạc bỏ nhà, bỏ ruộng, bỏ vườn, kéo vào rừng sâu, chuyển thóc gạo lên núi cao, tính chuyện kháng cự lâu dài. Trẻ, già, trai, gái, không ai ở lại vùng giặc chiế m. Quân Tâ`n tiế n đóng ở những làng xóm không người, không lương ăn, không chỗ trú chân...

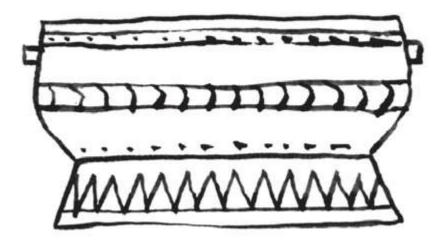
Trong rừng xanh, người Âu Lạc đã tập hợp lại. Họ cử những người gan góc nhấ t, thông thạo võ nghệ nhấ t, sẵn mưu trí nhấ t, làm tướng cầ m quân. Thục Phán là một trong những thủ lĩnh đó. Lánh vào rừng núi, người Âu Lạc đã tiế p tục làm ăn trô ng trọt ra sao để có thể nuôi quân đánh giặc lâu dài? Họ đã tổ chức dò la nghe ngóng

tình hình quân địch như thế nào? Những điê ù đó, ngày nay chúng ta chưa thể biế t được. Điệ ù chặ c chặ n là quân Âu Lạc được vũ trang khá tố t: vũ khí của họ là những cây giáo dài cặ m mũi đô ng nhọn hoặ t, là những rìu chiế n lưỡi xéo bặ ng đô ng sặ c ngọt, và nhấ t là những cánh nỏ lợi hại với những tên tre đâ u mũi bặ ng đô ng.

Đáng sợ nhấ t là lố i đánh của họ. Ban ngày, họ ở đâu làm gì, đố ai biế t được. Ẩn sâu trong rừng, chấ c hẳn họ luyện tập võ nghệ, thao diễn cung nỏ... Nhưng rồ ì, khi đêm xuố ng, họ bấ t thấ n xông ra đánh úp doanh trại địch. Cứ thế , cuộc đấ u tranh vũ trang của dân Âu Lạc tiế p diễn suố t chín, mười năm ròng. Binh sĩ Tâ n cứ bị tỉa dâ n... tỉa dâ n. Trong số 50 vạn quân hùng hổ kéo vào chiế m đóng quê hương Âu Lạc, trên dưới 20 vạn tên lâ n lượt bị giế t. Tướng Đồ Thư cũng bỏ mạng. Giặc thú nhận: "...Tiế n không được, thoái cũng không xong. Đàn ông quanh năm mặc áo giáp (18), đàn bà suố t ngày phải chở lương. Khổ không số ng nổi, họ tự thắ t cổ trên cây dọc đường...". Năm 209 TCN, Tâ n Thuỷ Hoàng chế t. Mộng tưởng xâm chiế m toàn bộ đấ t Việt phương Nam đành bỏ dở...

Đánh bại 50 vạn quân Tâ`n cách đây 22 thế kỉ, đó là chiế n công mở màn của ông cha ta từ buổi bình minh dựng nước.

Lý Ông Trọng



Ten đề sông Hồ `ng, bên cửa sông Nhuệ có ngôi đề `n nổi tiế ´ng tự ngàn xưa. Đó là đề `n Chèm, nay thuộc huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

Đề n thờ Lý Ông Trọng.

Có truyề `n thuyế ´t kể ră `ng Ông Trọng là một người khổng lô `, đã từng giúp Sơn Tinh (Thánh Tản Viên) giặng lưới sắ ´t trên sông Nhuệ trừ loài thuỷ tộc. Ông khổng lô `dạng chân, chân trái giẫm bên bờ trái, chân phải giẫm bên bờ phải sông Hô `ng, cúi người xuố ´ng nước, lấ ´y gươm sắ ´t khua khoặ ´ng, chém đứt con giải - là con vua Thuỷ Tê `, ra làm ba khúc. Â ´y vì thế ´ mà ba làng Hô ´i bên tả ngạn thờ giải, ba làng Chèm bên hữu ngạn thờ Ông Trọng. Dân chài trên sông Hô `ng ngày trước tin rặ `ng vì có kì tích đó của Ông Trọng mà cả một khúc sông Hô `ng từ bê ´n Chèm đế ´n bê ´n Phà Đen Hà Nội không bao giờ giải dám lai vãng đế ´n nữa.

Đấ y là chuyện Người khổng lô dất Chèm: một Lý Ông Trọng anh hùng chiế n đấu chố ng các lực lượng thiên nhiên.

Còn sau đây là chuyện Lý Ông Trọng của thời An Dương Vương.

Chuyện kể ră ng: Lý Ông Trọng, người làng Chèm, vóc cao lớn, khí chấ t cứng cáp, mạnh mẽ, khác hẳn người thường. Lúc trẻ, thời vua Hùng cuố i cùng, làm một chức nhỏ ở huyện ấ p, bị quan trên quở phạt. Vì sao ông bị quở phạt thì mỗi người kể một cách. Có người bảo vì ông thấ y tên lính đánh đập dân phu, ông tức giận giế t chế t tên lính đó. Có người bảo ông giỏi võ, vào triề u thi đấ u, lõ tay giế t chế t một lực sĩ của vua. Có người lại bảo vì ông phá kho thóc của vua đem chia cho dân nghèo đang lâm nạn đói... Tấ t cả mọi lời kể đề u thố ng nhấ t ở chỗ vì vua thương ông là người có tài nên không nỡ giế t...

Bị quở phạt, ông than ră ng: "Làm người nên có chí hăng hái như chim phượng hoàng bay muôn dặm xa, sao chịu làm tôi tớ người, để cho người mă ng nạt!". Ông liê n bỏ chức, đi xa câ u học, câ u tiế n.

Sau ông làm tướng cho An Dương Vương Thục Phán.

Mười năm kháng chiế n chố ng xâm lược Tâ n, lúc quyế t đánh, lúc tạm hoà hoãn, An Dương Vương đã cử Lý Ông Trọng đi sứ sang nước Tâ n.

Khi â´y, ở biên giới phía Bắ´c, nhà Tâ`n hay bị quân Hung Nô quâ´y nhiễu. Tâ`n Thuỷ Hoàng đã xây dựng Vạn Lý Trường Thành để ngăn chặn mà vẫn không trừ được mố´i hoạ Hung Nô.

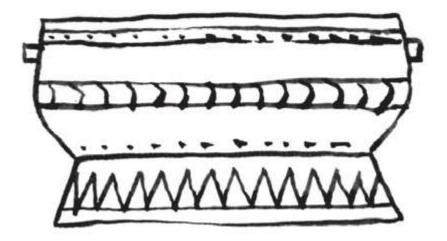
Có Lý Ông Trọng là tướng tài của An Dương Vương sang sứ, vua Tâ`n nhờ Lý Ông Trọng đem quân đánh Hung Nô giúp Tâ`n. Ông Trọng đem quân Tâ`n ra giữ đâ´t Lâm Thao (nay thuộc tỉnh Cam Túc, Trung Quô´c). Đánh trận nào, thă´ng trận đó, quân Hung Nô kinh sợ. Uy danh Lý Ông Trọng vang đội, Hung Nô không đám xâm pham cửa ải nhà Tâ`n.



Tâ`n Thuỷ Hoàng phong thưởng cho Ông Trọng rấ´t hậu, ban tước cao, lại gả công chúa cho ông. Nhưng Ông Trọng khăng khăng xin về `nước, về `quê yên nghỉ tuổi già. Tâ `n Thuỷ Hoàng bèn đúc đô `ng làm tượng theo hình dạng Ông Trọng, dựng ở cửa Kim Mã kinh thành Hàm Dương (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quố c). Trong tượng chứa được hàng chục người. Mỗi khi có sứ giả nước ngoài đế n, lại sai người chui vào trong tượng để cử động ngâ `m. Hung Nô trông thấ 'y, cho ră `ng Ông Trọng còn ở đấ 't Tâ `n, sợ uy không dám động tới cửa ải.

Từ đó, Trung Quố c có lệ gọi những pho tượng lớn đó là Ông Trọng⁽¹⁹⁾.

Ông Nồi



ó một nhà nghèo quê ở Hương Canh (nay thuộc huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc), làm nghê `nặn nô `i niêu. Bố ´ mẹ sinh được một đứa con trai, đặt tên là cu Nô `i.

Nô i càng lớn càng thông minh, lại giỏi võ, giỏi vật nhấ t vùng.

Gặp khi An Dương Vương mở kì thi võ để chọn người tài chố ng giặc ngoại xâm, dân làng tiế n cử đô Nô i và cấ p tiế n gạo cho anh về kinh thi võ.

Đô Nô ì đã không phụ lòng tin yêu của dân làng. Anh giật giải võ, giải vật và được cử làm tướng trong triê `u đình Âu Lạc.

Gâ`n kinh đô Cổ Loa có làng Chiêm Trạch. Trong làng có cô gái mô` côi bố´ mẹ, ở với cậu. Cô gái lâ´y ông Nô`i và sinh được hai con trai, đặt tên là Đố´ng và Vực. Lớn lên, Đố´ng và Vực cũng theo giúp An Dương Vương.

Triệu Đà phát quân xâm lược Âu Lạc. Ba bố con ông Nô i chiều mộ dân Chiêm Trạch làm binh, được vua Thục cấ p cho nỏ bấ n một

lâ n nhiê u phát, đã nhiê u lâ n đẩy lùi quân Triệu.

Triệu Đà sai con trai là Trọng Thuỷ sang Âu Lạc câ`u hoà và câ`u hôn với công chúa Mỵ Châu, ba cha con ông Nô`i can ngăn An Dương Vương:

- Lòng người khó dò biế t, không nên nhẹ dạ cả tin!



Vua Thục không nghe lời nói phải.

Ba cha con ông Nô`i phải bỏ chức, vê` Chiếm Trạch làm ruộng.

Ít năm sau, Triệu Đà lại phái quân xâm lược Âu Lạc. Lâ`n này An Dương Vương bị thua. Sau khi chém con gái, vua đã nhảy xuô ng biển tự tử.

Triệu Đà thắ ng trận, quân Triệu chiế m đô cũ Cổ Loa. Triệu Đà sai người để n Chiếm Trạch triệu ba cha con ông Nô i, ngỏ ý phong quan tước để mua chuộc. Ba cha con ông Nô i lớn tiế ng mắ ng Triệu Đà là quân phản bội. Ông tỏ ý tức giận không chém được đâ u giặc để trả thù cho vua Thục chứ khi nào lại chịu làm tôi tớ cho quân cướp nước.

Mua chuộc không được, Triệu Đà tiế n quân bao vây Chiêm Trạch. Ba cha con ông Nô i đố c suấ t dân làng chiế n đấ u chố ng giặc. Sau vì thế yế u, hai vợ chô ng ông Nô i cùng các con phá vòng vây về Hương Canh quê cũ. Giặc đem quân đuổi theo, vây Hương Canh rấ t gấ p.

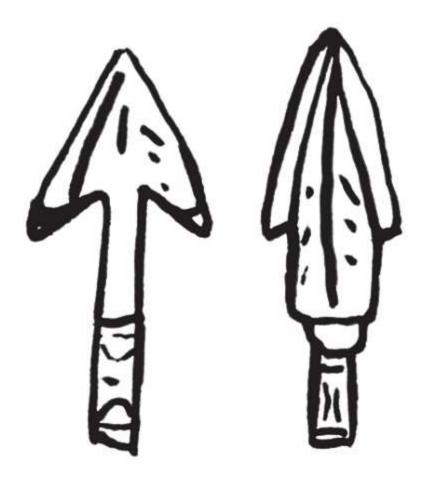
Hai vợ chô `ng ông Nô `i phải giả trang làm người bán nô `i, gánh nô `i đấ ´t trô ´n ra. Và lại quay vê `Chiêm Trạch. Chẳng may giặc Triệu phát giác được ngay và tức tô ´c đuổi theo. Tới Chiêm Trạch, cổng làng đã đóng chặt. Hai vợ chô `ng ông Nô `i gọi cổng. Dân làng thấ ´y hai người gánh nô `i, ngỡ là quân giặc giả trang đánh úp, không dám mở cổng cho vào. Giặc đã tới gâ `n, thấ ´y khó bê `chạy thoát, hai vợ chô `ng ông Nô `i đã rút dao tự vẫn để khỏi sa vào tay giặc. Hai hôm sau, hai con trai ông Nô `i cũng trô ´n vê `Chiêm Trạch. Thấ ´y bô ´ mẹ đã chê ´t, hai ông cũng tự tử theo.

Cả gia đình bố n người được dân làng chôn ở khu gò ngoài rìa làng, dưới chân đề sông Đuố ng. Nơi ấ y khi xưa có nhiề u cây cố i um tùm, gọi là "Gò Thánh hoá". (20)

Ông Nô i cùng vợ và hai con được nhân dân hai thôn Ngọc Chi và Vĩnh Thanh (nay thuộc xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, ngoại thành

Hà Nội) lập đề `n thờ.

Ông Nỏ hay tướng quân Cao Lỗ



ng Nỏ, tục gọi là đô Lỗ (đô Nỏ), sử cũ thường gọi là Cao Lỗ, là một vị tướng giỏi của An Dương Vương, người vùng Vũ Ninh (nay thuộc huyện Quế Võ, Bắ c Ninh). Trong việc vua Thục thay thế vua Hùng, Cao Lỗ có công lớn. Truyề n thuyế t kể ră ng ông cùng chủ Thục Phán đã mở cửa sau kinh thành Văn Lang cho quân Thục kéo vào, buộc vua Hùng nhường ngôi cho Thục Phán. Hôm â y là ngày 6 tháng Giêng.

Ngày mô ng Chín cùng tháng. Thục Phán lên ngôi, xưng là An Dương Vương. Cao Lỗ được vua Thục hế t sức tin dùng. Được ít lâu, Cao Lỗ khuyên vua Thục dời đô xuố ng miê n đô ng bă ng. Ông giúp vua xây thành Cổ Loa, một công trình phòng vệ kiên cố, lợi hại để chố ng quân xâm lược.

Cao Lỗ lại chế được loại nỏ *bă n một lâ n nhiề u phát*, đâ u mũi tên bă ng đô ng. Nỏ mới, bă n được xa, bă n được nhiề u mũi tên một lúc, trở thành vũ khí lợi hại của người Âu Lạc. Vì vậy người ta gọi là nỏ thâ n.

Hàng vạn quân sĩ Âu Lạc, dưới quyề `n chỉ huy của tướng quân Cao Lỗ, đã ngày đêm tập bắ ´n nỏ thâ `n. An Dương Vương đứng trên đài Ngự xạ ở kinh thành Cổ Loa xem tướng quân Cao Lỗ dạy quân sĩ tập bắ ´n. Vua tỏ ý rấ ´t hài lòng. Cao Lỗ được cử làm tướng coi giữ cửa Bắ ´c, một vị trí xung yế ´u bậc nhấ ´t của Loa thành.

Triệu Đà xâm lược Âu Lạc. Quân ông Nỏ bắ n tên như mưa, giặc chế t như rạ. Triệu Đà sợ lắ m, phải lui quân. Nhưng vố n là tên xảo quyệt, lắ m mưu nhiệ u mẹo, Triệu Đà sai con trai là Trọng Thuỷ sang làm con tin ở triệ u Âu Lạc, giả vờ xin hàng An Dương Vương. Triệu Đà lại xin cưới My Châu làm vợ Trọng Thuỷ và cho Thuỷ ở rề bên Âu Lac.

Nhiê `u người yêu nước trong triê `u đình Âu Lạc hế t sức can ngăn An Dương Vương đừng gả Mỵ Châu và đừng cho Trọng Thuỷ ở lại kinh đô Âu Lạc. Trong số ´đó có tướng quân Cao Lỗ. Cao Lỗ nói với vua:

- Nó mượn cớ câ u hoà và câ u hôn để mưu cướp nước ta đó thôi!

Nhà vua không nghe, cứ gả con gái cho Trọng Thuỷ, lại cho Trọng Thuỷ ở rể tại Cổ Loa.

Cao Lỗ cử người giám sát chặt chẽ mọi hành vi của Trọng Thuỷ. Đi đâu, bắ t gặp cái nhìn sắ c sảo của Cao Lỗ, Trọng Thuỷ cũng sởn tóc

gáy, cảm thấ y ớn lạnh cả người. Thuỷ giả vờ ngỏ ý với vợ là muố n về Bắ c. Mỵ Châu đem việc đó tâu với vua cha. Tướng Lạc hâ u, vì ghen tài với Cao Lỗ và vì bị họ Triệu mua chuộc, cũng gièm pha Cao Lỗ với vua.



An Dương Vương đố i đãi với Cao Lỗ ngày càng bạc bẽo. Cao Lỗ cuố i cùng phải bỏ đi. Cao Lỗ nhă n lại vua:

- Giữ được nỏ thầ `n thì giữ được thiên hạ. Mấ t nỏ thầ `n thì sẽ mấ t thiên hạ! Nỏ thầ `n tượng trưng cho bí mật quố c gia.

An Dương Vương đặt tình nhà lên trên nghĩa nước, ngày càng coi thường giặc, lo là việc nước, bỏ bễ việc quân. Nhiê `u người trong hàng ngũ quý tộc Âu Lạc bị Triệu Đà dùng của cải mua chuộc. Chưa đâ `y ba năm, Trọng Thuỷ trô ´n vê `nước, báo với Triệu Đà tình hình Âu Lạc. Đà phát quân xâm lược Âu Lạc lâ `n nữa. Và lâ `n này An Dương Vương đã thấ ´t bại.

Nghe tin giặc tới, Cao Lỗ lật đật trở lại kinh thành Cổ Loa, xông pha trận tiê `n, cản giặc cho vua chạy. Cuố i cùng, lực tàn, thân yế u, tướng quân Cao Lỗ, người anh hùng quả cảm đã ngã gực trên mảnh đấ ´t Cổ Loa lịch sử. Dân làng quê ông (Bình Than, gâ `n Phả Lại)

cũng như dân Cổ Loa và nhiệ`u nơi khác đã lập đề`n thờ tướng quân Cao Lỗ.

Người con gái nhẹ dạ



y Châu là con gái yêu của An Dương Vương. Nàng lớn lên khi thành Cổ Loa đã được đặ p xong từ lâu.

Từ ngày có thành vững, nhà vua đã nhiê `u lâ `n đánh lui được quân của Triệu Đà từ phương Bắ c kéo xuố ´ng. Thấ ´t bại, Triệu Đà vẫn canh cánh mộng xâm lăng Âu Lạc.

Bấ y giờ An Dương Vương đã già. Triệu Đà giả vờ câ `u hoà. Quỷ quyệt hơn nữa, y còn gửi con trai là Trọng Thuỷ qua Âu Lạc làm con tin. Gọi là làm con tin, nhưng thực ra là để dò xét tình hình Âu Lạc và công trình phòng thủ Cổ Loa. Làm đúng lời cha dặn, Trọng Thuỷ câ `u hôn, và khi đã được An Dương Vương gả con gái cho, thì y xin ở lại gửi rể.

Kể ra, các tướng Cao Lỗ, Nổ ì Hấ `u... cũng lường trước được mưu giặc, nên đã hế t lời can ngăn nhà vua. Tuổi già, An Dương Vương chỉ mong an hưởng thái bình, không chịu nghe lời nói phải. Và Mỵ Châu, nàng công chúa hế t sức xinh đẹp nhưng rấ t đỗi ngây thơ, lại bị cái vẻ ngoài dễ coi và lời nói êm tai của Trọng Thuỷ mê hoặc.

Thế là Trọng Thuỷ ở lại Cổ Loa gửi rể. Mưu Triệu Đà bước đâ u thành công. Nhưng, dò xét bí mật phòng thủ Cổ Loa đâu phải dễ dàng. Cao Lỗ, tướng chỉ huy quân sĩ giữ thành vẫn còn đó. Ông theo Trọng Thuỷ từng bước, không để y tự tiện đi lại và dòm ngó. Trọng Thuỷ hiểu ră ng không trừ được vị lão tướng đó thì không xong...

Một tố i, y trở mình thở dài não nuột. Chờ cho vợ hỏi gặng mấ y lâ n, y mới rỉ tai:

- Có lẽ ta phải xa nàng vê Bắ c...

My Châu sửng số t hỏi dố n. Bấ y giờ, Trọng Thuỷ mới kể lể... thôi thì trăm lời đường mật, lời nào cũng chỉ nhã m xui My Châu nài cha đuổi Cao Lỗ khỏi kinh thành.

My Châu mù quáng tin chô ng. Còn An Dương Vương thì đặt tình nhà trên nghĩa nước. Thế là vị tướng già đã bao phen giúp vua giúp nước phải rời Cổ Loa trở về quê cũ.

Từ nay, Trọng Thuỷ mặc sức tung hoành. Mọi đường đi lố i lại, y đã nă m tường tận. Y còn bỏ tiế n của mua chuộc một số tướng lĩnh, để khi câ n thì có sẵn tay chân làm nội ứng. Chỉ còn chiế c nỏ thâ n...

Số là, khi Rùa Vàng đã trừ xong ma Gà trắ ng hộ An Dương Vương. Thâ n còn biể u thêm một cái móng chân để vua làm lẫy nỏ. Với móng rùa làm lẫy, nỏ bắ n trăm phát trăm trúng. Cùng với thành Cổ Loa kiên cố, nỏ thâ n đã bao phen giúp vua đánh lui quân Triệu Đà. Không phá được nỏ thâ n không thể chiế m Cổ Loa. Một lâ n

nữa, vì tình riêng, My Châu lại nổ i giáo cho giặc. Nàng đem nỏ quý ra khoe với chô ng, và Trọng Thuỷ đã nhanh tay đánh tráo lẫy nỏ.

Thế là xong. Không đâ y ba năm ở rể, Trọng Thuỷ đã nă m hế t bí mật Cổ Loa. Không còn gì giữ chân y ở lại đấ t Âu Lạc nữa. Viện cớ về thăm nhà, Trọng Thuỷ xin phép ra đi. Phút cuố i cùng, y ra vẻ quyế n luyế n:

- Tình vợ chô `ng không thể quên nhau... Tôi vê ` nhà chuyế ´n này, nhỡ hai nước lại thấ ´t hoà nổi cuộc binh đao, muố ´n tìm nàng thì lấ ´y gì làm dấ ´u hiệu? My Châu bịn rịn:
- Thiế p có cái áo lông ngỗng, đi đâu thiế p cũng mang theo. Nhỡ phải rời bỏ kinh thành, thiế p sẽ rắ c lông ngỗng, làm dấ u cho chàng biế t lô i mà tìm. Thiế u phòng bị, mấ t tướng tài, nỏ thấ n đã bị phá, An Dương Vương không giữ nổi Cổ Loa. Quân Triệu vào thành. Không còn ai phò tá, An Dương Vương đem con gái lên ngựa, ra roi phi về hướng Nam.

Không tìm thấ y Mỵ Châu, Trọng Thuỷ liề n theo dấ u lông ngỗng hô quân đuổi gấ p..

An Dương Vương dừng ngựa trên bờ biển. Đường đã tắ c, vó ngựa càng khua gâ n... Thấ t vọng, vua thét lên:

- Rùa Vàng đâu, không đế n cứu ta khỏi tay giặc!

Sóng nước sủi lên, Rùa hiện ra giữa bọt tră ng:

- Giặc ở ngay sau lưng nhà vua kia kìa!

An Dương Vương giật mình ngoảnh lại. Sau lưng cha, My Châu vẫn ngây thơ vặt từng sợi lông ngỗng... An Dương Vương đã hiểu hế t. Uấ t hận! Hòm căm! Một ánh chớp, gươm lìa vỏ.

My Châu sụp xuố ng bên chân ngựa:

- Cha ơi, vì con nhẹ dạ cả tin, nên bị người đánh lừa, chứ con không có bụng nào phản cha, hại nước.



Nế u quả con có lòng theo giặc làm phản, thì chế t đi con sẽ biế n thành tro bụi. Nế u trước sau con vẫn một dạ thờ cha, thì con sẽ hoá thành đá, thành ngọc, ngược dòng trôi về cửa cha...

Chém xong My Châu, An Dương Vương thúc ngựa, cùng Rùa Vàng biế n vào dòng nước bạc mênh mông...

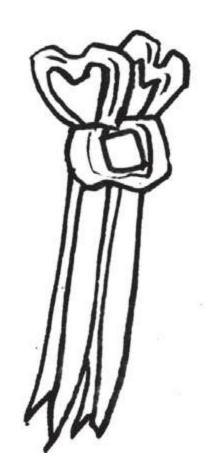
Câu chuyện kể trên chỉ là lời truyề `n miệng. Sử sách chép gọn hơn nhiệ `u; vào quãng cuố i thế ´ kỉ thứ 2 TCN, Triệu Đà, vua một nước nhỏ ở trên đấ ´t miề `n Nam Trung Quố ´c ngày nay, kéo quân đánh Âu Lạc, ban đâ `u thấ ´t bại, về `sau phải dùng mưu chước quỷ quyệt mới chiế ´m được.

Nước Âu Lạc mấ t cách đây đã hơn 2.000 năm. Ngoài vài dòng ngă nghi trong sử cũ, Nhà nước buổi đâ uấ y của cha ông thuở trước còn để lại cho chúng ta ngày nay một bă ng chứng hùng hồ n, thành Cổ Loa và một truyề n thuyế t bi thố ng, chuyện nàng My. Châu. Một truyề n thuyế t, mà đô ng thời cũng là một bài học cảnh giác.



Phần 3 Một ngàn năm tranh đấu giành quyền độc lập

Phất cờ nương tử



a`u thê´ kỉ 1, nước ta ở dưới ách thô´ng trị của phong kiế´n nhà Hán. Bọn thái thú Tích Quang ở Giang Chỉ, Nhâm Diên ở Cửu Chân ra sức đàn áp, bóc lột nhân dân ta. Ngoài việc thu tô thuế´, chiế´m đấ´t lập trang trại, nă´m độc quyề`n sản xuấ´t và mua

bán muố i, sắ t, chúng còn bắ t dân phải nộp nhiệ u của quý vật lạ như: sừng tê giác, ngà voi, đô i mô i, lông chim bói cá, ngọc trai, san hô... Chúng lại dùng pháp luật hà khắ c để trói buộc người dân và hạn chế quyê n hành các Lạc tướng, khiế n người người đê u căm giận.

Năm 34, Tô Định sang thay Tích Quang, làm thái thú Giao Chỉ, càng tàn bạo, tham lam.

Bấ y giờ, ở huyện Mê Linh có hai chị em ruột con gái nhà Lạc tướng. Chị là Trưng Trắ c, em là Trưng Nhị sinh ra và lớn lên trong cảnh cực nhục của người dân nô lệ, hai chị em sớm có lòng yêu nước, ghét giặc. Mô côi cha, nhưng hai chị em được mẹ là bà Man Thiện, cháu chắ t bên ngoại vua Hùng, hế t lòng dạy dỗ. Cả hai lại được ông Đỗ Năng Tế là một tướng giỏi, người cùng quê, đế n dạy võ nghệ. Trưng Trắ c, Trưng Nhị càng nung nấ u ý chí đấ u tranh, ra sức luyện tập, liên kế t với nhiê u thủ lĩnh địa phương, chiêu mộ nghĩa quân.

Biế t tiế ng Trưng Trắ c là người tài đức, nhiệ u người để n hỏi làm vợ nhưng bà đề u từ chố i. Bà không muố n số ng một cuộc đời tâ m thường.

Vô n ta ră p ý từ lâu

Được người hào kiệt cùng nhau vẫy vùng.

Lúc đó, ở vùng Chu Diên (dọc sông Đáy, Hà Tây) có người tên là Thi Sách, con trai một Lạc tướng, cũng là một thanh niên tài trí. Nghe tiế ng Trưng Tră c, Thi Sách tìm đế n gặp, để cùng nhau mưu việc lớn. Sau, vì trọng tài mế n đức, hai người đã cùng nhau kế t nghĩa vợ chỗ ng.

Được tin mật báo về `cuộc vận động khởi nghĩa của hai gia đình Lạc tướng, Tô Định đùng đùng nổi giận. Nhưng vố ´n xảo quyệt, y nén lòng làm ra vẻ không hay. Theo lệ thường, y cho người mời Thi Sách để n gặp rô `i trở mặt, thét quân bắ ´t giế ´t Thi Sách.

Đã sâu nợ nước, lại nặng thù nhà, đế n mùa xuân năm 40, Hai Bà Trưng lập đàn thể trên cửa sông Hát, truyề n lệnh khởi nghĩa. Rời bành voi chiế n, bước lên đàn thể , Trưng Trắ c nén nỗi buô n riêng, không mặc đô tang. Tướng lĩnh có người hỏi, bà trả lời:

- Đang khi cự giặc, việc quân cố t phải cho nghiêm chỉnh. Mặc đô tang ra trận thì còn gì là quân uy nữa!

Trong võ phục oai nghiêm, nữ tướng Trưng Trắ c đồng dạc cấ t lên "bố n lời thê " nổi tiế ng mà sử ca dân gian ngày nay còn ghi lại:

Một, xin rửa sạch nước thù
Hai, xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng
Ba, kẻo oan ức lòng chô `ng
Bô ´n, xin vẹn vẹn sở công lênh này.

(Thiên Nam ngữ lục)

Cả rừng người rung chuyển, gươm giáo giơ lên theo lời thê `vang dội một vùng trời. Lời kêu gọi diệt giặc cứu nước của Hai Bà như tiế ng sấ m vang truyê `n. Người yêu nước từ khắ p nơi rấ `m rập kéo vê `Mê Linh tụ nghĩa. Nhiê `u cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ ở các địa phương.

Mùa xuân năm 40: xuân khởi nghĩa toàn dân mà sử Đông Hán buộc phải ghi nhận là cả nước Âu Lạc đã "nhấ t tê ` nổi dậy". Anh hùng hào kiệt bố ´n phương tập hợp dưới cờ của Hai Bà như Đỗ Năng Tê ´, ông Đô ´ng, ông Nà, Nguyễn Tam Chinh, Hoàng Đạo, Chu Thước, Đông Dương... và đặc biệt có nhiê `u tướng lĩnh lại là phụ nữ:

Lê Chân, Thánh Thiên, Thiê`u Hoa, Bát Nàn, Bảo Châu, Nguyệt Thai, Nguyệt Độ, Nàng Tía, Quố c Nương, Diệu Tiên, Liễu Giáp, Liễu Huy, Ả Di, Ả Tắ c... Từ Thanh Hoá, cả năm mẹ con là Lê Thị Hoa cũng kéo nhau ra Mê Linh.



Thê rô i:

Ngàn tây nổi áng phong trâ n

 \hat{A} m \hat{a} m binh mã xuố ng gâ n Long Biên.

Khi tràn vào hang ổ giặc ở Luy Lâu (Thuận Thành, Bắ c Ninh), Thái thú Tô Định khiế p sợ, bỏ cả của cải, â n tín, giấ y tờ; cấ t tóc, cạo râu, mặc quâ n áo dân thường; lẫn vào đám loạn quân trố n chạy về nước. Lá cờ chiế n thă ng của nghĩa quân phấ p phới bay ở thủ phủ Bộ Giao Chỉ, vẫy gọi các cuộc nổi dậy ở khắ p nơi. Sử cũ chép: "Hai Bà đã thu phục cả 65 thành trì" tức là toàn bộ nước ta thời đó.

Nhân dân ta lại tự chủ sau 220 năm mấ t nước. Trưng Trắ c lên làm vua, xưng là Trưng Vương:

Đô kì đóng cõi Mê Linh

Lĩnh Nam: riêng một triề `u đình nước ta

Ba thu gánh vác sơn hà...

(Đại Nam quố c sử diễn ca)

Không chịu để mấ t miế ng mô i ngon, mùa hè năm 42, vua Hán sai Mã Viện, một viên tướng lão luyện lại thạo nghê dàn áp, đem 20.000 quân với 2.000 xe thuyê nô ạt sang xâm chiế m nước ta lâ n nữa.

Hai Bà và các tướng lĩnh câ m quân chiế n đấ u rấ t oanh liệt, gây cho địch nhiệ u thiệt hại nặng nê . Cuộc kháng chiế n kéo dài gâ n một năm trời. Sau vì sức yế u, quân ta tan vỡ, Hai Bà rút về sông Hát, quê hương của cuộc khởi nghĩa, rô i gieo mình xuố ng sông tự vẫn để bảo toàn khí tiế t. Lúc ấ y, là vào khoảng tháng 5 năm 43.

Nhiê ù tướng như Lê Chân, Thánh Thiên, Bát Nàn... vẫn chiế n đấ u chố ng giặc một thời gian, để n khi thế cùng lực kiệt đề ù tuẫn tiế t theo Hai Bà. Một số tướng khác như Đô Dương, Chu Thước, Nàng Tía... rút về phía nam tiế p tục kháng chiế n. Mã Viện phải vấ t vả mới đàn áp được.

Lê Chân Một gương liệt nữ



ê Chân, quê ở An Biên (nay thuộc huyện Đông Triê`u, tỉnh Quảng Ninh). Cha là Lê Đạo, một người tài đức và có thế lực ở địa phương, được nhân dân khắ p vùng kính phục.

Biế t Thái thú Tô Định làm nhiệ `u điệ `u bạo ngược, muôn dân rên xiế t trong cảnh nước sôi lửa bỏng, Lê Đạo đau lòng, căm giận quân giặc nước. Hiệ `m vì tuổi già sức yế ´u, ông đành dô `n hế ´t tâm sức dạy dỗ người con gái yêu của ông và đám học trò chí khí, những mong họ thay mình cứu dân cứu nước.

Không phụ lòng mong mỏi của cha, Lê Chân càng lớn càng tỏ ra thông minh, có chí khác người. Hai mươi tuổi, nàng đã giỏi mưu lược quân cơ và nổi danh tài sắ c. Nhiê `u người đế n hỏi nhưng Lê Đạo và nàng đề `u gạt đi, vì thấ y họ đề `u là người tâ `m thường, chỉ chăm việc nhà mà quên việc nước.

Tiế ng tăm đô n đại vê cô gái Lê Chân tài sắ c bay để n tai Tô Định. Phâ n vì hiế u să c, phâ n cũng muố n câ u thân mua chuộc người tài giỏi, Tô Định bă n tin cho Lê Đạo tỏ ý muố n lâ y Lê Chân làm vợ. Y sai sứ đem lễ vật để n dạm hỏi: đi lại ba, bố n là n, song Lê Đạo và nàng đề u một mực từ chố i. Trở mặt, y khép Lê Đạo vào tội "làm phản" rô ì giế tông và cho quân vê vây bặ t Lê Chân. Nợ nước thù nhà đè năng lên vai, người con gái ho Lê bèn thu nhặt của cải từ giã quê hương xuố ng thuyê n, xuối vùng ven biển tới miê n huyện An Dương (nay thuộc thành phố Hải Phòng). Cặp mặ t sắ c sảo có tâ m nhìn xa trông rộng của người giàu mưu lược giúp bà thấ y ngay miê n biển này chính là nơi dụng võ được: địa hình hiểm yế u, đường thuỷ liê n thông, rấ t tiện lập một căn cứ chố ng giặc. Bà bă n tin cho bè bạn, họ hàng nơi quê cũ, gọi họ để n để cùng bàn với dân địa phương khai phá xây dựng quê hương mới. Sau ba năm, vùng biển hoang vu đã trở thành một trại â p lớn. Nhó miê n quê cũ, bà đặt tên quê hương mới là trang An Biên (nay thuộc khu phố Lê Chân, Hải Phòng)

Lê Chân còn mở chợ ven sông, để dân chúng và thuyê `n buôn nước ngoài tới buôn bán, đổi chác hàng hoá; nhân đó, bà tích trữ lương thực, mua să ´m vũ khí chờ dịp trả thù nhà đề `n nợ nước. Để dân chúng chăm việc quân và cũng là dịp chiêu nạp những người hiê `n tài, bà mở đài thi võ, mở lò đấ ´u vật. Người các nơi nô nức tìm về `hưởng ứng. Cả vùng An Biên thành một thao trường rộng lớn; nghĩa binh đêm ngày luyện tập. Năm 40, tin vui sông Hát bay về `, Hai Bà Trưng đã dựng cờ khởi nghĩa. Lập tức, Lê Chân lãnh đạo nhân

dân địa phương nổi dậy, quét sạch bọn đô hộ nhà Hán, làm chủ cả một vùng ven biển Đông Nam.

Từ miê `n biển, bà chỉ huy nghĩa binh đánh vào xứ Bắ c, sào huyệt của bọn thái thú, thứ sử châu Giao (Thuận Thành, Bắ c Ninh) và tìm đế n hội quân dưới cờ của Trưng Trắ c, Trưng Nhị. Nữ tướng Lê Chân đã lập được nhiê `u công lớn. Khi Trưng Trắ c lên làm vua, bà giao cho Lê Chân trọng trách "Chưởng quản binh quyê `n nội bộ".



Sau đó, để đề phòng quân giặc quay lại, Trưng Vương cử bà về vùng biển Đông, để phòng giữ mạn biển. Bà bỏ thêm tiê n bạc, của cải cấ p cho dân nghèo, khuyế n khích họ khai hoang lập làng, dựng đô n luỹ phòng ngự.

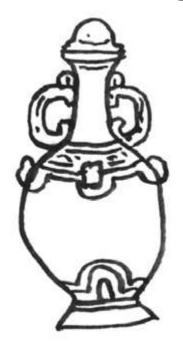
Năm 42, Mã Viện chia quân làm hai đường thuỷ bộ ô àt kéo vào xâm lược. Lê Chân cùng quân dân An Biên ngăn sông lấ p suố i, chặn đánh thuỷ binh hùng mạnh của giặc.

Vì lực lượng quá chênh lệch, sau gâ`n một năm chố ng trả quyế t liệt, quân ta suy yế u dâ`n và tan vỡ, Lê Chân đã tự vẫn theo Hai Bà Trưng, nhưng khí phách trung kiên bấ t khuấ t của người liệt nữ ấ y còn vang vọng mãi:

Thù nhà nợ nước hai vai

Một gương liệt nữ muôn đời soi chung.

Thánh Thiên Nữ tướng tiên phong



Từ khi đặt ách thố ng trị ở Âu Lạc, bọn xâm lược nhà Hán thiế t lập bộ máy đàn áp kìm kẹp, duy trì các Lạc tướng ở cấ p huyện. Nhưng về sau, nhấ t là vào đã u Công Nguyên, bọn thái thú, thứ sử đô hộ đã đưa vào bộ máy cai trị nước ta nhiề u quý tộc người Hán. Tổ chức chính quyề n ngày một chặt chẽ và pháp luật hà khắ c của nhà Hán càng làm ách bóc lột tăng thêm, khiế n trăm họ xác xơ. Quyề n lực và hoạt động của các Lạc tướng và quý tộc địa phương bị thu hẹp. Dưới thời Đông Hán, ở vùng Bích Uyển (Kinh Môn, Hải Dương) có một quý tộc người Việt bị thái thú Giao Chỉ buộc phải nhận một chức quan nhỏ ở địa phương. Vố n là người yêu nước, ông sớm nhận ra bộ mặt tàn bạo của kẻ thù, thân phận tôi đòi của người dân mấ t nước, nên chỉ sau một thời gian ngắ n, ông viện cớ già nua bệnh tật để xin treo ấ n từ quan. Về nhà, ông năng lui tới những người có nhiệt huyế t trong vùng, ngấ m ngâ m bàn cách cứu dân cứu nước. Việc chưa thành công, ông bị bệnh nặng rồ i mấ t. Nhưng chí hướng

của ông vẫn còn: người con gái yêu của ông đã thay cha, tìm cách rửa thù cho dân tôc. Đó là bà Thánh Thiên.

Được dân cổ vũ, các thủ lĩnh ở địa phương giúp đỡ, Thánh Thiên đã tập hợp được một đội nghĩa binh, nổi dậy chố ng Hán, làm chủ một vùng.

Sau một thời gian ngắ n, do địa thế không thuận lợi, quân ít lương cạn, bà phải đem quân sang với ông cậu ở Yên Dũng (Bắ c Giang). Bà cùng cậu chiều mộ thêm nghĩa binh, xây đô n đấ p luỹ, chố ng lại quan quân đô hộ. Trong một trận kịch chiế n, cậu bà bị địch giế t hại. Nghĩa quân tôn bà làm chủ tướng, tiế p tục nghiệp lớn.

Qua một thời gian câ m quân chố ng giặc, bà đã trở thành một nữ tướng có tài thao lược. Cho nên, Tô Định dù có nhiê u phen điề u quân trấ n áp, bà vẫn giữ vững được căn cứ và sau đó còn mở rộng địa bàn ra cả một vùng rộng lớn, nổ i liê n tận quê cũ.

Mùa xuân năm 40, Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa. Thánh Thiên đem đạo quân nổi tiế ng của mình theo về tụ nghĩa, được Hai Bà vô cùng quý mế n, cho làm tướng tiên phong. Cùng với nhiề u nam nữ tướng lĩnh khác của Hai Bà, Thánh Thiên đã cùng toàn dân góp phâ n quét sạch bọn xâm lược, thực hiện được chí hướng của người cha yêu nước.



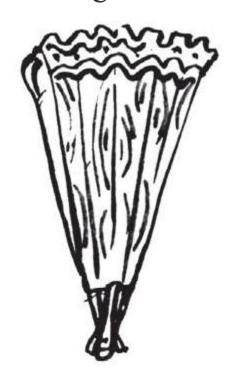
Đấ t nước được độc lập. Để bảo vệ nhà nước còn non trẻ, vâng lệnh Trưng Vương, Thánh Thiên lại câ m quân lên biên thuỳ phía Bắ c, tổ chức trận địa phòng ngự, sẵn sàng chố ng giặc quay lại xâm lược.

Mùa hè năm 42, Mã Viện ô at tiế n vào nước ta. Vừa đặt chân để n biên giới, đạo quân chủ lực của Mã Viện đã bị Thánh Thiên đem quân tập kích, giáng cho chúng một đòn phủ đâ u nặng nê.

Viên tướng kiêu hùng nhà Hán phải rút lui quân lên phía Bắ c, củng cố lại lực lượng. Sau đó, y bí mật dẫn quân đi ngâ m qua Quỷ Môn Quan (nă m trong Ải Chi Lăng), lẻn xuố ng vùng Lục Đâ u, rồ i tiế n ngược lên Lãng Bạc. Nơi đây đã diễn ra một trận quyế t chiế n lớn giữa quân do Hai Bà Trưng chỉ huy và đại quân thuỷ bộ

của Mã Viện. Thánh Thiên cũng kịp đem quân về phố i hợp. Nhưng sau một thời gian, trước thể giặc mạnh, quân ta suy yế u dâ n và tan vỡ. Hai Bà lui về Hát Môn, rô i gieo mình xuố ng sông Hát, tự tận. Thánh Thiên tiế p tục chiế n đấ u chố ng giặc ở vùng rừng núi Việt Bắ c. Ít lâu sau, bị vây đánh ráo riế t, lực đã kiệt, bà đã theo gương Hai Bà Trưng mà tự vẫn, thà chế t không chịu đâ u hàng giặc, giữ trọn khí tiế t.

Nữ tướng Thiều Hoa



hác với Lê Chân và Thánh Thiên, Thiê `u Hoa là con gái một gia đình nghèo khó, ở động Lăng Xương (Thanh Sơn, Phú Thọ). Cha mẹ chế 't sớm, Thiê `u Hoa phải lao động vấ 't vả từ thuở còn thơ. Vố 'n có sức khoẻ, lớn lên, thân thể Thiê `u Hoa càng thêm cường tráng. Ngay từ những buổi chăn trâu, rủ nhau thi vật, Thiê `u Hoa đã hạ được tấ 't cả những bạn bè nam nữ cùng lứa tuổi. Thiê `u Hoa lại nhanh nhẹn, tháo vát, mưu trí, có nhiê `u lô ´i bày trò vui chơi cho chúng bạn. Có lâ `n, Thiê `u Hoa nghĩ ra một trò chơi mới; lâ ´y một quả bướng hình câ `u để giữa bãi, chia chúng bạn làm hai phe, dùng gậy gộc bă `ng tre cố ´ giành được quả bướng đó, phe nào đẩy quả bướng sang bên kia rơi vào hố ´ thì thă ´ng, gọi là trò "đánh phế ´t".

Trò "đánh phê t" vui, khoẻ đó được chúng bạn ham thích.

Thiê `u Hoa lớn lên trong cảnh nước mấ t nhà tan. Khi nghe tin huyện Mê Linh có hai chị em Trưng Trắ c, Trưng Nhị chiêu nạp kẻ hiê `n tài, mưu việc lớn, Thiê `u Hoa tìm để n xin làm nghĩa binh. Thấ ´y rõ tài năng và nhiệt tình của Thiê `u Hoa, Hai Bà Trưng đã giao cho người con gái đó chỉ huy một đạo nghĩa binh, kịp thời luyện quân, chuẩn bị khởi nghĩa.



Bà được ba quân kính phục vì tài năng, quý mế n vì đức độ. Những lúc nghỉ ngơi, nữ tướng Thiê `u Hoa lại bày trò đánh phế t, nhã `m luyện cho quân sĩ sức khoẻ dẻo dai, nhanh mắ t, nhanh tay, mưu trí. Bà đích thân làm trọng tài. Quân sĩ chia làm hai toán dùng gây tre, gây gỗ, xông xáo tìm cách truyê `n cho nhau quả phế t bă `ng gồ ´c bướng, cố ´ sao đánh quả phế ´t rơi vào hố ´ của đô ´i phương để giành phâ `n thă ´ng. Tiế ´ng trố ´ng đô `ng hùng tráng, tiế ´ng cổ vũ vang dậy của người xem, làm cuộc vui thêm hào hứng.

Năm 40, Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa. Nữ tướng Thiê `u Hoa cùng đạo quân dũng mãnh của bà oai nghiêm dưới cờ, cấ 't vang lời thê `sông Hát. Theo Bà Trưng lên đường cứu nước, bà đã lập được nhiê `u chiế ´n công.

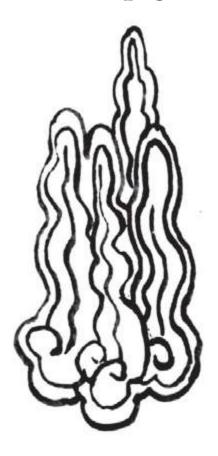
Ngày nay, ở Hiệ `n Quan (Tam Nông, Phú Thọ) hặ `ng năm vào ngày 13 tháng Giêng, ngày tế ´ nữ tướng Thiệ `u Hoa, cũng là "Bà tổ môn đánh phế ´t", dân làng mở hội, diễn lại cảnh Thiệ `u Hoa kéo quân theo Hai Bà đánh giặc và cảnh đánh phế ´t. Cho nên dân chúng Tam Nông ngày nay vẫn có câu:

Mười một thì hội Hương Nha

Mười hai Gia Dụ, mười ba hội Hiệ `n.

(Hương Nha, Gia Dụ có tục ném giỏ, còn Hội Hiề n tức hội làng Hiề n Quan có tục đánh phế t).

Đối đáp giỏi



ột thể hệ người Việt lớn lên sau thời đại Bà Trưng. Đấ t nước đang lệ thuộc phong kiế n nhà Đông Hán.

Trương Trọng, người quận Nhật Nam (vùng Bình Trị Thiên và Quảng Nam), có học hành ít nhiê `u và làm thuộc lại (1) trong quận.

Cuố i năm 78, Trương Trọng được viên thái thú Nhật Nam cử sang kinh đô Lạc Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quố c) thay mặt thái thú tâu bày công việc trong quận lên vua Hán.

Trương Trọng để n kinh đô, vào châ u vua Hán. Hán Minh Đế thấ y Trương Trọng người thấ p bé, lại là dân "man di" (mọi rợ) ngoài cõi xa, tỏ ý khinh thường, hỏi xách mé:

- Viên lại nhỏ kia (tiểu lại) người quận nào?

Trương Trọng khẳng khái trả lời:

- Tôi là kế lại⁽²⁾, người thay mặt thái thú Nhật Nam vào chấ u vua và dâng sớ lên triề u đình, chứ không phải là một viên lại nhỏ. Bệ hạ muố n dùng người có tài cán hay chỉ muố n đo xương đo thịt?

Vua Hán nghe câu trả lời cứng cỏi và đúng đấ n của Trương Trọng, thẹn lấ m. Song không làm gì được.

Mấ y hôm sau, nhân ngày tế t Nguyên đán, vua mở tiệc yế n. Trăm quan vào chấ u và chúc tế t nhà vua. Trong số đó có Trương Trọng. Thấ y Trương, vua Hán lại nghĩ để n nỗi thẹn thùng hôm trước... và muố n rửa thẹn. Nhân đông đủ các quan, vua Hán hỏi kháy Trương Trọng một câu:

- "Nhật Nam" có nghĩa là "ở phía nam mặt trời". Ta nghe nói tấ t cả nhà cửa của quận Nhật Nam đề `u xoay hướng về `phương Bắ ´c để trông thấ y mặt trời phải không?



Câu hỏi chứa đâ y tính kiêu ngạo của một tên câ m đâ u đế chế Hán rộng lớn ở phương Bắ c, tự ví mình như mặt trời, mọi người phải ngưỡng mộ, sùng bái, phục tùng. Trương Trọng người phương Nam, một vùng đang bị phong kiế n phương Bắ c đô hộ. Nhân dân phương Nam có truyề n thố ng quật cường bấ t khuấ t trong đấ u tranh, cũng như có truyề n thố ng "lấ y vợ hiề n hoà, làm nhà hướng nam" để tránh gió mùa đông bắ c (gió bấ c) lạnh lẽo trong mùa đông, đón gió mùa đông nam (gió nồ m) mát mẻ trong mùa hè. Bị hỏi kháy, Trương Trọng vẫn bình tĩnh, đáp:

- "Nhật Nam" không phải là "ở phía nam mặt trời". Kìa như đấ t Trung Nguyên (Trung Quố c), có quận gọi là "Vân Trung" nhưng quận đó có ở "trong mây" đầu, có quận gọi là "Kim Thành" nhưng có phải là "thành xây bă `ng vàng" đầu. Đặt tên thế ´ thôi, chứ đề `u không phải thực như thế '! Ở quận Nhật Nam, chỗ ở quan dân, tuỳ ý chọn hướng, đông tây nam bắ c quay lại quay đi không nhấ t định!

Nước nhà bị mấ t, nhân dân bị đô hộ lâ m than, riêng mình phải khuấ t thân làm nhân viên trong chính quyề n địch để kiế m số ng. Thể nhưng lời đố i đáp với tên chúa tể triề u đình phong kiế n Đông Hán của Trương Trọng vẫn vang lên rắ n rỏi, mạnh mẽ, sang sảng giữa kinh thành Lạc Dương. Thật không hổ thẹn là con em đấ t Việt phương Nam vố n nghìn xưa văn hiế n!

Câu đố i đáp của Trương Trọng được đời sau nhớ mãi và được ghi lại trong sách *Cổ kim thiện ngôn* (những lời nói hay xưa nay) của Pham Thái.

Câu chuyện trống đồng và cột đồng



hoảng giữa thiên niên kỉ 1 TCN, miê `n rừng rậm đô `ng lâ `y xứ Văn Lang của cháu con Mẹ Âu Bố ´ Lạc đã biế ´n dâ `n thành miê `n ruộng bãi phì nhiêu. Văn minh sông Hô `ng, một nê `n văn minh nông nghiệp cổ truyê `n đã gây nê `n vững chă ´c. Dòng diễn biế ´n vê ` văn hoá và lịch sử vẫn chảy trôi. Từ Phùng Nguyên Đô `ng Đậu, Gò Mun, đã toả sáng ánh đô `ng "Đông Sơn". Bên să ´c vàng dễ gợi cảm của đô `ng, đã có chấ ´t xám đen nhưng vô cùng hữu ích của să ´t. Từ núi rừng, quặng mỏ được khai thác và liên tiế ´p chỏ vê ` xuôi. Thâ `n thoại Mường diễn tả công nghiệp khai khoáng của tiê `n nhân như việc đoàn quân Dịt Dàng (vua Việt) lên rừng chặt cây Chu Đô `ng với "bông thau, lá thiế ´c".

Những trố ng đô ng xưa nhấ t đã được đúc xong. Truyề n thuyế t Mường kể ră ng: "Ngày xưa con gái út vua Dịt Dàng đi gội đâ u ở bế n Bãi, con gái cả đi chải chấ y ở bế n Đông; hai chị em nhìn ra giữa mặt bể mặt sông thấ y nổi lên một vật giố ng như cái giỏ. Chị em về mách bố ra xem. Dịt Dàng xem xong, cho người ra vớt, nhưng không làm sao vớt được. Dịt Dàng liề n sai thợ nhìn hình dáng nó, lấ y đô ng đúc được trố ng trăm, trố ng nghìn. Trố ng nào đẹp, Dịt Dàng sai cấ t vào kho, trố ng nào xấ u, Dịt Dàng sai chú Khoá, thă ng Lô i đem bán khắ p nơi". Trố ng đô ng là niề m tự hào của người Việt cổ, là hiện vật điển hình của văn hoá Đông Sơn. Hợp điểm về kĩ xảo tuyệt vời và nghệ thuật điều luyện của người Việt thời Hùng. Nghệ thuật tạo hình: Đúc và chạm tinh tế , tượng trưng và biế n hình độc đáo trong phong cách biểu hiện người, chim, thú và cảnh vật. Nghệ thuật thanh âm: Tiế ng trố ng trấ m hùng bên tiế ng khèn tình tứ.

Theo nhịp trố ng giục chuông khua, hoà với cố ng to, chiếng nhỏ, từng đoàn người khoác áo lông chim hay đội lố t hươu, nai, tay cấ m rìu, cấ m giáo say sưa trong điệu múa vũ trang rấ t khoẻ, rấ t hùng.

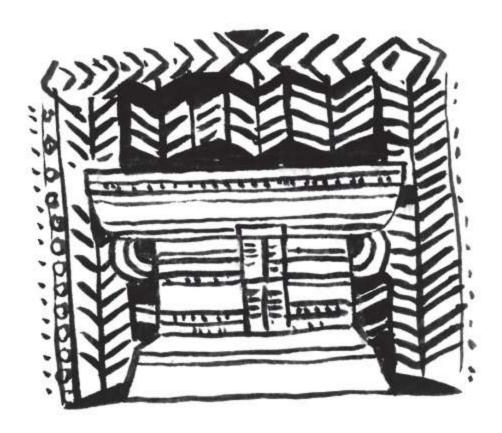
Ngày mùa rộn rã thôn làng, người người tay liê m, tay hái gặt lúa vàng. Những lúc nghỉ tay hay trong đêm trăng sáng, gái trai lại rủ nhau ra bãi cỏ, đô i cao, nă m tay ca múa theo nhịp trố ng đô ng rộn vang hoà với tiế ng khèn êm dịu, thiế t tha... Ông Đổng mà đúc trố ng đô ng, câu nói vâ n vè của dân gian xứ Bắ c khiế n ta có căn cứ suy tưởng rã ng trong chiế n dịch trừ giặc Ân hung bạo đã rê n vang tiế ng trố ng đô ng xung trận.

Bâ`u trời, mặt đâ´t, mặt biển xứ Văn Lang của các vua Hùng, xứ Âu Lạc của An Dương Vương Thục Phán sôi động tiế ng trố ng đô ng Lạc Việt.

Lịch sử sang trang, với bi kịch Mỵ Châu - Trọng Thuỷ, cơ đô Âu Lạc đấ m biển sâu. Một đêm dài nô lệ.

Nhưng rô i một ngày xuân tháng Hai năm 40, bên dòng sông Hát, tiế ng trố ng đô ng lại rộn vang điểm nhịp cho lời thê Trưng Trắ c.

Ba thu gánh vác sơn hà, ba năm nhân dân được xá thuế. Nhạc trố ng đô ng vẫn vang vọng trong nông thôn Âu Lạc. Hế t Xuân sang Hạ. Mùa hè năm 43 nóng bỏng. Quân viễn chinh của Phục Ba tướng quân Mã Viện đàn áp đẫm máu nghĩa quân Trưng Vương. Sóng nước Hát Giang hoà tan hô n liệt nữ.



Gã họ Mã giỏi tài xem tướng ngựa, cướp trố ng đô ng Lạc Việt phá đúc một con ngựa mẫu cao ba thước rưỡi, vòng thân rộng bố n thước bố n tấ c đem về dâng vua Hán câ u công.

Tục truyề `n ră `ng Mã Viện cũng lấ y số 'trố 'ng đô `ng cướp được, phá ra, dựng cột đô `ng "làm mố c giới phía nam của nhà Hán". Dựng xong cột đô `ng, hă 'n đọc lời thê `độc: "Đô `ng trụ chiế 't, Giao Chỉ diệt" (cột đô `ng đổ gẫy, dân Keo diệt vong).

Thời thuộc Tấ n, thế kỉ 3 và 4 SCN⁽³⁾. Vua Tấ n kêu than: tiê n đô ng của Tấ n triê u không hiểu sao hao hụt. Cho điê u tra, thì được biế t: Dân phương Nam quẳng hàng xâu tiê n đô ng của Tấ n vào lò để đúc lại trố ng đô ng.

Giữa đêm trường Bắ c thuộc, thôn làng đấ t Việt vẫn gìn giữ những trố ng đô ng xưa còn sót lại và tiế p tục đúc thêm trố ng đô ng mới (và tiế p tục đúc thêm cả mũi tên đô ng giế t giặc). Trố ng đúc xong, để ở giữa sân, mời toàn thể dân làng đế n dự lễ khánh thành. Một dịp tố t để xới vun tinh thâ n cộng đô ng dân tộc.

Một cô gái làng đúc một chiế c thoa lớn, bă ng vàng, bă ng bạc hay bă ng đô ng tuỳ theo gia sản, gọi là "thao trố ng đô ng". Cô gái làng dùng thoa rung một hô i trố ng đô ng khai mạc. Hô i âm của thời đại vua Hùng dựng nước, thời độc lập tự do hay là tiế ng trố ng giục giã con Hô ng cháu Lạc đứng dậy đấ u tranh giành lại non sông, đấ t nước? Có lẽ cả hai.

Còn cột đô ng Đông Hán?

Truyện dân gian sau đó kể ră `ng: Mỗi người dân Giao Chỉ khi qua chỗ dựng cột đô `ng lại ném vào chân cột một hòn đá. Lâu dâ `n, đá xế ´p thành đô ´ng thành non cao, vùi sâu chôn chặt cột đô `ng Mã Viện.

Ngày sau, người thì bảo cột đô `ng ở dải núi "Phân Mao" động Cổ Sâm, Quảng Đông; người thì đoán cột đô `ng ở trên núi Đô `ng Trụ, xứ Nghệ; người lại bảo phải chăng cột đô `ng ở tận núi Ngũ Đô `ng Trụ, tỉnh Phú Yên. Huyê `n thoại thì nhiê `u, song sự thực cột đô `ng nào đâu thâ ´y?

Với Ngô Quyê `n và chiế ´n thă ´ng Bạch Đă `ng, với nhà Đinh và nước Đại Cổ Việt, nhà Lý và Đại Việt, Non Tản, Nhị Hà vẫn thuộc núi sông ta.

Cột đô `ng không thấ 'y, song trố 'ng đô `ng vẫn trường tô `n. Có một đề `n Đô `ng Cổ (Trố 'ng đô `ng) ở xứ Thanh với một thấ `n Đô `ng Cổ.

Sử ta ghi một chuyện có màu sắ c mê tín: năm 1028, Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ) băng hà, đêm đó thái tử Phật Mã nă m mơ thấ y Đô ng Cổ sơn thâ n mách bảo: Ba vương sẽ nổi loạn định cướp ngôi vua của thái tử. Nhờ tay Lê Phụng Hiểu và các triệ u thâ n khác, loạn tam vương được dẹp yên. Lý Thái Tông rước Đô ng Cổ sơn thâ n về Thăng Long thờ vọng. Đê n Đô ng Cổ thứ hai được dựng lên ở phường Yên Thái (làng Bưởi ngày nay). Vua đặt lệ mới: Hàng năm, mô ng Bố n tháng Tư, từ sáng sớm, các quan phải đế n đề n Đô ng Cổ, că t máu ăn thê : "Làm con bấ t hiế u, làm tôi bấ t trung, thâ n minh giế t chế t!". Thâ n trố ng đô ng được vua Lý huy động góp phâ n giữ gìn nê n an ninh của xã tắ c sơn hà Đại Việt!

Thời Trâ`n, đế chế Nguyên Mông muố n gây hấ n với Đại Việt. Mùa hạ tháng Bố n năm Nhâm Thân (1272), vừa muố n điề ù tra địa thế , vừa muố n kiế m có hạch sách, vua Nguyên là Hố t Tấ t Liệt sai U-ryang tức Ngột Lương sang Đại Việt hỏi cột đồ ng Mã Viện. Vua Trâ n sai viên quan Lê Kính Phu cùng hắ n đi tìm qua loa cho xong chuyện rồ i trả lời Nguyên ră ng: "Cột đồ ng Mã Viện dựng lâu ngày đã mai một không còn dấ u vế t!".

Sau ba lâ n bị Đại Việt đánh cho đại bại. Nguyên bỏ mộng xâm lăng Đại Việt. Cuố i năm 1292, một sứ bộ Nguyên sang Việt. Vua Trâ n bày nghi vệ, rung trố ng đô ng đón sứ giả. Sứ Nguyên run sợ trước uy lực Đại Việt. Lời thơ của viên phó sứ Trâ n Phu là một lời thứ nhận:

... Kim qua ảnh lí đan tâm khổ

Đô `ng cổ thanh trung bạch phát sinh

(Bóng loè giáo mác, lòng đau khổ

Tiế ng rộn trố ng đô `ng, tóc bạc phơ!)

Văn hoá Việt đập tan uy thế của đế chế Nguyên Mông!

Sau khởi nghĩa Lam Sơn chố ng xâm lược Minh thă ng lợi (1427), triề ù Lê thành lập. Lê Nhân Tông về Lam Sơn thăm quê và bái yế t Sơn Lăng. Làm lễ tế đề n miế u, thịt bố n con trâu. Đánh trố ng đô ng, quân sĩ hò reo hưởng ứng theo. Và vũ nhạc biểu diễn bài *Bình Ngô phá trận*.

Việt và Minh lại phái sứ giao hiế u. Sứ Việt sang Minh. "Đánh chế t nế t không chừa" cái tư tưởng kiêu ngạo nước lớn, vua Minh ra cho sứ Việt một vế đổ i như sau:

Đô `ng trụ chỉ kim đài dĩ lục

(Cột đô `ng tới nay rêu đã xanh)

Sứ Việt nghe xong, đô i lại ngay:

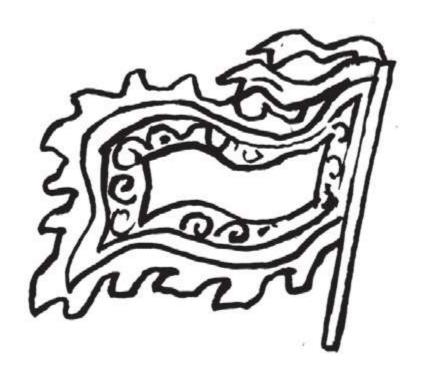
Đă `ng giang tự cổ huyế ´t do hô `ng

(Sông Đă `ng từ xưa máu còn đỏ!)

Ý hùng, văn chọi, câu đố i hay. Vua Minh cứng họng! Quả có như vậy, Bạch Đă ng sóng cuố n cuộn, "để n nay nước sông tuy chảy hoài, mà nhục quân thù không rửa nổi!" (Trương Hán Siêu - *Phú* sông Bạch Đă ng).

Câu chuyện trố ng đô ng và cột đô ng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam là như thế !

Triệu Thị Trinh



Ai vê` Nông Cô´ng tỉnh Thanh

Dùng chân nhớ Triệu Thị Trinh anh hùng

(Thơ ca dân gian)

Triệu Thị Trinh, em gái Triệu Quố c Đạt, là con một gia đình có thể lực ở huyện Quân An, quận Cửu Chân (nay là huyện Triệu Sơn, Thanh Hoá). Từ nhỏ, bà sớm tỏ ra có chí khí hơn người. Người ta kể lại ră ng: khi cha bà hỏi vê chí hướng mai sau, tuy còn ít tuổi, bà đã ră n rỏi thưa: "Lớn lên con sẽ đi đánh giặc như Bà Trưng Trắ c, Trưng Nhị!".

Cả hai anh em đề u được cha hế t lòng dạy dỗ binh thư, võ nghệ. Bà học chăm chỉ, thông minh, hứa hẹn có thể trở thành một vị tướng tài mai sau, khiế nanh bà phải mế n phục. Bà lại có sức khoẻ khác thường: một mình vật nổi hàng chục người, hàng mẫu ruộng bà chỉ cấ y một ngày là xong!

Bà cùng anh đi khắ p vùng vừa để mở rộng giao du, kế t bạn với người hiệ n tài, nghĩa sĩ, vừa ngặ m xét địa hình, để rặ p mưu việc lớn sau này. Người chị dâu thấ y vậy, khuyên bà không nên "làm loạn" và giục bà nên lấ y người em họ của mụ ta cho an phận. Bà khẳng khái trả lời:

"Tôi muố n cưỡi cơn gió mạnh, đạp luố ng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tì thiế p người ta!".

Và bà tiế p tục khẩn trương chuẩn bị khởi nghĩa, lấ y núi Nưa làm căn cứ địa: mộ quân, sắ m sửa vũ khí, tích trữ lương thực, luyện tập quân sĩ.

Dân chúng trong vùng còn kể lại là khi đó có con voi trắ ng một ngà rấ t dữ tợn hay về phá hoại mùa màng, mọi người đề u sợ. Để trừ hại cho dân, bà cùng chúng bạn đi vây bắ t voi. Bà dũng cảm nhảy lên cưỡi đâ u voi và cuố i cùng đã khuấ t phục được con vật hung dữ. Chú voi trắ ng này sau đó đã trở thành người bạn chiế n đấ u trung thành của bà.

Tiế ng tăm cô gái mười chín tuổi trị voi rừng xanh vang đội khắ p nơi, càng thu hút thêm nhiê `u người đi theo bà.

Người chị dâu phâ `n tức cô em chô `ng "bướng bỉnh" phâ `n sợ giặc đàn áp luy để ´n thân, đã báo quan quân đô hộ để ´n bắ ´t Triệu Thị Trinh. Bà đánh tan toán quân Ngô và giế ´t luôn người chị dâu phản bội kia rô `i lên ở hẳn núi Nưa, dựng cờ khởi nghĩa. Từ â ´y, trong dân gian loan truyề `n câu hát:

Có bà nữ tướng

Vâng lệnh trời ra

Trị voi một ngà

Dựng cờ mở nước

Luyện truyê `n sau trước

Theo gót Bà Vương.

Anh hùng hào kiệt nam nữ các nơi râ m rập đem quân vê tụ nghĩa và trở thành tướng lĩnh của bà Triệu; ba anh em họ Lý, cô gái người Mường, chú thiế u niên sông Mã cưỡi con ngựa trắ ng... Nhân dân nô nức tòng quân, ủng hộ sự nghiệp cứu nước:

Ru con, con ngủ cho lành

Để mẹ gánh nước rửa bành ông voi

Muố n coi lên núi mà coi

Coi Bà Triệu tướng cưỡi voi đánh cô `ng

Túi vóc cho lẫn túi hô `ng

Trâ`u têm cánh kiế n cho chô`ng đi quân.

(Thơ ca dân gian)

Sau này, trong dân gian còn truyê `n tụng nhiê `u câu chuyện cảm động vê `tình dân đô ´i với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu: đây, một già mù miê `n núi đã đi khă ´p nơi, dùng tiế ´ng đàn giọng hát của mình để ngâm ngợi cổ vũ dân làng đứng dậy cứu nước; kia, một bà cụ hàng nước cố xin cho con gái được tòng quân, còn mình thì giúp cả chỗng

chuố i với chum nước chè xanh cho nghĩa binh đang trấy quân qua giải khát.

Binh lực đã lớn mạnh, năm 248, Bà Triệu đem quân tiế n đánh các quận huyện của bọn quan lại nhà Ngô. Bà chỉ huy nghĩa quân vô cùng gan dạ. Ra trận, bà thường mặc áo giáp đô ng, đi guố c ngà, cài trâm vàng, nên đời sau thường gọi tên bà là Nhuy Kiê u tướng quân.

Nghĩa quân thắ ng nhiệ u trận, giế t chế t viên thứ sử châu Giao. Dân chúng khắ p hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân đề u nổi dậy hưởng ứng. Sử nhà Ngô thú nhận: năm 248 "toàn thể châu Giao đề u chấ n động".



Nhà Ngô lo sợ phải phái viên danh tướng Lục Dận sang làm thứ sử Giao Châu, đem thêm 8.000 quân sang đàn áp. Bà câ m quân kháng địch vô cùng oanh liệt, gây cho giặc nhiê u tổn thấ t, khiế n chúng phải run sợ bảo nhau:

Hoành qua đương hổ dị

Đố i diện Bà Vương nan

(Nghĩa là: Câ`m giáo chố ng lại hổ còn dễ, chứ đố i địch với Bà Triệu thì thật khó).

Lục Dận biế t nế u chỉ dùng lực lượng quân sự không thôi thì khó lòng thắ ng nổi bà. Một mặt, y tìm cách dụ bà ra hàng; mặt khác dùng vàng bạc, của cải lung lạc một số thủ lĩnh địa phương dao động.

Bà Triệu kiên quyế t chố i bỏ lời dụ dỗ của giặc và tiế p tục chiế n đấ u. Nhưng thế giặc rấ t mạnh, quân khởi nghĩa suy yế u dâ n và tan vỡ. Cuố i cùng, bị bao vây riế t, bà phải rút về núi Tùng Sơn, và không chịu rơi vào tay giặc, bà đã rút gươm tự vẫn.

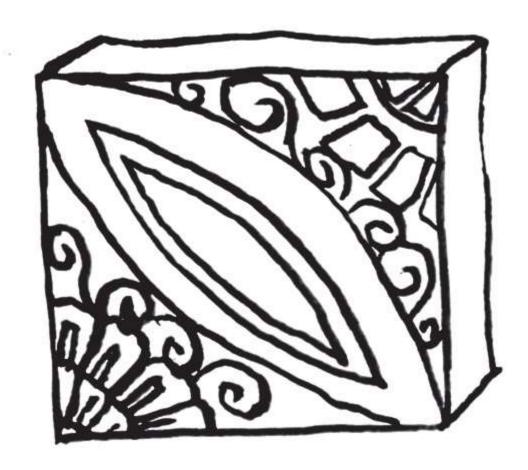
Tùng Sơn nă ng quyện mây trời

Dấ u chân Bà Triệu rạng ngời sử xanh

(Thơ ca dân gian)

Ngày nay, ở thôn Phú Điề n (Hậu Lộc) cạnh đường số 1 vẫn còn có ngôi đề n Bà Triệu và trên núi Tùng Sơn trước đề n còn lăng mộ của bà và một số tướng tá cùng tư vẫn theo bà...

Lý Nam để khai sáng nước Vạn Xuân



Long Hưng (Thuy Anh, Thái Bình) có một người tài kiêm văn, võ, lại có lòng yêu nước, thương dân tên là Lý Bí. Bấ y giờ vào giữa thế kỉ 6, nước ta đang ở dưới ách đô hộ của nhà Lương, Lý Bí có làm một chức quan nhỏ với nhà Lương ít lâu (4), song vì thấ y rõ cảnh lã m than cơ cực của nhân dân nên ông rấ t căm ghét bè lũ đô hộ. Ông bỏ quan về quê, mưu việc khởi nghĩa. Ông tìm cách liên kế t hào kiệt các châu cùng nhau bàn mưu, tính kế, chiêu mộ nghĩa binh luyện tập võ nghệ, tích trữ lương thực, rèn đúc vũ khí... Cha con Triệu Túc là thủ lĩnh vùng Chu Diên đem quân ứng nghĩa trước tiên. Nhà nho Tinh Thiê u học giỏi văn hay mà chỉ được giữ chân canh cổng thành cũng bỏ quan về theo Lý Bí.

Mùa xuân năm 542, khởi nghĩa bùng nổ, nhân dân và hào kiệt các nơi sôi nổi hưởng ứng. Thanh thế nghĩa quân ngày một lớn mạnh. Không đâ y ba tháng, nghĩa quân đã chiế m được hâ u hế t các châu quận. Thứ sử Tiêu Tư vội vã bỏ thành Long Biên chạy về nước.

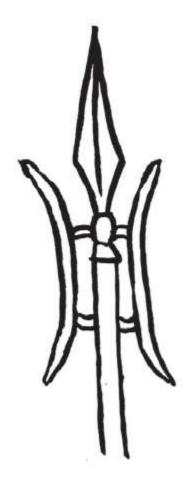
Được tin mấ t Long Biên, vua Lương hế t sức tức giận, y ra lệnh cho lũ quân tướng cấ p tố c phản công. Lý Bí đã điể u quân đánh cho địch thua tán loạn, rô i nhân thế đó, giải phóng toàn bộ đấ t nước.

Hai lâ n bị đánh tan tác, nhưng nhà Lương vẫn chưa chịu bỏ mộng xâm lăng. Đâ u năm sau (543), vua Lương lại hạ lệnh cho quân tướng phản công. Lâ n này, Lư Tử Hùng cùng lũ tướng tá chỉ huy vừa khiế p sợ, vừa mỏi mệt, dùng dă ng mãi không dám tiế n quân. Nă m được chỗ yế u của địch, Lý Bí chủ động đem quân đón đánh địch ở bán đảo Hợp Phố (nay thuộc Quảng Đông, Trung Quố c). Trận này quân Lương cũng thua to, mười phâ n chế t đế n bảy, tám. Tướng chỉ huy, đứa bị giế t, đứa số ng sót chạy vê bị vua Lương trị tội chế t.

Cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta chố ng ách đô hộ của nhà Lương do Lý Bí lãnh đạo đã thắ ng lợi hoàn toàn. Đấ t nước được giải phóng, nhân dân được tự do, Lý Bí lên ngôi hoàng đế (544), tự xưng là Nam Đế (vua nước Nam). Lý Nam Đế đặt tên nước là Vạn Xuân (5). Cho dựng điện Vạn Thọ làm nơi vua quan họp bàn việc nước. Ông cấ t đặt các chức quan văn, võ trong triể u. Triệu Túc được phong làm Thái phó (7), Phạm Tu được cử đứng đầ u hàng quan võ. Tinh Thiê u được cử đứng đầ u các quan văn. Lý Nam Đế còn cho dựng một ngôi chùa mới, lấ y tên là Khai quố c (Mở nước) (8). Lý Nam Đế ban sắ c phong thầ n cho Bà Triệu để tưởng nhớ vị nữ anh hùng ngày trước.

Lý Nam Đế mấ t, nhân dân ta hế t lòng thương tiế c, nhiề u nơi đã lập đề n thờ. Ngày nay, trên các địa phương miề n Bắ c còn có hơn 200 đề n miề u thờ Lý Bí và các tướng tá của ông.

Lão tướng Phạm Tu



Hỡi cô đội nón quai thao
Đi qua Thanh Liệt thì vào làng anh
Làng anh Tô Lịch trong xanh
Có nhiề `u vải nhãn ngọn lành em ăn.

(Thơ ca dân gian)

Vùng làng Quang (Thanh Liệt) huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội có cảnh nước trời tuyệt đẹp, có đặc sản nhãn lô ng, vải ngọt. Mà cũng nổi tiế ng là đấ t lă m nhân tài.

Đó là quê hương của Chu Văn An, nhà nho tiế t tháo mà ta sẽ có dịp nói để n sau.

Đó cũng là quê hương của vị tướng tài ba và yêu nước của thế kỉ 6: tướng quân Phạm Tu.

Lý Nam Đế "phía Bắ c đuổi Tiêu Tư, phía Nam dẹp Lâm p, dựng tên nước, chính ngôi tôn, đặt trăm quan, định niên hiệu, trên đại thể có quy hoạch của bậc đế vương" - như lời sử cũ ngợi ca, cũng nhờ có nhiệ `u nhân tài giúp rập, trong đó có tướng Phạm Tu.

Giữa thôn Văn (nay thuộc xã Thanh Liệt) vào đâ`u mùa "rét nàng Bân" năm Bính Thìn (476), mô `ng Mười tháng Ba, Phạm Tu cấ t tiế ´ng khóc chào đời. Dân làng, dân nước cũng đang khóc than vì nghèo khổ và vì sự áp bức của Tiêu Tư, viên thứ sử nhà Lương tàn bạo. Giữa "ngày ba tháng tám", giữa mùa giáp hạt, mẹ đói cơm, con đói sữa... những tưởng không nuôi nổi con thơ... nhưng rô `i Phạm Tu vẫn số `ng, vẫn trưởng thành.

Cạnh làng Quang là làng Quỳnh Đô "Lô vật Quỳnh Đô, giỏ cua Cổ Điển". Phạm Tu theo học các đô vật bên Quỳnh trở thành một đô vật nổi tiế ng. Từ đó dân làng thường gọi ông là Đô Tu (có tài liệu ghi là Đô Hô`) vì tương truyề n thâ n thánh đấ t Tây Hô` đã "ứng điề m lành" trong việc ông ra đời!).

Vào một ngày đông tháng Chạp năm Tân Dậu (tháng Giêng năm 542), từ miê `n đấ ´t biển Thuỵ Anh Thái Bình, Lý Bí kêu gọi hào kiệt các nơi nổi dậy lật đổ ách đô hộ của nhà Lương. Đô Tu lúc này đã ngoài sáu chục tuổi, đã là một bô lão của thôn Văn. Tuổi "đâ `u bạc răng long" chăng? Tuổi "xuấ ´t lão vô sự", "mũ ni che tai", phó mặc việc làng việc nước cho đàn con cháu chăng? Không phải! "Càng già

càng dẻo càng dai", già làng vẫn cùng lớp trẻ lo toan việc dân việc nước.

Nghe tin Lý Bí đã dựng cờ cứu nước, cha con Triệu Túc vùng ven sông Cái đã ứng theo, Lý Phục Man vùng làng Giá (nay thuộc xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội) cũng đã nổi lên ứng nghĩa. Ở tít vùng sông Câ`u, anh em Trương Hô´ng, Trương Hát đã vùng dậy rô`i...thì làng Quang đâ´t vải quê ta cũng phải cùng cả nước vùng lên... Lão đô vật Phạm Tu lúc này còn khoẻ lǎ´m. Thường ngày còn đánh trâu ra đô`ng cày được vài sào ruộng. (Dân làng Quang vô´n nổi tiế´ng là những người làm ruộng giỏi giang và dai sức). Bô Lão Phạm Tu tài cao đức lớn có uy tín với dân làng. Cụ họp dân bàn việc khởi nghĩa. Trai làng nô nức gia nhập nghĩa quân. Phạm Tư tự làm tướng, đem đội quân khởi nghĩa làng Quang và các làng quanh vùng theo giúp Lý Bí.

Lão tướng và những chàng tuổi trẻ xông pha trận mạc, ba tháng lập nên công lớn, chiế m lĩnh châu trị Long Biên (Bắ c Ninh), đuổi Tiêu Tư về Bắ c, đập tan các cuộc phản kích của quân Lương.

Việc bên Bă c vừa tạm yên thì phương Nam lại dây sóng.

Nghe tin bên xứ Giao Châu có "loạn", vua nước láng giê `ng bên kia dải Hoành Sơn là Lâm ´p điê `u chiê´n thuyê `n tiê´n vào cửa Sót, điê `u bộ binh vượt đèo Ngang tiê´n đánh Đức Châu (Hà Tĩnh ngày nay).

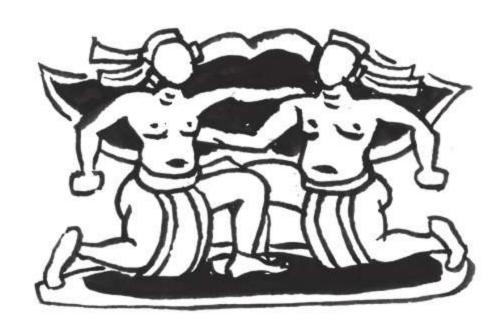
Chủ tướng Lý Bí họp tướng sĩ bàn kế tiế n quân vào Nam dẹp giặc. Lão tướng Phạm Tu hăng hái đứng ra xin đảm đương trọng trách đó.

Mùa hè năm Quý Hợi (tháng 5-543), người lính già đâ ù bạc 68 tuổi, cùng ba quân vượt sông trèo núi, gội nă ng hạ mưa đông, dâ m sương dãi gió, hăng say Nam tiế n.

Chiế n trận diễn ra vô cùng gian khổ, quân Lâm p luyện tập đã lâu (nước Lâm p thành lập từ năm 190 - 192), nước Lâm p đang độ cường thịnh và lâ n này vua Lâm p (Ru-do-ra-vác-man I) lại tự thân chinh...

Việt quân là đội quân mới nhóm họp, chưa dạn dày kinh nghiệm nhưng lại là những người yêu nước nô ng nàn.

Kế t cục, quân Lâm p bị đánh tan, chúa Lâm p phải chạy trố n về bên kia dãy Hoành Sơn. Thế là một dải tăm kình phương Nam cũng lặng...



Đúng ngày Nguyên đán năm Giáp Tý (tháng 2 - 544), Lý Bí dựng nước độc lập Vạn Xuân, tự xưng Nam Đế´. Triề`u đình Vạn Xuân được thiế´t lập với hai ban văn võ. Lão tướng Phạm Tu, vị tướng tài ba đã được cử câ`m đâ`u ban võ, tổng chỉ huy đội quân dân tộc mới hình thành.

Tháng 7 năm 545, phong kiế n xâm lược Lương cấ t đại binh sang chinh phục Vạn Xuân. Lý Nam Đế cùng tướng quân Phạm Tu đem 3 vạn quân ra Chu Diên (Hưng Yên) chặn giặc. Thế giặc mạnh. Quân

ta lui giữ miê `n cửa sông Tô Lịch (trung tâm Hà Nội ngày nay), dựng luỹ đấ ´t, rào tre cự địch. Quân xâm lược lại tiế ´n công thành Tô Lịch. Ngày 20 tháng Bảy năm ´t Sửu (tháng 8 - 545) sử cũ thở than: "đương vòng chiế ´n đấ ´u, xoay cuộc tang thương, đại vương (chỉ Phạm Tu) phút chố ´c thâ `n linh hiển hoá!".

Sinh ra bên sông Tô, lại từ trên chiế n trường bên cửa sông Tô ngã xuố ng... Lão tướng anh hùng chế t lúc 70 tuổi.

Ở Thanh Liệt, giữa cánh đô `ng thôn Trung ngày nay, nổi lên một khu khá đẹp: Khu đình thờ Phạm Tu. Trong hậu cung, bức tranh chân dung vị lão tướng và tranh vẽ các thuộc hạ của người.

Sinh vi tướng, tử vi thâ n (sinh là tướng, chế t là thâ n). Phạm Tu được dân làng thờ làm thành hoàng bảo vệ xóm làng. Trong đình, biế t bao câu đố i ngợi ca đức tài Phạm Tu, trong đó có câu (tạm dịch):

- Khởi nghĩa dẹp quân Lương, lẫm liệt tinh trung ngời nhật nguyệt.
 - Phong hà`u ghi sử Lý, vẻ vang thang mộc rạng quê hương!

Triệu Việt Vương



hái phó⁽⁹⁾ Triệu Túc của triề `u đình Vạn Xuân qua đời. "Tre già măng mọc", con ông là Triệu Quang Phục được Lý Nam Đế trọng dụng. Chàng trai trẻ ấ y đã cùng cha tham gia cuộc khởi nghĩa Lý Bí ngay từ buổi đâ `u, và đã lập nhiê `u võ công hiển hách, góp phâ `n lập ra nước Vạn Xuân (544).

Đâ`u năm 545, nhà Lương lại phái Trâ`n Bá Tiên đem quân sang xâm chiế m nước Vạn Xuân non trẻ. Thế giặc rấ t mạnh. Lý Nam Đế đem quân đánh địch mấ y lâ n không thắ ng, lại bị bệnh nên phải rút vào miề n Tam Đảo ẩn náu. Ông trao quyề n chỉ huy quân đội cho Triệu Quang Phục (546).

Sau mấ y lấ nhuyế t chiế n với quân thù, lúc này lực lượng nghĩa quân đã suy yế u nhiệ u. Tính sao đây để cứu vãn tình trạng hiểm nghèo "ngàn cân treo sợi tóc?". Làm sao đây để bảo toàn lực lượng đợi thời cơ đế n tiế n lên tiêu diệt địch?... Bao nhiêu câu hỏi đặt ra trong đã u óc vị chỉ huy trẻ tuổi. Trải nhiệ u đêm đo đặ n suy tư, cân nhặ c mọi bê , Triệu Quang Phục thấ y nế u cứ dàn thế trận để đánh địch, trong khi lực lượng ta đã mòn mỏi và địch còn đang sung sức thì không tránh khỏi nguy hiểm. Và ông đi đế n một quyế t định sáng suố t, tạm thời lui quân về lập căn cứ ở Dạ Trạch quê nhà để nuôi dưỡng binh lực đánh địch lâu dài.

Dạ Trạch (bãi Màn Trò, Hưng Yên) là một vùng đô `ng lâ `y mênh mông, lau sậy um tùm. Ở giữa là một bãi phù sa, có thể làm ăn sinh số ng được. Đường vào bãi rấ t kín đáo, khó khăn. Chỉ có dùng thuyê n đôc môc nhe lướt trên cỏ nước, theo mâ y con lạch nhỏ thì mới tới được. Triệu Quang Phục đã sinh ra và lớn lên giữa vùng đâ m là y nước đọng này, phâ n đông nghĩa quân lại là người cùng họ cùng quê nên rấ t am hiểu địa thế và đường đi lố i lại nơi đây. Được nhân dân hế t lòng đùm bọc, Triệu Quang Phục đã bí mật rút quân vào đóng ở Da Trạch. Ngày ngày, quân sĩ thay phiên nhau vừa luyện tập vừa phát bờ cuố c ruông trô ng lúa, trô ng khoai để tư túc binh lương. Trời còn sáng, không nổi lửa để địch phát hiện thấ y chỗ trú quân. Khi màn đêm buông xuố ng, nghĩa quân mới nấ u nướng, phâ năn phâ nă m để dành. Có đêm thì nghỉ ngơi sau một ngày cuố c ruộng phát bờ. Có đêm thì chèo thuyê `n ra đánh úp doanh trại địch. Cứ như vậy với lô i đánh "ngày ẩn tô i ra" nghĩa quân diệt được khá nhiê `u địch, thu nhiê `u vũ khí, tích thêm lương thực. Quân nhà Lương ngày thêm thua đau mà quân ta thì càng đánh càng mạnh dâ n lên. Nhân dân hệ t lòng yêu mệ n che chở nghĩa quân và cho con em gia nhập đoàn quân yêu nước. Dân quanh vùng tặng Triệu Quang Phục danh hiệu: "Da Trạch vương" (Vua Đâ m đêm). "Đâ m

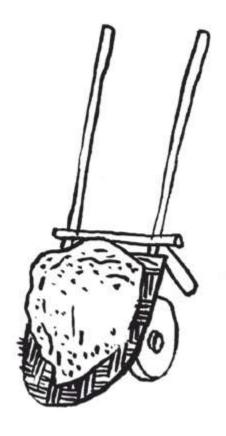
đêm" là tượng trung của lố i đánh lâu dài, đánh du kích của người Việt đương thời.



Năm 550, thời cơ đã đế n. Bấ y giờ tình hình phong kiế n nhà Lương rố i loạn to, đại bộ phận địch quân rút về nước, chỉ để lại một đội quân nhỏ do viên tướng Dương Sã n chỉ huy. Triệu Quang Phục lúc này đã xưng vua (Triệu Việt Vương), cùng đội quân đã dạn dày chiế n đấ u mở một cuộc tấ n công lớn, đánh thố c ra Long Biên, giế t chế t tướng chỉ huy giặc. Quân giặc tan vỡ, đứa bị giế t, đứa chạy thục mạng về nước.

Đấ t nước Vạn Xuân trở lại thanh bình. Triệu Việt Vương cùng nhân dân Vạn Kiế p tiế p tục xây dựng nề n độc lập của đấ t nước.

Vua Đen



Le Mỏm: một doi đấ t nhô ra trên bãi biển miề n Trung, bên bờ cửa Sót, dưới chân dải Hoành Sơn. Nơi đó đã sinh ra một đấ ng anh hùng: Mai Thúc Loan. Bấ y giờ là vào đã u thế kỉ 8, nước ta đang bị phong kiế n nhà Đường đô hộ. Dân tình khổ cực trăm đường vì các tệ nạn cố ng nạp, phu phen tạp dịch. Quê hương Mai có nghệ làm muố i cổ truyệ n. Nhưng thuế muố i là một trong ba thứ thuế nặng nhấ t của nhà Đường. Dân tình khổ quá, không số ng nổi, nhiệ u người phải tha phương câ u thực. Mẹ con Mai Thúc Loan cũng phải bô ng bế nhau lên miệ n núi nương thân.

Từ nhỏ, Mai Thúc Loan đã theo mẹ vào rừng kiế m củi, đổi gạo số ng qua ngày. Bữa rau, bữa cháo, khi đói, khi no. Nhưng cậu bé họ Mai vẫn lớn nhanh, lớn mãi, mạnh khoẻ lạ thường. Dắ t được con

trâu, vác nổi cái cày, Mai lại phải đi ở cho nhà giàu chăn trâu, cày ruộng. Mai rấ t sáng dạ, chỉ thoáng nghe bọn trẻ con nhà chủ học bài nào là thuộc ngay bài ấ y, trông thấ y viế t chữ nào là viế t được chữ ấ y. Có sức khoẻ, Mai lại càng ham học quyề n học võ. Chàng thanh niên có nước da đen rám ấ y nổi tiế ng giỏi vật nhấ t vùng.

Cũng như mọi người dân đấ t Việt, Mai Thúc Loan phải đi phu, phục dịch bọn quan lại đô hộ rấ t vấ t vả, lại còn bị đánh đập rấ t dã man. Ông hế t sức căm giận bọn cướp nước hại dân. Vì gan dạ, bướng bỉnh nên ông được dân trong vùng cử làm chức đã u phu để mong ông bênh vực phâ n nào cho bà con thôn xóm. Một ngày mùa tu hú kêu năm 722, Mai Thúc Loan cùng toán dân phu phải đi gánh quả vải, nộp cố ng cho bọn thố ng trị nhà Đường.

Giữa khi nội thuộc Đường triề `u
Giang sơn cố quố c nhiề `u điề `u ghê gai
Sâu quả vải vì ai că ´n lá,
Ngựa hô `ng trâ `n kể đã héo hon...

(Dân ca xứ Nghệ)

Đường xa, nă ng gắ t, Thúc Loan bảo mọi người dừng chân vào bóng mát nghỉ. Rô i ông lớn tiế ng chửi mặ ng, kể tội bọn quan lại đô hộ, và bảo mọi người ăn vải, còn lại thì gánh trở về không đem nộp cố ng nữa:

"Ta nghe nói ở xa nghìn dặm chẳng sợ người, huố ng chi nước ta xa để n vạn dặm, không lẽ ta lại chịu bó tay?".

Đoàn quân phu nghe theo, cùng Mai Thúc Loan nổi dậy khởi nghĩa. Hàng trăm người của các phường săn và trai tráng quanh vùng cũng kéo để nhưởng ứng. Thể lực nghĩa quân ngày một mạnh. Lợi

dụng địa thế vùng Sa Nam có sông sâu núi hiểm, Mai Thúc Loan đã xây dựng căn cứ để chố ng giặc lâu dài. Ông lâ y Vệ Sơn làm nơi đóng đại bản doanh. Dọc bờ sông Lam, đấ p một chiế n luỹ dài hơn 1.000 mét. Đó là thành Vạn An nổi tiế ng, có Rú Đụn (Hùng Sơn) làm chỗ dựa. Phía trong núi là dải thung lũng rộng vài chục mẫu dùng làm nơi trữ lương thực, vũ khí. Bao quanh khu trung tâm Vệ Sơn là cả một hệ thố ng đô n trại nương tựa lẫn nhau: Biê u Sơn hình quả bâ u bảo vệ cánh tả, Liêu Sơn bảo vệ mặt trước. Ngọc Đái Sơn hình đai ngọc gâ n thành Vạn An là đô n tổng chỉ huy, thông suố t cả thuỷ lẫn bộ binh.

Chiế m được Châu Hoan rô i, Mai Thúc Loan tự xưng hoàng đế, đóng đô ở thành Vạn An. Người đời thường gọi ông là Mai Hặ c Đế . Cái tên "Vua Đen" có từ đó. Mai Hặ c Đế còn cho người đi liên kế t các tù trưởng và nhân dân các châu miệ n núi các nước láng giệ ng ở phía nam và phía tây, như Chăm Pa, Chân Lap... để có thêm lưc lương chố ng với quân Đường. Thế đã mạnh, người đã đông, nghĩa quân tiế n ra Bă c tấ n công phủ thành Tố ng Bình. Bè lũ đô hộ bỏ thành, chạy tháo thân vê phương bắ c. Đấ t nước được giải phóng hoàn toàn. Nhân dân khắ p nơi nô nức theo Mai Hặ c Đế, quân lính đông tới hàng chục vạn người. Ít lâu sau, nhà Đường tập trung sức đàn áp cuộc khởi nghĩa. Quân Đường theo đường hiểm, bấ t thình lình tiế n đánh thẳng vào căn cứ nghĩa quân. Mai Hặ c Đế không đố i phó nổi, phải rút vào rừng, rô i mấ t. Nghĩa quân tan vỡ. Quân xâm lược đã tàn sát nhân dân, chấ t xác nghĩa quân đặ p thành gò cao, hòng uy hiệ p tinh thâ n của dân chúng. Nhưng tội ác của giặc chỉ khơi sâu thêm lòng căm thù của nhân dân ta đố i với chúng. Nhân dân ta đời đời nhớ ơn Mai Hặ c Đế, đã lập đề n thờ ông ở trên núi Vệ.



Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng



Phùng Hưng quê ở Đường Lâm, nay là thôn Cam Lâm, xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, Hà Nội.

Họ Phùng đời đời làm thủ lĩnh Đường Lâm, gọi là quan lang.

Năm 722, khi Mai Thúc Loan khởi nghĩa chố ng phong kiế n Đường, cha Phùng Hưng đã nổi dậy hưởng ứng.

Khởi nghĩa thấ t bại, cha Phùng Hưng lui về quê, chăm lo mở mang trại ấ p, chờ thời cơ chố ng giặc.

Mẹ Phùng Hưng là người hiệ `n đức, sinh được ba trai; con cả là Phùng Hưng, con thứ là Phùng Hải, con út là Phùng Dĩnh. Lớn lên, cả ba anh em họ Phùng đề `u có sức khoẻ vượt hẳn người thường.

Năm Phùng Hưng 18 tuổi, bố mẹ đề ù mấ t. Phùng Hưng nố i nghiệp cha làm thủ lĩnh Đường Lâm, hoà thuận với các em, hế t lòng giúp đỡ dân làng và người quanh vùng.

Một hôm, trên bãi cỏ làng⁽¹⁰⁾ có hai con trâu mộng húc nhau, ai cũng sợ. Nghe tin, ông xăm xăm chạy tới, dùng sức mạnh đôi tay lực lưỡng nă m chặt sừng trâu rô i đẩy hai con trâu ra xa nhau. Nhìn cảnh â y, ai cũng thán phục ông là can đảm và có sức lực phi thường.

Làng quê ông khi â´y ở kê` rừng, có con hổ dữ hay làm hại người. Ông dùng mưu, đặt một bù nhìn câ`m chuỳ ở chỗ hổ thường hay qua lại⁽¹¹⁾. Hổ thấ´y người, nhảy đế´n vô` cào, cấ´n xé, thấ´y là bù nhìn rơm, liê`n bỏ đi.

Cứ như vậy vài là `n, hổ ta phát chán... Một hôm, Phùng Hưng tay câ `m chuỳ să ´t, đứng thế ´ chân vào chỗ đặt bù nhìn cũ. Hổ ta lảng vảng qua đó, trông thấ ´y ông vẫn cứ ngỡ là bù nhìn như mọi khi, không thèm để ý. Lừa đúng lúc hổ vô ý, ông vận dụng sức lực toàn thân, giáng một chuỳ như trời giáng xuố ´ng đâ `u hổ, gí đâ `u hổ xuố ´ng đâ ´t. Xong đâu đâ ´y ông bẻ gãy chân hổ, trói chú ta lại, kéo về ` xóm thôn trước sự kinh ngạc của dân làng.



Các em ruột ông - như lời sách cũ - cũng có sức "mang đá nặng ngàn cân, hoặc cõng thuyê `n, chở nặng ngàn hộc đi xa hàng mười dặm".

Năm 766, anh em Phùng Hưng khởi nghĩa chố ng phong kiế n Đường. Khắ p vùng hưởng ứng. Anh em ông chiế m vùng Đường Lâm và các ấ p chung quanh, giữ nơi hiểm yế u, tích trữ lương thực, mộ thêm nghĩa binh, thế lực ngày càng mạnh, uy tín ngày càng cao (12).

Năm 791, theo lời khuyên của người đô ng hương và đô ng chí của ông là Đỗ Anh Hàn, anh em Phùng Hưng cùng các tướng sĩ đem hàng vạn quân tiế n xuố ng bao vây kín phủ thành Tố ng Bình (nay là Hà Nội) của bè lũ đô hộ.

Ba cô cháu gái ông tình nguyện theo giúp việc quân.

Cao Chính Bình - viên quan đô hộ chuyên hà hiế p bóc lột nhân dân đem quân ra ngoài thành chố ng đỡ. Ác chiế n bảy ngày đêm, lũ quân tướng nhà Đường đại bại; xác giặc phơi đâ y đô ng.

Quân Đường kéo vào thành cố thủ. Cao Chính Bình lo sợ quá, phát bệnh mà chế t. Lũ quan tướng còn lại bị bao vây ráo riế t đã phải đâ u hàng nghĩa quân.

Phùng Hưng vào phủ thành, chấ n chỉnh mọi việc, xây dựng nề n tảng cho một quố c gia tự chủ. Nhưng chẳng bao lâu sau ông lâm bệnh nặng rô i chế t.

Nhớ ơn ông, nhân dân lập đề n thờ ở quê nhà và ở vùng Thịnh Hào (nay thuộc quận Đố ng Đa, Hà Nội). Người đời vẫn gọi là ông Bố Cái Đại Vương.

Câu chuyện thần dân tộc và tên phù thuỷ địch



B â y giờ là ở thời thuộc Đường (thế kỉ 7 - 10). Vua Đường họ Lý, tự cho mình thuộc dòng dõi Lão Tử (Lý Đam). Thêm một cớ để tôn sùng đạo Lão vẫn thịnh hành trong triê `u ngoại nội. Rấ t nhiê `u tướng tá nhà Đường là đạo sĩ kiêm nghê `phù thuỷ.

Nước ta bị nhà Đường đô hộ, gọi là An Nam, với 12 châu, 59 huyện. Thế kỉ 7 có khởi nghĩa lớn của Lý Tự Tiên, Đinh Kiế n. Thế kỉ 8 có khởi nghĩa lớn của Mai Thúc Loan (Mai Hặ c Đế), Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương). Đâ u thế kỉ 9 có khởi nghĩa lớn của Dương Thanh. Khởi nghĩa nhân dân nhã m giành lại đấ t nước, giành lại nề n tự chủ. Khởi nghĩa. Bị đàn áp đẫm máu. Lại khởi nghĩa. Phái tướng, phái quân không đủ, nhà Đường phái nhiề u đạo sĩ, phù thuỷ sang ta. Riêng đô ng bă ng sông Nhị, khi ấ y gọi là Giao Châu,

có để n 21 đạo quân nổi tiế ng. Thâ y phù thuỷ, thâ y địa lí Tâ u sang ta để trừ yểm "long mạch". Đấ y là một thủ đoạn đàn áp về văn hoá, tư tưởng, gieo ră c mê tín, dị đoan ră ng "đấ t An Nam không thể còn mạch đấ t để vương nữa". Có nghĩa: ta không thể là một nước độc lập.

Vê tôn giáo, dân ta vô n có đức tính khoan dung. Đạo Phật phương Tây, đạo Nho, đạo Lão từ phương Bắ c được truyề n bá vào ta từ những thế kỉ đâ u Công nguyên. Nhưng không một tôn giáo nào tạo nên được ở ta sự cuô ng tín, là cái mâ m chia rẽ dân tộc rấ t tai hại. Trong nông thôn, có chùa chiế n, có đạo quán, cũng có đình làng thờ thành hoàng, có miế u mạo thờ các anh hùng giúp dân dựng nước. Có đề n Hùng thờ Tổ, đề n Tản Viên sơn thánh, đề n Bà Trưng, Bà Triệu... Lý Nam Đế giữa thế kỉ 6 đã phong thâ n cho Bà Triệu. Nước Vạn Xuân độc lập đã có thâ n dân tộc. Thờ tổ tiên cả giố ng nòi, cả làng, cả họ và ở từng nhà là nét đặc sắ c của tín ngưỡng Việt Nam.

Đạo Nho dù có chủ trương "tôn quân, đại thố ng nhấ t" thì cũng chẳng chuyển lay được ý chí tự lập tự cường, tinh thấ `n dân tộc và ý thức độc lập của nhân dân ta.

Lòng yêu nước Việt Nam đã sâu gố c bê n rễ rô i.

Nửa sau thế kỉ 9, đấ t An Nam càng không yên. Có một dạo, quân Nam Chiế u từ Vân Nam theo triể n sông Hồ ng kéo xuố ng, đánh bại quân Đường, giế t chế t viên đô hộ, chiế m đấ t An Nam. Phong kiế n Đường hèn hạ bỏ An Nam đô hộ phủ. Nhưng nhân dân các làng xã đấ t Việt đã dựng "pháo đài xanh" chiế n đấ u chố ng quân Nam Chiế u. Truyề n thố ng làng xã chiế n đấ u trỗi dậy. Khi gặp thời cơ, người dân Việt lại tìm thấ y ở làng đủ "sức bật" đẩy họ đứng lên chiế n đấ u giải phóng quê hương đấ t nước.

Việc dân làng Việt Nam chố ng quân Nam Chiế u bảo vệ xóm quê để n tại vua Đường. Để vớt vát chút uy thế tàn, vua Đường hạ chiế u "khen" hào trưởng và nhân dân đấ t Việt. Và cử Cao Biê `n đem quân sang An Nam đánh quân Nam Chiế u. Cao Biê `n, viên tướng giỏi của Đường, nổi tiế ng vì với một phát tên đã bắ n rơi hai con chim trời đang bay.

Cao Biê n lại là tên phù thuỷ cao tay.

Dùng dă ng hàng năm, Cao Biê n mới tiế n quân sang ta (865). Dân Việt đánh, quân Đường đánh. Lâ n này quân Nam Chiế u thua đậm, phải rút vê nước.

Chẳng ơn thì chớ, tiế t độ sử "Tĩnh hải quân tiế t trấ n" Cao Biề n lại quay ra đàn áp nhân dân và các thủ lĩnh địa phương, cố dựng lại ách thố ng trị của nhà Đường trên đấ t đai của một nhân dân "hay phản loạn" này.

Cao Biê `n đế ´n thành Đại La ở khu vực Hà Nội ngày nay, thêm quân canh giữ, sục sạo nông thôn, lập sổ hộ khẩu, chỉnh đố ´n thuế má. Nghe nói Cao Biê `n đã chia được nông thôn ta ra làm 159 hương. Dưới hương, Biê `n muố ´n nhúng tay xuố ´ng xã, đã lập cả đại xã và tiểu xã...

Hành quân đàn áp. Tổ chức chính trị thắ t buộc chặt chẽ. Vơ vét thuế khoá. Chưa đủ, Cao Biê n còn giở ngón nghê phù thuỷ, nghê thâ y địa lí đào "long mạch" đấ t An Nam. Giặc tung tin Cao Biê n có tài "yểm âm binh", có tài "cưỡi diê `u giấ y" bay trên không để dò xem các "huyệt đế vương"... và có tài yểm trừ thâ `n thánh Việt Nam...

Cao Biê `n biê ´t chăng đâ ´t Việt phương Nam là xứ sở của huyê `n thoại và truyê `n thuyê ´t đượm sắ ´c màu yêu nước?

Không đâ y chục năm số ng trên đấ t Việt, Cao Biê n đã thể nghiệm điê u đó! Chọi với truyê n thuyế t "Cao Biê n có tài yểm và điê u khiển âm binh" của giặc, có truyê n thuyế t "quân Cao Biê n dạy non" của người Việt: Biê n nuôi âm binh, đủ trăm ngày sẽ dậy và sẽ dùng được. Biê n đưa 100 thẻ hương cho một bà lão bán hàng nước người Việt có quán hàng cạnh nơi nuôi âm binh, dặn mỗi ngày thấ p một thẻ; cứ thể đủ 100 ngày, quán hàng của bà lão sẽ phát đạt. Bà lão theo lời dặn được ít ngày, sau đem cả bó thương đố t một lượt, quân âm của Cao Biê n "dậy" thật, nhưng chưa đủ ngày đủ tháng nên "dậy non", run lẩy bảy rồ i biế n thành đấ t đá cả!

Lại có truyề `n thuyế ´t: Cao Biề `n muố ´n yểm những nơi linh tích ("dấ ´u thiêng"), bèn mổ bụng con gái chưa chô `ng 17 tuổi, vứt ruột đi, nhô `i cỏ bấ ´c vào bụng, mặc quâ `n áo vào, đặt ngô `i lên ngai thờ thâ `n, tế ´ bă `ng trâu, bò, hễ thấ ´y cử động - tức là thâ `n nhập vào thân người con gái đó - thì vung kiế ´m mà chém đâ `u. Biề `n dùng thuật đó để đánh lừa các thâ `n linh đấ ´t Việt. Và đúng ra: để hòng trấ ´n áp tư tưởng yêu nước, tinh thâ `n dân tộc của nhân dân Việt Nam. Biê `n cũng dùng thuật đó để định lừa thâ `n núi Tản Viên là thâ `n đứng đâ `u các thâ `n đấ ´t Việt. Lúc ấ ´y thâ `n Tản Viên đi vă ´ng. Thâ `n cưỡi chim diê `u bay trong mây mà vê `, thấ ´y Biê `n đang lom khom câ `u cúng. Từ trên mây, thâ `n Tản Viên nhổ nước bọt ào giữa đàn tràng của Cao Biê `n, rô `i bỏ đi.

Cao Biê`n than ră`ng: "Linh khí ở phương Nam không thể lường được. Ôi! Cái vượng khí của đâ´t này đời nào hê´t được!".

Lại có một truyề `n thuyế ´t khác. Cao Biề `n đặ ´p thành Đại La trên đấ ´t Long Đỗ của người Việt. Long Đỗ - Rồ ´n Rồ `ng - hay núi Nùng của đấ ´t Thăng Long ngày sau. Núi Nùng, sông Tô là non sông của thủ đô tương lai đấ ´t Việt.

Truyê `n thuyê ´t kể ră `ng: Đă ´p xong thành, một buổi sớm, Cao Biê `n dạo chơi ngoài cửa Đông Thành, bỗng trời đổ mưa to gió lớn. Thâ `n chính khí Long Đỗ hiện ra trong ánh sáng chói loà, trong đám mây ngũ sắ ´c, trong mộng mị, thâ `n Long Đỗ lại hiện ra...



Sáng hôm sau, tỉnh dậy, Biê`n họp quâ`n thâ`n, than ră`ng:

- "Ta không sao khuấ t phục được người phương xa chặng?".

Có kẻ khuyên lập đàn và dùng nghìn cân sắ t đúc tượng theo hình dạng thâ n nhân để làm bùa yểm. Cao Biê n theo kế đó. Biê n vừa mới đọc thâ n chú, bỗng đấ t trời mù mịt ngày đêm, mưa dông gió giật đùng đùng. Tượng sắ t nát vụn ra mà bay lên không. Biê n sợ hãi than rắ ng:

- "Xứ này có thâ `n kinh dị, ở lâu tấ ´t chuố ´c lấ ´y tai vạ. Ta phải vê `Bă ´c mấ ´t thôi!".

Rô i quả nhiên Biê n phải vê thật.

Rô i nô i gót Cao Biê n, những tên đô hộ cuố i cùng cũng bị đuổi vê phương Bắ c. Đấ t Việt phương Nam giành lại quyê n độc lập.

Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng



iữa năm 905, Khúc Thừa Dụ, một hào trưởng xứ Đông (Ninh Giang, Hải Dương) nổi dậy dựng quyề `n tự chủ, xây những viên gạch đâ `u tiên cho nê `n độc lập dân tộc. Nô ´i chí cha, Khúc Hạo cải cách xã hội, định cương lĩnh chính trị: "Chính sự cố ´t chuộng khoan dung, giản dị. Nhân dân đề `u được yên vui". Đế ´n đời cháu là Khúc Thừa Mỹ (930) thì giặc Nam Hán lại sang xâm lược. Toà lâ `u Độc Lập đang xây dang dở tưởng chừng lại đổ.

Nhưng không! Khúc Thừa Mỹ yế u hèn bị bắ t nhưng nhân dân và dân tộc lại đẻ ra Dương Đình Nghệ anh hùng.

Xứ Đông trao cò cho xứ Thanh. Từ đấ t Thanh, Dương kéo quân phấ t cò ra Bắ c, tố ng cổ lũ quân đô hộ, đập tan quân tiế p viện Nam Hán, khôi phục lại quyề n tự chủ.

Dương Đình Nghệ có một người con gái, cô Như Ngọc. Nổ i tiế p truyề n thố ng "Giặc để n nhà đàn bà cũng đánh", Như Ngọc cũng khoác chiế n bào cùng cha chố ng quân xâm lược. Quê hương họ Dương - làng Ràng (Dương Xá, Thiệu Hoá, Thanh Hoá) là nơi tụ nghĩa của hơn ba ngàn anh hùng. Trong số đó có một trang thanh niên tuấ n tú: Ngô Quyê n.

Quê xứ Đoài, cùng thôn với Bố Cái Đại Vương (nay là thôn Cam Lâm, xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, Hà Nội), Ngô Quyê n là con Ngô Mân, một hào trưởng địa phương. "Một thôn nhỏ ven rừng đẻ ra hai anh hùng cái thể", đấ y là niề m tự hào chính đáng của nhân dân Cam Lâm, của miề n non Tản xứ Đoài.

Sinh vào năm chót của thế kỉ 9 (899), Ngô Quyê n thực sự là vĩ nhân tiêu biểu của thế kỉ 10. Được truyê n thố ng địa phương hun đúc, được cha anh dạy bảo, từ tấ m bé Ngô Quyê n đã tỏ ra có chí lớn. Thân thể cường tráng, trí tuệ sáng suố t, Ngô Quyê n chăm rèn võ nghệ, chăm đọc binh thư. Đế n tuổi thanh niên, dân làng đã mế n phục chàng trai mưu cao mẹo giỏi.

Đấ t Bắ c bị giặc Nam Hán dòm ngó, quấ y phá, Ngô Quyê n tìm vào lò võ Dương Xá xứ Thanh tụ nghĩa. Dương Đình Nghệ trọng vì dòng dõi, mế n vì tài năng, cử Ngô Quyê n làm tướng. Việc chung đã thoả ước mà việc riêng cũng toại nguyện. Hôn lễ Dương Thị Như Ngọc - Ngô Quyê n được tổ chức trọng thể ngay tại lò võ làng Ràng.

Dương Đình Nghệ, sau khi đã giành lại được quyề `n tự chủ (931), cử Ngô Quyề `n cai quản xứ Thanh (khi â ´y gọi là châu Ái) và Đinh Công Trứ (bố ´ Đinh Bộ Lĩnh) cai quản xứ Nghệ (khi â ´y gọi là châu Hoan). Đấ 't Thanh Nghệ - miề `n Hoan Áiluôn luôn là căn cứ chiế ´n lược trong lịch sử dân tộc. Giặc mạnh sang xâm chiế ´m, tạm thời mã ´t đã ´t Bắ ´c thì anh hùng nghĩa sĩ, chủ lực quân quố ´c gia lui vào miề `n Thanh Nghệ, gây lực lượng. Chớp được thời cơ thì đoàn quân dân tộc lại trùng trùng vượt đèo Ba Đội (Tam Điệp) tiế ´n ra Bắ ´c quét sạch lũ xâm lăng, thu phục lại cơ đô ` đấ ´t Việt. Bởi vậy, thời nào, triề `u nào cũng cử tướng tài vào trấ ´n trị miề `n Thanh Nghệ. Bảy

năm thay bố vợ quản trị xứ Thanh, Ngô Quyê n được lòng dân, lòng quân kính phục.

Năm 938, Dương Đình Nghệ bị Kiê `u Công Tiễn, một tên lãnh chúa xứ Đoài giế t chế t để đoạt quyê `n Tiế t độ sứ (câ `m đâ `u Nhà nước). Rô `i tên phản chủ biế ´n thành phản nước hại dân. Sợ bị trị tội, Kiê `u Công Tiễn đâ `u hàng Nam Hán, và vua Nam Hán lấ y cớ đó để sang xâm lược nước ta lâ `n nữa.

Nam Hán là một triể `u đình cát cứ ở Quảng Châu, Trung Quố c. Lợi dụng lúc nhà Đường sụp đổ, viên quan ở Quảng Châu - tiế t độ sứ Lưu Nham (sau đổi tên là Lưu Cung) - tính chuyện cát cứ. Hấ n cũng bày trò lập quố c (917) và tự cho mình là họ Lưu dòng dõi Hán Cao tổ Lưu Bang, hấ n đặt quố c hiệu là Hán (Nam Hán). Nam Hán xâm lược nước ta lầ `n thứ nhấ t, tạm thời thành công, bắ t số ng được Khúc Thừa Mỹ (930). Nhưng chẳng bao lâu sau, bè lũ đô hộ Nam Hán đã bị Dương Đình Nghệ tố ng cổ ra biển Đông (931). Nhưng ý chí xâm lược của phong kiế n Nam Hán chưa bị đè bẹp.

Tiế p được thư đâ ù hàng và câ ù viện của Kiê ù Công Tiễn, vua Nam Hán vội vàng phong cho con là Hoă ng Thao làm vua Keo (Giao Vương): Phong tước, đi chinh phục thành công thì con hã n sẽ trở thành vua của xứ sở người Keo! Nam Hán có lực lượng thuỷ quân hùng mạnh: Từ hàng nghìn năm nay, Quảng Châu là trung tâm mậu dịch đô i ngoại lớn nhấ t của Trung Quố c. Nam Hán có thuyê n buôn biển, có hải quân, có giặc biển. Hoă ng Thao được vua cha kích động, hung hăng kéo thuỷ quân hướng vê phía cửa Bạch Đă ng. Tên vua Nam Hán cũng tự câ m quân, binh thuyê n lảng vảng ở Hải Môn trấ n (huyện Bác Bạch, tỉnh Quảng Đông) để làm thế "Ỷ giố c" (sẵn sàng tiế p ứng cho Hoă ng Thao). Gió heo may đã thổi. Thuyê n giặc căng buô m "binh Việt!".

Ngược chiế ù gió heo may, đoàn quân Ngô Quyê n, người người lớp lớp vượt đèo Ba Dội. Bấ y giờ là tháng Mười Một (938) đang tiế t mua dâ m.

Mưa dâ m, gió bấ c, đường tron không cản nổi đoàn quân tiế n ra Bắ c trị tội tên phản bội. Quân Nam Hán còn đang ngấ p nghé ngoài bờ cõi thì đâ u tên phản bội Kiê u Công Tiễn đã bị bêu ở ngoài cửa thành Đại La (Hà Nội).

Ngô Quyê `n vào thành, họp các tướng tá, bàn ră `ng: "Hoă `ng Thao là một đứa trẻ dại, đem quân từ xa đế ´n, quân lính mỏi mệt, lại nghe được tin Công Tiễn đã bị giế ´t chế ´t, không còn người làm nội ứng, đã mấ ´t vía trước rô `i. Quân ta sức còn mạnh, địch với quân mỏi mệt, tấ ´t phá được. Song chúng có lợi ở thuyê `n, nế ´u ta không phòng bị trước thì chuyện được thua chưa thể biế ´t được. Nế ´u ta sai người đem cọc lớn đóng ngâ `m ở cửa biển trước, vạt nhọn đâ `u mà bịt sắ ´t, thuyê `n của chúng nhân khi nước triê `u lên tiế ´n vào bên trong hàng cọc, bấ ´y giờ ta sẽ dễ bê `chế ´ngự. Không kế ´gì hơn kế ´ấ ´y cả". Chư tướng đê `u phục kế ´ sách ấ ´y là tuyệt vời.

Bạch Đă ng ngày â y vẫn mang "tên nôm" giản dị: Sông Rừng!

Con ơi nhớ lấ y lời cha

Gió to sóng cả chớ qua sông Rừng.

Sông Rừng thường có sóng bạc đâ `u, vì vậy mới có thêm một "tên chữ": Bạch Đă `ng Giang. Gọi là sông Rừng vì hai bên bờ sông, nhấ t là phía tả ngạn, toàn là rừng rậm. Phà Rừng, Chợ Rừng, những tên này đê `u do đó mà ra.

Hàng ngàn hàng vạn quân dân được huy động vào rừng chặt lim, chặt táu. Dân "sơn tràng" vố n từ lâu quen với rìu với cưa nay được dịp đem nghệ `nghiệp khiêm tố n của mình góp phâ `n cứu nước. Gỗ

chặt xuố ng bỏ cành, đâ u đẽo nhọn. Thợ rèn được tập hợp, bế n sông đỏ lửa ngày đêm. Tiế ng búa đe hoà cùng tiế ng sóng vỗ. Cọc nào cũng được bịt sắ t nhọn ở đâ u, chuyển ra mảng, cắ m ngược xuố ng lòng sông tại nơi hiểm yế u, gâ n cửa biển.

Sẵn gỗ, thuyê `n bè được sửa chữa lại và đóng thêm. Quân thuỷ, quân bộ mai phục ở phía trong cửa biển, trên núi, trong rừng, dưới sông... sẵn sàng chờ giặc.

Hoă ng Thao đem thuỷ binh ô at kéo vào phía cửa Bạch Đă ng. Bên địch, ít nhấ t cũng có một kẻ tỏ ra biế t người biế t ta. Kẻ đó là Sùng Văn hâ u Tiêu Ích. Tiêu Ích tâu với vua Nam Hán: "Hiện nay mưa dâ m mấ y tuâ n mà đường biển thì hiểm trở xa xôi. Ngô Quyê n là người kiệt hiệt, chớ nên khinh suấ t. Đại quân đi phải nên cắn thận, chấ c chấ n, dùng nhiê u người hướng đạo rô i mới nên tiế n".

Vua Nam Hán không nghe, Hoă ng Thao cũng không nghe Tiêu Ích.

Biế t tướng địch là đứa kiêu căng, hiế u thắ ng. Ngô Quyê n khéo léo dùng thuyê n nhẹ ra vịnh Hạ Long đánh nhử quân Nam Hán và dụ chúng vào cửa Bạch Đă ng. Bấ y giờ đang lúc nước cường, thuỷ triê u dâng ngập bãi cọc. Quân ta vờ rút chạy, Hoă ng Thao mắ c mưu, thúc quân chèo thuyê n chiế n hăm hở đuổi theo, vượt qua trận đia coc ngầ m của ta.



Quân ta câ m cự với giặc. Đợi khi nước rặc, triệ u xuố ng mạnh như kéo thuyê n ra biển, Ngô Quyê n mới tung đại quân ra, từ núi, từ rừng, từ các nhánh sông đổ xuố ng, toả ra, đánh quật trở lại, khí thế mãnh liệt, tiế ng reo hò vang dậy núi sông.

Thuỷ quân Nam Hán hố t hoảng quay đâ u tháo chạy. Ra đế n gâ n cửa biển, thuyê n bị nước kéo băng, phía trên là quân ta, phía dưới là trận địa cọc.

Thuyê `n địch va phải cọc nhọn, bị vỡ, bị đấ m rấ t nhiê `u. Quân địch bỏ cả chèo, nhảy xuố ng sông. Phâ `n bị giế t, phâ `n chế t đuố i, thiệt hại để n quá nửa. Hoặ `ng Thao cũng bỏ mạng ở nơi đây. Quân địch hoàn toàn tan rã. Vua Nam Hán đang điể `u quân tiế p viện cho con, giữa đường nghe tin quân bị hãm, con bị giế t, hố t hoảng, rụng rời, vừa khóc vừa thu nhặt tàn quân rút chạy chứ không dám dấ n thân mặt đố i mặt với Ngô Quyê `n.

Chiế n dịch Bạch Đă ng đã kế t thúc thắ ng lợi. Ý chí xâm lược của kẻ địch hoàn toàn bị đè bẹp. Nước Nam Hán cát cứ còn tổ n tại ở Quảng Châu vài chục năm nữa, song không còn một lâ n nào dám bén mảng sang ta.

Lưu Cung tham công to mà chịu tai vạ.

Nguyễn Trãi (1427) đã hạ một lời bình như vậy!

Nhà sử học nổi tiế ng đời Trâ n, Lê Văn Hưu (1272) ca ngợi Ngô Quyê n và chiế n thă ng Bạch Đă ng:

"Tiê`n Ngô Vương có thể lấ´y quân mới nhóm họp của đấ´t Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoă`ng Thao, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắ´c không dám lại sang nữa. Có thể bảo là một cơn giận mà yên được dân, mưu cũng giỏi mà đánh cũng giỏi".

Với chiế n dịch Bạch Đã ng cuố i năm 938, nhân dân ta đã thực sự lớn mạnh về trí tuệ và khả năng đánh bại kẻ địch, không những chỉ bă ng du kích mà bă ng cả chính quy, không những chỉ ở trên bộ mà cả bă ng thuỷ chiế n. Chiế n thă ng Bạch Đă ng là đoạn nhạc kế t thúc bài ca trường hận của nhân dân ta trong thời kì một ngàn năm "Bă c thuộc" và cũng là khúc tấ u dạo đâ u của bản anh hùng ca chố ng Tố ng, chố ng Nguyên, Minh thă ng lợi về sau.

Ngày nay, mỗi khi qua sông Bạch Đă ng, lòng ai cũng rạo rực cùng nhà thơ thời Trâ n Phạm Sư Mạnh:

Bạch Đă `ng sóng cuô `n cuộn

Tưởng tượng thuyê`n vua Ngô

Tài xoay trời chuyển đấ t

Nhớ vua Trung Hưng xưa...

Ngă m nhìn Bạch Đă ng Giang, ta đô ng cảm cùng Trương Hán Siêu, tác giả bài *Phú sông Bạch Đă ng* nổi tiế ng:

Bát ngát sóng kình muôn dặm

Thướt tha đuôi trĩ một màu.

Nước trời: một sắ c, phong cảnh: ba thu

Bờ lau san sát, bế n lách đìu hiu.

Và còn như tưởng tượng thấ y cảnh:

Sông chìm giáo gãy, gò đâ `y xương khô...

Đế n nay, nước sông tuy chảy hoài

Mà nhực quân thù không rửa nổi!

Nữ thanh niên thế ki 10



hế kỉ 1, Việt Nam có Hai Bà Trưng cùng "36 nữ tướng" đuổi giặc thù, giành quyê `n làm chủ. Thế kỉ 3, Việt Nam có Triệu Thị Trinh, có cô gái Minh Châu người Mường cứu nước cứu nhà.

Thế kỉ 8, Việt Nam có ba cô gái chị em ruột, cháu Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng, đã theo giúp nghĩa quân của bác ruột suố t dọc đường tiế n quân từ Đường Lâm (Hà Nội) xuố ng bao vây phủ thành Tố ng Bình (Hà Nội), nay còn được thờ ở đình Hoà Mục (Từ Liêm).

Thế kỉ 10 - thế kỉ của bước nhảy vọt từ đêm dài nô lệ đế n kỉ nguyên Độc lập - có những chị em nổ i gót Trưng Triệu đề n nợ nước, trả thù nhà.

Bấ y giờ là vào khoảng 930 - 931. Có một gia đình họ Tiế t, cha và anh làm tay sai cho giặc. Nhưng người con gái Tiế t Thị Huệ lại rấ t yêu nước, hàng ngày can ngăn cha anh đừng nổ i giáo cho giặc. Cha và anh lấ y thể làm tức, lại táng tận lương tâm ép gả Tiế t Thị Huệ cho một viên tướng giặc Nam Hán. Tiế t Thị Huệ không cam chịu nhục. Nàng chố ng cự và bị viên tướng giặc giế t chế t.

Người đâ v tớ gái thân cận nhấ t của nàng đem xác nàng chôn cấ t tử tế rô i bỏ nhà họ Tiế t ra đi.

Cô đi rủ bạn rủ bè, mộ binh trả thù cho chủ.

Một ngày xuân, chị và vài trăm nghĩa binh vũ khí tê chỉnh, phát cờ tang, mặc toàn quâ n áo trắ ng sụp lạy trước mô Tiế t Thị Huệ, thê trả thù cho chủ, cho đấ t nước non sông.



Cùng lúc â´y, nữ tướng Dương Thị Như Ngọccon gái người anh hùng xứ Thanh Dương Đình Nghệ, vợ yêu của vị tướng trẻ nhiê `u tài năng Ngô Quyê `n - đi qua đó. Thâ´y cảnh lạ, nàng rẽ vào thăm hỏi. Biế t lai lịch đâ `u đuôi, Như Ngọc vô cùng cảm phục nàng nữ tì nhà họ Tiế t, cùng nàng kế t nghĩa chị em.

Người đâ y tớ gái trở thành nữ tướng, cùng nữ tướng Như Ngọc chiế n đấ u dưới cờ nghĩa của Dương Đình Nghệ, đánh đâu thặ ng đó.

Nàng cấ t quân đánh phá thành trì giặc Nam Hán, bấ t số ng tên tướng giặc đã giế t hại chủ gái của mình trước đây. Nàng xin chủ

tướng cho mình đem tên tướng đó về tẩm dâ u đố t, tế mô Tiế t Thị Huệ.

Đấ t nước được giải phóng, văn hoá dân tộc phát triển, xuấ t hiện nhiệ u phụ nữ giỏi nghệ hát múa. Trong số đó có Phạm Thị Trân. Sinh năm 926, quê ở Hồ ng Châu (Hải Dương), Phạm Thị Trân, phong tư mĩ lệ, ca, múa và làm trò nổi tiế ng.

Vua Đinh bấ y giờ đang xây dựng đội quân Thập đạo, bao gố m chục vạn người. Quân sĩ ra sức luyện rèn võ nghệ, sẵn sàng chố ng giặc. Song cũng cầ n vui chơi, giải trí. Nghe tiế ng Phạm Thị Trân, vua Đinh vời về kinh đô Hoa Lư, phong chức Ưu Bà, chuyên dạy biểu diễn nghệ thuật cho quân sĩ.

Cùng nhiê `u nghệ nhân dân gian khác, Phạm Thị Trân dạy quân sĩ hát, múa, gảy đàn, đánh trố ng... Lại tổng hợp các bộ môn đó đưa lên sân khấ `u, biểu diễn những tích chuyện đơn giản, rút ra từ sinh hoạt thường ngày.

Nghệ thuật chèo nảy sinh từ đó. Với công lao â´y, khi mâ´t (976) Phạm Thị Trân được suy tôn là bà Tổ nghê chèo.

Tiế p nổ i Phạm Thị Trân là Đào Nương (ả họ Đào). Nàng là người thời Lý thế kỉ 11. Hát hay, múa khéo, nổi danh để n mức đương thời cô nào hát hay múa giỏi đề u được nhân dân gọi là ả Đào. Từ tên riêng, ả Đào trở thành tên gọi chung các nữ nghệ sĩ ca múa dân gian. Hát ả Đào là một làn điệu hay của nề n nhạc Việt.

Và Đào Nương cũng được tôn là một trong những Tổ của nghê chèo.



Phần 4 Buổi đầu độc lập

Loạn mười hai sứ quân



Sau sáu năm nă m quyê `n binh, năm 944, Ngô Vương Quyê `n qua đời, tuổi mới 46. Dân tộc vừa trỗi dậy, mấ t một người anh hùng lỗi lạc. Con ông là Ngô Xương Ngập nổ i ngôi. Quố c gia vừa giành lại quyê `n làm chủ thiế u một thủ lĩnh tố i cao, đủ uy tín để đoàn kế t nhân dân.

Mâ m loạn lạc bắ t đâ u khởi nhú. Các dòng họ phong kiế n trên nhiê u địa phương lăm le cát cứ, biế n mỗi vùng thành một góc trời riêng để một lũ "con dòng cháu giố ng" mặc sức tác yêu tác quái,

chẳng kể gì để n lợi ích nhân dân, để n quyề n lợi tố i cao của dân tộc. Quan lại trong triề u cũng chỉ chực tranh quyề n đoạt vị.

Em vợ Ngô Quyê `n - Dương Tam Kha nổ pháo làm loạn đâ `u tiên và kéo theo một loạt phản ứng dây chuyê `n. Y tự xưng vương, tức là Bình Vương. Tình hình bức bách, Ngô Xương Ngập bỏ mẹ và các em ở lại với người "cậu" xấ ´u bụng đó, chạy sang vùng Nam Sách (Hải Dương), trố ´n vào nhà họ Phạm, một công thâ `n cũ của Ngô Quyê `n.

Dương Tam Kha sai hai tướng Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc đem quân lùng bắ t Xương Ngập tới ba lâ n. Họ Phạm phải giấ u Xương Ngập vào trong hang núi. Các thế lực ở thôn Nguyễn, thôn Đường, (nay thuộc Yên Lãng, huyện Yên Lạc tỉnh Vĩnh Phúc) nổi loạn, li khai chính quyề n trung ương. Và ngay tại kinh thành, một âm mưu lật đổ Bình Vương đang ngấ m ngâ m nhen nhóm...

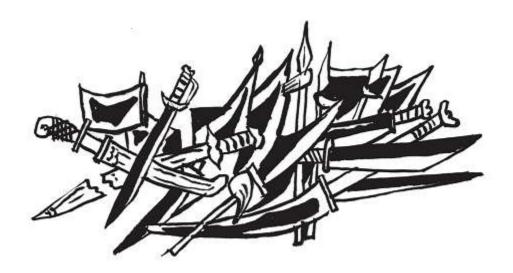
Năm 950, Bình Vương sai Dương Cát Lợi, Đỗ Cảnh Thạc và Ngô Xương Văn (em ruột Xương Ngập) đi đánh hai thôn Đường, Nguyễn. Đế n Từ Liêm (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), Xương Văn thuyế t phục được hai tướng Dương, Đỗ đem quân trở lại kinh đô, đánh úp Bình Vương, lật nhào chiế c ngai ọp ẹp của Dương Tam Kha.

Năm 951, Xương Văn sai người sang xứ Đông đón anh là Xương Ngập về kinh cùng coi việc nước. Một nước hai vua!

Nước tiế p tục loạn. Và càng ngày càng loạn to. Đinh Bộ Lĩnh cát cứ ở Hoa Lư (Ninh Bình). Xương Ngập, Xương Văn cùng đi đánh, hàng tháng trời mà không thă ng. Thượng nguồ n sông Thao (sông Nhị, quãng Việt Trì trở lên) có Chu Thái quật cường, không chịu phục tùng triề u Ngô nữa. Triề u đình nhà Ngô ngày càng hèn yế u. Vua kèn cựa nhau, rồ i chẳng bao lâu sau, vua anh trở mặt gạt bỏ vua em. Năm 954, Xương Ngập chế t. Xương Văn nă m lại chính quyề n, thấ y thế lực yế u ớt, "kẻ dưới" không chịu phục tùng, đã hèn hạ

thâ`n phục Nam Hán - kẻ đã bị vua cha mình đánh bại - mong dựa uy nước ngoài để trấ´n áp các thế´ lực chố´ng đố´i. Nước đã loạn càng thêm loạn.

Thôn Đường, thôn Nguyễn tiế p tục chố ng triệ ù đình. Năm 965, Xương Văn cấ t quân đi đánh, bị quân mai phục của hai thôn bấ n chế t. Đấ t nước loạn lạc. Đỗ Cảnh Thạc bỏ triệ ù đình về quê ở Đỗ Động (Hà Nội) nổi loạn. Nhiệ ù quan lại khác cũng đâu về quê đó xưng bá xưng hùng. Quan địa phương, dòng họ phong kiế n lớn các vùng theo nhau nổi dậy. Con Xương Ngập là Xương Xí không giữ nổi ngôi vua và kinh thành nữa, đem đám quân còn lại chạy tuố t vào miề n rừng núi xứ Thanh.



Thế là triề u đình trung ương đế n cái "danh cũng mấ t (còn cái "thực" thì đã mấ t từ lâu). Và sử sách gọi thời kì này là loạn 12 sứ quân.

Quân đánh vua, anh đánh em, người cùng họ đánh lẫn nhau... Quả là một thời loạn lạc! Đấ t nước bị chia că t. Đê điề u và các công trình thuỷ lợi khác bị phá hoại. Đô ng ruộng hoang vă ng. Dân chúng bị đổ máu vô ích cho quyề n lợi hẹp hòi của một số dòng họ phong kiế n. Đời số ng dân chúng muôn vàn cực khổ lâ m than. Mà quân thù đã lăm le ngoài bờ cõi.

Cờ lau dẹp loạn



ộng Hoa Lư (Thuộc huyện Gia Viễn, Ninh Bình) có dòng họ Đinh. Thời Dương Đình Nghệ, Đinh Công Trứ là một tướng tin cẩn của họ Dương, được cử tạm giữ chức thứ sử Hoan Châu (Nghệ - Tĩnh). Thời Ngô Quyê `n, Đinh Công Trứ vẫn giữ chức cũ.

Đinh Công Trứ có người vợ lẽ, họ Đàm, người Đàm Xá, gâ n Hoa Lư. Bà họ Đàm sinh ra Đinh Bộ Lĩnh.

Thứ sử Đinh Công Trứ mấ $\dot{}$ t, Bộ Lĩnh còn bé, theo mẹ về $\dot{}$ ở cạnh đề $\dot{}$ n Thâ $\dot{}$ n Núi trong động Hoa Lư.

Hàng ngày, Bộ Lĩnh cùng bọn trẻ con đi chăn trâu ngoài thung lũng. Bộ Lĩnh được tôn lên đứng đâ`u đám trẻ con. Chúng chơi bày lễ vua tôi. Bâ`y trẻ khoanh tay giả làm ngai để kiệu Bộ Lĩnh. Lại lâ´y

hoa lau làm cò cho quân mang phía trước, bâ y trẻ giả làm quan đi rước ở hai bên tả hữu. Hệt như nghi thức triê u đình!

Sử thì chép đám trẻ con đi hái củi "nộp cố ng" cho Bộ Lĩnh đặng đem vê cho mẹ. Mẹ vui mừng, giế t lợn khao thưởng đám trẻ con. Phụ lão trong làng thấ y Bộ Lĩnh tuổi nhỏ đã anh hùng và có chí lớn, cho con em đi theo Bộ Lĩnh. Đội quân trẻ lớn thành đội quân mạnh, chiế m giữ cả một vùng quê Hoa Lư. Chỉ có chú Bộ Lĩnh là Đinh Dư chiế m riêng thôn Bông không chiu theo. Bô Lĩnh đem quân đi đánh chú, lưc ít, tuổi còn nhỏ, bị thua phải chay vệ vùng Đàm Gia (Điệ m Xá, Gia Viễn). Sau, Bộ Lĩnh tổ chức lại quân sĩ, đánh chú lâ n nữa, chú phải xin hàng. Truyề n thuyế t thì nói Bộ Lĩnh tự ý giế t trâu của chú để khao bâ v trẻ. Còn lai cái đuôi, đem că m lỗ nẻ rô i giả vờ hớt hải chạy vê bảo chú: "Chú ơi, trâu nhà ta chui xuố ng lỗ nẻ rô i!". Chú chạy ra lũng, thấ y cái đuôi trâu còn trên mặt đấ t, mặ môi mă m lợi kéo trâu lại. Kéo khoẻ quá, đuôi bật lên, chú hẫng đà, ngã lăn xuố ng đấ t. Thấ y chú bị mặ c lừa, Bộ Lĩnh cùng lũ trẻ phá lên cười. Chú đuổi đánh, Bộ Lĩnh chạy ra bờ sông nhảy tùm xuố ng nước. Thì bỗng có rô ng vàng hiện ra, Bô Lĩnh cưỡi trên lưng rô ng lôi qua sông. Chú sơ quá sup xuố ng vái ta Đinh Bô Lĩnh.



Thấ y Bộ Lĩnh hùng cứ ở Hoa Lư, năm 951, Xương Văn, Xương Ngập định đem quân đánh Bộ Lĩnh. Bộ Lĩnh muố n hoà hoãn, sai con là Đinh Liễn vào triể ù cố ng nhà Ngô. Đế n triể ù, Đinh Liễn bị bă t ngay và bị đem theo quân Ngô đi đánh Hoa Lư. Hơn một tháng trời, quân Ngô không thắ ng nổi Bộ Lĩnh. Xương Văn, Xương Ngập sai treo Liễn lên ngọn tre, cho người bảo Bộ Lĩnh: "Nế u không hàng sẽ giế t Liễn". Bộ Lĩnh giận dữ nói ră ng: "Bậc đại trượng phu lẽ nào lại vì con trẻ mà bỏ việc lớn?". Liê n sai hai mươi tay cung nỏ toan bắ n Đinh Liễn. Xương Văn, Xương Ngập kinh dị, phải thả Liễn ra và đem quân về .

Thấ y thế lực sứ quân Trầ n Lãm ở Bố Hải Khẩu rấ t lớn, Lãm lại già nua, không có con trai, Bộ Lĩnh đem Đinh Liễn sang theo Trầ n Lãm, làm con nuôi. Trầ n Lãm rấ t mế n mộ Bộ Lĩnh, giao toàn bộ binh quyề n cho Bộ Lĩnh. Thế là cả một dải đô ng bă ng phì nhiều phía Nam vào tay cha con Đinh Bộ Lĩnh.

Đinh Bộ Lĩnh cùng con đem quân đánh các sứ quân khác, đánh đâu thă ng đó, liê n tự xưng là Vạn Thă ng Vương. Các sứ quân, kẻ bị giế t, kẻ về hàng Bộ Lĩnh. Năm 968, Trâ n Lãm mấ t. Toàn quyê n nă m trong tay Đinh Bộ Lĩnh. Năm ấ y Bộ Lĩnh xưng đế, hiệu là Đại Thă ng Minh Hoàng Đế (sử cũ thường gọi là Đinh Tiên Hoàng).

Đấ t nước lại quy về một mố i. Vua Đinh đóng đô ở Hoa Lư, đặt tên là nước Đại Cô Việt (nước Việt to lớn).

Lê Hoàn cầm quân đánh thắng giặc Tống xâm lược



ê Hoàn sinh tại làng Ninh Thái, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, thuộc vùng đô `ng trũng Trường Châu thuở trước. Được vài năm thì mẹ mấ 't. Rô `i cha cũng qua đời. Bấ 'y giờ Ngô Vương Quyê `n cũng vừa mấ 't (944), đấ 't nước đang trải qua một thời loạn lạc. Lê Hoàn mô `côi, cực khổ trăm chiê `u. Sau làm con nuôi một viên quan cùng họ trong châu. Mùa đông trời rét, nă `m úp cô ´i mà ngủ. Chăm làm, sáng dạ, viên quan thương mê ´n, dạy bảo cho ít nhiê `u.

Lớn lên, trai thời loạn thích lập công. Hoàn là người phóng khoáng, có chí lớn. Lê Hoàn theo Đinh Liễn dẹp loạn 12 sứ quân. Đinh Bộ Lĩnh - cha Đinh Liễn - khen Hoàn là người "trí dũng", giao chỉ huy hai ngàn quân.

Năm 968, loạn sứ quân dẹp yên, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế. Lê Hoàn được thăng dâ n đế n chức Thập Đạo tướng quân, điện tiề n đô chỉ huy sứ, tức là chức tổng chỉ huy quân đội. Hoàn làm tướng, rấ t được lòng quân sĩ. Cả người nước ngoài như Hô ng Hiế n thông hiểu nhiê u sách vở, cũng theo giúp việc ông.

Năm 979, vua Đinh và Đinh Liễn bị giế t, Vệ Vương Đinh Toàn, mới sáu tuổi, lên ngôi. Lê Hoàn nhiế p chính, xưng là phó vương.

Một số quan to triề u Đinh như Nguyễn Bặc, Đinh Điề n, Phạm Hạp dấ y quân làm loạn, làm kinh động nhà nước. Vua còn nhỏ yế u, không đương nổi hoạn nạn. Mọi trách nhiệm trút lên vai Lê Hoàn. Lê Hoàn nhanh chóng chỉnh đố n quân sĩ, cương quyế t dẹp trừ bọn làm loạn. Tự làm tướng tiế n quân vào châu Ái (Thanh Hoá), dùng thuật "hoả công", nhân gió phóng tên mang chấ t cháy đố t chiế n thuyê n giặc, chém Đinh Điề n tại trận, bắ t số ng Nguyễn Bặc nhố t cũi đem về kinh đô Hoa Lư trị tội. Phạm Hạp chạy trố n ra Bắ c Giang, Lê Hoàn đem quân đuổi đánh, bắ t số ng được Phạm Hạp. Thế là tình hình trong nước được yên.

Một viên sứ quân cũ là Ngô Nhật Khánh dẫn hàng nghìn chiế n thuyê `n của phong kiế ´n Chiêm Thành - có cả vua Chiêm đi theo - vào xâm lấ ´n, muố ´n đánh kinh thành Hoa Lư. Thuyê `n giặc mới để ´n cửa sông Đáy và sông Càn (Ninh Bình), qua một đêm, gặp gió lớn, bị chìm gâ `n hế ´t, chỉ còn sót thuyê `n vua Chiêm bỏ chạy vê `nước. Giặc xâm lược phía Nam không đánh mà tan.

Hể t giặc Nam để n giặc Bắ c. Phong kiế n Tố ng thừa cơ nội bộ nước ta lục đục, cấ t ba vạn quân, chia hai đường thuỷ bộ vào xâm

lược nước ta. Quân địch sửa soạn từ mùa thu tháng Bảy năm trước (980) để n mùa xuân tháng Ba năm sau (981) thì tiế n để n đấ t ta.

Thể nước lâm nguy!

Nghe tin quân Tố ng să p sang, thủ lĩnh miê n núi xứ Lạng làm tờ tâu vê Hoa Lư. Mẹ vua Đinh, Thái hậu Dương Vân Nga sai Lê Hoàn chọn dũng sĩ chố ng xâm lăng. Phạm Cự Lượng người Nam Sách (Hải Hưng) được cử làm đại tướng. Các tướng bàn kế hoạch xuấ t quân. Phạm Cự Lượng cùng các tướng mặc nhung phục đi vào triệ u, nói với quân sĩ: "Thưởng người có công, giế t kẻ không tuân mệnh lệnh là kỉ luật hành quân. Nay chúa thượng trẻ thơ, chúng ta dù hế t sức liệ u chế t chố ng kẻ địch bên ngoài, may lập được chút công thì ai biế t cho? Chi bă ng trước hãy tôn Thập Đạo tướng quân làm vua rồ i sau sẽ đem quân đánh giặc thì hơn!".

Quân sĩ nghe nói thể thì đề u hô "Vạn tuế !"(1).

Thấ y mọi người đề u vui lòng quy phục, bà Dương Vân Nga sai lấ y áo long cổn (áo vua thêu rô ng) mặc cho Lê Hoàn, mời Lê Hoàn lên ngôi hoàng để .

Nhà Lê thay nhà Đinh, sẵn sàng tiế p tục cuộc kháng chiế n.

Tháng 8, vua Tố ng xuố ng chiế u xuấ t quân, sai người đưa thư sang doạ nạt Lê Hoàn: "Ta đương chỉnh bị xe ngựa quân lính, sắ p sửa các thứ chiếng trố ng, nế u quy phục, thì ta tha cho, nế u trái mệnh thì ta quyế t đánh. Theo hay không, lành hay dữ, tự ngươi nghĩ lấ y!". Lời lẽ láo xược của bọn xâm lược không đe doạ nổi Lê Hoàn và quân dân ta.

Toàn quân sửa soạn đánh giặc. Vua Lê sai người đưa thư sang Tố ng, lời lẽ nhún nhường hoà hoãn với quân giặc để bên ta có đủ thì giờ chuẩn bị kháng chiế n. Tố ng lại đưa thư doạ ta lâ n nữa, buộc Lê Hoàn đưa mẹ con vua Đinh sang hàng Tố ng. Lê Hoàn cương quyế t chố i bỏ. Quân dân nhà Lê khẩn trương đóng cọc trên sông Bạch Đă ng làm bãi chướng ngại cản thuyê n giặc. Và tổ chức mai phục trên ải Chi Lăng. Các cửa sông đề u có chiế n thuyê n đóng giữ. Vua Lê tự làm tướng đi dẹp giặc.

Câ m đâ u quân xâm lược là tướng Hâ u Nhân Bảo, vố n là quan coi Ung Châu (Quảng Tây) của Tố ng.

Mùa xuân, tháng Ba (981), quân xâm lược chia làm hai đường thuỷ bộ tiế n vào nước ta. Quân bộ, từ Ung Châu (Nam Ninh) theo đường xứ Lạng tiế n vào. Câ m đâ u cánh quân này là Hâ u Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Trâ n Khâm Tộ, Thôi Lượng... Quân thuỷ, từ Quảng Châu (Quảng Đông), theo đường biển tiế n sang. Câ m đâ u cánh quân này là Lưu Trường, Giả Thực, Vương Soạn...

Trước khi xuấ t quân, Lê Hoàn hỏi ý kiế n các vị sư là những người có uy tín lớn với Nhà nước và nhân dân lúc bấ y giờ. Sư Vạn Hạnh nói: "Nhà vua đánh Tố ng chỉ ba bảy hai mươi mố t ngày là giặc sẽ tan". Lê Hoàn cùng toàn quân ào ào xuấ t trận.

Trên mặt trận thuỷ chiế nở sông Bạch Đà `ng vào những ngày "rét nàng Bân" đã xảy ra những trận đánh ác liệt. Bạch Đà `ng sóng cuô `n cuộn... Thuyê `n vua Ngô năm nào đã nhấ n chìm tướng giặc Hoà `ng Thao và bè lũ xâm lược Nam Hán. Truyê `n thố ´ng năm xưa lại trỗi dậy cùng dân quân thời Lê đánh giặc Tố ´ng. Thuỷ quân Tố ´ng thua trận, phải lùi vê `nước, không sao phố ´i hợp được với bộ binh.



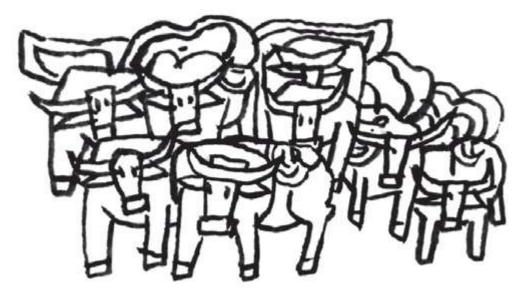
Trên đường bộ, Hâ`u Nhân Bảo chỉ huy tiê`n quân đi trước. Tôn Toàn Hưng dùng dǎ `ng ở lại miê` n ven biển 70 ngày, lâ´y có là chờ thuỷ quân. Hâ`u Nhân Bảo cho người giục mãi, Hưng cũng không tiê´ n. Đê´ n khi Lưu Trừng đem quân thuỷ tiế´ n sang Bạch Đǎ `ng thì Tôn Toàn Hưng mới gượng gạo cho quân bộ tiế´ n theo đường ven biển vào nước ta. Đạo quân này tiế´ n được chút ít rô`i quay vê`, lâ´y có "không gặp giặc". Kì thật, cánh â´y cũng bị quân ta đánh bại: Tiê` n quân của Trâ` n Khâm Tộ đế´ n Tây Kế´ t (Hưng Yên), nghe tin thuỷ quân thua, bèn đem quân rút. Quân ta truy kích địch, quân của Trâ` n Khâm Tộ thua to, chế´ t đế´ n quá nửa, thây chấ´ t đâ` y đô` ng. Ta bǎ´ t được tướng giặc Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem vê` Hoa Lư.

Tại mặt trận chính ở ải Chi Lăng, quân ta cũng đại thă ng. Lê Hoàn chỉ huy mặt trận này, trực tiế p đương đâ u với tên đâ u sỏ giặc. Vua Lê làm kế sai binh sĩ giả hàng, dụ Hâ u Nhân Bảo tiế n đế n ải Chi Lăng thì đổ phục binh ra giế t chế t.

Tin thua trận báo về`, vua Tô´ng phải xuô´ng chiế´u bãi binh, thừa nhận sự thấ´t bại thảm hại của đạo quân xâm lược.

Kháng chiế n chố ng xâm lược Tố ng là n thứ nhấ t (981) đã thành công rực rõ. Quân dân ta ghi thêm vào lịch sử một trang chói lọi chiế n công.

Tiếp sứ Tống



háng chiế n thành công, Lê Hoàn áp dụng một chính sách đố i ngoại vừa kiên quyế t, vừa mê m dẻo.

Vê phía Nam, hai lâ n vua Lê phái sứ sang giao hảo với Chiêm Thành. Hai lâ n sứ Việt bị vua Chiêm bắ t giữ. Vua Chiêm thâ n phục Tố ng, dựa thế Tố ng nên coi thường nước Việt. Năm 982, Lê Hoàn xuấ t quân đánh Chiêm Thành, giế t vua Chiêm, phá kinh thành In-đơ-ra-pu-a (Đô ng Dương, Quảng Nam) rô i rút vê nước. Sóng to phương Nam đã lặng.

Vê phía Bă c, Lê Hoàn nhiê u là n phái sứ sang Tô ng và Tô ng cũng nhiê u là n phái sứ sang ta. "Thà n phục giả, độc lập thật" là đô i sách của Lê Hoàn với Tô ng.

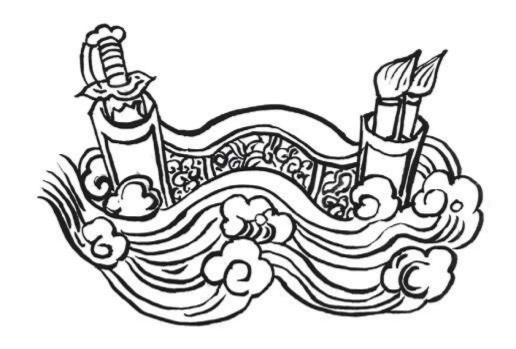
Năm 990, Tố ng sai Tố ng Cảo đi sứ nước ta. Lê Hoàn sai Đinh Thừa Chính đem chiế n thuyê n sang tận bờ biển Liêm Châu (Quảng Đông) đón sứ. Sứ Tố ng xuố ng thuyê n chiế n Việt, thuyê n bịt cửa kín mít, thấ p đèn nế n suố t một ngày đêm, đi loanh quanh hàng

nửa tháng trời mới để n cửa Bạch Đă ng, gây cho sứ cảm tưởng đấ t Việt biển rộng sông dài!

Hàng tháng nữa trôi qua, thuyê `n sứ giả mới tới địa phận Trường Châu (Ninh Bình). Gâ `n kinh đô Hoa Lư, Lê Hoàn sai thao diễn thuỷ quân để phô trương thanh thế ´, uy hiế ´p tinh thâ `n sứ giả. Thuyê `n quân, thuyê `n dân đua bơi như chớp nhoáng, muôn trố ´ng thúc như sấ ´m gào. Cách thành trăm dặm, Lê Hoàn sai dô `n trâu bò của dân ra hai bờ sông, sai nói với sứ Tố ´ng là trâu bò của nhà nước, không đâ `y nghìn con, nói ngoa lên là mười vạn con. Lại cho dân xế ´p lẫn vào hàng quân khiế ´n sứ Tổng tưởng quân ta vô cùng đông đảo. Khắ ´p các ngọn núi quanh thành Hoa Lư đê `u că ´m cờ hiệu nhiê `u màu san sát, ra vẻ bâ `y binh bố ´ trận.

Ngô ì ngựa ra đón sứ, nhận chiế u thực của vua Tố ng, lâ n nào Lê Hoàn cũng không chịu lạy, nói thác là ngã ngựa, chân đau! Sứ Tố ng nín thinh, không dám hoạnh họẹ gì. Rô ì Lê Hoàn bảo sứ Tổ ng: "Từ lâ n sau, có quố c thư nên giao nhận từ biên giới, đừng phiê n sứ thâ n để n đây nữa!". Và vua Tổ ng cũng phải tiế p nhận lời đề nghị đó.

Lê Hoàn cho sứ Tố ng ở nhà riêng (sứ quán). Cách vài ngày, cho người mang con trăn vài trượng đế n sứ quán, bảo rã ng nế u sứ quán muố n ăn sẽ làm thịt thế t. Lại trói hai con hổ đế n tặng sứ quán. Khiế p sợ vì thú dữ đấ t Việt, sứ Tố ng cố từ loại "quà biế u" đó! Nhiê u nhà sư giỏi thơ văn được phái đế n tiế p chuyện sứ Tố ng để Tố ng biế t nước ta đây cũng là nước văn hiế n.



Lê Hoàn sai gìn giữ biên giới Việt - Tố ng nghiêm ngặt. Dân biên giới làm loạn, tiế n sang đấ t Tố ng, được quan Tố ng cho ẩn giấ u. Lê Hoàn cương quyế t cho tướng đem quân sang đấ t Tố ng đuổi bắ t, đòi dân. Vua Tố ng phải sai quân đem trả. Thỉnh thoảng, Lê Hoàn sai người đem quân vượt biên lấ n đấ t Tố ng để thăm dò lực lượng Tố ng ở phương Nam. Sứ Tố ng sang, Lê Hoàn bảo: "Việc cướp bóc biên giới là do bọn giặc biển, không hiểu hoàng đế có biế t là không phải quân nước tôi không? Nế u tôi mà đánh, thì trước tiên đánh vào Phiên Ngung (Quảng Châu) rố i đánh đế n Mân Việt (Phúc Kiế n) chứ há đâu chỉ đánh ở biên giới?". Lê Hoàn nói khích thế , nhà Tố ng cũng đành phải bỏ qua.

Người lái đò hay chữ



hoảng năm 987, vua nhà Tố ng sai Lý Giác sang sứ nước ta. Vua Lê nhờ một vị sư, giả làm người chèo đò đi đón sứ để quan sát hành động của sứ.

Vị sư đó tên là Đỗ Thuận, không rõ quê quán ở đâu, học rộng, thơ hay, am hiểu việc đời, giúp rập triê `u Lê, có công lao lớn nhưng không chịu nhận phong thưởng của vua. Vì thế , vua Lê lại càng kính trọng, thường gọi là sư Đỗ chứ không gọi tên thật. Sư ngày thường vẫn giúp vua trong công việc giấ y tờ, văn học.

Lý Giác vô n là một tay sính thơ. Thuyê n sử đang đi trên sông Kinh Thâ y (nay thuộc Hải Dương), nhận thấ y hai con ngỗng ngoi trên mặt nước, Lý Giác liê n ngâm hai câu thơ (tạm dịch):

Ngỗng kìa, ngỗng một đôi

Nghềnh cổ nhìn chân trời,

Thơ nguyên là của Lạc Tân Vương, người đời Đường (thế kỉ 7), làm lúc 10 tuổi.

Sư Đỗ đang chèo thuyê n, ứng khẩu đọc tiế p (tạm dịch):

Nước xanh lông trắ ng phủ

Sóng biể c chân hô ng bơi!

Thấ y người lái đò Việt mà cũng hay chữ, thuộc thơ cổ như vậy, Lý Giác kinh ngạc và cảm phục lắ m.

Lý Giác thấ y Đỗ Thuận giỏi thơ, tặng sư một bài thơ, trong đó có hai câu (tạm dịch):

Ngoài trời lại có trời soi sáng

Sóng lặng khe đâ m rọi mảnh thu!

Sư Đỗ chép lại bài thơ, đưa cho vua Lê. Vua đưa bài thơ đó cho sư Khuông Việt - là người câ m đâ u giới Phật giáo khi â y xem. Sư Khuông Việt nói: "Đây là sứ Bắ c tỏ ý tôn trọng bệ hạ cũng ngang như Vua của họ vậy".

Vua Lê rấ t hài lòng, sai sư Khuông Việt làm một bài ca khúc tiễn sứ giả về `nước.



NGHÌN XUA VĂN HIẾN

TẬP 1

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

DT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TAI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

276 Nguyễn Đình Chiếu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

DT: (08) 3 930 3447 - Fax: (08) 3 930 5867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

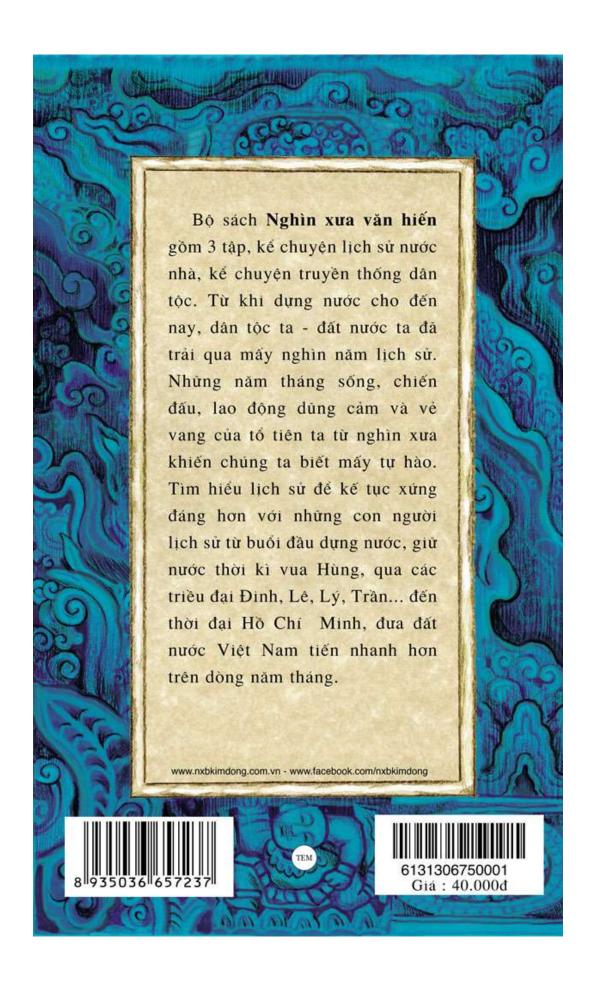
Chịu trách nhiệm xuất bản : PHẠM QUANG VINH Chịu trách nhiệm bản thảo : NGUYỄN HUY THẮNG

> Biên tập : TRẦN NHẬT MỸ Trình bày : NGUYỄN KIM ĐIỆP Sửa bài : VŨ THỊ THỦY

In 2.000 bản - Khổ 12,5 cm x 20,5 cm - Tại Công ty TNHH một thành viên In và Văn Hóa Phẩm Đăng kí kế hoạch xuất bản số: 05-2013/CXB/796-170/KĐ cấp ngày 18/12/2012

Quyết định xuất bản số: 138/QĐKĐ kí ngày 24/4/2013

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2013.



- 1. Trong tiếng Trung Quốc, uống giấm có nghĩa là ghen tuông. Ý của câu này là có ghen cũng chỉ ghen suông, chẳng được tích sự gì.
- 1. Giàu ngang một nước, thích việc thiện, ưa cho người.
- 1. Đây là bài 'Thanh Minh' của thi nhân Đỗ Mục đời Đường: Thời tiết Thanh Minh, mưa lất phất. Người đi trên đường muốn tê tái hồn Xin hỏi quán rượu ở đâu có Mục đồng chỉ Hạnh Hoa thôn ở đằng xa.
- 1. Bảy đốt ngón tay tính từ đầu xuống, đây là điểm yếu nhất của rắn độc
- 1. Còn tên là Lệ Trúc, Ban Trúc, tương truyền, khi vua Thuấn đánh rợ Tam Miêu chết trận, hai người vợ là Nga Hoàng, Nữ Anh đã ngồi khóc bên bờ sông, lệ thấm vào thân trúc tạo nên những vệt lốm đốm, từ đó mà sinh ra giống trúc này.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": Quyển 27, trang 288-289.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": Quyển 27, trang 339-341.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid. Những tư liệu này không được phân loại nên chúng tôi không thể ghi mã số.

Công hàm của đại sứ Tây Ban Nha tại Paris gửi Quốc vụ khanh Tây Ban Nha, đề ngày 4/12/1857.

Trích một công hàm đề ngày 24/11/1858 của đại sứ Tây Ban Nha tại Paris gửi Bộ trưởng Ngoại giao tại Madrid.

"Đông Dương - Kỷ niệm du lịch và chiến dịch (1858-1860)", Henri de Ponchalon, Paris, 1896, trang 146.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 27, trang 475-531.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 27, trang 475-531.

Aniceta Ramos y Charco Villasenor "Los espanoles en la expédicion de Cochinchia", Madrid 1943.

Le Roi Très Catholique, tức vua Tây Ban Nha. Còn Đức vua rất kính chúa, Le Roi Très Chrétien, tức vua Pháp. Chữ Catholique chỉ mặt tổ chức, tín điều. Chữ Chrétien chỉ mặt tình cảm - Lời người dịch (LND).

Vợ Napoléon III - LND.

Công khố quốc gia, Paris, loạt BB4, tập 777.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 27, từ trang 220 đến trang 225.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 27, từ trang 220 đến trang 225.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 27, từ trang 220 đến trang 225.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Về tường thuật cuộc viễn chinh của Tây Ban Nha và những cuộc thương lượng của Palnnca, xem tác phẩm của Carlos Palanca Gutierrez "Resena historia de laexpédicion de Cochinchina" - Carthagène, 1869.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Tư liệu ngoại giao Tây Ban Nha, lưu trữ của Bộ Ngoại giao tại Madrid.

Bulletin des Amis de Vieux Hue, số tháng 10-12/1937, trang 381-396.

Bulletin des Amis de Vieux Hue, số tháng 10-12/1937, trang 381-396.

Bulletin des Amis de Vieux Hue, số tháng 10-12/1937, trang 381-396.

Lưu trữ Bộ Hải quân, Paris - SH, bìa 81.

Bulletin des Amis de Vieux Hue, số tháng 10-12/1937, trang 381-396.

Bulletin des Amis de Vieux Hue, số tháng 10-12/1937, trang 381-396.

"Thư từ quan hệ từ Nam kỳ": tập I, trang 130-147. Lưu trữ Bộ Ngoại giao, Paris.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": tập 28, trang 85.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": tập 28, trang 89-90.

Carlos Palanca Gutierrez, "Historica de la expedicion de Cochinchina" (Tóm tắt sử lược về cuộc viễn chinh Nam Kỳ), Carthagena 1869.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": tập 28, trang 151-154.

Phạm Văn Sơn dẫn trong bài "Nguyên nhân sâu xa của những cuộc nổi loạn dưới thời Tự Đức", tạp chí Sử Địa, Sài Gòn 1966, trang 93.

Chính vào ngày Canh Dần, tháng 2 Thánh (Thần?) Võ, năm thứ nhất (16/2/1069), nước Việt Nam bắt đầu tiến quân bình Nam và cũng là bắt đầu cuộc Nam tiến. Từ ngày Lê Hoàn lên ngôi vua (980), những đánh phá và cướp bóc luôn luôn xảy ra quấy nhiễu người dân Việt Nam ở vùng biên giới phía Nam. Nhưng ngày hôm đó vua Lê Thánh Tông mới quyết định gửi một đạo quân viễn chinh trừng phạt kẻ vừa thích phá rối, vừa gây ra chiến sự ở biên cương ấy. Vua Rudravarman III (Chế Củ) bị bại trận, bỏ kinh thành chạy trốn, nhưng chẳng bao lâu bị quân của vua Lý Thánh Tông, do Lý Thường Kiệt chỉ huy, đuổi theo và bắt sống. Để được tha, Chế Củ đành cắt dâng cho Đại Việt ba châu phía bắc, mà năm 1069 người Đại Việt đã đặt thành ba tỉnh: Địa Lý, Bố Chánh và Ma Linh (Theo sách "Cương mục chính biên"thì vị trí của Bố Chánh là ở các huyện Bố Trạch, Bình Chánh và Minh Chánh, tức phủ Quảng Trạch và huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình hiện nay. Còn Ma Linh, tức là hai huyện Gio Linh và Vĩnh Linh, phía Bắc tỉnh Quảng Trị ngày nay). Từ đó về sau, suốt năm thế kỷ, hai bên luôn có những lần xuất quân trừng phạt, trả thù lẫn nhau... Đô thị tan hoang, đất đai bị thiêu cháy, những người chiến thắng đã trải qua nhiều vất vả, khó khăn mới xây dựng được xóm làng dân cư đông đúc. Bởi vậy mà từng gia đình, từng thôn xã, những bà con bạn hữu của các tù binh bị bắt trong các cuộc phân tranh Trịnh-Nguyễn được ân xá, cùng với những công chức, quân nhân chịu trách nhiệm quản lý họ, đã bị dẫn đi đày ải trên bước đường Nam tiến đó. Bởi các chúa Nguyễn, ngay từ khi bình định được đất Thuận Hóa, gần vùng giáp ranh, đã có ý định tạo cho mình một hậu phương có khả năng, giúp đỡ họ trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù phương Bắc - tức quân Trịnh. Họ bèn khai thác mảnh đất hoang hóa rộng lớn ở phía Nam. Cuộc Nam tiến này không chỉ là cuộc Nam tiến của những người nông dân và người lính, nó còn là cuộc Nam tiến của các sĩ phu, các dân phiến loạn, của tất cả những người bị cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn này, cũng như những thiên tai, làm cho cả non sông suy tàn điệu đứng ấy, khích lệ lìa bỏ

quê hương làng mạc, chon con đường ra đi, nhằm tư tay mình xây dựng lai, cùng mình làm chủ số phận của mình. Và cũng chính nhờ những người dân lưu đày này đã ra đi, mang theo cả bài vị thành hoàng và lò hương tiên tổ ấy, mà nước Việt Nam đã mở rộng thêm bờ cõi phía Nam và có được sự thống nhất dân tộc. Kết quả của công phu lao động và sự chiến đấu kiên trì. Về sau, khoảng cuối thế kỷ XVII, khi mảnh đất cuối cùng của vùng Chămpa cũ là Bình Thuận mất nốt và trước mắt mở ra cả một vùng châu thổ rộng lớn của sông Cửu Long, thì người Việt Nam chẳng ngần ngại đón tiếp những người tị nạn chính trị, những người Tàu chạy trốn sự thống trị của Mãn Thanh, do Dương Ngân Dịch, Trần Xuyên, Mạc Cửu lãnh đạo, dù có phải tìm cách đồng hóa họ sau này, với sự ủng hộ của thời gian, bằng một pháp chế khôn ngoạn. Cuộc Nam tiến đó là sư nghiệp của các chúa Nguyễn. Ngay từ 1671, quân Nguyễn đóng quân tại Sài Gòn. Cái tên Nam Hà được Nguyễn Hoàng đặt cho vùng đất Thuận Hóa (từ Quảng Bình vào tận phía Nam). Nếu như các chúa Nguyễn đều có ưu điểm là đã khai khẩn đất đai miền Nam, thì chính Nguyễn Phước Khoát (1738-1765) là người hoàn tất cuộc Nam tiến bằng cách khai phá vùng đất vô chủ của phương Nam, như trước ông ta, Nguyễn Phước Nguyên (1613-1639) đã có công củng cố Thuận Hóa trong quá trình chiến tranh với quân Trịnh. Năm 1744, Nguyễn Phước Khoát tự phong mình làm vua dưới cái tên là Võ Vương. Từ đây, ông từ chối không chịu nhận sự thụ phong từ vua Lê nữa. Ông tổ chức lại đất nước, chia làm 12 "dinh". Bộ phận những đất cũ, từ Chính Dinh (Phú Xuân) đến Bình Thuân, lai chia nhỏ ra thành 9 dinh. Bô phân đất mới chiếm của Chân Lạp thì làm thành 3 "dinh": Trấn Biên (Biên Hòa), Phiên Trấn (Gia Định), Long Hồ (Vĩnh Long) và trấn Hà Tiên. Năm 1753, ông lập ra "đạo" Trường đồn (Mỹ Tho, Cao Lãnh). Năm 1755, nhận Tâm Bồn và Lôi Lấp, tức Trà Vinh (Vĩnh Bình), Ba Thác (Bassac, Sóc Trăng), Tân Phong Long (vùng bắc Bassac). Sau cùng, năm 1759, ông thiết lập 5 "đạo": Đông Khẩu Đạo (Sa Đéc), Trân Châu Đạo (Cù Lao Giêng), Châu Đốc Đạo, Kiên Giang và Long Xuyên Đạo. Nếu nhà Nguyễn đã có thể thống nhất giang sơn, căn bản là nhờ việc mở mang bờ cõi, khẩn hoang đất đai, mở

mang buôn bán và phát triển nền canh tác quốc gia, dần dần biến miền Nam thành một xứ sở giàu có hơn.

Đô đốc Reveillère dẫn, "Revue Indochinose" (Tạp chí Đông Dương) từ ngày 9/6/1902.

Cuộc thi tiến sĩ đầu tiên được mở năm 1075, dưới triều đại nhà Lý (1009-1225). Dưới triều Lê (1428-1788) có lệ "Vinh quy bái tổ". Lệ này xuất hiện lần đầu năm 1466, do sáng kiến của vua Lê Thánh Tông (1460-1497) nhằm tô điểm cho các cuộc thi cử có tính chất oai nghiêm vinh hạnh và nhất là khuyến khích các sĩ tữ thì tài. Vì vậy có những người đỗ tiến sĩ được dự lễ xướng danh thật hết sức long trọng, tên tuổi họ được ghi vào bảng vàng treo trước cung điện nhà vua; họ được nhận, từ chính tay nhà vua, một bộ lễ phục (mũ, đại, áo) và được vua đãi yến tiếc. Ba người đỗ đầu kỳ thi tiến sĩ được ban: - Học vị Trạng nguyên - tức Đệ nhất tiến sĩ, một học vị cực kỳ hiếm có. - Bảng nhãn - tức Đệ nhị tiến sĩ. - Thám hoa - tức Đệ tam tiến sĩ. Cuộc thi tiến sĩ năm 1442 (do Nguyễn Trãi làm chủ khảo - LND) đã khánh thành một bia đá dành cho một kỳ thi tiến sĩ. Người ta ghi lên bia: một bản tóm tắt về kỳ thi, có bình chú bằng chữ Hán và chữ Nôm, tiếp theo là bảng danh sách các người thi đỗ. Bia thứ nhất là của kỳ thi đời Lê Thái Tông (1442); bia cuối cùng là của kỳ thi đời Lê Hiển Tông (1779), trong thời gian 337 năm, đã có 110 cuộc thi với 3 năm một kỳ. Độ ba mươi tấm bia ấy đã bị mất đi trong những buổi thăng trầm của lịch sử. Những tấm bia ấy đều tập trung trong khu Văn Miếu, Hà Nội, hai bên bờ một hồ vuông, Thiên Quang Tỉnh (Giếng ánh sáng trời).

F. Chesneaux "Contribution à l'hitoire de la nation Vietnamienne", Paris 1955, trang 115.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 27, trang 426-434 và quyển 28, trang 85-88.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 28, trang 85-88.

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 28, trang 85-88.

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 28, trang 85-88.

Lưu trữ quốc gia, Paris. BB4, quyển 769.

Tài liệu ngoại giao Tây Ban Nha, Madrid.

Nhà thơ Pháp đứng đầu chánh phủ lâm thời của Pháp năm 1848.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 28, trang 403-404.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 28, trang 403-404.

Chesneaux dẫn, "Đóng góp vào lịch sử dân tộc Việt Nam" (Contribution à l'historie de la nation Vietnamienne), trang 115.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 28, trang 453-453.

Nơi tắm biển nổi tiếng ở vịnh Gascogne, bờ biển Tây nam nước Pháp. Lời tựa của Rieunier cho cuốn sách của P.Vial "Những năm đầu của Nam kỳ thuộc địa Pháp" (Les Premières années de la Cochinchine, colonie Francaise, Paris, 1876), trang 12.

Napoléon III từng mơ ước thiết lập tại Trung Mỹ một đế quốc Thiên Chúa giáo rộng lớn. Năm 1867, ông can thiệp vào những cuộc loạn ly rối ren ở Mêhicô. Với ông, cuộc viễn chinh này là "tư tưởng lớn của triều đại". Ba năm sau, ông áp đặt làm Hoàng đế người Mêhicô, đại công tước Maximilien de' Autriche, em của Francois-Joseph. Nhưng dân nước Mêhicô nổi dậy, dưới sự chỉ đạo của Benito Juarez và tiến hành một cuộc chiến tranh du kích trường kỳ chống quân Pháp. Napoléon III bị "tổ ong vò vẽ Mêhicô" ấy đẩy vào thế nan giải, phải lui quân, bỏ rơi Maximilien, bị Juarez bắt và xử bắn ngày 19/6/1867. Chính là tham vọng của vợ đã đẩy Maximilien nhận ngôi vua Mêhicô và dấn thân dại dột vào cuộc phiêu lưu này. Người vợ khốn khổ đã cố hết sức cứu chồng nhưng vô hiệu, đã hóa điên sau khi chồng bị xử tử.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 29, trang 46-48.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 29, trang 105.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 29, trang 106.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 29, trang 112

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 29, trang 135-138.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 29, trang 270-272.

Ông Cuverville và ông Duval.

Georges Taboulet, "La Geste Framcaise en Indochine" (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 523.

Georges Taboulet, "La Geste Framcaise en Indochine" (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 544.

Georges Taboulet, "La Geste Framcaise en Indochine" (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 545.

Georges Taboulet, "La Geste Framcaise en Indochine" (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 547.

Georges Taboulet, "La Geste Framcaise en Indochine" (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 512.

Lưu trữ trung ương của Đông Dương, trang 8, 11 - số 51.

Lưu trữ trung ương của Đông Dương, trang 24, 11-số 51

Georges Taboulet, "La Geste Framcaise en Indochine" (Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương): tập 2, trang 516.

Sông Gange: tức sông Hằng. Con sông gắn liền với đời sống tâm linh của người Ấn Độ (BT)

Ch.Gosselin dẫn trong "Đế quốc An Nam", Paris 1940.

Trong lễ Hiến Phù long trọng tổ chức tại Tôn Miếu hoàng cung, ngày đăng quang, dưới niên hiệu Gia Long, Nguyễn Phước Ánh ra lệnh khai quật thi hài anh em Tây Sơn, Nguyễn Văn Nhạc và Nguyễn Văn Huệ đem tán thành bột và tung theo gió bay. Riêng các sọ đầu được giữ lại trong ngục thất, giam giữ trong những cái vò.

Nguyễn Hoàng, năm 1559, đã được phong làm trấn thủ Thuận Hóa (vùng Huế, Thừa Thiên) sau một cuộc tranh giành quyền lực tại triều đình nhà Lê. Sự phong chức này, thực ra là một hình thức cách ly chính trị, nó mở đường cho một cuộc chiến tranh huynh đệ kéo dài hai thế kỷ, đồng thời dọn đường cho một sự mở rộng lãnh thổ Việt Nam về phía Nam.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 142.

Sau trận đầu hàng ở Sedan, ngày 20/9/1870, Hoàng gia Pháp dời đến Chislehurst, tại nước Anh. Napoléon III mất tại đó năm 1873; và thi hài của Thái tử, bị giết năm 1879 tại Zouland cũng được an táng tại đó.

Théophile Gauthier, "Một cuộc viếng thăm Bá tước Bismarck", tạp chí Paris 15/8/1903 trang 763-792.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 211

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 67-72.

Lưu trữ trung ương Đông Dương BII, S42

J.Dupuis, "Nguồn gốc vấn đề Bắc kỳ", trang 107.

Lung Chang dẫn trong "Nước Trung Hoa ở buổi bình minh thế kỷ XX", Paris 1962, trang 13.

"Đại Nam chính biên liệt truyện", quyển 30, trang 416 và lưu trữ gia đình họ Vũ, do Vũ Vĩnh Thứ, cháu ba đời của Vũ Văn Dũng, phổ biến vào năm Tự Đức thứ 20 (1870), và xuất bản trên báo "Trung Bắc chủ nhật" số Tết Quý Mùi (1943), trang 20, 21, 28. Quang Trung Hoàng đế (niên hiệu của Nguyễn Huệ) sau một cơn giận dữ quá mạnh mà mất đột ngột ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792).

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 151.

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 155-157.

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 160-161.

J.Dupuis, sách đã dẫn, trang 120.

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 219-237.

Lưu trữ trung ương Đông Dương T.I, B223.

Đăng lại do Taboulet "Kỳ tích của nước Pháp tại Đông Dương": tập 2, trang 699-701.

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 346-349.

Hippolyte Gautier, "Người Pháp ở Bắc kỳ", Paris 1884, trang 150.

Jean Marquet và Jean Norel, "Pháp xâm chiếm Bắc kỳ II (1873-1874)", Sài Gòn, 1936, tập 2, trang 42-43.

J. Dupuis, sách đã dẫn, trang 103.

Do Millot dẫn, "Bắc kỳ", Paris 1888.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 32, trang 53-58.

Do Taboulet dẫn, sách đã dẫn, trang 680-681.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 284-291.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 328-332.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 332.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 352.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 371.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 381.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 31, trang 318-321.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 32, trang 24.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 32, trang 36-39.

Jean Marquet và J.Novel ghi lại, tác phẩm đã dẫn: quyển 1, trang 139.

H.Brunschwicg dẫn trang "Chế độ thực dân Pháp".

Dupré xin cho Garnier thăng chức thiếu tá hải quân ngày 21/11/1873, ngày hắn ta chiếm thành Hà Nội, nhưng nội các Broglie từ chối không truy thưởng thăng chức cho hắn, như ông Đô đốc xin. Vợ góa của Garnier cũng đã khó khăn mới xin được một khoản trợ cấp. Trong giới quan chức, người ta kể chuyện về Francis Garnier như "một gã phiêu lưu ồn ào và nguy hiểm, một tên lính vô kỷ luật". Tháng 12/1875, khi hài cốt của Francis Garnier được chôn tại Sài Gòn, ông Đô đốc cầm quyền Dupré đi tới mức độ cấm các sĩ quan không cho đi đám tang của hắn.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 32, trang 70.

Do Taboulet ghi lại, sách đã dẫn, quyển 2, trang 731-733.

Công báo nước Cộng hòa Pháp ngày 4/8/1874.

J.Marquet và J.Novel trích "Pháp chiếm đóng Bắc kỳ (1873-1874)": quyển I, trang 80-82.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 38, trang 373-376.

Dưới triều đại Hoàng đế Càn Long, Trung Quốc có sáu Bộ hợp lệ và tồn tại hàng trăm năm nay: Công vụ, Tài chính, Lễ nghi, Tư pháp, Chiến tranh và Công chánh. Ngoài ra còn có những Bộ đặc biệt như, Bộ các lãnh thổ lệ thuộc phụ trách những vấn đề liên quan đến Mông Cổ và Tây Tạng, còn bộ Lễ nghi, phụ trách những quan hệ với các quốc gia lệ thuộc. Trong quan hệ với các nước ngoài, những chánh phủ toàn quyền của Tche-Li (?) và của Lưỡng Quảng được trao những quyền hạn rộng lớn. Chỉ sau khi ký các hiệp ước Bắc Kinh với Anh và Pháp, năm 1860, thì Cung Thân vương cùng với hai đại thần chánh phủ, Kouei-Leang(?) và Wen-Siang(?), mới đệ trình vua Hiển Tông (1850-1861) ngày 13/1/1861, một tờ biểu đề nghị thành lập một Bộ chuyên môn phụ trách các vấn đề thương mại và ngoại giao với các cường quốc phương Tây. Bộ mới được thành lập ngày 20/1/1861, mang tên

là "Tổng lý các quốc thông thương sự vụ nha môn", viết tắt là "Tổng lý Nha môn". Đây là tiền đề của Bộ Ngoại giao Trung Quốc. Trong các giới chức Trung Quốc, bộ này thường được là "Dinh Thự" (Phòng Phiên dịch) hay là "Tổng Thự" (Phòng Trung tâm). Tổng lý Nha môn chính thức mở cửa ngày 11/3/1861. Nó do một Thân vương làm chủ tịch. Trong thời gian tồn tại, nó trải qua hai vị chủ tịch: Cung Thân vương, từ 1861-1884; Khánh Thân vương, từ 1884-1891. Các vụ trưởng và phó vụ trưởng các bộ, quan chức cấp cao, thường xuyên được cử đến Tổng lý Nha môn để thành lập Hội đồng và tham gia vào những cuộc thảo luận của hội đồng. Họ nhận các chức "Bộ trưởng" của Tổng lý Nha môn. Tổng lý Nha môn gồm có năm bộ: Vụ nước Nga (kể cả các vấn đề Nhật Bản); Vụ nước Anh (kể cả các vấn đề Áo-Hung); Vụ Hoa Kỳ (kể cả các vấn đề Đức, Ý, Pérou, Thụy Điển, Bỉ, Đan Mạch và Bồ Đào Nha); Vụ phòng vệ vùng biến (tiền thân của Bộ Hải quân Trung Quốc).

"Cuốn sách vàng", phần I, "Các sự kiện Bắc kỳ", trang 36-38.

"Cuốn sách vàng", phần I, "Các sự kiện Bắc kỳ", trang 46-48.

Không nên nhầm lẫn "sĩ phu", hay kẻ sĩ với "quan". Tất cả các "quan" đều là kẻ sĩ, nhưng kẻ sĩ có thể không dự các "kỳ thi làm quan", nó cho phép người ta tiến thân vào con đường "hoạn lộ". Những sĩ phu yêu nước có theo đuổi các kỳ thi nhưng từ chối chức quan. Những kỳ thi tuyển làm quan được thiết lập từ 1075, nhưng chưa bao giờ có những sự thay đổi đáng kể, mặc dầu năm 1915 Pháp có áp đặt một cuộc cải cách bắt buộc.

Sau Cách mạng 1945 thì đổi lại là Mục Nam Quan, rồi Hữu Nghị Quan.

"Cuốn sách vàng", phần I, "Các sự kiện Bắc kỳ", trang 60.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 3, trang 33-34...

"Cuốn sách vàng", phần I, "Các sự kiện Bắc kỳ", trang 61

"Cuốn sách vàng", phần I, "Các sự kiện Bắc kỳ", trang 76.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 34, trang 408-411.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 35, trang 128-129.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 35, trang 135-136.

Thủ khoa: đỗ đầu Cử nhân trong kỳ thi Hội ba năm một lần.

Ch. Gosselin dẫn, "Nước An Nam".

Ngân hàng Đông Dương lúc mới đầu được hưởng chế đô ngân hàng phát hành, chức năng mà nó thực hiện tại Nam kỳ trước tiên, rồi lại toàn bộ các xứ Đông Dương, cũng như tại Nouvelle-Calédonie, tại các cơ quan của Pháp tại Ấn Độ, ở châu Đại dương, và ở bờ biển Somalie thuộc Pháp. Cùng một lúc, nó đầu tư vào việc khai thác thuộc địa đã được đội quân lính thủy đánh bộ chinh phục. Các công ty than đá Bắc kỳ, Thủy điện Đông Dương, Rượu bia và nước đá, Cao su (bên cạnh công ty Rivaud), Xi măng, Công chánh, Rượu, Nickel của Nouwelle-Calédonie, tín dụng ruộng đất... cái danh sách các công ty cặp từng ngăn ví của nó thật sự là một cái "thế giới kinh tế thu nhỏ". Vượt ra ngoài cả khuôn khổ những lãnh thổ mang cờ Pháp, Ngân hàng Đông Dương mở rộng mạng lưới của nó ra trên một bộ phân lớn khu vực Đông Nam Á trực tiếp hoặc qua con đường vòng của chi nhánh nó là Ngân hàng Pháp - Trung sau này, trở thành Ngân hàng Thương mại Pháp với các đại lý ở Hồng Kông, Tokyo, Singapour, Bangkok, Kuala-Lumpur. Về sau nó mở rộng ảnh hưởng sang tận châu Mỹ Latinh, châu Bắc Phi và vùng Cận Đông. Giữa hai cuộc Đại chiến Thế giới 1914-1918, 1939-1940, các hoạt động của nó vẫn tiếp tục phát triển. Thế chiến II sắp mang lại cho Ngân hàng Đông Dương những đảo lộn sâu sắc trong hoạt động của nó. Năm 1947, đặc quyền phát hành giấy bạc của nó bị thu hồi, bây giờ thì nó mang một quy chế hỗn hợp: quy chế một ngân hàng hải ngoại và một ngân hàng kinh doanh tại chính quốc. Sau sự thay đổi tính chất đó lại tiếp theo một sự cải tổ sâu sắc hơn, trong và sau cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954). Ngân hàng chuyển dần về nước phần cơ bản của tiền mặt Đông Dương để đầu tư trở lại trong bất động sản (tín dụng đất đai và nhà cửa), tín dụng giải pháp trung gian, công ty đầu tư hoặc xí nghiệp công nghiệp. Phần lời của nó ở Đông Nam Á, đã rơi từ 90% trước 1930, xuống 4% năm 1972, làm lợi cho châu Âu (60-65%), cho châu Mỹ (20%) và châu Phi (10%). Đầu năm 1972, các chi nhánh Ngân hàng Đông Dương hay các xí nghiệp mà nó kiểm soát tại Việt Nam là: Ngân hàng Công thương - Nông nghiệp; Ngân hàng Thương mại Pháp (Ngân hàng Pháp -Trung trước đây); Ngân hàng Pháp Châu Á; Công ty Đông Dương các đồn điền cao su; Cao su Đồng Nai; Công ty Cao nguyên Đông Dương (CEXO);

Công ry Đông Dương Lâm nghiệp Diêm; Công ty nạo vét và công chính Pháp; Nhà máy Bia và nước đá Đông Dương; Công ty đầu tư chính quốc và hải ngoại (SIMER), tức Công ty Vận tải đường sông Nam kỳ cũ (trụ sở tại Djibcuti) kiểm soát ở Việt Nam, những công ty sau đây: Nhà máy thuốc lá Đông Dương (MIC); Thuốc lá Việt Nam (Công ty phát triển trồng thuốc lá tại Việt Nam); Công trường và hiện trường hợp nhất Đông Dương (CARIC); Ngân hàng Đông Dương còn kiểm soát: Công ty Citroen Vietnam; Công ty Roussel-Vietnam; Công ty oxy và axêtylen Viễn Đông; Công ty SOFICAL. Tháng 6/1972, sau khi đã nắm quyền kiểm soát Ngân hàng Đông Dương (52%), cơ quan tài chính Suez sẽ dần dần thôn tính hết cả Ngân hàng Đông Dương. Vậy là chấm dứt giai đoạn hai của một "cuộc phiêu lưu" đã bắt đầu cách đây non một thế kỷ.

Paul Doumer, "L'Indochine française, Souvenirs" trang 84-86.

Le Myre de Vilers, "Questions diplomatiques et coloniales" (Những vấn đề ngoại giao và thuộc địa), trang 134.

G. Taboulet dẫn, Sđd trang 606-607.

"Hồi ký và tư liêu châu Á": quyển 35, trang 168-195. và 180-181.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 36, trang 262-263 và 295.

"Cuốn sách vàng", phần I, trang 148-149.

"Cuốn sách vàng", phần I, trang 195.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 36, trang 205.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 36, trang 323.

Thượng thư (Bộ trưởng) có hai cố vấn, gọi là "tham tri" (hữu tham tri và tả tham tri) và hai trợ tá cố vấn, gọi là "thị lang" (hữu thị lang và tả thị lang) và một bí thư gọi lại "biện lý".

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 38, trang 131-135

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 36, trang 302-303.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 36, trang 390-394.

"Cuốn sách vàng", phần I, trang 195.

Sau khi cuộc nổi dậy, thể hiện ý chí đánh đuổi kẻ thống trị ngoại bang này thất bại, Quốc hội Pháp quyết định nhượng 100.000 ha đất cho người Alsace và Lorraine. Tại Alger, người ta xoay xở, định đòi những đám dân

nổi loạn, tiền bạc và đất đai. Rốt cuộc, người ta đã cướp mất của họ, với danh nghĩa là chiến phí hoặc là tiền chuộc ra tù, 446.406 ha đất trong đó có 301.516 ha đất canh tác và 54.461 ha đất trồng trọt. Những người nổi loạn phải trả tất cả 64.739 francs vàng, tức 70% vốn của họ và 85 francs vàng cho mỗi đầu người.

Từ "kanak" có nghĩa là "người", gốc ở từ vùng Hawaii qua ngôn ngữ "Pidgin-English (tiếng Anh nói, ở các thuộc địa cũ), được Pháp hóa thành từ "Canaque". Người Pháp dùng từ Canaque với cái nghĩa khinh bỉ đối với người Mélanésie, trước khi người Mélanésie "đòi" lại từ này, với tất cả niềm tự hào vào khoảng năm 1965. Người Canaques thuộc về một nền văn minh cũ đã xuất hiện tai vùng Thái Bình Dương từ 3.000 năm trước. Cuộc nổi dây năm 1878 của người Canaques là do chính sách cướp đoat đất đai của bọn thực dân Pháp được chánh phủ thuộc địa khuyến khích. Chế độ thực dân đã dẫn họ đến bên bờ vực thẳm của sự diệt chủng; năm 1887 có 49.000 người Canaques, năm 1901 chỉ còn lại trên 27.000 người. Cuộc nổi dậy cuối cùng của người Canaques vào cuối thế kỷ XIX đã bị đàn áp dã man, ít nhất có 1.000 người chết về phía quân Canaques và khoảng 200 người về phía bọn thực dân. Quân Pháp chỉ có thể thắng nổi lãnh tụ của cuộc nổi dậy là Atai, mà những người thuộc phái độc lập ngày này vẫn tưởng niệm, nhờ sự chi viện của bộ tộc Canaquea tại Canala. Cái đầu của Atai đã "kết thúc" trong một lọ formon tại Viện bảo tàng Con người ở Paris. Lá cờ Pháp được kéo lên trên đất Tân-Calédonie, ngày 24/9/1853. Người Canaques, chỉ đến năm 1952, mới được quyền tuyển cử. Trong thực tế, người Canaques bị cấm cửa trường tiểu học cho đến năm 1945, bị cấm cửa trường trung học cho đến năm 1957; đầu năm 1968, mới có những học sinh đậu bằng tú tài. Người Canaques đầu tiên tốt nghiệp trường đại học trở lại đảo quê hương năm 1972. Năm 1984, trong 100 người dân Calédonie chỉ có 9 người Canaques đậu tú tài, điều này giải thích tại sao hoàn toàn không có một tầng lớp ưu tú của người Canaques. Trong số 10 người lao động thì có 5 nông dân, 4 công nhân hoặc viên chức và 1 kỹ thuật viên hoặc cán bộ. (Le Monde, ngày 19/12/1984, trang 7).

Chúng tôi để chú thích ở đoạn này do sách gốc bị mất để lưu ý độc giả. (BT)

Như trên. (BT)

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 37, trang 181-187.

Món nợ Việt Nam đối với Tây Ban Nha là một triệu đồng, từ Hiệp ước 1874 đã trả 258.747 đô la 77 xu với chi tiết như sau: - Trả năm 1876: 18.018 đô la 50 xu tại Paris. - Trả năm 1877: 82.684 đô la 50 xu tại Sài Gòn. - Trả năm 1878: 65.584 đô la 53 xu tại Sài Gòn. - Trả năm 1879: 28.370 đô la 19 xu tại Sài Gòn. - Trả năm 1880: 64.090 đô la 73 xu tại Sài

"Hồi ký và tư liêu châu Á": quyển 38, trang 202-204.

Gòn. (Theo "Hồi ký và tư liêu châu Á": quyển 38, trang 24)

André Masson, "Thư từ chính trị của đại tá Henri Riviére ở Bắc kỳ", Hà Nội 1953, trang 1.

Viện sĩ Viện Hàn lâm Văn học Pháp.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 38, trang 150-151.

Semallé, "Bốn năm ở Bắc Kinh" (1880-1884), Paris 1933, trang 154.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 34, trang 420. Chỉ đến năm 1861, vua Tự Đức mới ra lệnh cho mỗi tỉnh phải chọn các thanh niên tuyển vào quân đội.

Năm 1865, nhà vua mở các kỳ thi quân sự nhằm tuyển chọn những cán bộ chỉ huy. Mỗi "đội" gồm 50 lính, chỉ có 5 người được trang bị loại súng trường rất cổ, bắn phải châm lửa vào ngòi.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 38, trang 180.

A.Millot, "Trung gian những người tìm kiếm và những kẻ tò mò", 20/6/1894.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 38, trang 202.

"Văn kiện ngoại giao Trung Quốc liên quan đến những vấn đề nước Pháp, dưới triều đại Hoàng đế Quang Tự (Koung-Siu)": chương 26, trang 10.

"Văn kiện ngoại giao Trung Quốc liên quan đến những vấn đề nước Pháp, dưới triều đại Hoàng đế Quang Tự (Koung-Siu)": chương 27, trang 10.

"Lý Hồng Chương toàn tập": quyển 12, trang 44.

"Văn kiện ngoại giao Trung Quốc liên quan đến những vấn đề nước Pháp, dưới triều đại Hoàng đế Quang Tự (Koung-Siu)": chương 27, trang 20-22.

"Văn kiện ngoại giao Trung Quốc liên quan đến những vấn đề nước Pháp, dưới triều đại Hoàng đế Quang Tự (Koung-Siu)": chương 28, trang 14-15. "Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 38, trang 325.

"Cuốn sách vàng": phần I, trang 269-270.

"Bản sao của Tổng lý Nha môn gửi cho phái đoàn triều đình Trung Quốc tại Paris về những vấn đề liên quan đến Việt Nam", Văn kiện ngoại giao Trung Quốc của phái đoàn triều đình Trung Quốc tại Paris.

A.Masson dẫn, "Thư từ chính trị của đại tá Henri Rivière tại Bắc kỳ", Hà Nội 1933, trang 131-132.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 40, trang 30-33.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 39, trang 363-364.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 39, trang 365.

Maurice Reclus, "Jules Ferry", trang 291 và 306.

Tác giả của nhiều cuốn sách viễn tưởng hấp dẫn như "Hai vạn dặm dưới đáy biển", "Những đứa con của đại úy Grant", "Một thành phố nổi, "Một đại úy 15 tuổi", v.v...

Henry Cordier, "Lịch sử các quan hệ ngoại giao của Trung Quốc với các cường quốc phương Tây": quyển 2, trang 362-363.

De Semallé, "Bốn năm tại Bắc Kinh" (1880-1884), trang 107-108.

"Văn kiện ngoại giao Trung Quốc liên quan đến những vấn đề nước Pháp, dưới triều đại Hoàng đế Quang Tự (Kouang-Siu)": chương 28, trang 14-15. "Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 39, trang 365.

"Lính lê dương" (Légion Etrangère) do vua Louis Philipe (1830-1848) lập ra năm 1831, gồm có lính tình nguyện, nhiều quốc tịch ngoại quốc khác nhau, không cần phải là Pháp, mà phần đông là những thành phần bất hảo, ở trong xứ họ thường bị kết án mà họ bỏ trốn đi đuộc, sung vào quân đội này của Pháp. Đội này này sĩ quan Pháp chỉ huy. Trong lúc ở Việt Nam (1945-1954) họ có tiếng là hung ác nhất và dã man nhất. Họ đã đánh nhiều trận: Crimée (1855), Ý Đại Lợi (1859), Thế chiến I (1914-1918), Thế chiến II (1940-1945), Đông Dương (1945-1954) và Algerie (1954-1962).

"Hồi ký và tư liêu châu Á": quyển 40, trang 197.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 41, trang 236.

Gosselin dẫn, "Nước An Nam".

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 41, trang 236.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 42, trang 53-54.

Dục Đức, Chánh Mông, Dương Thiện là tên các cung điện, nơi các ông Hoàng thân ấy học (Dục Đức Đường, Chánh Mông Đường, Dương Thiện Đường). Khi các Hoàng thân này chưa lên ngôi, người ta dùng những cái tên đó để gọi họ (theo phong tục Việt Nam, người ta thường gọi tước hiệu thay tên húy, nhất là đối với hàng vua chúa).

Mệ Mến và Mệ Trìu là những cái tên dùng lúc còn vị thành niên (Mệ, tiếng Huế có nghĩa là Bà, lại để chỉ các ông hoàng). Minh Mạng có những 170 người con. Vì lo lắng đến sự phân biệt dòng họ nhà vua với dân thường, ông ta đặt một cái tước hiệu riêng cho 20 thế hệ kế tiếp mình. Những cái tước hiệu đó là tên chỉ một đức tính, hoặc một phẩm chất đặc thù của mỗi thế hệ thân vương. Hai mươi tính ngữ này được ghi vào những tờ giấy bằng vàng, làm thành cuốn "sổ hộ tịch" của triều đình hoàng gia Huế, và được trình bày dưới hình thức một bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, trong đó mỗi chữ dùng làm "tên đệm" cho hậu duệ của mình: Miên Hồng (Hường) Ưng Bửu Vĩnh Bảo Quý Định Long Tường Hiền Năng Kham Kế Thuật Thế Thoại Quốc Gia Xương.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 42, trang 201-203.

Tức Nguyễn Phúc Hồng Dật, tước phong ban đầu là Lãng Quốc công, lên ngôi lấy niêu hiệu là Hiệp Hòa. Ông được truy phong là Văn Lãng Quận vương. (BT)

Theo tập quán, cửa giữa chỉ dành riêng cho vua (cửa Ngọ Môn).

Danh hiệu dùng để chỉ những người nổi tiếng về học vấn và đức độ.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 41, trang 381.

G.Gervais dẫn, "Cuộc chinh phục Bắc kỳ", trang 90-95.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 42, trang 283.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 42, trang 319.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 57, trang 12 và 15.

Văn kiện ngoại giao Pháp - Iere Série - No 24, note 2, trang 50.

"Lý Hồng Chương toàn tập": quyển 33, chương 33, trang 15 và 16.

Văn kiện ngoại giao Trung Quốc: chương 33, trang 15-16.

Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, trang 65-66.

Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, số 21, trang 21.

Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, số 41, trang 41.

Vladimir Potremkine, "Lịch sử ngoại giao", tập 2.

Henri Cordier, "Lịch sử các quan hệ ngoại giao Trung Quốc với các cường quốc phương Tây", tập 2, trang 395-396.

Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, tập II, trang 100-101.

Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, tập II, trang 113-115.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 41, trang 197-199.

Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, tập V, số 80, trang 89.

Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, tập V, số 80, trang 97-99.

Văn kiện ngoại giao Pháp, Iere Série, số 101, trang 112.

Henri Cordier dẫn, sđd, tập 2, trang 411-412,

Văn kiện ngoại giao Pháp.

211 phiếu thuận và 7 phiếu chống khi biểu quyết khoản chi phí 9 triệu francs; 215 phiếu thuận và 6 phiếu chống khi biểu quyết kinh phí 20 triệu francs.

Các nhà văn đã phản ứng như thế nào trước sự bành trướng thuộc địa Pháp ở châu Phi và Viễn Đông? Từ khối lượng khá lớn những cuốn tiểu thuyết xuất bản từ năm 1870 đến 1914, người ta thấy thoát ra hai thái độ. Một bên là sự bàng quan, thậm chí sự coi thường; một bên là sự say sưa đối với một sự nghiệp tỏ ra có khả năng đánh thức dậy những nguồn nghị lực của đất nước. Trong loại thứ nhất, có thề xếp những cuốn sách vừa có tính chất đại chúng, vừa rời rạc, như "Tartarin de Tarscon" (Alphonse Daudet), "Bel Ami" (Guy de Maupassant) và "Cuốn tiểu thuyết của một người lính Spahi" (Spahi, kỵ binh Bắc Phi, do Pháp tổ chức), của Pierre Loti, v.v.. nó còn cho chúng ta thấy các thuộc địa dưới những ngày đen tối. Như vậy, Maupassant và Daudet thi nhau tố cáo những tệ nạn xấu xa của một chính sách thực dân thông thường, luôn luôn rời rạc và chẳng bao giờ là vô tư. "Mẩu chuyện Maroc" trong "Bel Ami" rõ ràng là ám chỉ những mánh khóe chính trị - tài chính trong vấn đề Tunisie, do Jules Ferry chủ trương. Nhân vật tiểu thuyết

trong tác phẩm này là anh lính Pháp viễn chinh, mà sư hiện diên trong nhiều trường hợp chẳng qua chỉ là cái cớ để người ta bóc trần cái thế giới thuộc địa bẩn thỉu, trong đó sống chung với nhau, trên một bối cảnh cơ cực đói nghèo của người bản xứ, cả một hệ động vật thoái hóa, và những gã phiêu lưu đến thời mạt vận. Vào cuối thế kỷ XIX, một trào lưu tiểu thuyết khác bắt đầu, từ Jules Verne đến Melchior de Vogue, ngược lại, cố thổi phồng lên những lợi ích của chế độ thực dân. Sự nghiệp của các tiểu thuyết gia, ít nhiều, là đệ tử của Nietzsche, Michelet, và Maurras, đều diễn đạt một ý thức hệ ý chí của chủ nghĩa, mà mục đích là cung cấp một chút đền bù cho nỗi cay đẳng quân sự năm 1870, và tạo ra, trong những thuộc địa có sức mạnh "tái sinh", một nòi giống sĩ quan và nhân viên cai trị mới, gặp thời, là có thể lật đổ chế độ Cộng hòa bỉ ổi và đáng khinh. "Le Voyage du Centurion" (Cuộc du lịch của viên đội trưởng đội quân 100 người), của Ernest Psichari, hoặc "Les morts qui parlent" (Người chết biết nói) của Melchior de Vogue, đưa lên sân khấu những sĩ quan thể hiện những đức tính tốt đẹp của người đàn ông, lòng dũng cảm và tinh thần hành động. Bẩm sinh mang khí chất người chỉ huy, những con người đó luôn luôn bị ám ảnh bởi sự suy tàn của chính quốc, đều ý thức sâu sắc văn minh thực sự, và tất cả họ đều dựa vào một thứ thần bí để quốc chủ nghĩa: Gelliémi và Lyautey là những người mẫu mực của họ. Văn học tiểu thuyết Pháp giai đoạn 1870-1914 không phản ánh được gì nhiều về châu Phi và Đông Dương. Nhưng cái "giọng điệu" của thứ văn học đó lại phản ánh khá đậm nét, tâm lý của các nhà văn hiện đại. Dù xuất thân từ đâu, thì tất cả đều mang một tư tưởng bàng quan như nhau đối với những dân tộc bản xứ, nhân vật vắng mặt lớn nhất của nền văn học. Thuộc địa này, rất mâu thuẫn, là người dân thuộc địa. Trong mọi trường hợp, đời sống của họ chỉ thành hình dưới con mắt người da trắng, mà cái nhân quan một chiều. Sự tái diễn những từ ngữ vay mượn ở ngôn ngữ động vật học, sự vận dụng lặp đi lặp lại, tính từ "simiesque" (như khỉ), hoặc là các ẩn dụ hình động vật, để miêu tả người dân thuộc địa, khi cần, vẫn có thể là một bằng chứng cụ thể về mức độ phi phân tích hóa, mà các chứng nhân của cuốn lịch sử biên niên thuyết ấy đã đạt tới. Những tác phẩm dành riêng cho giai đoạn thuộc địa

của Pháp vẫn giữ một tính chất huyền thoại. Quả thực, ở đó, mọi sự diễn ra như thế các tiểu thuyết gia đều đã nhìn thấy châu Phi, hoặc Đông Dương, qua màn ảnh méo mó của sự giáo dục văn học của họ. Với quyết tâm bằng bất cứ giá nào tìm lại cho kỳ được cái thế giới miêu tả trong "Một mùa hè trên đất Sahara" (Lnété au Sahara) của Eugène Fromentin, hoặc trong "Salammbô" của Gustave Flaubert, họ đã phản ứng lại nỗi tyệt vọng của chính mình khi tiếp xúc với một thực tế hoàn toàn khác biệt, hoặc bằng cách chế nhạo, hoặc bằng cách sao lại, và lý tưởng hóa đi, những thứ sáo cũ tầm thường tệ hại nhất của một thứ chủ nghĩa hướng ngoại, kiểu "quảng cáo của nhà ga Lyon", như Paul Morand gọi.

Pierre Loti (1850-1923): Nhà văn Pháp, tác giả nhiều tiểu thuyết nổi tiếng, như "Pêcheurs", "Madame Chrysanthème"...

Tứ trụ triều đình: Bốn quan nhất phẩm, theo thứ tự quan trọng là: Cần Chánh, Văn Minh, Võ Hiến, Đông Các.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 40, chương 341.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 42, chương 344

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 40, chương 14.

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 40, chương 15.

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 40, chương 16

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 42, chương 110.

Strasbourg và Metz là hai thành phố ở Đông bắc nước Pháp, bị Đức thôn tính trong cuộc chiến tranh Đức - Pháp năm 1870. Mãi cho đến năm 1918 mới được trả lại cho Pháp, sau khi Đức bị thua trận trong Thế chiến I (1914-1918)

Trong chiến tranh Đức - Pháp 1870, quân Pháp đại bại và đầu hàng tại Sedan.

Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 75, chương 375-402. Các bản tường trình khác: chương 405, 425, 444 và 456.

Charles Meyer, "Cuộc sống thường ngày của người Pháp tại Đông Dương (1860-1910)", Hachette, Paris, chương 240, 241, 242, và 232, 233.

Không phải vô cớ mà năm 1960, Pandit Nehru, thủ tướng Ấn Độ, đã ký quyết định cấm các giáo sĩ Kitô giáo vào đất Ấn. Tháng 2/1964, Thống chế

Ibrahim Abboud, Tổng thống Soudan, đã truc xuất khỏi Soudan tất cả giáo sĩ và nữ tu nước ngoài vì họ đã tham gia vào âm mưu lật đổ chính quyền mới được thiết lập tại Soudan. Cũng cùng lý do đó, năm 1963, Tổng thống Cộng hòa Guinée, Sékou Touré, đã trục xuất Giám mục địa phận Conacry, Pháp. Nhiều quốc gia châu Phi đã kịch liệt chống lại sự can thiệp vào nội bộ đất nước họ của các giáo sĩ ngoại quốc. Các nhà đương cuộc Tchad, Haute-Volta, République Centre-Africaine (Trung Phi) đã trục xuất nhiều giáo sĩ Kitô, cũng vì lẽ ấy. Tháng 1/1970, sau khi chấm dứt cuộc chiến tranh ly khai Biafra, tướng Gowon, người đứng đầu chánh phủ Lagos, đã trục xuất 30 giáo sĩ nước ngoài. Tháng 12/1972, Somalie đã đóng cửa tất cả các hội truyền giáo Gia-tô, tất cả các công việc truyền giáo, cùng trục xuất tất cả các giáo sĩ, linh mục và nữ tu. Tháng 12/1973, Israel trục xuất tất cả giáo sĩ Gia-tô giáo, bị tố cáo là đã xúi giục, lôi kéo người khác theo đạo, họ bị coi là những phần tử "bất hảo" và hoạt động của họ bị cấm. Từ ngày Christopher Columbus đặt chân lên đất châu Mỹ, năm 1492, nối gót theo các giáo sĩ Tây Ban Nha để "truyền đức tin" Kitô giáo, đến ngày hôm nay, hầu hết văn minh, văn hóa, ngôn ngữ các dân tộc bản xứ (Indiens) các nước châu Mỹ này đều hoàn toàn bị tiêu diệt, các dân tộc bị diệt chủng (génocide), tài sản bị cướp giật. Họ phá tan tất cả những vết tích văn minh của các dân tộc bốn xứ này đã để lại. Những của cải quý báu, vàng bạc, bị quân Tây Ban Nha cướp giật. Họ chở về nước họ từng đoàn thuyền. Vàng rất nhiều, họ đúc lại thành các pho tượng để thờ trong các nhà thờ lớn của ho ở Tây Ban Nha, mà hiện nay vẫn còn. Văn hóa, ngôn ngữ đều bi thủ tiêu. Hiện nay, ngôn ngữ các dân tộc bổn xứ này là ngôn ngữ Tây Ban Nha (Espagnol), ở Brésil thì ngôn ngữ Bồ Đào Nha (Portugais). Giữa những năm 1500 TCN và 1500 SCN, suốt dọc theo dãy núi Andes, ở Nam Mỹ, có rất nhiều văn minh đã phát hiện: văn minh Mohica, Chavin, Nasca, Paracas, Viscus, Huari, Lambayeque, Chimi, Incas... Chỉ văn minh Incas này, vô phước được "diễm phúc" đương đầu với quân chinh phục Tây Ban Nha và bị họ tiêu diệt. Những văn minh này có một điểm chung là họ thờ phượng vàng, mà theo nhận thức vũ trụ của họ, vàng giữ một địa vị quan trọng: chính nhờ vàng mà đất đai được nảy nở. Vàng là một loại kim khí dành

riêng cho đấng thiêng liêng và việc sử dung nó dành cho các vua chúa và các sư sãi. Đoàn quân Tây Ban Nha, vào thế kỷ XVI, đã đổ bộ lên phía Tây của Nam Mỹ không quan niệm như dân Incas nhận thức sự huyền bí này của vàng. Mục đích của họ là đi tìm nguyên liệu mới, quý báu. Không tìm thấy các gia vị, họ gặp vàng bạc. Nhân danh Thiên Chúa giáo đem "truyền bá đức tin và văn minh cho bọn man rợ và diệt trừ tà đạo", các giáo sĩ Tây Ban Nha hợp sức với quân viễn chinh của họ cướp đoạt những tượng vàng mà dân Inca thờ phụng đấng thiêng liêng của họ, chạm trổ rất mỹ thuật, đem bỏ cả vào lò lửa để đúc, thô sơ và ra thành nén. Theo những sử gia thời chinh phục Tây Ban Nha, vua Inca Atahualpa bị bắt giam ở Cajamara năm 1532, muốn được quân Tây Ban Nha trả tự do, vua phải trả một số nơ to để chuộc mình. Trong khắp cả nước, những vật báu bằng vàng và bằng bạc được thu góp lại, tập trung lại và quân Tây Ban Nha đưa vào chín lò lửa để đúc ra thành nén. Lửa cháy suốt bốn tháng trời không ngừng. Mặc dầu đã giữ đúng lời hứa đối với kẻ chiếm đóng, sau khi đưa vàng cho họ, vua Atahualpa vẫn bị quân Tây Ban Nha xử tử.

Ngoài ra số vàng bạc nói trên và việc cướp bóc vơ vét thành Cuzo, quân Tây Ban Nha còn cướp thêm 8 tấn vàng và 60 tấn bạc để đem về "mẫu quốc". Trước khi Cortès đem quân qua chiếm đóng (1519-1525) và biến nước Mễ thành một trong các thuộc địa giàu có nhất của Tây Ban Nha, nước Mễ là một nước có nền văn minh cao quý hùng hậu ngang hàng với Ai Cập (Egypte). Ở nước này, dân tộc Toltèques (thế kỷ V TCN đến 1225) là một dân tộc rất văn minh, với những vết tích lịch sử vĩ đại ở Teolhuacan, Tula; dân tộc Maya (từ thế kỷ VII đến thế kỷ VIII), với vết tích lịch sử ở Copan, Quirigua, Palenque, Chichen-Itza, Mayapan, Uxmal; dân tộc Mixtèques-Zapotiques, ở bán đảo Yucatan và Milta, Monte-Alban... Văn minh, đền đài của các dân tộc bản xứ này đều bị Tây Ban Nha, trong suốt thời kỳ chiếm đóng, quét sạch, san bằng. Sau một thời gian kháng chiến giải phóng dân tộc đẫm máu để giành lại độc lập (1810-1820), chế độ Cộng hòa được tuyên bố năm 1823, nước Mễ lại phải đương đầu với một loạt chiến sự: với Pháp (1828 và 1861); với Mỹ, bị Mỹ xâm chiếm Texas (1846), Nouveau Mexique và California (1848) và giữ luôn cho đến nay. Dân tộc

Toltèques, Maya lần lượt bi diệt chủng và nhường chỗ cho dân da trắng Tây Ban Nha và lai Tây Ban Nha. Hiện nay, non một triệu dân Maya còn sống sót ở vùng cực Nam nước Mễ. Đất đai, tài sản của họ bị các điền chủ da trắng Tây Ban Nha, dựa quyền thế, tước đoạt; họ trở thành tá điền, làm công nhân trở lại cho các chủ mới này, chính trên đất đai của họ ngày trước. Họ rất nghèo khổ cùng cực. Ngày 1/1/1994, đám dân Maya này thuộc tiểu ban Chiapas (miền Nam nước Mễ) đã từ lâu ngấm ngầm tổ chức, bùng nổi dậy. Họ tuyên bố nối lại sự nghiệp cách mạng 1910 của hai nhà cách mạng nổi tiếng của nước Mễ là Pancho Villa và Emiliano Zapata. Quân đội của họ, "Quân đội Zapatiste giải phóng dân tộc", chủ trương chống lại sự đàn áp, diệt chủng mà những người nghèo da đen (peones indiers) như họ, là nạn nhân. Để kỷ niệm 500 năm ngày Christopher Columbus đặt chân đến châu Mỹ, năm 1992, Giáo hoàng Jean-Paul III đến thăm nước Mễ để đánh dấu các giáo sĩ đạo Gia-tô đã đem đức tin đến truyền bá cho các nước Nam Mỹ này. Trước khi tiếp đón Giáo hoàng tại đất nước mình, tổng thống Mễ, Carlos Salinas de Gortari, yêu cầu Giáo hoàng thừa dịp này, nhân danh Thiên Chúa giáo, nên xin lỗi dân tộc Mễ và các dân tộc bản xứ Nam Mỹ, đã dùng đạo Gia-tô tiêu diệt văn minh, văn hóa, dân tộc họ, suốt 500 năm qua. Giáo hoàng Jean-Paul III từ chối đề nghị này của tổng thống Mễ, không chịu xin lỗi dân tộc Mễ và các dân tộc bản xứ Nam Mỹ. Nên khi đặt chân xuống đất Mễ, năm 1992, tổng thống Carlos Salinas de Gortari đón tiếp Giáo hoàng trong một bầu không khí thờ ở lãnh đạm, theo phép lịch sự và chỉ "Chào ông" mà thôi. Qua năm sau, 1993, trên đường đi Mỹ, Jean - Paul III tỏ ý muốn ghé trở lại Mễ để xin lỗi dân tộc Mễ và các dân tộc bản xứ Nam Mỹ về những hành động xưa kia của các giáo sĩ Thiên Chúa giáo đã làm thiệt hại không ít đến họ. Lần này, tổng thống Mễ nhận tiếp Giáo hoàng và "Chào Thánh cha" (Saint Père). Dư luận quốc tế buộc Giáo hội Thiên Chúa giáo phải thành tâm xin lỗi bản xứ hay gốc châu Phi về những tội lỗi họ đã làm do những kẻ đi chiếm thuộc địa và những giáo sĩ Kitô của "đợt đầu đi truyền bá đạo" (Première évangélisation) của họ sang châu Mỹ. Một đoàn quan trọng các giám mục Brésil, được sự hưởng ứng của các giám mục Guatémala và Bolivie, công bố một bản thỉnh cầu, yêu cầu một "cuộc

lễ đền tội" (célébration de pénitence), mở rộng cho tất cả các giám mục và các dân tộc da đen và dân tộc bản xứ, tại một địa điểm tượng trưng nhất: nhà thờ lớn Saint Domingue, địa phận Ki tô giáo đầu tiên mà Giáo hoàng đã lập ra tại châu Mỹ (Le Monde, 21/10/1992). Từ ngày lên nhậm chức Giáo hoàng đến cuối năm 1993, trong 15 năm, Jean-Paul III đã 61 lần rời nước Ý và đi viếng thăm 108 nước, nghĩa là quá trên nửa so các nước trên thế giới. Ông ta sang châu Phi 10 lần (thăm 36 nước), sang châu Mỹ 9 lần (thăm tất cả các nước, trừ Cuba), sang Ba Lan (Pologne) 4 lần, quê của Jean-Paul II và sang Pháp. (Le Monde, 18/10/1993)

Phong trào này bắt nguồn từ những võ sĩ yêu nước, biểu hiện tinh thần quốc gia Trung Quốc bài ngoại, chống Kitô giáo và thiên về chế độ quân chủ. Đấy là phản ứng của chủ nghĩa bảo thủ Trung Quốc trước hiểm hoa xâm lấn các thể lực ngoại bang. Thoạt tiên, phong trào bài ngoại xuất phát từ một tổ chức bí mật ở Chan-Tong, là một phong trào chống thể chế quân chủ, mặc dầu mục tiêu này không được minh xác công khai. Sau khi người cầm đầu phong trào bị bắt xử tử, các thành viên của "Tổ chức võ sĩ bài ngoại, công bình và hòa hợp", đã nêu lên khẩu hiệu chống người ngoại quốc và ủng hộ chế độ quân chủ. Phong trào của họ mau chóng trở thành một phong trào đại chúng trong tỉnh Tche-Li. Vào năm 1900, đường lối tuyên truyền của phong trào quần chúng này đặc biệt chú trọng vào những vụ việc có tính chất tôn giáo xảy ra giữa Trung Quốc và cường quốc phương Tây. Vụ sát hại linh mục Chapdelaire, một nhà truyền giáo trong tỉnh Kouang-si (Quảng Tây) mà nhiệm sở của ông ta trong nội địa Trung Quốc và hoàn toàn bất hợp pháp, đã tạo cho người Pháp có lý do để liên kết với Anh quốc trong việc gửi một đạo quân viễn chinh đến Trung Quốc năm 1857. Điều khoản 13 của Hiệp ước Thiên Tân ký kết giữa Trung Quốc và nước Pháp năm 1858, công nhận sự thờ cúng đạo Kitô tại Trung Quốc. Do Thỏa ước Pháp -Trung ký kết tại Bắc Kinh vào năm 1860, Trung Quốc đã công nhận các cơ sở tôn giáo và từ thiện của người Công giáo đã bị tịch thu trong thời kỳ ngược đãi những tín đồ Kitô giáo, sẽ được hoàn trả lại cho chủ sở hữu, qua trung gian của vị công sứ Pháp tại Trung Quốc. Từ điều khoản này, các nhà truyền giáo, làm thông dịch cho nam tước Gros, đai sứ Pháp tại Trung Quốc

và với sư không hay biết của vi này, đã tư tiên thêm vào đoan tiếp sau vào bản văn tiếng Trung Quốc: "...Ngoài ra còn cho phép các nhà truyền giáo Pháp thuê, mua đất đai trong các tỉnh và dựng lên các nhà cửa, tùy theo sở thích". Vì rằng chỉ có văn bản tiếng Pháp của hiệp ước mới có giá trị thực tế, điều khoản này được đưa vào một cách không chính đáng, đương nhiên là không có giá trị. Nhưng mặc dầu vậy, việc này không ngăn cản các nhà truyền giáo và các chánh phủ nối tiếp nhau ở Pháp từ 1860, dựa vào và thi hành điều khoản thêm vào ấy. (Paul Boell, "Các hội truyền giáo Ki tô tại Trung Quốc và đường lối chính trị của Pháp tại Viễn Đông", Paris, 1899) Mặc dầu "đoạn thêm vào" này của hiệp ước không có căn bản pháp lý nhưng Trung Quốc không có phương tiện để dựa vào lợi thế về việc giải thích đúng đắn hiệp ước này. Sau cùng, họ buộc phải chấp nhận điều đó như một sự việc đã rồi. Trung Quốc mong muốn trước hết là tránh không để các nhà truyền giáo xâm nhập sâu vào trong nội địa rồi dẫn đến việc cho họ hưởng chế độ quyền trị ngoại (dành cho các nhà ngoại giao). Nếu Trung Quốc dung thứ điều này thì một ngày nào đó các nhà thờ Kitô giáo sẽ trở thành "một quốc gia trong một quốc gia". Tại Trung Quốc, các nhà truyền giáo hành xử như tại một nước bị chiếm đóng, họ có thái độ hung hặng đối với các nhà chức trách nhà nước và dân chúng địa phương. Họ đã không chịu khép theo luật lệ và tập quán Trung Quốc, mà những đòi hỏi của họ về các đặc quyền được minh định trong các hiệp ước và về sự can thiệp của chánh phủ họ vào những việc có tính chất tôn giáo, đã tạo nên những vấn đề hệ trọng cho chánh phủ Trung Quốc. Chánh phủ này nhìn thấy sự truyền bá Kitô giáo là một hiểm họa có thể gây nên sự tan rã của xã hội Khổng giáo và làm lung lay nền tảng của triều đại. Nóng lòng tìm kiếm ra vài lý do để mở rộng xâm nhập thêm nữa vào Trung Quốc, để buộc chánh phủ Bắc Kinh chịu các nhượng bộ, các đặc quyền, đất đai cho thuê mướn, hay chỉ đơn thuần vì lý do uy thế mà thôi, các cường quốc ngoại bang sẵn sàng can thiệp vào những vụ việc có tính chất tôn giáo. Vừa đòi hỏi sự can thiệp của các cường quốc ngoại bang, nhà truyền giáo đưa ra các yêu sách về bồi thường ngày càng lớn, nhằm ngăn ngừa sự tái diễn các vụ rắc rối. Từ ngày 14/10/1899, linh mục Chanès bị giết tại Pak-Toung (của tỉnh Quảng Đông)

cùng với tín đồ Kitô giáo người Trung Quốc. Nước Pháp, qua trung gian của Flayelle, quản lý tòa lãnh sự Pháp tại Canton (Quảng Đông) đòi toàn quyền Lưỡng Quảng những khoản bồi thường. Vụ này được dàn xếp sau khi Trung Quốc chấp nhận nhượng địa Kouang-Tcheo-Wan (Quảng Châu Loan) cho Pháp và trả tiền bồi thường là 80.000 lượng. Ngày 11/12/1899, Delbrouck, nhà truyền giáo người Bỉ bị giết trong tỉnh Hou-Pei. Qua sự dàn xếp được ký kết ngày 12/7/1899 của Dautremer, lãnh sự Pháp tại Hankeou (Hán Khẩu), người Trung Quốc chịu trả 10.000 lượng tiền bồi thường và 44.5000 lượng cho việc tái thiết các nhà thờ và viện mồ côi, (Henri Cordier, "Lịch sử các mối liên lạc của Trung Quốc với các cường quốc Tây phương", tập 3, chương 463-464, Paris, 1902) Tiếp theo sau việc dàn xếp về vu ám hai nhà truyền giáo Bertholet, trong tỉnh Kouang-Si (Quảng Tây) mà người Trung Quốc phải chịu, ngoài các điều kiện khác, nhượng đường hỏa xa cho Pháp, Alexandre Ular viết về vụ việc này như sau: "Không còn hồ nghi gì nữa, rõ ràng chính các giáo hội truyền giáo là nguyên nhân đích thực và chủ yếu nhất đã gây ra phong trào bài ngoại tại Trung Quốc, một phong trào mà người ta quy một cách dễ dàng cái tính khí cố hữu của người Trung Quốc, cũng biểu hiện như là sự căm thù sâu xa, nhưng chính đáng, của người bị xâm lược chống lại kẻ đi xâm lược, cũng như đầy tình cảm dành cho người Trung Quốc và bao nhiều là ác cảm đối với người phương Tây". (Alexandre Ular, "Một đế quốc Nga-Trung", chương 167-168, Paris 1903) Năm 1900, Trung Quốc là một quốc gia tàn lui. Các nhà truyền giáo, các công dân của nước phương Tây hành xử tại Trung Quốc như kẻ chiến thắng. Thời điểm chia năm xẻ bảy nước Trung Quốc đã đến. Dựa vào lý xung đột giữa những tín đồ Ki tô giáo và các người theo phong trào bài ngoại ở Trung Quốc, các chính khách của những cường quốc phương Tây tìm cách thỏa thuận với nhau về sự phân chia quyền lợi của họ sắp tới tại Trung Quốc và dành cho mình, một mảnh đất của lãnh thổ Trung Quốc, theo thỏa thích của mình. Chính sách ngoại giao của các cường quốc này đối với Trung Quốc ngày càng tỏ ra thô bạo. Để trả thù cho cái chết của Kettler, công sứ Đức tai Bắc Kinh, một đạo quân quốc tế 14.000 người (Nhật, Nga, Anh, Pháp, Mỹ, Áo, Ý, Đức) tiến quân về Bắc

Kinh ngày 4/8/1900 và cướp phá thủ đô Trung Quốc ngày 13/8/1900. Trong một bài diễn văn, đọc ngày 27/7/1900 để tiễn đưa quân sĩ Đức lên tàu tại Bremerhaven đi Trung Quốc, vua Guillaume II tuyên bố: "Không ân huệ! Không bắt tù binh! Đã nghìn năm, người 'Hung' của vua Attila nổi danh trong lịch sử và truyền thuyết. Cho nên các người phải áp đặt tại Trung Quốc và cho nghìn năm danh tiếng của nước Đức một cách thế nào để không bao giờ có thể có một người Trung Quốc dám nhìn một người Đức một cách khinh bỉ." (Báo Weser Zeitung, Bremen, 1900, dẫn chứng bởi Hosea Ballou Morse, "Quan hệ quốc tế của đế quốc Trung Quốc", tập II, London 1919) Tháng 8 và 9/1900, quân lính Anh, Pháp, Đức, Nhật, đổ bộ lên Shanghai (Thương Hải). Tien-tsin (Thiên Tân) bi chiếm đóng vào tháng 11-12/1900 rồi bi phân chia thành các nhương đia giữa Nga, Bỉ, Ý, Áo, Hung, Pháp, Nhật, Mỹ, Anh. Ngày 24/12/1900, Trung Quốc chấp nhận tối hậu thư (ngày 22/12/1900) của các công sứ ngoại quốc tại Bắc Kinh, yêu cầu gửi tới Berlin một phái bộ đặc mệnh để tỏ lòng hối tiếc về việc ám hại Kettler, để trình bày hình phạt những người Trung Quốc phạm tội, để trả tiền bồi thường (450 triệu lương, trên số 462.550.614 lương được yêu cầu). Trong phần kết luận về chuyện này, George Nye Stieger viết như sau: "... chính thái độ ngạo mạn và khinh miệt của các nhà ngoại giao nước ngoài đối với chánh phủ Trung Quốc, sự không thông hiểu phong trào bài ngoại mà các nhà ngoại giao này xem như là một phong trào nổi dậy, đã làm thảm họa mùa hè 1900 trở thành biến cố không tránh được. Phần trách nhiệm phải quy cho các cường quốc phương Tây và cho những người đại diện chính thức và không chính thức của họ tại Trung Quốc." (George Nye Stieger, "Trung Quốc và Tây phương, nguồn gốc và sự phát triển của phong trào bài ngoại", New Haven, 1927, chương 276-277.) 50 năm sau, Trung Quốc bừng thức dậy và họ đã quét sạch tất cả mọi sự chiếm đóng ngoại bang trên lãnh thổ của ho và tìm lai niềm hãnh diên quốc gia mà nhiều lần bị chà đạp. Hai sắc lệnh được ký vào ngày 31/1/1994 bởi Lý Bằng, thủ tướng chánh phủ Trung Quốc, công bố và có hiệu lực vào ngày 6/2/1994, cấm mọi hoạt động tôn giáo, xuất xứ từ ngoại quốc, tại Trung Quốc. Người ngoại quốc không được phép "thiết lập những tổ chức có tính chất tôn giáo,

mở các trường học, các trung tâm tôn giáo nhằm tuyển mộ tín đồ, để chỉ định các giáo sư dạy về tôn giáo. Mọi hoạt động tín đồ mới trong quần chúng Trung Quốc đề bị nghiêm cấm triệt để." (Le Monde, ngày 8/2/1994). Dãy núi cao ngăn cách hai nước Tây Ban Nha và Pháp.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 81, chương 131-136.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 41, chương 376-377.

Về phương diện ngôn ngữ, dân Việt Nam dùng tiếng Hán như một ngôn ngữ bác học, nhưng tiếng Nôm vẫn là tiếng nói hằng ngày của dân chúng. Tiếng Hán được phiên âm bằng những chữ mà những người Việt Nam có học (kẻ sĩ) vẫn đọc theo cách phát âm "Hán" hoặc "Đường". Từ chữ Hán, người Việt Nam đã sáng chế ra một cách viết mang tính chất, vừa ngữ âm, vừa ngữ nghĩa học cho phép họ ghi chép bằng chính ngôn ngữ của mình. Hệ thống này gọi là chữ Nôm (caractères démotiques), đối lập với chữ Hán, gọi là "chữ Nho" (chữ của kẻ sĩ). Cách phiên âm của nó là ghi âm của một tiếng Nôm bằng cách thêm một chữ Hán, có âm gần giống như một từ tiếng Việt vào chữ Hán, mang ý nghĩa của từ tiếng Nôm đó. Trong văn học, người dùng "chữ Nôm" đầu tiên là Hàn Thuyên, từ 1257.

Adolphe Delvaux dẫn, "Quân Pháp đánh chiếm thành Huế" (Bulletin des amis du Vieux Huế), Avril-Juin 1920, trang 270.

Người ta cũng có nói rằng, khi đến Kim Long, Tường đã bí mật đi vào nhà thờ để nói chuyện với Giám mục Caspar.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 47, trang 121.

Tướng Prudhomme, nổi tiếng hơn với bí danh "Tướng X" với cuốn sách của ông ta: "Nước An Nam từ 5/7/1885 đến 4/4/1886", Paris 1901.

Về sự kiện đốt cháy cung điện Mùa hè ở Bắc Kinh, Armaud d'Antin de Vaillac viết trong cuốn "Phổ Nghi - Hoàng đế cuối cùng của Trung Quốc", NXB France Empire, 1900, trang 57-58: "...Đại sứ toàn quyền Anh, Lord Elgin, ra lệnh đốt cung điện Mùa hè, mệnh lệnh đó không ngăn cản việc thành lập một tiểu ban Anh-Pháp, do tướng Janin chủ tọa, lựa chọn một số vật quý để gửi cho Nữ hoàng Victoria và cho Napoléon III. Gửi cho Napoléon III: - 2 chiếc gậy chỉ huy bằng vàng khối và ngọc thạch màu lục. 1 bô trang phục Hoàng đế gồm: một áo lua dát vàng, một áo giáp lưới bằng

thép, môt áo dài khác bằng lua màu vàng đính khung vàng và viền ngọc, một chiếc mũ bằng vàng và thép trên đỉnh có mũi nhọn dài bằng thép. - 1 ngôi chùa bằng đồng mạ vàng và chạm trổ đẹp. - 2 con nghê bằng đồng mạ vàng, mỗi con nặng 400kg. - 2 bức màng mành, nhiều nhẫn đeo tay, vòng cổ, những chiếc ly có chân, những bức sơn mài "và hàng ngàn thứ lạ mắt". "Môt số các đồ vật ấy ngày nay vẫn còn nằm tại cung điện Fontainebleau. Trước khi đốt, quân lính thi nhau cướp phá, liên tục hai ngày ròng. Chúng đã tìm thấy vô số những đồ trang sức, những hộp đựng thuốc, hộp đựng kẹo bằng vàng, bát đĩa và những áo quần trang phục lộng lẫy mà chúng mặc luôn vào người. Thật là một hội giả trang thú vị. Họ tha hồ đùa giỡn thỏa thuê với những bộ người máy mà các vua chúa phương Tây tặng cho các 'Hoàng đế Trung Quốc'. Chi tiết ấy chẳng lấy gì làm chói lọi mà một chứng nhân, bá tước Hérisson, sĩ quan hầu cận của tướng Cousin-Montauban, nhấn mạnh trong cuốn 'Nhật ký của một thông dịch viên tại Trung Quốc'. '... Đêm thứ hai của chúng tôi tại cung điện Mùa hè thật không thể nào chịu được: nó điện dại, nó quay cuồng đến chóng cả mặt. Mỗi một tên lính đều có 'con chim, cái hộp âm nhạc, cái đồng hồ báo thức và con thỏ nhà' của mình. Thật là một hội chuông reo đồng loạt.' Và một chứng nhân khác (Lucy): 'Người ta đã phân phát cả một kho bạc cho lính, khoảng 90 francs mỗi người. Nhưng đối với chúng, con số đó nghĩa lý gì so với giá trị những cái chúng nó đã cướp được bằng vàng, bằng bạc, bằng bảo vật. Một tên lính bán một lúc 60 chiếc đồng hồ giá 2 đồng/chiếc và là loại đồng hồ cực kỳ hiếm! Người ta còn mang về từng bao tải chất đầy đồ nữ trang và vòng cổ bằng san hô, những hòn ngọc xinh xắn và còn nữa.... Khi đội quân lên đường đi Bắc Kinh, thì cả một quang cảnh đặc biệt bất thường hiện ra trước mắt mọi người: trên 300 chiếc xe chở nguyên chiến lợi phẩm'". Jean Chesneaux dẫn, "Đóng góp vào lịch sử dân tộc Việt Nam" (Contribution à l'Histoires de la Nation Vietnamienne), trang 134. "Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 74, trang 141-142. Nguyễn Hữu Độ, cháu nội Nguyễn Hữu Luân (Võ quan phục vụ dưới thời Gia Long, đã sang Pháp cùng với Giám mục Adran năm 1787) và là con của Nguyễn Hữu Huy (Võ quan). Ông ta có 9 con trai và 8 con gái, trong số

đó có Nguyễn Thị..., lấy Đồng Khánh ngày 16/2/1886. - Nguyễn Hữu Ti, chồng của công chúa Ngọc Lam, là chị em với Khải Định. - Nguyễn Hữu Khánh, chồng của công chúa Tân Phong, chị em của Thành Thái. - Nguyễn Hữu Thị Nga, vợ vua Thành Thái, năm 1895.

Gosselin dẫn, "Nước An Nam".

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 60, trang 88.

G. Taboulet dẫn, "Chiến công của Pháp tại Đông Dương": quyển II, trang 865.

5 tháng sau, Đồng Khánh kết duyên với con gái thứ hai của Nguyễn Hữu Độ, lúc này mới 16 tuổi.

Vợ của vua Thiệu Trị.

Bảo quốc Công: là tước vị cao nhất trong năm tước vị quý tộc phong kiến cho các quan đại thần có nhiều công trạng. Từ Gia Long trở đi, tức Đồng Khánh, các tướng De Courcy, Warner và Prudhomme; hai người đầu được phong là Đại quốc Công, người thứ ba là Quận công.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 70, trang 357.

Theo luật pháp Việt Nam, ba cái án trừng phạt (sau khi tội nhân đã chết) được coi như nhục nhã hơn án tử hình là: bêu đầu, thiêu xương và đánh mộ. "Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 58, trang 233-234.

Văn kiện ngoại giao Trung Quốc: chương 61, trang 23-26.

Được phong Lãnh binh vì đã có công lao "phản quốc", Ngọc được lần lượt cử đi các tỉnh khác nhau nhằm làm nhiệm vụ mới của mình. Đi đâu hắn cũng chỉ gặp sự khinh bỉ và sự thờ ơ, lãnh đạm của quan lại và nhân dân. Cuối cùng hắn phải trở về Thanh Lãng (Hà Tĩnh), làng quê của hắn. Chiều ngày 24/12/1893, Ngọc, chỉ huy đồn Thanh Lãng đang say rượu và đang hút thuộc phiện một cách yên tĩnh, thì đồn của hắn bị nghĩa quân Phan Đình Phùng tấn công. Hắn vội vàng ra tìm cách kháng cự thì một phát đạn hất ngã xuống. Lập tức người ta chặt lấy đầu hắn, bêu ngay trước cửa túp lều mà hắn đã phản bội, bắt nộp vua Hàm Nghi cho Pháp.

Bị giam giữ tại Algérie, ông kết hôn năm 1904; vợ ông là một cô gái Pháp, con của ông chánh án Tòa án Alger; là Laloy và sinh được ba người con: hai gái và một trai là Nữ Hoàng thân Như Mai; nữ Công tước De La Besse -

tên chồng và Hoàng thân Minh Đức. Hàm Nghi mất tại Alger năm 1944, hưởng thọ 73 tuổi, sau 55 năm bị lưu đày. Thi hài của ông được mai táng tại nghĩa trang El Bier, tại Alger. Ngôi nhà mà Hàm Nghi đã ở, biệt thự "Gia Long", nằm trên vùng đồi Alger, tại El Biar. Sau ngày Alger độc lập, ngôi nhà bị trưng dụng để chuyển thành nơi ở của đại sứ Liên Xô. Các con của vua Hàm Nghi phải rút về Pháp và di cốt của ông cũng được chuyển về đó. Bà Như Mai, người con gái đầu lòng của vua Hàm Nghi, là người con gái kỹ sư đầu tiên đậu đầu ra trường Canh nông quốc gia Grignon. Người em gái kế, sau khi học y khoa đại học, cưới Công tước De La Besse. Người em út, Hoàng thân Minh Đức, sau Thế chiến II, ở trong quân đội Pháp với cấp thiếu tá. Trong lúc ông đóng quân (Pháp) tại bờ hồ Constanz vùng chiếm đóng Pháp, sau khi Đức thua trân, ông được lệnh đưa đi Việt Nam để đánh giặc trong hàng ngũ quân Pháp. Ông từ chối, không chịu đi sang Việt Nam, ông tuyên bố với chánh phủ Pháp rằng: "Ông không thể cầm súng bắn lại đồng bào ông. Nếu chánh phủ Pháp muốn đưa ông ra tòa án binh thì cứ đưa. Ông không chịu đi qua Việt Nam đánh dánh giặc cho Pháp, chống lại Việt Nam." Chuyện này do một sĩ quan Pháp, đồng đội của ông Minh Đức lúc ấy, sau này giúp việc cho Bộ Ngoại giao Pháp, lên cấp đại sứ, ông Jean De Latour Dejean, bạn thân của tác giả, kể lại cho tác giả nghe. Tác giả cũng được bà Như Mai tiếp đón niềm nở, nhiều lần và kể cho tác giả nghe về đời sống của vua Hàm Nghi trong những ngày nhà vua ở Alger và cho xem những hình ảnh về gia đình.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 74, trang 46.

Ch. Gosselin trích dẫn, "Nước An Nam".

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 73, trang 63-64.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 73, trang 311 và 331

1 lượng = 37,75 gram và 1 nén = 377 gram.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 74.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 74, trang 30-31.

Tàu "Cométe" đến Sài Gòn, vua Hàm Nghi được chuyển sang tàu "Biên Hòa" để đi qua Algérie.

Ở đây là Nguyễn Trong Hiệp.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 74.

Moral, "Tài chính Bắc kỳ", tạp chí Đông Dương, 1909.

Paul Doumer, "Đông Pháp", trang 313.

Mặc dầu việc tách biệt quốc gia và nhà thờ được biểu quyết vào năm 1905 và áp dụng tại Pháp, đạo luật này không bao giờ được công bố và áp dụng tại Việt Nam. Trong những năm 1923, 1926, 1920, 1930, 1931, các Hội truyền giáo Gia-tô đã được chánh phủ bảo hộ nhiều lần nhượng đất, chưa kể những đất đai công cộng mà một số thống đốc và quan chính hành chánh Pháp, do thành kính cá nhân đã biểu tặng cho các hội truyền giáo. Theo ước lượng chính thức, năm 1939, các ruộng đất của các hội truyền giáo nước ngoài gồm trên 5 triệu đô la, tức là 50 triệu francs. Mức ước lượng ấy vẫn còn thấp hơn nhiều so với thực tế. Nó chưa bao gồm hết tất cả các đất ruông thuộc về nhà thờ, bởi nó loại ra ngoài những tài sản của các xứ đạo và những pháp nhân thuộc nhà thờ có quyền sở hữu. Tài sản của các hội truyền giáo Tây Ban Nha cũng khá đồ sộ. Nói chung ở Việt Nam, các hội truyền giáo là những người chủ sở hữu ruộng đất lớn nhất dưới thời thuộc địa. Đồng tiền đầu tiên của Việt Nam có từ thế kỷ thứ X. Quốc gia Việt Nam đã quy định tỷ giá tiền tệ, đã sáng lập ra tiền giấy năm 1396, thống nhất đo lường năm 1664. * Bổ sung ý kiến trên: Mỗi triều đại nước ta thường đúc mỗi loại tiền riêng như Thái Bình hưng bảo thời Đinh, đúc năm 970; Thiên Phúc trấn bảo thời Tiền Lê. Hoặc thời Hồ Quý Ly cho sử dụng tiền giấy Thông Bảo hội sao thay cho tiền kim loại bấy giờ. Tuy nhiên, loại tiền giấy không được dân chúng ủng hộ, vì dễ rách nát, không bảo đảm bằng tiền kim loại (BT).

1 livres Anh bằng 1/2 kg.

1 once Anh = 20,35 gram; 1 once Pháp = 30,6 gram.

Tổ chức lại việc buôn bán thuốc phiện, năm 1899, Doumer cho xây dựng tại Sài Gòn một nhà máy tinh lọc thuốc phiện hiện đại, công suất vạn năng. Ông ta cho hiệu chỉnh một hỗn hợp cháy rất mau, do đó thúc đẩy người hút tiêu thụ nhiều thuốc hơn bình thường, Năm 1918 có tất cả 1.512 tiệm hút và 3.098 người bán lẻ thuốc phiện. Giữa năm 1894 và 1901, thu nhập về các ty thuốc phiện đã có một bước nhảy vọt. Năm 1894: 3.783.734 đô-la, tức

10.102.570 francs; năm 1898: 5.343.366 đô-la, tức 12.930.945 francs; năm 1901: 6.290.000 đô-la, tức 15.785.000 francs. Chính Doumer đã hãnh diện tuyên bố rằng qua bốn năm nhiệm kỳ của ông ta, những cải cách nói trên đã làm tăng lên 50% số lời do thuốc phiện mang lại; những số lời về thuốc phiện này chiếm trên 1/3 tổng số thu nhập toàn thuộc địa. (Paul Doumer, "Tình hình Đông Dương" (1897-1901), trang 163).

Dưới sự đô hộ của Pháp, họ cấm triệt để không cho người Việt Nam được nói đến chữ "Việt Nam" và "người Nam". Ai vi phạm sẽ bị bỏ tù, vì họ cho là "làm cách mạng" chống Pháp. Hai cái tên gọi ấy hoàn toàn bị loại bỏ ra ngoài những cuốn sách sử học và những văn kiện chính thức. Người Việt Nam bị gọi bằng những cái tên: "Annamite" (người An Nam), "Indigène" (người bản xứ), "Indochinois" (người Đông Dương). Ở nhà trường, người ta dạy cho họ rằng tổ tiên của họ là người "Gaulois" (người nước Gaule, tức nước Pháp cũ). Trong chương trình tiểu học dưới thời kỳ Pháp thuộc, học sinh Việt Nam học lịch sử nước Pháp rất kỹ và lịch sử Việt Nam viết theo quan điểm thực dân.

Dưới đây là tóm lược lịch sử sư thống nhất của dân tộc Việt Nam: Người Việt Nam nói về việc dựng nước của mình vào năm 2879 TCN. Về nguồn gốc mà nói, chắc chắn những người Việt Nam là con cháu người "Lạc Việt", một dân tộc miền Bắc, hình như vẫn luôn luôn sống tại vùng châu thổ Bắc Bộ Việt Nam ngày nay, mà vật tổ (totem) là "con Rồng". Qua bao nhiều thăng trầm của lịch sử, dân tộc này vẫn luôn luôn mang tên dân tộc "Việt". Các thế kỷ hòa bình và hanh phúc đã trôi qua trước khi đất nước ho bị quân Tàu chinh phục. Việt Nam đã phải chịu đựng một chính sách đồng hóa thật sự suốt mười thế kỷ, dưới sự đô hộ của Tàu. Sau đó, người Việt Nam tiến dần về phía Nam Trung Bộ ngày nay, rồi khai phá cả miền châu thổ rộng lớn của sông Cửu Long còn hoang vu, mở rộng bờ cõi gấp ba lần so với diên tích ban đầu. Trước những điều kiên như vây, Việt Nam đã làm thế nào để tạo cho mình được một sự thống nhất và giữ vững được sự độc đáo của nó? Ngay từ thế kỷ thứ V TCN, Trung Quốc đã xâm lược Việt Nam. Nhưng ngay từ thế kỷ thứ I CN, năm 40, người Việt Nam đã nổi dậy dưới sự lãnh đạo của hai chị em Bà Trưng là Trưng Trắc và Trưng Nhị và

quân Tàu đã bi đuổi ra ngoài bờ cõi. Sau cuộc khởi nghĩa thắng lợi này, hoàng đế Trung Quốc phái tướng Mã Viện sang Việt Nam để "lập lại trật tự", có nghĩa là lập lại sự chiếm đóng của quân Tàu. Mã Viện đã hoàn thành nhiệm vụ của ông ta và Việt Nam lại rơi vào tay thống trị của Trung Quốc trong mười thế kỷ. Trong khoảng thời gian này, nhiều cuộc khởi nghĩa đã xảy ra nhưng đều bị đàn áp. Và phải đợi đến thế kỷ X mới chấm dứt được nền đô hộ của Tàu. Với chiến thắng Bạch Đằng oanh liệt, Ngô Quyền đuổi được quân Tàu ra khỏi nước và lập nên triều đại đầu tiên của đất nước, năm 938. Qua cái đêm trường của lịch sử Việt Nam ấy, người Việt Nam đã học tập theo con đường Nho giáo. Thoạt tiên, người Việt Nam biết dùng lưỡi cày kim loai và súc vât để kéo cày, chữ viết, lễ nghi... Sau đó, Việt Nam có nền tảng chính trị mới, một hệ thống hành chánh hoàn thiện và một bộ máy quân sự có hiệu lực. Và cứ như vậy, dấn sâu vào con đường Nho giáo, nước Việt Nam đã biến hóa nhanh chóng và bỏ xa các bộ tộc và các dân tộc khác của bán đảo Đông Dương. Như vậy, trước khi đi bình định miền Trung bộ ngày nay (1069) và mở rộng bờ cõi về phương Nam, Việt Nam đã là một dân tộc có tổ chức khá vững vàng, có một nền văn hóa tiên tiến.

Paul Doumer, "Đông Pháp", trang 86-87.

Chẳng hạn năm 1899, trên số 11.000.000 của quỹ lương trả cho các công chức Pháp và Nam (không kể quân đội), riêng các công chức Pháp lãnh 7.500.000 đồng. Năm 1906, tiền lương của họ thu hút hết 1.343.000 đồng/1.735.000 đồng của ngân sách bưu điện, tức 75%. Năm 1913, trên một quỹ lương 1.000.000 đồng thì 13.000.000 đồng vào tay người Pháp. Những bản danh sách hội viên "Francsmacons" công bố tại Vichy năm 1940-1941 chỉ ra rằng: dưới nền Đệ tam Cộng hòa, những chức vị quan trọng ở các nước thuộc địa là dành cho những người đỡ đầu của những nhân vật có quyền thế. Khoảng 11.000 người Pháp chiếm đỉnh cao của kim tự tháp quyền lực ở Việt Nam, ví dụ năm 1937. Số liệu thống kê năm đó cho thấy: những công chức có quyền, những người thuộc ngạch những "người quản lý các công sở dân sự của Đông Dương" (quan cai trị): 450; công chính: 567 (trong đó có 166 kỹ sư); y tế: 313 (trong đó có 139 y-bác sĩ); giáo dục: 590 (trong đó một phần lớn nằm trong các trường học Pháp).

Ngược lại, con số nhân viên các cơ quan hải quan (723), của kho bạc, an ninh - cảnh sát, rất cao.

"Colons" (trong bản Pháp văn): cái danh từ chủng loại ấy, chỉ một cách chưa thật đầy đủ lắm, những người châu Âu thu nhập nhờ kinh tế của đất nước (những người trồng trọt, buôn bán, kỹ nghệ, nhân viên thương mại...) Ngày 9/1/1968, trong một buổi phát thanh vô tuyến truyền hình Pháp nhằm giới thiệu một cuốn sách mới về Georges Clémenceau, đề cập đến tính ưu đẳng của chủng tộc da trắng trên các chủng tộc khác, được Jules Ferry ca ngợi và chủ trương, nhà sử học kiêm ngoại giao, Philippe Erlanger, đã tuyên bố rằng: "Clémenceau lật đổ Jules Ferry sớm đi một năm thì cuộc chiến tranh hiện nay của Việt Nam [Pháp-Việt, 1945-1954] đã có thể tránh được không xảy ra."

Tuy chữ Nho và chữ Nôm rất phức tạp, việc học hành vẫn đi sâu vào tận các làng mạc Việt Nam xa xôi hẻo lánh. Pierre Pasquier, đồng lý các cơ quan dân sự Đông Dương (quan cai trị), rồi sau làm toàn quyền, với 37 năm ở xứ này, đã viết: "Rất ít người thất học, kể cả trong nông thôn dân khổ sở bất hạnh cũng vẫn có những người biết đọc, viết vài trăm chữ." (P. Pasquier, "Nước An Nam ngày xưa", Paris 1907, trang 166) Một toàn quyền Đông Dương khác, Lanessan (1891) có ghi: "Có rất ít nước, kể cả những nước văn minh mà việc học được coi trọng cho bằng ở An Nam. Có thể nói không một làng An Nam nào là không có trường học của nó." (Lanessa, "Đông Pháp, tìm hiểu về chính trị và hành chánh", Paris, Alcan, 1889, trang 230) Lanessan có nói thêm: "Mỗi cuộc thi cử tại An Nam tập hợp đến mười, mười hai nghìn thí sinh, để chọn ra khoảng 60 cử nhân và trên dưới 120 tú tài." (Lanessan, "Đạo đức học của các nhà hiền triết Trung Quốc, trích từ các sách vở cổ điển của Trung Quốc và An Nam", Paris, Alcan, 1896, trang 5) Sau khi chế độ thuộc địa được thiếp lập tại Việt Nam, trong thời kỳ Thế chiến I (1914-1918), các kỳ thi cử nhân và tiến sĩ bị bỏ, trước tiên ở Bắc Bộ (1915) rồi ở Trung Quốc (1918) Rất lâu, trước khi người Pháp đến, người Việt Nam đã có một nền học riêng và các trường đại học riêng của mình. Thật vậy, cách đây trên 900 năm, năm 1070, thành Thăng Long (tức Hà Nội ngày nay) đã chứng kiến hoạt động của trường đại học

đầu tiên của nó, 30 năm trước, trường Đai học Bologne (Ý Đai Lợi) và 80 năm trước trường Đại học Paris Sorbonne (Pháp). Chính là dưới triều đại nhà Lý (1009-1225) mà Văn Miếu được sửa sang lại và biến thành một trường học. Trước là Thái tử con vua, sau đó là con cái của các đại thần, và chẳng bao lâu thì cả những nho sinh xuất sắc đều được vào học trường học đầu tiên đó. Trường học này đã trở thành trường Đại học Văn chương và Khoa học, mang tên "Quốc tử Giám" – tức "Trường Quốc học dành cho các con của hoàng gia". Một trong những "Quốc tử" lỗi lạc nhất là tướng Lý Thường Kiệt, người đã chiến thắng oanh liệt quân xâm lược nhà Tống, Trung Quốc, ở cuối thế kỷ thứ X. Ngày nay, ngôi trường ấy đã trở thành "Văn Miếu". Người ta còn thấy bia bằng đá, khắc bằng chữ Hán tên tuổi những người thi đầu khoa Tiến sĩ. Cái không khí hoan hỉ bao trùm trên lĩnh vực chánh phủ và tài chính Pháp sau cuộc chiến tranh 1914-1918, đặc biệt rõ nét trong các giới thực dân Đông Dương. Những nguồn tư bản chính quốc, bị cái tỷ suất lời của đồng bạc Đông Dương thu hút, đã xô nhau đổ sang Việt Nam. Do mức độ mau chóng của sự phát triển tư bản chủ nghĩa đó mà nhiều vấn đề mới được đặt ra ở Đông Dương. Trong những vấn đề này, giáo dục, bây giờ mang một ý nghĩa cụ thể thiết thực hơn. Người ta thấy rõ rằng cần phải bảo đảm cho những công ty thuộc địa, cũng như bản thân chánh phủ, một số tối thiểu cán bộ cấp dưới và một số nhân lực có chất lượng. Trong một thông tư liên bộ ngày 10/10/1920, Albert Sarraut tuyên bố: "Giáo dục cần phải có kết quả trước tiên là nâng cao giá trị của nền sản xuất thuộc địa... Ngoài ra nó phải chọn ra, từ trong đám dân lao động, một bộ phận ưu tú và đào tạo họ thành những hợp tác, kiểm soát viên, hoặc đốc công (...) Có một nguyên tắc nền tảng chung và cơ bản cho sự nghiệp giáo dục của chúng ta: là nền giáo dục bản xứ, trước hết, phải có tính chất thực tiễn và hiện thực. Trước tiên, cần phải nghĩ đến khía cạnh kinh tế của việc giáo duc quần chúng, và chính là phải nhằm mục đích cơ bản này mà tập trung cố gắng chúng ta phát triển rộng rãi một nền một giáo dục tiểu học, kỹ thuật và chuyên nghiệp." (Albert trích dẫn, "Đông Dương hôm qua và hôm nay".) Chính là phát từ căn cứ này mà chánh phủ thuộc địa Pháp, từ đây đặt nền tảng cho "ngôi trường của Pháp ở Việt Nam". Tiếp theo sơ cấp học ba

năm, bằng chữ Quốc ngữ, là cấp tiểu học nữa, vừa bằng chữ Quốc ngữ, vừa bằng tiếng Pháp, để cho học sinh độ tuổi 14 dự một kỳ thi lấy chứng chỉ học lực; trong kỳ thi này, mọi môn thi đều bằng tiếng Pháp. Có chứng chỉ rồi, học sinh học bốn năm nữa để lấy bằng "Cao đẳng tiểu học". Một nền giáo dục "trung học bản xứ" với chương trình nặng hơn chương trình tú tài Pháp rất nhiều, chào đón câu học sinh tốt nghiệp cao đẳng tiểu học để đưa cậu qua, năm học đến bằng "tú tài bản xứ" – bởi vì học sinh Việt Nam không được nhận vào các trường "Pháp" thật sự và không thể học để thi lấy bằng "tú tài Pháp" được. Một giáo sư người Pháp trường Pétrus Ký ở Sài Gòn, ông Mignon, gọi chương trình tú tài bản xứ là "một sư nhồi so thực sư và một chính sách ngu dân có tính toán của chánh phủ thuộc địa Pháp". Ở tất cả các cấp học đều có một giới han tuổi mà người học sinh không thể vượt qua nếu muốn được tiếp tục học. Quá giới hạn tuổi thì phải loại ra khỏi trường. Trường Đại học Đông Dương, được Albert Sarraut (Toàn quyền từ 1914-1918) lập trở lại sau sự thí nghiệm không thành công của Paul Beau (Toàn quyền từ 1902-1908). Trong ý thức của cả hai vị toàn quyền, chỉ nhằm đào tạo những nhân viên hạ ngạch trong ngành y tế, ngành dược, sư phạm, pháp lý, canh nông, công chính. Việc giảng dạy khoa học và kỹ thuật hiện đại hoàn toàn không có. Sự thâm nhập của nền giáo dục Pháp chỉ có lợi ích cho một tầng lớp trên của xã hội Việt Nam, xã hội thị thành. Cho mãi đến 1938, trước ngày xảy ra cuộc chiến tranh 1939-1940, trong toàn cõi Đông Dương (Lào, Campuchia, Việt Nam) trên một dân số suýt 35 triệu người, cuốn "Danh bạ thống kê Đông Dương" ghi rõ: 1 trường Khải Định (Huế), trường Pétrus Ký (Sài Gòn), 6 trường cao đẳng tiểu học. Ngoài danh sách ấy, cần phải kể thêm hai trường trung học Pháp (trường Albert Sarraut – Hà Nội và trường Chasseloup Laubat – Sài Gòn); trong đó một số ít học sinh Việt Nam, con em tầng lớp đặc quyền (có quốc tịch Pháp) theo học bên canh những ban học người Pháp, để thi bằng "Tú tài chính quốc", cho phép họ cũng như các bạn Pháp của họ, sang Pháp học các trường đại học – bởi vì bằng "Tú tài bản xứ", mặc dù cũng mang cái tên lừa bịp. "Tú tài" vẫn không cho phép thí sinh tốt nghiệp được vào Đại học Pháp, kể cả

những thí sinh đâu xuất sắc nhất. Trong những điều kiên như vây, rất hiếm

hoi là những người Việt Nam có thể đạt tới trình đô cao học, ở Pháp, Ngay cả khi họ đạt được thì họ cũng mau chóng bị thất vọng, một khi đặt chân trở về quê hương, bởi vì chỉ cần đơn cử một nhân chứng: một kỹ sư tốt nghiệp trường Đại học Bách Khoa Paris (Ecole Polytechnique) thì ra trường không bằng hạng với các bạn Pháp, chỉ được hưởng một mức lương tháng không bằng 1/3 lương tháng của một tên gác cổng người Ấn Độ của trường Pétrus Ký ở Sài Gòn. Đến đây, chúng tôi xin mở ngoặc. Chúng tôi được biết có hai nhà kỹ sư trường Bách Khoa đầu tiên của Việt Nam, ở trong trường hợp này, là ông Nguyễn Ngọc Bích và ông Hoàng Xuân Hãn. Hai ông đều là bạn thân của tác giả. Và chúng ta cũng hiểu vì sao Hoàng thân Lào, Souphanouvong, đã đỗ đạt cao, ra trường Kỹ sư Cầu cống, Pháp (Ecole des Ponts et Chaussées, Paris) khi về nước, đặt dưới quyền một kỹ sư người Pháp, đậu ra một trường kỹ sư hạng dưới của Pháp, Hoàng thân Souphanouvong chọn theo kháng chiến hơn là ở giúp việc cho Pháp. Kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích cũng đã chọn con đường này khi kháng chiến vừa bùng nổ trong Nam, mà những người kháng chiến ở Nam Bộ đều biết. Chính kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích đã phá hủy những cầu cống trong Nam, làm cản trở việc tiến binh của quân đội Pháp, trong những đầu tiên tấn công của họ để chiếm miền Nam. Trước 1945, trường tiểu học không nhận quá 900.000 học sinh, trường trung học 4.000, trường Đại học Hà Nội, 1500, trong đó chỉ có 76% sinh viên là người Việt, Campuchia và Lào. Nạn mù chữ còn ngự trị trên 80% dân số.

Ngày 13/8/1945, Pháp đem quân lực trở lại xâm chiếm Việt Nam để đặt lại nền thống trị. Ngày 23/9/1945, dân miền Nam đứng dậy, trước tiên và một mình quyết tâm ngăn cản ý đồ xâm lược của Pháp. Một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc bắt đầu. Sau tám năm chiến tranh và Điện Biên Phủ thất thủ (7/5/1954), chánh phủ Pháp "giao ban" cho chánh phủ Mỹ và ngày 11/5/1954 đã ký tại Paris với Quốc vụ khanh Foster Dulles một hiệp định để tiếp tục chiến tranh tại Việt Nam. Hiệp định 11/5/1954 mà Pháp vừa ký với Mỹ đánh dấu, đối với nước Pháp, sự cáo chung của nền thống trị Pháp trên xứ thuộc địa cũ của mình. Bình luận về Hiệp định này, Cyril Schulzberger, trưởng phòng châu Âu của tờ "Thời báo New York" viết rằng: "Cuộc đấu

tranh chính trị giữa Mỹ và Pháp, ở thủ đô miền Nam Việt Nam đã mang lại những hậu quả nặng nề cho Pháp hơn là thất bại Điện Biên Phủ. Bởi vì cuộc đấu tranh này đã hoàn toàn loại trừ nước Pháp ra khỏi miền Nam Việt Nam - tức là vị trí cuối cùng của họ trên đất Đông Dương - cũng như trận Điện Biên Phủ, đối với Pháp, là sự mất đi vĩnh viễn miền Bắc Việt Nam." (E.N Dzelepy dẫn, "Sự thật về cuộc chiến tranh ở Việt Nam", trang 130). Chailley Bert, "Di cư đàn bà qua thuộc địa", Paris, 1897.

Charles Meyer, "Cuộc sống hằng ngày của người Pháp ở Đông Dương (1860-1910)", Hachette, Paris, 1985.

Constantin là hoàng đế La Mã (306-337). Một hôm nằm chiếm bao thấy Chúa Jésus với dòng chữ "In hocsigno Vinces" (Hãy chiến thắng với dấu hiệu này). Ông ta đã làm theo như vậy và đã chiến thắng. Sau đó, ông theo đạo và trở thành hoàng đế bảo vệ chúa Kitô. Thành phố Constantinople (Stanboul, hay Istanbul ngày nay trên eo biển Bosphore của xứ Turpie) có nghĩa là thành phố của Constantin.

Clovis là vua người Frans (Pháp) (481-511), cũng như Constantin, đã theo đạo và đã mở rộng bờ cõi nước Pháp từ sông Loire đến tận sông Rhine. Trích trong một bài viết đăng trên tạp chí "Thời hiện đại", 1953, trang 2274-2275, được dẫn lại trong "Truyền thống và cách mạng Việt Nam", NXB Anthropos, Paris, 1971. Jean-Raoul Clémetin, "Thái độ chính trị của các tổ chức Công giáo ở Việt Nam", trang 108-134.

Người ta thường đặt những bước đầu của Cải cách (tôn giáo) vào năm 1517, khi 95 luận điểm của Martin Luther được công bố. Vị tu sĩ dòng Augustin sinh năm 1483, khi thời kỳ Trung cổ đã nhường bước cho thời kỳ Đại Phục hưng và cho chủ nghĩa nhân đạo, với Erasme và Thomas Moore. Với sự phát hiện ra máy in và châu Mỹ, thế giới bước vào kỷ nguyên cận đại. Nhà thờ Công giáo, cùng lúc này bị xói mòn đi bởi hàng trăm thứ điếm nhục, dường như đang bị ngưng đọng và đang bị phong tỏa. Vị tu sĩ người Đức cảm thấy bị nhục mạ trước việc mua bán các việc "xá tội". Nhưng sự nổi loạn của ông còn sâu sắc hơn thế nhiều. Theo ông, sự cứu rỗi linh hồn của con người duy nhất là do có lòng tin ở chúa Jésus-Christ chứ không do những sự nghiệp, những hành vi và công trạng của các tín đồ. Chỉ tiếng ơn

thiêng liêng của Chúa cứu rỗi chúng ta. Tất nhiên những luân điểm của ông khiến La Mã nổi giận. Nhưng Luther đã lấy Thánh Kinh để chống lại quyền lực của Vatican và khẳng định tiếp rằng nguồn gốc duy nhất của hiểu biết là một mình Kinh Thánh. Trung thành với luận lý của mình, ông ta khẳng định cái giáo chức phổ cập rửa tội người lớn, mà bác bỏ cái giáo chức tế lễ của các linh mục. Đệ tử của Luther, Philippe Melanchthon cụ thể hóa cái tín điều mới này ra bằng lời, trong cuốn "Lời thú tội Augsbourg" (1530). Học thuyết Luther lan truyền mau chóng trong các quốc gia nói tiếng Đức, bằng cách căn cứ trên nguyên lý "đất nào, tôn giáo ấy" (cujus regio, ejus religio) - tôn giáo của nhà vua quy định tôn giáo của dân chúng. Cuộc Cải cách đã lan rộng khắp Trung Âu, rồi sang cả châu Mỹ. Sau đó, nó lan truyền sang Pháp cho đến tận cung đình nhà vua (sự kiện Placards). Tuy nhiên, chính là dưới một hình thức mới mà nó sắp sửa chinh phục cả một phần đất nước với học thuyết Calvin Luther là một tu sĩ Đức. Calvin là một người thế tục, trình độ uyên thâm, đào tạo tại trường Đại học Sorbonne. Là người Công giáo, ông theo phái Cải cách năm 1533. Luther tranh đấu một mình, Calvin tranh đấu có tổ chức. Nhan đề tác phẩm của ông, tác phẩm đầu tiên xuất bản bằng tiếng Pháp, là cả một chương trình: "Tổ chức của đạo Kitô". Trong khi điều quan tâm căn bản của Luther là "làm thế nào để được cứu rỗi về linh hồn" thì với Calvin vấn đề là biết được "tạ ơn Thiên Chúa bằng cách nào". Có những điểm dị biệt nữa. Như vậy ở Calvin, hệ thống tổ chức giám mục được thay thế bằng hội nghị tôn giáo, trong đó có cả người thế tục lẫn mục sư nắm quyền hành. Thường chính là những người theo thuyết Calvin mang danh nghĩa là những người Cải cách. Họ phát triển mau chóng và rộng rãi và rộng rãi khắp các nước Pháp, Thụy Sĩ, Hà Lan, Anh và Mỹ. Người ta ước lượng vào lúc xảy ra vụ "Saint Barthelemy" (1572) đã có đến sáu triệu người Pháp, tức 1/3 dân số đã theo Tân giáo (Calvinisme). Cùng thời kỳ ấy, Anh giáo cũng ra đời trong những điều kiện rất đặc biệt. Vua nước Anh, Henry VIII, năm 1520, được tặng danh hiệu "Người bảo vệ đức tin" vì đã bác bỏ những luận điểm của Luther, thì năm 1533, đã bỏ Catherine d'Aragon để kết hôn với Anne Boleyn. Giáo hoàng Clément VII khước từ, không cho vua ly hôn thì Henry VIII đã "khước từ" luôn quyền lực của

Giáo hoàng. Cuộc xung đột ấy đã mau chóng trở nên căng thẳng, Henry VII cho lên đoạn đầu đài tất cả những ai chống lại mình, trong số đó có Hồng y giáo chủ Fisher, rồi cựu thủ tướng Thomas Moore... Và dưới ảnh hưởng của Giám mục Canterbury, Thomas Crammer là người theo học thuyết Luther, nhà vua đã đi theo phía tôn giáo Cải cách. Tuy vậy, Anh giáo vẫn mang dấu ấn Gia-tô sâu sắc hơn các phong trào "chống đối" (gọi là Tin Lành). Với thời gian, những "nhà thờ gốc" của Anh giáo làm nảy sinh vô số những nhà thờ khác: giáo phái "épiscopalienne", giáo phái "méthodis"...

Theo nguyên bản cất giữ tại "Phòng Hiệp ước" của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

Văn kiện này được viết ra và ký tự tay Giám mục Adran và cất giữ, cùng một lúc với Hiệp ước 28/11/1787, tại "Phòng Hiệp ước" của Bộ Ngoại giao, Pháp.

Theo nguyên bản cất giữ tại "Phòng Hiệp ước" của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 29, trang 119-134.

Theo nguyên bản cất giữ tại "Phòng Hiệp ước" của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

Chữ "An Nam" trong bản tiếng Pháp và chữ "Đại Nam" trong bản tiếng Hán của Việt Nam.

Chúng tôi không tìm thấy dấu vết của bản thỏa ước này ở đâu cả, cả ở "Phòng Hiệp ước" và kho lưu trữ của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris cũng không. Nguồn "Vấn đề Bắc kỳ", trang 411-415.

Điều 21: Trong sách gốc bị thiếu. (BT)

Theo nguyên bản cất giữ tại "Phòng Hiệp ước" của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

"Vấn đề Bắc Kỳ": trang 416-417.

"Hồi ký và tư liệu châu Á": quyển 73, trang 343-344.

Người Pháp gọi là Cochinchine.

Dân tộc Nhựt Bổn (hiện nay gọi là Nhật Bản) hình thành do sự hội nhập của hai đợt xâm lược liên tiếp. Những người xâm lược đợt đầu, từ Mông Cổ đến, qua đường Triều Tiên, những người xâm lược đợt hai nguồn gốc từ

Việt Nam, hoặc miền Nam Trung Quốc, đổ bộ vào các bờ biển phía nam của quần đảo Nhựt Bổn, theo hải lưu Kuroshivo. Vào những thế kỷ đầu Công nguyên, các thị tộc này, thường thường đặt dưới quyền của những vị "nữ hoàng", được sách sử ký Trung Quốc, đời Tây Hán (thế kỷ I-II), gán cho đủ thứ quyền năng thần thông, đã chiếm miền Nam của hòn đảo lớn nhứt, và ở đó đã xuất hiện một chánh quyền trung ương, trên đồng bằng Yamato (về sau là tên của đất nước mới này). Thuyết này, một thời gian dài, bị phán quyết là tà giáo, vì nó nói ngược lại sang thế luận Thần đạo (Shinto) và nguồn gốc thần thánh của người Nhựt Bổn, hiện nay, được xác nhận thêm bởi những cuộc khai quật khảo cổ, theo đuổi từ khi đệ nhị thế chiến kết thúc, ở hải đảo Kyushu và Honshu. ("Voyage vers le Japon des Ainous", "Le Monde Aujourd'hui", 9-10/9/1984)

Hai thuật ngữ "monde" và "univers" chỉ thế giới về mặt địa lý và thế giới về mặt kinh tế...

Raymond Cartier, "Paris Match", số 322, ngày 28/5 – 4/6/1955.

Tác phẩm dành cho khách đến xem cuộc triển lãm về thuộc địa năm 1931. Đông Dương: tiếng Pháp là Indochine, nguyên nghĩa là Ấn Độ Trung Quốc. Indochine là từ do nhà địa lý học Conrad Malt-brun (sinh ở Đan Mạch năm 1775, là người sáng lập Hội Địa lý, năm 1821) tạo thành.

G. Clappier, "Le Tonkin d'aujourd'hui", báo "Bosphore e1gyptien", 1885. Năm Điều lộ I (679), dưới đời nhà Đường, người Trung Quốc đổi "Giao Châu Đô đốc phủ" thành "An Nam đô hộ phủ".

Vasco de Gama: sinh năm 1460 (?) tại Bồ Đào Nha và mất năm 1524 tại Ấn Độ. Ông được xem là nhà thám hiểm, nhà hàng hải thành công nhất châu Âu của Kỷ nguyên Khám phá (BT)

Công ty Ấn Độ: thành lập dưới thời Nhiếp chính do John Law, do động cơ tài chính thúc đẩy hơn là động cơ thuộc địa.

Thực ra ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ là dòng dõi Hồ và có chung một ông tổ với Hồ Quý Ly (1400-1407), người dưới thời Trần đã tiến hành một cuộc Cách mạng dân tộc. Tổ tiên các anh em Tây Sơn, Hồ Hưng Dật, gốc ở tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Hồ Hưng Dật di cư sang Việt Nam từ thời kỳ Ngũ Đế (907-960) Trung Quốc và định cư trước tiên ở vùng Nghệ An, làng

Bảo Đợt, huyện Quỳnh Lưu, rồi dời ra Thanh Hóa. Trong công cuộc "Nam tiến" do các chúa Nguyễn tổ chức hồi thế kỷ XVI, ba anh em định cư tại ấp Tây Sơn (nên gọi là anh em Tây Sơn), làng Cửu An, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Cha của họ là Hồ Phi Phúc. Theo "Việt Nam sử lược" (Trần Trọng Kim), ba anh em đã chọn họ Nguyễn là họ đẳng mẹ để cuộc khởi nghĩa của họ dễ tranh thủ được cảm tình của người miền Nam, vì miền Nam là lãnh thổ chúa Nguyễn.

Trước khi người Pháp tới, Sài Gòn (vật cống miền Tây) chỉ riêng thành phố những người khách (Trung Quốc). Những người khách này gọi nó là Tài-Ngồn hoặc Tề-Ngồn (Đề Ngạn). Hiện chính là thành phố Chợ Lớn khoảng 6 km.

Nguyễn Phước Dương và Nguyễn Phước Thuần đã bị Nguyễn Huệ giết tháng 10/1777 (Đinh Dậu) tại chùa Kim Chuông. Chùa này ở Sài Gòn, đường Cống Quỳnh (1974), trong khung trại lính O-Ma cũ (dưới thời Pháp chiếm đóng).

Theo "Quốc Sử quán triều Nguyễn" (lịch sử biên niên gia đình họ Nguyễn) ông thủy tổ gia đình họ Nguyễn là Nguyễn Bặc – người giữ một chức vị quan trọng ở triều Đinh. Nhưng chỉ từ một ông tổ xa là Nguyễn Kim (sinh năm 1468) thì lịch sử gia đình họ Nguyễn mới được ghi vào trong lịch sử Việt Nam. Từ Nguyễn Bặc đến Nguyễn Kim có 13 đời. Nguyễn Kim có 3 người con. Con trai thứ hai là Nguyễn Hoàng, sinh năm 1525. Nhờ có sự can thiệp của chị là Ngọc Bửu, vợ của Trịnh Kiểm, lúc này làm chức quản lý hoàng cung bên cạnh vua Lê Anh Tôn, mà Nguyễn Hoàng được bổ nhiệm, năm 1558, làm Tổng trấn xứ Thanh Hóa. Năm 1613, Nguyễn Hoàng chọn "Huế" (có nghĩa là hòa hợp) để đặt kinh đô. Ông mất năm 89 tuổi. Kế vị ông là con trai thứ sáu: 4 người con đầu đã chết, người thứ năm làm quan ở đất Bắc. Người kế vị sinh năm 1563. Khi có mang, mẹ ông cũng họ Nguyễn, một đêm chiêm bao thấy một người trao cho bà một tờ giấy viết dày đặc chữ PHƯỚC, có nghĩa là Hạnh phúc. Sáng thức dậy thì bà sinh con trai. Bà chọn chữ PHƯỚC đặt tên cho con, nhưng bà nghĩ rằng: "Nếu ta chọn chữ này làm tên riêng cho con ta, thì chỉ duy nhất một mình nó mang tên này trong gia đình. Nhưng nếu ta dùng chữ Phước làm tên đệm, giữa họ

và tên riêng, thì một van con cháu ta sẽ có thể cùng dùng tên ấy; như vây, sẽ có những một vạn 'hạnh phúc' cho dòng họ nhà ta." Chính là từ đó mà những người hoàng phái đều mang họ Nguyễn Phước. Các con cháu của Nguyễn Hoàng: - Nguyễn Hoàng (1558-1613); - Chúa Sãi (Sãi Vương) Nguyễn Phước Nguyên (1613-1635); - Chúa Thượng (Thượng Vương) Nguyễn Phước Lan (1635-1648); - Chúa Hiền (Hiền Vương) Nguyễn Phước Tần (1648-1687); - Chúa Nghĩa (Nghĩa Vương) Nguyễn Phước Thái (1687-1691); - Chúa Minh (Minh Vương) Nguyễn Phước Chu (1691-1725); - Chúa Ninh (Ninh Vương) Nguyễn Phước Chú (1725-1738) - Võ Vương Nguyễn Phước Khoát (1738-1765) - Định Vương Nguyễn Phước Thuần (1765-1777) - Gia Long Nguyễn Phước Ánh (1802-1820)

Gia Long, niên hiệu của Nguyễn Phước Ánh (1802-1820)

Nguyễn Hữu Luân, võ quan bậc 3, hạng nhất, cấm binh vệ úy; ông nội của Nguyễn Hữu Độ - nhạc phụ của Đồng Khánh và Thành Thái.

"Hồi ký và tài liệu Á châu": quyển 19, trang 101-103. Lưu trữ của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

Xem toàn văn bản Hiệp ước trong phần Phu luc.

Văn bản Hiệp ước và lời tuyên bố được cất giữ tại Phòng Hiệp ước của Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

Thư từ công văn tổng hợp của Nam kỳ: Quyển VII, trang 607 và tiếp theo. Lưu trữ quốc gia, tại Paris.

"Triều đình Tây Ban Nha": Tập 624. Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Paris.

Thư từ và công văn tổng hợp của Nam kỳ: tập VIII, trang 510-511.

"Hồi ký và tư liệu Á châu": Quyển 21, trang 64.

Người Việt Nam gọi Nhà thờ Sài Gòn là "Nhà thờ Nhà nước". Nhà thờ lớn này, đối với đường Catinat, cũng tương tự như Khải hoàn Môn (Arc de Triomphe), đối với đại lộ Champs Elysées, ở Paris.

Đường chính Sài Gòn, đường Catinat dưới thời Pháp thuộc, đổi tên là "Tự do" từ ngày Việt Nam độc lập, ngày nay là đường Đồng Khởi.

Năm 1954, Ngô Đình Diệm dựng lên, cũng tại chỗ này, một tượng Đức bà Maria làm tại Rome theo đơn đặt hàng đặc biệt, ngày nay vẫn còn.

Chiến tranh nha phiến tại Trung Quốc (1834-1842) William Jardines, người Scotland, mệnh danh là "chuột già đầu sắt", được triều đình nhà vua Anh ban cho cái quyền "đầu độc" cả một đất nước, với cái chất mà người Trung Quốc gọi là "bùn ngoại quốc", để làm giàu cho triều đình Anh và cho Hong Kong. Ngày 03/06/1839, Cao ủy Hoàng đế Trung Quốc là Liu Zexu ra lệnh đốt tàu giữa quảng trường công cộng, gần Quảng Đông, cả một tàu nha phiến để cảnh cáo cho những cường quốc phương Tây bán nha phiến tại Trung Quốc rằng triều đình Mãn Thanh từ đây sẽ kiên quyết buộc họ phải tôn trọng đặc biệt đạo luật buôn bán ma túy. Không cần thêm lý do nào khác, Lãnh sự Anh là Charles Elliot lập tức gửi về Luân Đôn một bản báo cáo yêu cầu chuẩn bị một cuộc can thiệp vũ trang của Anh thực sự xảy ra vào tháng 6/1840.

tấm lòng

đáy lòng

hay thầu kê, tiếng Hoa giọng Triều Châu: người chủ như chủ tiệm, chủ ô điếm

dụng cụ đan bằng tre cắm ngang dòng nước để bắt cá rù quến, thu hút

lái xe

(tiếng Pháp escharpe): khăn quàng vai hay băng choàng vai của quan chức lớn như băng chaongf của vua chúa.

bạn gái, bồ, nhân tình

to lớn

Không bao giờ

cách câu cá nóc ở nơi không có chướng ngại

người giúp việc

biết điều đúng

Nơi máng áo

Hiệu rượu Martel, rượu mạnh

nước cốt ngọt, khi uống pha nhiều nước.

Mặc kệ

Tờ chia tài sản.

phiếu, giấy nợ

(cent) giấy bạc một trăn đồng

Vừa ký vừa nói

thúng nhỏ, quảu gạo: thúng nhỏ đựng gạo, quảu may: thúng đựng dụng cụ may vá.

dụng cụ bằng tre, dùng đậy đồ ăn trên bàn.

Ly dị

(giọng Triều Châu: i-a) noa, anh ấy.

(Chettty) là tên một giòng họ lớn mà cũng là tên một hiệp hội lớn của Ấn Độ. Chà Chetty hay Chà Xã tri ở Việt Nam là những người Ấn độ nổi tiếng cho ăn lời cắt cổ

Toa rập

- 1. Mong sao nước mưa đều hóa rượu, chỉ hận kiếp này đã không còn là người nữa.
- 1. Khổng tước: Chim công.
- 2. Trong tiếng Trung có câu chửi Mẹ mày, từ "bạn chọn ngựa" có thể hiểu tương tự như Mã mày (Mạ mày).
- 3. Nguyên văn: "Tri danh bất cụ", nghĩa gốc là bạn đã biết tôi là ai rồi. Ở đây Vinh An chơi chữ.
- 4. Tên các ca sĩ, nhạc sĩ Đài Loan.
- 5. Trong tiếng Trung, hai cái tên này phát âm giống nhau.
- 1. Adrenalin: Một loại hormone do tuyến thượng thận tiết ra, có tác dụng kích thích.
- 2. Pitcher: Cầu thủ ném bóng trong môn bóng chày.
- 3. Safe: Cú ném an toàn trong bóng chày, trong đó cầu thủ đánh bóng (batter) chạy về Gôn một (Base 1) một cách an toàn.
- 1. Điển tích Bá Vương biệt Cơ: Hạng Vũ (Sở bá vương) bị quân Hán của Lưu Bang vây ở Cai Hạ, đêm đến cảm thán làm bài thơ "Cai Hạ ca" trong đó có câu "Lực bạt núi khí trùm trời", vợ ông là Ngu Cơ múa kiếm hoà nhịp ở bên cạnh rồi tự sát.
- 2. GGYY: Tiếng lóng trong ngôn ngữ Đài Loan, nghĩa là "lèm bà lèm bèm", chữ G trong tiếng Anh phát âm giống với chữ Cơ (Ji) trong tiếng

Trung. Chữ "biệt" phát âm giống chữ "đừng". Ở đây sử dụng lối đồng âm.

- 1. MIT (Massachusetts Institute of Technology): Học viện công nghệ Massachusetts, là học viện khoa học của Mỹ nổi tiếng trên toàn thế giới.
- 2. Vô dục tắc cương: Câu nói trong Kinh Phật, tức là khi không có dục vọng, ham muốn gì thì con người tất sẽ cương nghị, chính trực, không có gì để sợ.
- 3. Nguyên văn "削凯子" "tước khải tử": tiếng lóng trong ngôn ngữ Đài Loan, chỉ người con trai luôn bị người con gái bắt phải chi trả mọi chi phí trong mối quan hệ yêu đương.
- 4. Tiếng Anh trong nguyên bản, nghĩa là thêm một lần nữa.
- 1. Saint Seiya (Áo giáp vàng): Tên một bộ truyện tranh của Nhật Bản về các chiến binh Thánh đấu sĩ.
- 1. San nhiên lệ hạ: Nước mắt như mưa, từ San nhiên (san ran) và từ San Lam (san lan) phát âm hơi giống nhau.
- 2. Từ "vỏ bánh sủi cảo" trong tiếng Trung là 包皮, còn có nghĩa là "bao quy đầu".
- 1. Chô-mô-lung-ma: Tên gọi khác của đỉnh Everest, trong tiếng Nepal có nghĩa là "mẹ của tuyết".
- 2. Phiên âm tiếng Trung của từ Martini là Mã Đinh Ni.
- 1. Chữ Nhất (一) và chữ Đại (大) trong tiếng Trung kết hợp với nhau thành chữ Thiên (天).
- 2. Thiên tác chi hợp: Ông trời tác thành duyên trời ban.
- 3. Hàn Tín: Người nước Sở, khi còn trẻ ở ngoài chợ bị lão hàng thịt làm nhục, bắt chui qua háng, mọi người đều cho ông là người hèn hạ. Sau ông bỏ Sở theo Hán, được Lưu Bang trọng dụng, trở thành danh tướng.
- 4. Ngũ Tử Tư: Tên thật là Ngũ Viên, vốn là người nước Sở. Sở Vương lúc bấy giờ nghe lời xiểm nịnh của gian thần, lập mưu bắt ba cha con trung thần là Ngũ Xa, Ngũ Thương và Ngũ Viên. Ngũ Xa và con trai cả Ngũ Thương vị giết chết, Ngũ Viên trốn thoát bèn chạy trốn sang nước Ngô, giúp công tử Quảng lên ngôi Ngô Vương. Chín năm sau Ngũ Viên cùng quân Ngô quay lại chinh phạt nước Sở, quật mộ Sở Vương để trả thù.

- 5. Trương Nghi: Thuyết khách nổi tiếng thời Đông Chu, ông là người nước Ngụy và có bạn đồng môn là Tô Tần. Tô Tần trong lúc đề xướng thuyết hợp tung thì lo lắng nước Tần sẽ đánh Triệu khiến thuyết của ông ta không thành công. Ông ta liền mời Trương Nghi sang Triệu, đồng thời cho Trương Nghi ăn uống đạm bạc và mắng nhiếc Trương Nghi như người dưới.
- Trương Nghi tức giận bỏ sang Tần, Tô Tần lúc này đồng thời cử người theo giúp đỡ Trương Nghi. Đến lúc Trương Nghi được vua Tần tín nhiệm rồi thì người giúp đỡ mới nói hết sự thật. Trương Nghị than rằng "Than ôi? Thế là ta mắc mưu Tô Quân mà không biết, rõ ràng ta không bằng Tô Quân.", sau đó ông cố ý khiến nước Tần đánh Hàn, Sở thay vì nước Triệu.
- 6. Tiết Bình Quý Vương Bảo Xuyến: Vương Bảo Xuyến là tiểu thư nhà giàu có, ném tú cầu kén chồng trúng vào người cùng đinh là Tiết Bình Quý. Nàng bất chấp sự ngăn cản của cha, gả cho Bình Quý nên bị đuổi khỏi nhà, hai vợ chồng vào hang sinh sống. Tiết Bình Quý đi lính bị người của cha Bảo Xuyến hãm hại, đuổi sang quân Tây Lương, nhờ cơ duyên nên được công chúa Tây Lương lấy làm phò mã, giữ lại Tây Lương mười tám năm. Mười tám năm sau Tiết Bình Quý về lại được Trung Nguyên, gặp lại Vương Bảo Xuyến vẫn sống trong hang lạnh chờ chồng.
- 7. Tứ đại phát minh của Trung Hoa cổ: La bàn, thuốc súng, nghề làm giấy và nghề in.
- (1). Theo tài liệu của Thanh Thiên sưu tầm được ở vùng Tây Bắc nước ta.
- 2. Một loại cây miền núi cao như cây trầu, có quả dầu, ăn được.
- 3. Khau Luông (núi To) nay ở x. Đức Long, huyện Hoà An, Cao Bằng.
- (4). Thuộc xã Bế Triều, huyện Hoà An, Cao Bằng.
- (5). Xương cốt người vượn còn tìm thấy ở các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, Kéo Lèng, huyện Gia Bình, tỉnh Lạng Sơn.
- (1). Nay là xã Hiền Lương, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ. Ở đó có đền thờ Âu Cơ.
- (2). Nay là xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, Phú Thọ.
- (3). Nay là Núi Sứt, đứng giữa ba huyện Thanh Ba, Đoan Hùng và Phù Ninh (Phú Thọ).
- (4). Nay là núi Thắm, huyện Thanh Ba, Phú Thọ.

- (5). Nay là Ao Châu, huyện Hạ Hoà, Phú Thọ.
- (6). Nay là xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thuỷ, Phú Thọ.
- (7). Phượng Hoàng là một loài chim, con đực gọi là phượng, con cái gọi là hoàng.
- (8). Nay là núi Nghĩa, trên có đền Hùng và mộ tổ.
- (9). Đó là quả đồi đất đỏ thuộc xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, Phú Thọ. Bị nước xói mòn, khi mưa to, nhìn xa, dòng chảy đỏ tựa máu.
- (10). TCN: Trước Công nguyên.
- (11). Chín núi và chín chúa Mường đó ở quanh vùng Cao Bằng, Bắc Thái ngày nay.
- (12). Nay trên đường Bắc Cạn Cao Bằng có sườn núi cao, dốc gọi là dốc Tổng Lắn tức là dốc Trống Lăn
- (13). Nay gọi là Tổng Quảng thuộc xã Hưng Đạo, huyện Hoà An, Cao Bằng. Giữa Phiêng Pha và Tổng Chúp cách nhau khoảng 20km. "Nà" tiếng Tày, nghĩa là ruộng.
- (14). Tổng Chúp có nghĩa là cánh đồng nón.
- (15). Chạ là chữ cổ chỉ làng. Chạ Chủ là tên cổ của làng Cổ Loa bây giờ.
- (16). Sông Hồng.
- (17). Khớp với các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu ở miền Nam Trung Quốc ngày nay.
- (18). Ý nói quanh năm đi đánh giặc.
- (19). Theo Việt Điện U Linh, Lĩnh Nam Chích Quái và Truyền thuyết vùng Chèm.
- (20). Theo bản sự tích của ông Nồi còn giữ được ở thôn Vĩnh Thanh và truyền thuyết địa phương.
- (1). Nhân viên.
- (2). Lệ nhà Hán, cuối năm, thái thú không về triều đình tâu bày công việc năm qua ở quận mình cai trị, thì chỉ cử một nhân viên đem sớ (báo cáo) của mình về dâng vua. Nhân viên đó gọi là kế lại (viên lại đại diện thái thú).
- (3). Sau Công nguyên.
- (4). Lý Bí làm chức Giám quân (trông coi quân sĩ) ở quận Cửu Đức (Hà Tĩnh).

- (5). Vạn Xuân: Vạn mùa xuân, có nghĩa mong muốn đất nước bền vững lâu dài.
- (6). Sống lâu hàng vạn năm, cũng có ý nghĩa muốn vững chắc bền lâu.
- (7). Một trong ba chức quan đứng đầu triều đình bấy giờ.
- (8). Nay là chùa Trấn Quốc bên bờ Hồ Tây (Hà Nội).
- (9). Một chức quan trong triều Vạn Xuân.
- (10). Nay là bãi ngô, cạnh đền thờ Phùng Hưng.
- (11). Nay gọi là "vũng Hùm", phía trước đền thờ Ngô Quyền ở thôn Cam Lâm, xã Đường Lâm.
- (12). Tương truyền hàng duối xế bên phải đền Ngô Quyền ở thôn Cam Lâm là nơi Phùng Hưng buộc đoàn ngựa chiến.
- (1). Muôn tuổi, muôn năm.
- (1). Chăn.
- (2). Đến nay, Lệ Mật vẫn nổi tiếng là làng giỏi bắt rắn và có truyền thống về đông y dược.
- (3). Bốn công trình nghệ thuật lớn bằng kim khí: tượng Di Lặc (Quỳnh Lâm, Đông Triều) bằng đồng cao 6 trượng do thiền sư Không Lộ dựng; tháp Báo Thiên: chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh (Nam Định). Tháp Báo Thiên cao quá, tầng đỉnh lại bằng đồng nên hay bị sét đánh. Năm 1426, giặc Minh bị vây khốn trong thành Đông Quan đã phá tháp lấy đồng đúc khí giới chống cự lại nghĩa quân Lam Sơn.
- (4). Chùa Một Cột nằm trong khu chùa Diên Hựu. Tên Chùa Một Cột sau này mới gọi.
- (5). Tức múa chạy đàn.
- (6). Ngôi vườn ở phía tây cấm thành Thăng Long đời Lý.
- (7). Ý nói: theo dấu vết lề lối xây dựng chùa đời Lý Thánh Tông, có thêm ý mới của Lý Nhân Tông mà chữa lại chùa đẹp hơn trước.
- (8). "Chiểu" là ao hình vuông.
- (9). Toà điện lợp ngói sứ tráng men xanh, khảo cổ học đã phát hiện được loại ngói này ở gần chùa.
- (10). Tức là tượng đức Quan Thế Âm Bồ Tát.
- (11). Ao hình tròn

- 12. Ngói lưu li là ngói sứ.
- (13). Lý Thái Tổ trước khi lên ngôi vua là tướng Điện tiền chỉ huy sứ.
- (1). Liêu là một nước ở vùng Tây Bắc, Trung Quốc. Bấy giờ là nước mạnh uy hiếp Tống.
- (2). Ý nói nước Liêu.
- (3). Chỉ nước ta.
- (4). Hai danh tướng nhà Hán nhiều lần đi đánh Hung Nô.
- (5). Một thứ pháo thăng thiên.
- (6). Lệnh vua về việc đánh Giao Chỉ.
- (7). Thứ cung bắn một phát được nhiều tên.
- (8). Chỉ Thăng Long.
- (9). Khoảng 16-17 km
- (10). Đều giỏi.
- (11). Người cùng làm quan.
- (12). Những chức quan rất to trong triều.
- (13). Giường của vua có chạm rồng.
- (14). Chỉ vua đã mất.
- (1). Làm giả lệnh vua.
- (2). Chức tôn kính, xem như bậc cha của vua, của nước.
- (3). Một vị chức trong làng.
- (4). Khúc sông Cà Lồ trên đường quốc lộ số 2 ngày nay.
- (5). Khúc sông Hồng chảy qua xã Mạn Trù, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
- (6). Nến làm bằng sáp ong trắng.
- (7). Chỉ vua Trần.
- (8). Nghĩa là "chạy vào đất Tống", ý nói nên hàng Tống, dựa Tống chống Mông.
- (9). Nay là xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- (10). Người có công giúp vua mở nước, dựng nên cơ nghiệp một triều đại mới.
- (11). Thuộc vùng Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- (12). Tức Ngột Lương Hợp Thai hoặc Cốt Đãi Ngột Lang trong bài Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn.
- (13). Chỉ vua Trần Thái Tông.
- (14). Thuộc Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.
- (15). Họp triều đình.
- (16). Khoảng chùa Quán Sứ bây giờ.
- (17). Xưa có nhánh chảy vòng đến phường Kim Cổ ở phố Đường Thành bây giờ.
- (18). Bấy giờ, Thánh Tông đã lên ngôi nhưng mọi việc ngoại giao với Mông Cổ như tiếp sứ, nhận thư và trả lời đều do Thượng hoàng Thái Tông làm cả.
- (19). Thái Tông vin vào chiếu thư của Hốt Tất Liệt năm 1261. Bấy giờ vì Hốt Tất Liệt phải dồn sức vào cuộc nội chiến với em là A Ríc Bu Kê (A Lý Bất Kha) để tranh ngôi, nên tạm nhân nhượng với nước Đại Việt.
- (20). Hồi Hột nay gọi là người Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương. Âm mưu của Hốt Tất Liệt là muốn qua những lái buôn Hồi Hột buôn bán ở Đại Việt, để dò xét tình hình nước ta. Cho nên, vua Trần mới cấm dân ta giao dịch với họ và nói thác vậy, để phá âm mưu gián điệp đó của địch.
- (21). Tê giác và voi.
- (22). Trân làm quan Triều liệt đại phu.
- (23). Chỉ Hốt Tất Liệt.
- (24). Còn gọi là Sài Xuân.
- (25). Năm 1279, Hốt Tất Liệt đ. thôn tính xong Nam Tống, hoàn thành việc xâm lược Trung Quốc nên càng lấn tới. Biết vua Trần bấy lâu nay vẫn đối phó, không chịu thật l.ng quy phục, lần này Hốt Tất Liệt gửi chiếu thư ngang ngược yêu sách để kiếm cở động binh.
- (26). Sài Thung nói vậy thắt buộc. Thực ra, vua Tống bị quân Nguyên Mông bắt về Đại Đô (Bắc Kinh) chứ không phải tự đến.
- (27). Ý nói nhân dân cả nước Đại Việt phản đối, không để vua đi.
- (28). Sản vật riêng có ở nước ta.
- (28). Cửa lớn ở kinh thành, chỉ nơi vua ở.
- (30). Nói chuyện về đạo.

- (31). Sông Lục Đầu, Chí Linh, Hải Dương.
- (32). Thuyền lớn có tầng cao.
- (33). Tước hiệu của Trần Quốc Toản.
- (34). Chưa đến tuổi thành niên (18 tuổi).
- (35). Chỉ Trần Thái Tông.
- (36). Phá giặc mạnh, báo ơn vua.
- (37). Bảo vệ vua.
- (38). Ở đoạn sông Hồng nối với sông Luộc.
- (39) Thuộc huyện Khoái Châu, Hưng Yên.
- (40). Gần bãi Thiên Mộc, huyện Khoái Châu, Hưng Yên
- (41). Thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội.
- (42). Dùng để gọi vua cha đời Trần.
- (43). Xin mời các cụ vào điện.
- (44). Ý nói đến cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ nhất (1258).
- (45). Đó là sáu yêu sách của nhà Nguyên đòi: vua ta phải thân sang chầu; cho con em sang Nguyên làm con tin; nộp bản thống kê dân số; chịu nhận binh dịch; nộp phú thuế và để nhà Nguyên đặt quan giám sát cai quản, gọi là Đạt Lỗ Hoa Xích.
- (46). Giết giặc Mông Cổ xâm lược.
- (47). Vì nghĩa quên thân, báo đền ơn nước.
- (48). Chỉ quân Đại Việt
- (49). Chỉ quân Nguyên Mông.
- (50). Chỉ quân Nguyên Mông.
- (51). Chỉ quân dân Đại Việt.
- (52). Chỉ quân Nguyên Mông.
- (53). Chỉ quân kị binh nổi tiếng của Nguyên Mông.
- (53). Chỉ Trần Quốc Tuấn.
- (53). Nay thuộc huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh và huyện Đông Anh, Hà Nội.
- (56). Ý nói: Trong số những quan lại bình thường không ngờ lại có người tài, đáng quý.
- (57). Trung với vua, với nước; căm phẫn bọn xâm lược.
- (58). Người có chức quyền, gần vua.

- (59). Ý nói: Sao không sợ hãi xin đến gặp bàn.
- (60). Ăn cướp, phi nghĩa.
- (61). Tức chiếu Hốt Tất Liệt gửi năm 1261.
- (62). Chỉ Trấn Nam vương Thoát Hoan
- (63). Nhân kế của địch mà thi hành kế của mình.
- (65). Kẻ trộm.
- (66). Vua hiền.
- (66). Tinh Nam Định.
- (67). Hay còn gọi là bãi Đà Mạc bên sông Hồng ở Khoái Châu, Hưng Yên ngày nay.
- (68). Vùng biên giới thuộc huyện Văn Uyên và Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.
- (69). Người hầu hạ trong nhà.
- (70). Thuộc huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ngày nay.
- (71). Thuộc huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày nay
- (72). Thật ra, biết bị chặn đầu, Trần Nhật Duật đã bỏ thuyền lên bộ, vòng về Bạch Hạc (Việt Trì), rồi vượt qua vùng các dân tộc thiểu số mà rút về chỗ vua Trần đóng quân.
- (73). Chỉ nhân dân ta.
- (74). Vùng phố Hàng Buồm, phố Chợ Gạo hiện nay ở Hà Nội.
- (75). Chỉ quân Đại Việt thời Trần.
- (76). Đồ dùng cần thiết cho việc quân.
- (77). Cửa Hàm Tử thuộc xã Hàm Tử bên sông Hồng, nay thuộc huyện Khoái Châu, Hưng Yên.
- (78). Nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội.
- (79). Mất không giữ được.
- (80). Phàn tiếp đã từng theo Ngột Lương Hợp Thai xâm lược và bị đánh bại trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất năm 1258; còn Ô Mã Nhi thì hút chết trong cuộc kháng chiến lần thứ hai của ta.
- (81). Lý Hằng, Lý Quán bị ta bắn chết năm 1285.
- (82). Nay thuộc Hải Dương.
- (83). Cửa sông Đuống.

- 84. Móng Cái
- (85). Cửa Lục, Hồng Gai, Quảng Ninh.
- (86). Vân Hải, nay thuộc huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- (87). Mũi Ngọc, Móng Cái.
- (88). Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
- (89). Độ vài ki-lô-mét.
- (90). Trong "Bài phú sông Bạch Đằng" của Trương Hán Siêu.
- (91). Khoảng 16-17 mét.
- (92). Ngô Quyền và Lê Hoàn
- (93). Thuyền chỉ huy.
- (94). Phú Sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu.
- (95). Đã nói ở bài Giải phóng Thăng Long. Trong trận, Đại Mang Đô, Ô Mã Nhi và Trương Hiến kịp vớ được chiếc thuyền nhẹ, nhanh chân chuồn ra biển, thoát chết.
- (96). Không biết gì.
- (97). Trần Quốc Tuấn là tác giả của bài Hịch tướng sĩ nổi tiếng và các tác phẩm Binh thư yếu lược, Vạn kiếp tông bí truyền thư...
- (98). Làm vương ở đất An Sinh, nay thuộc Đông Triều, Quảng Ninh.
- (99). Ý nói cướp ngôi vua.
- (100). Cảng Cửa Ông ở Quảng Ninh hiện còn đền Ông. "Ông" chính là Trần Quốc Tảng.
- (101). Theo xe vua để bảo vệ.
- (102). Một nhánh sông Thái Bình giáp giới Kiến An, Thái Bình.
- (103). Hầu là tước cao thứ hai trong chức tước phong kiến, sau tước vương công.
- (104). Chỉ nước ta thời nhà Đinh, nhà Lê.
- (105). Chỉ nước Tống.
- (106). Xem bài: Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.
- (107). Ý nói: Tướng tài, nổi danh được cũng là nhờ ở những người thân tín một lòng giúp sức. Nếu không, cũng đành chịu, không làm nên việc lớn.
- (108). Thi đấu.
- (109). Quân tướng gắn bó với nhau như cha con một nhà.

- (110). Gia Cát Lượng Khổng Minh.
- (1). Ông ngoại Nguyễn Trãi.
- (2). Cửa vua.
- (3). Người đi ẩn làm nghề hái củi.
- (4). Chỉ Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương.
- (5). Các vua phong kiến Trung Quốc xưa thường tự coi mình là vua trời, đứng đầu các vua trong thiên hạ.
- (6). Coi việc dân chính và tài chính.
- (7). Tiếng gọi tôn kính, chỉ Bùi Bá Kỳ.
- (8). Thượng sách: Kế hay nhất; trung sách: kế bình thường; hạ sách: kế kém nhất.
- (9). Ý nói: Sẵn sàng theo qiúp Bá Kỳ đấu tranh với nhà Minh lập lại vua Trần.
- (10). Hà Nội ngày nay.
- (11). Chế ngự.
- (12). Chúa sáng.
- (13). Phép tắc quy định của triều Trần.
- (14). Ý nói: Vua làm thơ ca ngợi chuyến đi khó khăn nguy hiểm của Nguyễn Biểu. Nhưng tin Nguyễn Biểu vốn là người có chí khí, trung nghĩa, nên mong Nguyễn Biểu sẽ làm tròn sứ mệnh để lưu danh muôn thuở.
- (15). Ý đáp: Lĩnh lời vua ban, Nguyễn Biểu quyết giữ vững lòng trung nghĩa. Chỉ sợ không đủ tài thuyết phục giặc, chứ Biểu không ngại gian truân, nguy hiểm.
- (16). Người của nước kẻ thù.
- (17). Ý nói: Biểu đã được nếm đủ thức ăn ngon vật lạ, nhưng còn thua xa món cỗ đầu người này. Dám ăn thứ cỗ khác thường ấy, Biểu có thua gì Phàn Khoái, một danh tướng của Hán Cao Tổ.
- (18). Thanh Hoá ngày nay.
- (19). Khách thân trong nhà.
- (20). Đơn vị đo lường cổ, bằng 4 mét.
- (21). Thời cơ.
- (22). Chỉ Lê Lợi.

- (23). Tướng của nhà Hán (Trung Quốc) nhận giả làm Hán Cao Tổ cho đối phương bắt để giải vây.
- (24). Đơn vị dưới cấp huyện (ở miền núi).
- (25). Ăn nói xúc phạm đến người trên.
- (26). Ba thứ thịt trâu (hoặc bò), lợn, dê.
- (27). Quan bị tội cách chức nhưng vẫn cho đánh trận lập công chuộc tội.
- (28). Ngọc Sơn, Chương Mỹ (Hà Nội).
- (29). Thuộc Thanh Oai, Hà Nội.
- (30). Thuộc Thanh Oai, Hà Nội.
- (31). Đô đốc Thái Phúc trấn thủ thành Nghệ An theo lời thuyết phục của Nguyễn Trãi đã cùng các tướng giữ thành đem quân ra hàng.
- (32). Chỉ viện binh giặc.
- (33). Ngụy quan.
- (34). Chi viện binh giặc.
- (35). Trước đó do tình thế hiểm nghèo, Vương Thông đã bắt buộc phải nhận lui quân.
- (36). Phương Chính, Mã Kỳ.
- (37). Đánh vào lòng người.
- (38). Để dễ giảng hoà với nhà Minh, Lê Lợi lập Trần Cảo, một người tự xưng là con cháu nhà Trần lên làm vua và xin vua Minh phong vương cho Cảo.
- (39). Tên nước ta do phong kiến phương Bắc đặt.
- (39). Dep giặc Ngô.
- (40). Vườn không nhà trống.
- (42). Chức quan kiểm sát tối cao.
- (43). Quan trong triều đình.
- (44). Phương kế đánh dẹp giặc Ngô.
- (45). Chỉ việc Giản Định đế Trần Quỹ giết danh tướng Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân.
- (46). Chức quan đầu triều.
- (47). Một chức quan văn cao cấp.
- (48). Đòi tiền đút lót mới giải quyết công việc.

- (49). Chức quan của Nguyễn Trãi.
- (50). Ao công.
- (51). Chùa.
- (52). Lo.
- (53). Ý nói đêm nào cũng thức đến sáng.
- (54). Di chúc.
- (55). Bắc đạo bấy giờ gồm Bắc Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên.
- (56). Sau lên ngôi vua, tức Lê Thánh Tông (1460 1497).
- (57). Bấy giờ, nước ta chia thành năm đạo (khu vực hành chính).
- (58). Mắc bệnh nặng chết.
- (59). Nơi triều đình xử án.
- (1). Nhện mệnh lệnh Lê Thái Tổ phù giúp Lê Thái Tông.
- (2). Cơ quan coi việc xét xử.
- (3). Hai ông vua nổi tiếng hiền đức của Trung Quốc cổ xưa.
- (4). Vợ thứ của Lê Thái Tổ, dì của Thái Tông.
- (5). Đất được dùng lâu dài, cha truyền con nối.
- (6). Lương Thế Vinh rất thông thạo về hát tuồng hát chèo, đã viết sách Hý phường phả tục khảo cứu về nghệ thuật ấy. Thánh Tông cũng đã sai ông cùng với Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận chế định ra các lễ nhạc của triều đình.
- (7). Lê Hiến Tông (1497 1504).
- (8). Lê Túc Tông (6 1505).
- (9). Người thân thích bên ngoại.
- (10). Nhà thờ họ.
- (11). Cơ người làng Vạn Cốc, phủ Tam Đái trước cũng chống lại chúa Trịnh, sau về hàng được làm quan to.
- (12). Ý nói: Mặc cho chúng tay khua môi múa mép, nói nọ nói kia, ta chờ cơ hội thuận tiện sẽ phá tung dây xích đang trói buộc ta mà tung cánh bay vút tận tầng cao vũ trụ, làm bạn với mặt trời.
- (13). Hải Thượng y tôn tâm lĩnh hay Lãn Ông tâm lĩnh: Bộ sách thuốc nổi tiếng của Lê Hữu Trác gồm 66 quyển, viết trong 30 năm.
- (14). Nay là xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên.

- (15). Sáu cơ quan do chúa Trịnh đặt ra để nắm hết quyền của sáu bộ bên vua Lê.
- (16). Bốn trấn ở bốn phía bao quanh Thăng Long; Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc.
- (17). Gồm các trấn: An Quảng, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hưng Hoá, Thái Nguyêm, Tuyên Quang.
- (18). Đỗ đạt do nộp ba quan tiền.
- (19). Được làm tri phủ do nộp tiền sung vào công quỹ.
- (20). Con trai của chúa sẽ nối ngôi.
- (21). Viên phó quan giúp việc quan đầu trấn (tỉnh).
- (22). Cơm vua.
- (23). Viên quan có thể lực nhất của chúa Trịnh Sâm.
- (24). Cho 20 người để hầu hạ khi đi đường.
- (25). Chức quan to đời hậu Lê.
- (26). Con trai Quận Huy.
- (27). Kiêng tiếng "thuốc" nên gọi chệch là "chè".
- (28). Lí lẽ về nghề thuốc.
- (29). Theo lệnh chúa.
- (30). Ân thưởng của vua chúa.
- (31). Quyền thế vua chúa đe doạ.
- (32). Thầy thuốc có lương tâm.
- (33). Một loài như cá quả, cá chuối ngoài Bắc.
- (34). Thuộc phủ Quy Nhơn bấy giờ, nay thuộc Bình Định.
- (35). Bắt Nguyễn Phúc Luân tống ngục, lập Nguyễn Phúc Thuần làm chúa.
- (36). Chỉ dân chúng.
- (37). Mỗi thước (đơn vị đo lường cũ) bằng 0,40m.
- (38). Nhân kế của địch mà làm kế của ta.
- (39). Bấy giờ, ở Xiêm La (Thái Lan) ngoài Chánh Vương (Vua Nhất) còn gọi là Phật Vương, có Xô Xi là Nhị vương (Vua Nhì) và Ma Lặc là Tam Vương (Vua Ba).
- (40). Năm 1781, vua Xiêm đem quân xâm lược Cao Miên (Căm Pu Chia). Vua Cao Miên cầu cứu. Ánh sai Thoại Ngọc Hầu đem quân sang. Sau,

Xiêm có nội biến bèn giảng hoà với nhau, cùng rút quân về.

- (41). Nay thuộc tỉnh Kiên Giang.
- (42). Nay thuộc tỉnh Tiền Giang.
- (43). Nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh.
- (44). Chỉ bọn Pháp đánh thuê giúp Nguyễn Ánh.
- (45). Lấy quân nghỉ ngơi sung sức đánh quân đi xa mệt nhọc.
- (46). Giáp giới Thanh Hoá và Ninh Bình ngày nay.
- (47). Huế.
- (48). Lễ thề quyết tâm đánh giặc.
- (49). Nay là thị xã Thanh Hoá.
- (50). Ý nói bảo toàn được nền độc lập và truyền thống văn hoá của dân tộc.
- (51). Còn gọi là "trấn", như đơn vị cấp tỉnh ngày nay.
- (52). Hà Nam ngày nay.
- 53. Thuộc Hà Nội ngày nay
- 54. Thuộc Hà Nội ngày nay.
- 55. Thuộc Hà Nội ngày nay.
- 56. Thuộc Hà Nội ngày nay.
- (57). Bắc Giang ngày nay.
- (58). Tối ba mươi Tết.
- (59). Nơi vua ở, ngoài hoàng cung.
- (60). Các cụ làng Đại Áng sau được vua Quang Trung cho làm lễ thượng thọ và miễn trừ mọi đóng góp từ năm mươi nhăm tuổi.
- (61). Điều.
- (62). Chúa Trịnh Tông.
- (63). Nền văn hoá dân tộc.
- (64). Khoảng 1,2 mét.
- (65). Một tấc khoảng 20 cen-ti-mét.
- (66). Nay thuộc Hà Nội.
- (67). Nguyễn Văn Siêu cũng lừng danh về văn học nhưng hơn Quát mười tuổi.
- (68). Bậc thứ sáu trong hệ thống chín bậc chức tước của phong kiến.
- (69). Ý nói đã từng học hành đỗ đạt.

- (70). Chỉ Lê Lợi.
- (71). Nay thuộc Hà Nội.
- (72). Thuộc Vĩnh Phúc.
- (73). Người cầm đầu một tổng, đơn vị hành chính dưới cấp huyện, trên cấp xã.
- (74). Tục gọi là tổng Vàng.

(75). Xưa quan vẫn tự xưng là cha mẹ của dân.

Phấn phát: Hăng hái mà xuất phát. (BT)

Tức Lào Cai ngày nay. (BT)

Vinh diệu: Rực rỡ, vẻ vang. (BT)

Vấn tâm: Tự hỏi lòng mình. (BT)

Định kiến: Cái ý nghĩ đã có sẵn từ trước. (BT)

Thanh giá: Danh giá, sự thể lớn. (BT)

Kẻ sĩ thà chịu chết chứ không bao giờ chịu nhục. (BT)

Nguyên huân: Người có công trạng lớn. (BT)

Bợn: Làm xấu, làm ô uế, làm lụy đến. (BT)

Tạm dịch: Giàu sang không dâm, nghèo hèn không đổi, quyền uy không thể khuất phục. (BT)

Ở phần đầu cuốn sách ghi là làng Phượng Dực, tổng Phượng Dực. Tuy nhiên trong nội dung của bài điếu văn, khi thì ghi là xã Phượng Vũ, khi lại ghi là làng Phượng Vũ... Nếu xét theo đơn vị hành chính ngày nay thì Nguyễn Văn Vĩnh sinh tại làng Phượng Vũ, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. (BT)

Phan Chu Trinh.

Ngô Đức Kế.

Bão phụ: Ấp ủ tài năng rắp đem thi thố với đời. (BT)

Chặt chịa: nghĩa như chặt chẽ. (BT)

Phiên âm tiếng Pháp Police: Cảnh sát. (BT)

Phiên âm tiếng Pháp Coolie: Phu khuân vác. (BT)

Lý Nhỡ là một trong các bút hiệu của cụ Nguyễn Văn Vĩnh. (BT)

Tân Nam Tử: một trong các bút hiệu của cụ Nguyễn Văn Vĩnh. (BT)

Chế báng: Chế nhạo, nhạo báng, chê bai. (BT)

Tức trường, trường học. (BT)

Gián hoặc: Có lẽ chẳng, họa chẳng. (BT)

Giăng hoa như trăng hoa: Tình yêu hời hợt của những kẻ lắng lơ. (BT)

Con yểng: Loài chim lông đen mướt, hai tai có vết vàng, mỏ đỏ, bắt chước tiếng người được. (BT)

Phiên âm: Vật hữu bản mạt, sự hữu chung thủy, tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ. Câu này trích trong sách Đại học, một trong Tứ thư (Đại học, Luận ngữ, Mạnh Tử, Trung dung) của Nho giáo.

Bị mất một số đoạn.

Bị mất một số đoạn.

Bị mất mấy chữ.

Chữ ký tắt của cụ Nguyễn Văn Vĩnh. (BT)

Quốc ngữ tân thức. (BT)

Đáng lẽ phải là d hay gi thì đúng hơn. (BT)

Tiếng An Nam vào chương trình trung học Đại Pháp. La langue Annamite au programme du Baccalauréat en Francais, nhân đó có bài tiếng An Nam của Nguyễn Văn Vĩnh.

Châu Áo tức châu Úc. (BT)

- (1) bảng Anh bằng 100 pence
- (2) Blink(Trong chớp mắt) đã được Alpha Books chọn dịch và xuất bản.
- (14) Tinh thần lành mạnh trong thân thể tráng kiện.
- (15) Martin Lukes: nhân vật hài nổi tiếng trong phim Who Move My Blackberry. Ricky Gervais: diễn viên hài nổi tiếng.
- (16) Jame Dayson: nhà thiết kế, kỹ sư người Anh, người phát minh ra máy hút bụi. Warrent Buffett: tỷ phú, nhà đầu tư lớn nhất mọi thời đại. Steve Jobs: Giám đốc điều hành của Apple. Steven Spielberg: đạo diễn nổi tiếng, ông chủ hãng phim DreamWorks và Paramount. Tiger Wood: tay golf số một thế giới.
- (3) John Maynard Keynes (1883-1946): Nhà kinh tế học người Anh, là người khai sinh ra kinh tế học vĩ mô hiện đại.
- (4) Giáo sư, tác giả chuyên về lĩnh vực tư duy, đặc biệt là phương pháp tư duy định hướng.

- (5) Những quy tắc trong công việc, sách đã được Alpha Books chọn dịch và xuất bản.
- (6) Arturo Toscanini (1867 1957): Nhạc trưởng người Ý nổi tiếng thế giới.
- (7) Thứ Hai, ngày 19 tháng 10 năm 1987 đã đi vào lịch sử nước Mỹ, ngày hoang mang cực độ của ngành tài chính Mỹ. Chỉ số công nghiệp Dow Jones giảm 22,6% mức giảm kỷ lục trong lịch sử thị trường tài chính. Hậu quả của nó không chỉ trong phạm vi nước Mỹ (phá vỡ thị trường tài chính và gây khủng hoảng cho ngành bảo hiểm và tiết kiệm cho vay ở Mỹ) mà còn lan rộng ra phạm vi toàn cầu.
- (8) 1 dặm $\approx 1.61 \text{km} \ 10$
- (9) Get Carter: bộ phim lấy bối cảnh ở vùng Đông Bắc nước Anh (ND)
- (10) Là loại thuốc chống nếp nhăn có nguồn gốc từ ngoại độc tố do vi khuẩn yếm khí clostridium botulium sinh ra.
- (11) Là những loại sản phẩm thông dụng và rẻ ở Mỹ.
- (12) Ca sĩ, nhà tổ chức của sự kiện âm nhạc lớn nhất năm 2005 Live 8, ông được trao Giải thưởng hòa bình vì nỗ lực chống đói nghèo.
- (13) Tên một môn thể thao.
- 1. Trong tiếng Trung, vương bát nghĩa là con rùa, con ba ba, hay tên khốn kiếp, hàm ý miệt thị.
- 2. Trương điếc.
- 1\. Bốn câu đầu trong bài 'Kinh loạn ly hậu thiên ân lưu Dạ Lang ức cựu du thư hoài tặng Giang Hạ Vi thái thủ Lương Tể' (Sau cơn ly loạn được ơn trời cho lưu lạc đến đất Dạ Lang nhớ bạn cũ gửi tặng thái thú Giang Hạ Vi Lương Tể) của Lý Bạch.
- 1\. Bài thơ 'Ký Vương Ốc Sơn Mạnh Đại Dung' (Gửi Mạnh Đại Dung ở núi Vương Ốc) của Lý Bạch.
- 2\. Tư Mã Quang (1019-1086) tự Quân Thực, hiệu Vu Tẩu, sử gia đời Tống, đã từng làm đến chức thừa tướng. Có giai thoại kể rằng, hồi nhỏ, Tư Mã Quang đã đập bể lu nước để cứu bạn bị ngã vào trong đó.

Table of Contents

<u>Phần 1 Mở đầu câu chuyện Trước cửa ngõ lịch sử</u>
Tháng năm và đất nước
Đẻ đất đẻ nước
Quả bầu tiên(1)
<u>Pú Lương quân</u>
<u>Từ truyền thuyết đến lịch sử</u>
Những người nguyên thuỷ ở núi Đọ
Trong hang động Hoà Bình
Ở rừng núi Bắc Sơn
<u>Phần 2 Văn Lang - Âu Lạc thời dựng nước</u>
<u>Mẹ Âu và bố Lạc</u>
<u>Vua Hùng dựng nước</u>
Xã hội Văn Lang
Chín Chúa tranh Vua
Đắp thành Cổ Loa
Đánh rã năm mươi vạn quân Tần
<u>Lý Ông Trọng</u>
<u>Ông Nồi</u>
<u>Ông Nỏ hay tướng quân Cao Lỗ</u>
Người con gái nhẹ dạ
Phần 3 Một ngàn năm tranh đấu giành quyền độc lập
Phất cờ nương tử
<u>Lê Chân Một gương liệt nữ</u>
<u>Thánh Thiên Nữ tướng tiên phong</u>
<u>Nữ tướng Thiều Hoa</u>
Đối đáp giỏi
Câu chuyện trống đồng và cột đồng
<u>Triệu Thị Trinh</u>

Lý Nam đế khai sáng nước Vạn Xuân

Lão tướng Phạm Tu

Triệu Việt Vương

Vua Đen

Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng

Câu chuyện thần dân tộc và tên phù thuỷ địch

Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng

Nữ thanh niên thế ki 10

Phần 4 Buổi đầu độc lập

Loạn mười hai sứ quân

Cờ lau dẹp loạn

Lê Hoàn cầm quân đánh thắng giặc Tống xâm lược

Tiếp sử Tống

Người lái đò hay chữ